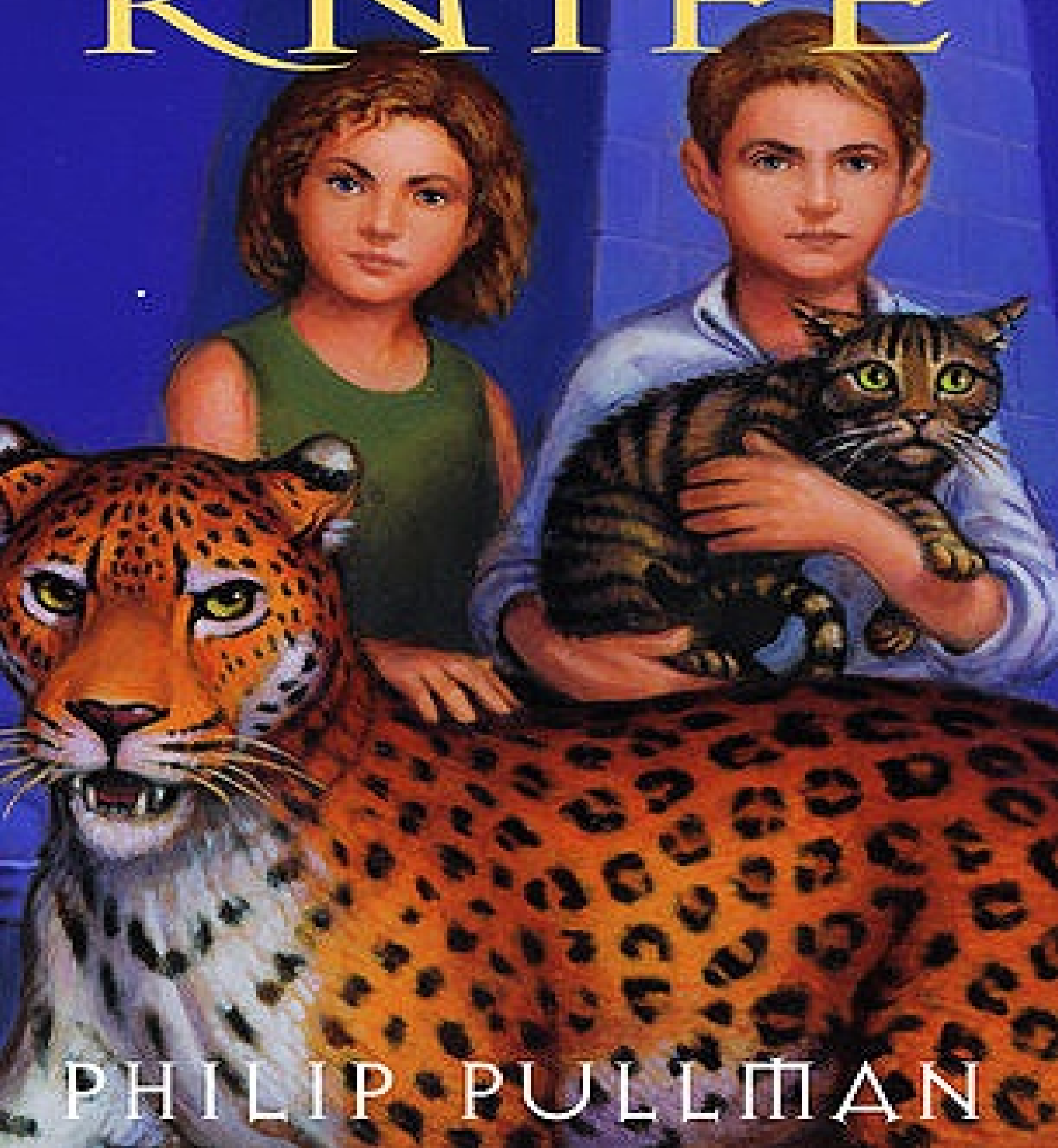


HIS DARK MATERIALS · BOOK II

THE SUBTLE KNIFE



PHILIP PULLMAN

Thanh Kiếm Huyền Bí Phần 1

Philip Pullman

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>



Table of Contents

[Chương 1](#)
[Chương 2](#)
[Chương 3](#)
[Chương 4](#)
[Chương 5](#)
[Chương 6](#)
[Chương 7](#)

Những ý kiến xung quanh THANH GƯƠM HUYỀN BÍ

Một kiệt tác chân thật về trí thông minh, óc tưởng tượng và tài kể chuyện.

— Ference Blacker, THE MAIL ON SUNDAY

[a](#)

“Hoàn toàn xuất sắc... tất cả những gì bạn có thể làm là đọc nó với hi vọng nó không bao giờ kết thúc”.

— THE COSTMAN

[a](#)

“Đây là một sự không tưởng trong thiên niên kỷ... tưởng tượng trong hoài bão lớn nhất... không thể nói rằng cuộc phiêu lưu kỳ thú này không thể theo kịp loạt phim Indiana Jones. Đây là một câu chuyện kể hiếm có do một nghệ sĩ hàng đầu về sức sáng tạo”.

— Fanny Howker,

Phụ trương giáo dục của thời báo Times

[a](#)

“Một lần trong đời, một tác giả của trẻ em đã nổi lên thật lạ thường đến nỗi sự tưởng tượng của các thế hệ đã thay đổi. Lewis Carroll, E Nesbit và Tolkien mang tất cả những sắc thái ấy. Phillip Pullman cũng vậy. Ông là tác giả của ba tập **Chân-kế**, sẽ là bộ sách được ưa thích nhất cho lứa tuổi từ tám tới tám mươi. Một tác phẩm đầy tham vọng kể từ sau **Chúa Tể Những Chiếc Nhẫn**. Nó hồi hộp, ly kỳ và trí tuệ vì nó được viết thật ấn tượng... Đó là cuốn sách bán chạy nhất mà tôi đã đọc trong năm nay. Nó sẽ tồn tại lâu hơn các quyển sách khác cùng loại”.

— Amanda Craig, THE NEW STATEMENT

[a](#)

“Lối kể chuyện tạo trạng thái hồi hộp và có óc sáng tạo là tất cả những gì mà bạn mong muốn từ Pullman... Lạ thường và kỳ quái, bi kịch và chiến thắng được mở ra trong món quà kỳ diệu của tác giả”.

— Peter Kemp, The Sunday Times

[a](#)

“Hồi hộp, căng thẳng và nguy hiểm trên từng trang giấy với một cốt truyện tuyệt vời, tôi không thể đặt cuốn sách xuống được. Nó được sinh ra để là một tác phẩm kinh điển.”

— THE YOUNG TELEGRAP

[a](#)

“Kể từ hai đêm trước, tôi không thể nào đợi được tới sáng hôm sau và hôm nào tôi cũng dậy vào lúc một giờ chiều, tôi như bị lôi cuốn khi lật giở từng trang Thanh Gươm Huyền Bí. Nó là một thể loại truyện giành cho trẻ em nhưng nó không nhượng bộ và thật sôi nổi trên từng

trang giấy. Một người bạn đã đưa cho tôi cuốn thứ nhất và khen rằng nó rất khác lạ. Nhưng cuốn thứ hai có thể thậm chí còn hay hơn... Pullman đã xâu chuỗi lại tất cả để chuẩn bị cho cuốn thứ ba.”

— **Francine Stock, NEW STATEMENT AND SOCIETY**

[a](#)

“**Thanh gươm huyền bí** là quyển thứ hai trong bộ truyện ba tập, nó hứa hẹn những tác phẩm của Tolkien và CS Lewis là một hình mẫu truyện rất giàu tưởng tượng giành cho trẻ thơ. Điều này đòi hỏi cho rất nhiều quyển sách và nó rất đúng trong trường hợp của Phillip Pullman, bởi cái nhìn sâu sắc của ông.”

— **THE TIMES CHRISTMAST BOOKS**

[a](#)

“Hoàn toàn nổi bật... câu chuyện đi từ những gì chúng ta có thể làm được để người đọc say mê và hi vọng rằng nó sẽ không bao giờ kết thúc.”

— **THE SCOTMAN**

[a](#)

“Một tác phẩm kiệt tác thiên tài về trí thông minh, trí tưởng tượng và tài kể chuyện, một cuộc tìm kiếm nhiều tầng lớp và một câu chuyện phiêu lưu, đang được hoàn tất trước mắt chúng ta”.

— **Terence Blacker, THE MAIL ON SUNDAY**

[a](#)

“Một cuộc mạo hiểm vũ trụ tour de force bỏ xa những tác giả bất chước Tolkien và chất lượng của nó cũng đúng tầm của ông.”

— **William Waldegrave, THE WEEK**

[a](#)

Chương 1: Con mèo và cây trần

Will vừa kéo mạnh tay mẹ vừa giục, “Đi nào, đi mà mẹ...” Nhưng mẹ cậu vẫn còn do dự. Trong ánh sáng buổi chiều, Will hết nhìn lên lại nhìn xuống con phố hẹp dọc theo những dãy nhà nhỏ. Phía trước mỗi ngôi nhà đều có một mảnh vườn tí hon với hàng rào xung quanh. Ánh nắng mặt trời đang tắt dần trên những khung cửa ở một bên và để lại bên kia chìm vào bóng tối. Lúc này không còn nhiều thời gian nữa. Mọi người có thể đang dùng bữa tối và chẳng mấy chốc những đứa trẻ khác sẽ quay quần lại, nhìn ngó thức ăn, rồi bình luận và cả nhận xét nữa. Chờ đợi lúc này quả là quá mạo hiểm nhưng tất cả những việc cậu có thể làm là thuyết phục mẹ như thường lệ.

“Mẹ à, mình hãy vào gặp bà Cooper đi,” cậu bé nói. “Mẹ nhìn này, hai mẹ con mình sắp tới được đó rồi.”

“Bà Cooper?” bà mẹ hỏi lại đầy nghi ngờ.

Nhưng cậu bé đã rung chuông cửa. Để làm được vậy cậu phải đặt chiếc túi xuống vì một tay cậu vẫn còn phải ôm mẹ. Bất cứ ai nhìn thấy một cậu bé mười hai tuổi đang ôm mẹ như thế cũng đều thấy ái ngại, nhưng cậu bé biết điều gì sẽ xảy ra nếu không giữ lấy.

Cánh cửa bật mở, xuất hiện dáng người gù gù của bà giáo già dạy đàn piano, với mùi nước hoa oải hương đặc trưng như cậu vẫn nhớ.

“Ai đó? Là William đấy ư?” bà giáo hỏi. “Phải hơn một năm rồi ta không gặp cháu ấy nhỉ. Cháu muốn gì nào, cháu yêu?”

“Làm ơn, thưa bà, cháu muốn vào nhà và đưa theo cùng mẹ cháu,” cậu bé nói rất quả quyết.

Bà Cooper đưa mắt nhìn người phụ nữ có mái tóc bù xù, nụ cười nửa miệng của người mất trí; còn cậu bé có cái nhìn thật buồn rầu, cặp môi mím chặt, khuôn hàm nhô lên. Rồi bà lão nhìn mẹ của Will, bà Parry, chỉ trắng điểm có một bên mắt, bên kia để không. Cả bà mẹ và Will đều không để ý tới điều này. Có điều gì đó không hợp lý.

“Thôi được...” bà nói rồi bước tránh sang một bên để lấy lối đi vào căn sảnh hẹp.

Will nhìn quanh hết con phố trước khi đóng cửa lại. Lúc này bà Cooper mới để ý thấy và Parry nắm tay con trai mình chặt như thế nào, và cậu bé dẫn mẹ vào phòng khách nơi để chiếc đàn piano thật dịu dàng đến ra sao (dĩ nhiên, đây là phòng duy nhất mà cậu bé biết); rồi bà để ý thấy cả quần áo của Will và mẹ cậu đều có mùi hơi mốc như thể chúng bị ngâm quá lâu trong máy giặt trước khi khô. Họ ngồi trên ghế sofa, ánh nắng mặt trời rơi vào khuôn mặt, bà nhận ra hai mẹ con họ rất giống nhau, cũng đôi xương gò má rộng, cặp mắt to và mái tóc thẳng màu nâu.

“Sao vậy, William?” bà lão hỏi. “Có vấn đề gì à?”

“Mẹ cháu cần một nơi để nghỉ ngơi trong vài ngày,” cậu bé trả lời. “Lúc này mà chăm sóc mẹ cháu ở nhà thì khó lắm bà ạ. Không phải mẹ cháu ốm đau, mẹ cháu chỉ là giống kiểu rối loạn không minh mẫn, và hơi lo lắng một chút thôi. Chăm sóc mẹ cháu cũng không khó lắm đâu bà ạ. Mẹ cháu chỉ cần có ai đó đối xử tử tế với mẹ và cháu nghĩ rằng có lẽ chỉ có bà mới có thể làm việc này một cách dễ dàng.”

Người phụ nữ nhìn con trai mình mà dường như không hề hiểu lấy một chút, bà Cooper còn thấy một vết thâm tím trên mặt người phụ nữ này. Will không rời mắt khỏi bà Cooper, cậu diễn đạt không được rõ lắm.

“Mẹ cháu sẽ không tổn đâu,” cậu bé tiếp tục. “Cháu vừa mới mua mấy túi thức ăn, đủ cho đến tận ngày cuối cùng, chấy nghĩ vậy. Bà cũng có thể dùng một ít ở đây. Mẹ cháu không ngại chia sẻ đâu.”

“Nhưng... bà không hiểu liệu bà có nên... liệu mẹ cháu có cần bác sĩ không nhỉ?”

“Không! Mẹ cháu đâu có ốm.”

“Nhưng phải có ai đó để có thể... ý bà là ở nhà cháu không có hàng xóm hay bà con họ hàng...”

“Gia đình cháu không có họ hàng ở đây. Chỉ có mỗi hai mẹ con thôi. Hàng xóm gần nhà cháu thì quá bận rộn.”

“Thế còn dịch vụ xã hội? Bà không phải là có ý ngăn cháu, nhưng...”

“Không! Không. Mẹ cháu chỉ cần giúp một chút thôi. Cháu không thể làm gì hơn trong một thời gian ngắn nhưng cháu sẽ không đi lâu đâu bà ạ. Cháu sẽ.... Cháu có nhiều việc phải làm. Cháu hứa sẽ quay trở về sớm và đón mẹ cháu về nhà, cháu hứa đấy. Bà sẽ không phải làm việc này lâu đâu.”

Người mẹ quay về phía Will nhìn cậu thật tin tưởng, còn Will mỉm cười với mẹ thật tình cảm để cho bà yên lòng. Bà Cooper không thể từ chối trước cảnh tượng này.

“Thôi được,” quay về phía bà Parry, bà lão nói, “ta chắc là sẽ không có vấn đề gì trong một vài ngày. Cô có thể ở phòng của con gái ta, nó bây giờ đang ở Australia, nó sẽ không cần đến căn phòng đó nữa.”

“Cảm ơn bà,” Will nói rồi đứng bật dậy như thể cậu đang có việc rất vội phải đi.

“Nhưng cháu đi đâu?” Bà Cooper hỏi.

“Cháu sẽ đến ở nhà một người bạn, cháu sẽ gọi điện thoại thường xuyên. Cháu có số điện thoại của bà rồi. Sẽ ổn thôi bà ạ.”

Mẹ cậu bé nhìn cậu ngơ ngác, Will cúi xuống, hôn mẹ một cách vụng về.

“Đừng lo mẹ ạ,” cậu bé nói. “Bà Cooper sẽ chăm sóc mẹ tốt hơn con đấy. Mai con sẽ gọi điện nói chuyện với mẹ”.

Họ ôm nhau thật chặt, rồi Will hôn vào má mẹ, cậu nhẹ nhàng gỡ tay mẹ ra khỏi người mình trước khi đi ra cửa. Qua ánh mắt của Will, bà Cooper thấy cậu bé rất buồn, như nhớ ra điều gì, cậu bé quay đi rồi giơ tay chào.

“Tạm biệt bà Cooper,” Will nói, “cháu cảm ơn bà nhiều lắm.”

“William, bà mong cháu sẽ nói cho bà biết rắc rối của cháu...”

“Nó hơi phức tạp một chút,” cậu bé nói, “nhưng mẹ cháu sẽ không gây phiền hà cho bà đâu, cháu nói thật đấy.”

Đó không phải những gì bà Cooper lo lắng, cả bà và Will đều biết điều này; bà cảm thấy Will đang đảm nhận một công việc rất khó khăn, bất kể đó là việc gì...

Cậu quay đi và nghĩ về ngôi nhà của mình.

Gần ngôi nhà của Will và mẹ đang ở là một con đường vòng trong khu điền trang hiện đại với hàng chục ngôi nhà giống hệt nhau. Trong số những ngôi nhà đó thì nhà của họ là căn nhà tồi tàn nhất. Mảnh vườn phía trước chỉ là một khoảng đất nhỏ um tùm cỏ dại, hồi đầu năm mẹ cậu đã trồng một vài bụi cây nhưng chúng đều héo queo và chết vì không được tưới đủ nước. Khi Will đi tới một góc phố, con mèo Moxie của cậu nhồm dậy từ chỗ nằm yêu thích của nó dưới cây tú cầu, nó đuổi mình ra trước khi chào cậu chủ bằng tiếng meo nho nhỏ rồi dụi đầu vào chân Will.

Cậu bé bế con mèo lên rồi thì thầm: “Họ có quay trở lại không hả Moxie? Mà có nhìn thấy họ không?”

Ngôi nhà thật yên lặng. Trong ánh sáng cuối cùng của một ngày còn sót lại, người đàn ông phía bên kia đường đang rửa ô tô, anh ta không để ý tới sự có mặt của Will và cậu cũng không nhìn anh ta. Càng ít người để ý càng tốt.

Bế Moxie trên tay, cậu mở cửa bước vào nhà thật nhanh. Will nghe ngóng cẩn thận trước khi đặt con mèo xuống. Không một tiếng động nào, ngôi nhà hoàn toàn yên lặng.

Will mở cho mèo Moxie một hộp đồ ăn rồi để nó ăn ở dưới bếp. Bao lâu nữa thì những người đàn ông kia quay lại. Không thể nói trước được điều gì, nhưng tốt nhất là cậu phải thật nhanh lên mới được. Will đi xuống cầu thang và bắt đầu tìm kiếm.

Thứ mà cậu bé tìm là một chiếc cặp đựng giấy tờ méo mó bằng da có màu xanh lá cây. Chỉ mong một căn nhà bình thường cũng có quá nhiều nơi để cất giấu những thứ như vậy chứ chẳng cần phải dùng đến mảnh da dê hay một hầm rượu rộng để người khác khó tìm thấy. Đầu tiên, Will tìm kiếm phòng của mẹ. Cậu rất ngượng khi nhìn thấy ngăn tủ đựng đồ lót của mẹ cậu. Kế đó, Will tìm kiếm ở tất cả các phòng còn lại một cách có hệ thống hơn. Con mèo Moxie cũng đồng hành với chủ mình bằng cách vừa quan sát Will vừa tự liếm bộ lông.

Will vẫn chưa tìm ra thứ mà cậu đang cần.

Trời đã tối đen, bụng bắt đầu cồn cào, Will tự nướng cho mình chiếc bánh đậu, sau đó ngồi vào bàn ăn và tìm cách tốt nhất để tìm kiếm ở tầng dưới.

Ngay khi cậu vừa ăn xong thì chuông điện thoại reo vang.

Cậu sững người, tim đập thình thịch. Cho đến khi tiếng chuông điện thoại ngừng hẳn, Will đếm được cả thảy hai mươi sáu hồi. Cậu đứng dậy, đặt đĩa vào chậu rửa rồi lại tiếp tục việc tìm kiếm.

Bốn tiếng sau, Will vẫn chưa tìm ra chiếc cặp bằng da màu xanh lá cây. Đã hơn một giờ rồi, người mệt lử, Will để nguyên cả quần áo, nằm vật xuống giường, cậu thiếp đi lúc nào không hay. Giấc mơ của cậu thật căng thẳng và ngọt ngào, cậu luôn thấy gương mặt hoảng hốt bất hạnh của mẹ hiện ra nhưng không sao tìm được bà.

Đúng lúc đó cậu tỉnh dậy (mặc dù cậu đã ngủ được gần ba giờ), cậu nhận thấy có hai việc đang xảy ra.

Một là cậu biết được mình đang ở đâu. Thứ hai, cậu biết hai gã đàn ông kia đang đi xuống cầu thang và mở cửa bếp.

Nhắc con mèo Moxie ra khỏi lối đi, nhẹ nhàng ra dấu im lặng với nó, rồi cậu xoay chân xuống cạnh giường và xỏ vào giày. Dây thần kinh của cậu như căng ra để nghe những tiếng động ở dưới nhà; thật yên lặng, chỉ có tiếng một chiếc ghế bị nhắc ra rồi lại đặt vào chỗ cũ, tiếng trao đổi nhanh, tiếng cọt kẹt của ván sàn.

Cố nhẹ nhàng hơn họ, Will rón rén rời khỏi phòng ngủ, đi tới phòng dành cho khách ở tầng trên cùng. Trời không còn tối đen nữa, khi trời sắp sáng, trong ánh sáng mờ mờ cậu có thể nhìn thấy chiếc máy khâu cũ. Chỉ mấy giờ trước đây, cậu đã lục lọi ở khắp căn phòng này, vậy mà lại bỏ quên gần bên cạnh chiếc máy khâu. Tất cả mẫu vải và ống chỉ được cất ở đây. Cậu thấy điều này thật khó hiểu. Hai gã đàn ông đang đi xuống cầu thang, Will thấy có ánh sáng mờ nhòe đung đưa ở phía cửa giống như là ngọn đuốc.

Tìm thấy cái móc của ngăn kéo, Will liền mở nó ra và đây là những gì cậu đã nghe nói, chiếc cặp đựng giấy tờ màu xanh lá cây.

Bây giờ Will sẽ phải làm gì?

Không làm gì cả, ít nhất là lúc này. Cậu núp mình trong bóng tối, tim đập thành thịch, căng tai lên lắng nghe.

Hai người đàn ông đã ở sảnh. Will nghe thấy một gã nói thật nhỏ, “Nhanh lên, tao thấy người ta bắt đầu đi giao sữa rồi đấy.”

“Không phải ở đây, mình phải tìm ở trên gác mới được,” gã còn lại nói.

“Tiếp tục đi, đừng la cà nữa.”

Will tự trấn an mình khi cậu nghe thấy tiếng cọt kẹt ở những bậc thang trên cùng. Chúng không hề gây một tiếng động nào ngoại trừ những tiếng động ở cầu thang. Rồi chúng dừng lại. Qua khe cửa buồng ngủ, Will thấy một luồng ánh sáng yếu ớt chiếu qua sàn nhà phía bên ngoài.

Cánh cửa bắt đầu bị đẩy ra. Will đợi cho đến khi gã đàn ông kia đứng trước ngưỡng cửa mới đột ngột đâm sầm vào bụng của kẻ đột nhập.

Không ai trong bọn chúng nhìn thấy con mèo.

Khi hai gã vừa đi tới bậc thang cuối cùng, thì con mèo Moxie đã nhẹ nhàng rời khỏi giường, nó đứng ngay trước bọn chúng, đuôi dựng ngược lên như thể nó đã sẵn sàng nhảy vào những kẻ đột nhập. Bọn chúng đã có thể xử lý được Will bởi chúng có kinh nghiệm, nhưng Moxie đã ở trên lối đi và khi gã đột nhập cố gắng lùi lại, gã liền bị ngã nhào vào con mèo. Với một tiếng kêu hăng chói tai gã lăn xuống cầu thang, đầu va mạnh vào chiếc bàn trang trí.

Will nghe thấy một tiếng vỡ rùng rợn, nhưng không mất thời gian dừng lại để nghĩ về nó. Chộp lấy chiếc cặp hồ sơ, cậu khom mình xuống dưới lan can, nhảy qua người đàn ông đang nằm co giập, người giập nát. Cậu ôm chặt chiếc túi mua đồ bị rách trên bàn, chạy ra cửa chính trước khi gã còn lại có thể làm được nhiều việc hơn là ra khỏi phòng khách và trừng mắt nhìn.

Thậm chí trong lúc sợ hãi và vội vàng như vậy cậu cũng không khỏi băn khoăn tại sao gã ta không thét vào mặt cậu hoặc không đuổi bắt cậu. Chúng cũng có thể đuổi theo cậu ngay sau đó, bằng chiếc xe ô tô hoặc dùng điện thoại di động. Việc duy nhất cần làm lúc này là chạy.

Cậu trông thấy người đưa sữa rẽ vào gần tới nơi, ánh sáng từ chiếc xe chở hàng tái nhợt trong vầng rạng đông đã tràn ngập khắp bầu trời. Will nhảy qua hàng rào sang khu vườn nhà bên cạnh, xuống lối đi bên ngoài ngôi nhà này, rồi nhảy qua tường rào, băng qua một bãi cỏ

còn ướt đầm sương, đi qua hàng rào tới những bụi cây đại đan xen lẫn nhau phía giữa những ngôi nhà và con phố chính. Cậu bé trườn dưới một bụi rậm và nằm ở đó, người ngom bắn thiu, run rẩy. Ra đường lúc này thì quá sớm: hãy đợi một lát, cho đến khi giờ cao điểm bắt đầu.

Cậu không thể đẩy ra khỏi đầu mình tiếng rắc khi đầu gã đàn ông đó va vào bàn, cái cổ của gã ngoẹo hẳn sang một bên và chân tay co giật. Gã đã chết. Cậu đã giết chết gã.

Cậu bé không thể xua được hình ảnh đó ra khỏi đầu nhưng cậu phải làm như vậy. Đã quá đủ để nghĩ về nó. Mẹ cậu, liệu bà có an toàn ở nơi đó hay không? Liệu bà Cooper có nói gì không? Thậm chí liệu Will có thể quay trở lại như cậu đã hứa hay không? Bởi cậu không thể về nữa vì giờ cậu đã giết người.

Thế còn Moxie. Ai sẽ chăm nó? Liệu nó có lo lắng cho hai mẹ con hay không? Liệu nó có cố lần theo chủ của nó hay không?

Trời sáng dần. Ánh sáng lúc này cũng đủ để cậu kiểm tra xem có những gì trong chiếc túi mang theo: ví của mẹ này, lá thư mới nhất của luật sư này, bản đồ miền Nam nước Anh, vài thanh sôcôla, kem đánh răng, mấy đôi tất và quần lót. Có cả chiếc cặp đựng tài liệu bằng da màu xanh lá cây.

Mọi thứ đã ở đó. Tất cả mọi thứ đã theo đúng kế hoạch, thực sự là vậy.

Trừ một việc là cậu đã giết người.

Khi Will mới lên bảy, cậu bé đã nhận ra mẹ mình khác với người bình thường, cậu thấy mình cần phải chăm sóc mẹ. Họ ở trong siêu thị cùng chơi một trò chơi: hai mẹ con chỉ được phép nhặt hàng vào giỏ khi không có ai để ý đến. Việc của Will là nhìn xung quanh và nói nhỏ “nào,” và mẹ lấy một hộp hay một túi đồ từ trên giá rồi bỏ chúng vào giỏ. Khi mọi thứ đã ở trong giỏ thì họ được an toàn bởi vì không ai nhìn thấy cả.

Đây là một trò chơi hay, nó diễn ra trong một thời gian dài bởi sáng thứ bảy các cửa hàng đều chật ních, hai mẹ con rất giỏi trò chơi này và phối hợp rất ăn ý. Will yêu mẹ lắm, cậu thường nói cho mẹ biết rằng cậu rất yêu bà, mẹ cậu cũng thường nói như vậy với cậu.

Khi ra đến gần quầy thanh toán Will rất phấn khích và hạnh phúc vì họ gần như đã thắng cuộc. Một phần của trò chơi là mẹ giả vờ làm mất ví, thậm chí bà còn nói rằng hẳn có kẻ thù đã lấy mất ví của bà; nhưng vào lúc đó, Will cảm thấy mệt mỏi và cả đói nữa. Lúc này mẹ cũng không còn vui vẻ nữa, bà rất hoảng sợ. Rồi họ vòng lại, trả tất cả những thứ trong giỏ vào giá, đây mới là lúc hai mẹ con càng phải cẩn thận vì kẻ thù thật của hai mẹ con họ đang lần theo dấu vết của họ bằng chính số thẻ tín dụng của mẹ mà chúng biết bởi vì chúng đã lấy trộm ví của bà...

Will thực sự hoảng sợ. Cậu nhận ra rằng mẹ mình thông minh đến thế nào khi làm cho mối nguy hiểm biến thành một trò chơi. Nhờ đó mà Will không hề hoảng sợ, cậu phải giả vờ là mình không hề sợ để làm an lòng mẹ.

Vì vậy, Will bé bỏng giả vờ là trò chơi vẫn tiếp tục, mẹ không phải lo lắng là con trai mình đang sợ hãi rồi họ về nhà mà không hề mua bất cứ thứ gì, và an toàn khỏi kẻ thù. Sau đó, Will tìm thấy ví của mẹ nằm trên bàn ở đại sảnh. Vào thứ Hai, hai mẹ con đi tới ngân hàng, đóng tài khoản rồi lại mở cái khác, cũng chỉ là để cho chắc chắn. Nhờ đó mà nguy hiểm qua đi.

Nhưng cũng thỉnh thoảng Will nhận ra rằng kẻ thù của mẹ không phải đến từ bên ngoài mà chính là từ tâm thức của bà. Điều đó không làm cho họ bớt lo, không làm cho sự việc bớt khủng khiếp và nguy hiểm hơn; điều đó có nghĩa là cậu phải chăm sóc mẹ cẩn thận hơn nữa và giữ kín

những điều lo lắng của mẹ.

Bố Will đã mất tích khi cậu còn quá nhỏ để có thể nhớ được bố mình. Cậu bé rất tò mò muốn biết về bố, cậu thường quấy rầy mẹ bằng những câu hỏi mà phần lớn bà không thể trả lời được.

“Bố có giàu không?”

“Bố đã đi đâu?”

“Tại sao bố lại đi hả mẹ?”

“Bố chết rồi có phải không mẹ?”

“Bố sẽ quay trở về chứ?”

“Trông bố như thế nào, mẹ?”

Chỉ có duy nhất câu hỏi cuối cùng là bà có thể trả lời cho cậu. Rằng bố của cậu, ông John Parry là một người đàn ông đẹp trai, ông còn là một sĩ quan rất dũng cảm và tài giỏi của lực lượng lính thủy đánh bộ Hoàng gia. Ông đã rời bỏ quân ngũ để trở thành một nhà thám hiểm. Ông đã dẫn đầu đoàn thám hiểm đi tới những vùng đất xa xôi của thế giới. Will run lên vì xúc động khi được biết điều này. Không có gì tuyệt vời hơn khi có bố là nhà thám hiểm. Kể từ khi đó, trong tất cả các trò chơi của mình, Will có một người bạn đồng hành vô hình. Bố và Will cùng nhau thám hiểm rừng nhiệt đới, cùng căng mắt nhìn ra vùng biển đầy bão tố từ phía boong tàu, cùng cầm ngọn đuốc lên để giải mã những câu viết trong hang dơi.... Họ là những người bạn tốt nhất của nhau, vô số lần họ đã cứu sống nhau, họ cùng nói chuyện, cùng cười với nhau suốt đêm dưới ánh lửa trại.

Nhưng khi lớn hơn cậu bé bắt đầu tự hỏi. Tại sao lại không hề có một bức ảnh nào của bố ở nơi này hay là ảnh của ông chụp với những người đàn ông ở Bắc cực có bộ râu màu hoa râm đi trên chiếc xe trượt tuyết đang nghiên cứu sự phân hủy của các loài thân leo ở rừng nhiệt đới? Chẳng nhẽ không có một chiến tích nào của bố còn sót lại ngoại trừ sự tò mò mà ông mang về nhà hay sao? Lẽ nào không có lấy một quyển sách viết về bố?

Mẹ của Will không hề biết. Nhưng có một điều mẹ nói đã in đậm vào tâm trí Will.

Mẹ đã nói rằng: “Một ngày nào đó, con sẽ theo chân cha con. Con cũng sẽ trở thành một người vĩ đại. Con sẽ đảm đương nhiệm vụ của cha con.”

Mặc dù Will không biết ý mẹ muốn nói, nhưng cậu hiểu được ý nghĩa của nó, cậu thấy niềm tự hào và ý thức của cậu được nâng cao lên rất nhiều. Tất cả các trò chơi của cậu sẽ trở thành hiện thực. Bố vẫn còn sống, ông chỉ bị lạc ở nơi hoang dã nào đó, Will sẽ giải thoát cho bố và tiếp bước ông... Nếu bạn có một mục đích vĩ đại như thế thì sống trong một thế giới đầy khó khăn như thế này cũng thật đáng.

Vì vậy cậu giữ kín điều lo lắng của mẹ. Mỗi khi mẹ bình tĩnh và tỉnh táo, cậu thường cẩn thận học cách đi chợ, nấu nướng, dọn dẹp nhà cửa để khi nào mẹ không minh mẫn hay hoảng loạn cậu có thể tự làm lấy. Cậu còn học được cả cách che giấu bản thân mình, cả cách làm cho mình không bị để ý khi ở trường học, không bị hàng xóm để ý, thậm chí khi mẹ đang trong tâm trạng hoảng loạn đến nỗi bà khó có thể nói. Điều mà Will sợ hơn cả là những nhà chức trách có thể biết được mẹ cậu không bình thường và đem mẹ đi nơi khác rồi trao cậu cho những người hoàn toàn xa lạ. Dù có khó khăn thì vẫn còn hơn là hai mẹ con phải xa nhau. Có những lần mẹ tỉnh và vui vẻ trở lại, bà lại cười vào những sợ hãi mà mình đã trải qua, bà lại thật ngọt ngào và đầy yêu thương, làm cho Will nghĩ rằng không có gì tốt hơn như vậy, và không có gì tốt hơn là

được ở với mẹ mãi mãi.

Nhưng rồi những người đàn ông kia đã tới.

Họ không phải là cảnh sát, cũng không phải là dịch vụ xã hội và ít nhất theo nhận xét của Will thì họ cũng không phải là tội phạm. Họ không nói cho hai mẹ con biết rằng họ muốn gì, mặc cho cậu cố đuổi họ đi, những người này chỉ nói chuyện với mẹ cậu. Để rồi sau đó, mẹ cầu lại đầy tâm trạng.

Một lần Will nghe trộm từ phía ngoài cửa, cậu thấy những người này hỏi về bố mình, Will cảm thấy hơi thở của mình như gấp gấp hơn.

Những người đàn ông này muốn biết ông John Parry đã đi đâu và liệu ông có gửi lại cái gì cho mẹ cậu không, khi nào thì mẹ cậu mất liên lạc với bố và liệu bố cậu có liên lạc với những Đại sứ quán nước ngoài hay không. Will thấy mẹ mỗi lúc một mất bình tĩnh hơn, cậu liền chạy vào nhà và yêu cầu họ ra khỏi nhà mình.

Mặc dù cậu còn rất nhỏ nhưng những người này không dám cười cậu bởi trông Will lúc đó thật hung dữ. Chỉ cần một tay thôi họ cũng có thể dễ dàng quật ngã cậu xuống sàn, nhưng Will đâu có sợ với cơn giận sôi sục điên người.

Họ đành bỏ đi. Cố nhiên, sự kiện này càng củng cố niềm tin ở Will rằng: Bố chỉ gặp rắc rối ở đâu đó, và chỉ có cậu mới giúp được bố mà thôi. Trò chơi của cậu không còn là trò trẻ con nữa, cậu cũng không còn chơi trò đó công khai như trước nữa. Nó đã thành sự thật và cậu phải trở nên xứng đáng với nó.

Không lâu sau những người đó lại quay lại, họ khẳng định rằng mẹ cậu có điều gì đó cần nói với họ. Những người này tới khi Will đang đi học. Một người giữ chân mẹ cậu dưới cầu thang để hỏi còn người kia vào phòng ngủ lục lọi. Mẹ Will không nhận ra được họ đang làm gì. Hôm đó Will trở về sớm và thấy họ. Một lần nữa cậu lại nổi sung với họ và một lần nữa họ lại ra về.

Dường như họ biết rằng cậu sẽ không báo cảnh sát vì sợ nhà chức trách sẽ đưa mẹ cậu đi. Và họ càng đến thường xuyên hơn. Lần cuối cùng họ đột nhập vào nhà khi Will đưa mẹ từ công viên trở về, tâm trạng của mẹ ngày một xấu hơn. Bà cứ muốn mình phải chạm vào từng thanh gỗ trên mỗi chiếc ghế xung quanh hồ. Will giúp mẹ để có thể về nhà nhanh hơn. Khi hai mẹ con trở về, họ nhìn thấy lưng của một người đàn ông đang khuất dần sau ngói nhà của họ. Will vào trong nhà thì nhận ra họ đột nhập vô nhà và tung hầu như mọi ngăn kéo và tủ chạn. Will biết rõ thứ họ đang theo sau. Chiếc cặp da màu xanh lá cây là vật sở hữu quý giá nhất của mẹ; cậu không bao giờ mơ được nhìn vào đó và thậm chí còn không biết được nơi mẹ cất chiếc cặp nữa. Nhưng cậu biết trong đó có chứa những bức thư, cậu còn biết thỉnh thoảng mẹ vẫn đọc rồi khóc và kể về bố cậu. Vì vậy Will cho rằng đó chính là thứ mà họ cần tìm, cậu biết có điều gì đó trong chiếc cặp này.

Đầu tiên cậu quyết định tìm một nơi nào đó an toàn cho mẹ ở. Nghĩ đi nghĩ lại, cậu làm gì có bạn để nhờ, còn hàng xóm thì quá ư tò mò. Người duy nhất cậu nghĩ có thể tin cậy được là bà Cooper. Khi mẹ đã ở đó an toàn, mình sẽ đi tìm chiếc cặp màu xanh lá cây, sẽ nhìn xem có gì trong đó rồi mình sẽ đến Oxford, nơi cậu có thể có câu trả lời cho mình. Nhưng những người đó lại đến quá sớm.

Bây giờ cậu đã giết chết một người trong số họ. Cả phía cảnh sát cũng sẽ truy nã cậu.

Được thôi, Will đã rất giỏi khi để cho mình không bị chú ý. Bây giờ cậu phải làm điều này tốt hơn cả trước kia và giữ cho đến tận khi cậu tìm thấy bố hoặc bọn họ tìm thấy cậu. Nếu họ tìm

ra Will trước, cậu sẽ không quan tâm tới chuyện mình sẽ giết chết thêm bao nhiêu người.

Ngày hôm sau, chính xác là trước nửa đêm. Will đi bộ tới thành phố Oxford, còn cách bốn mươi dặm. Các xương khớp của cậu đều mỏi nhừ. Will vẫy xe và bắt hai tuyến xe buýt rồi lại đi bộ, cậu tới Oxford lúc sáu giờ sáng. Lúc này đã quá muộn để thực hiện những việc cần làm. Cậu ăn tối ở một tiệm Burger King và đi tới rạp chiếu phim để trốn (chẳng biết bộ phim đó là gì, thậm chí cậu quên ngay khi vẫn còn đang xem). Will đi bộ dọc theo con phố dài vô tận qua vùng ngoại ô và hướng về phía bắc.

Cho đến giờ thì không ai để ý tới cậu nhóc. Nhưng cậu ý thức được rằng tốt hơn hết là cậu nên tìm một nơi nào đó để ngủ trước khi quá muộn, bởi vì càng khuya cậu lại càng dễ bị để ý hơn. Nhưng cái khó ở đây là cậu không thể ẩn mình ở đâu trong vườn của những ngôi nhà đẹp để dọc theo con phố này và vẫn chẳng có tí dấu hiệu nào chứng tỏ đây là một thành phố cởi mở.

Will tới một đường vòng lớn, nơi cắt ngang giữa đường đi miền bắc với đường vành đai Oxford đi ra miền đông và miền tây. Vào thời điểm này, có rất ít xe cộ trên đường, con đường nơi Will đang đứng cũng thật yên lặng. Một bên đường là những ngôi nhà ấm cúng, phía bên kia là một bãi cỏ rộng. Người ta trồng hai hàng cây trần dọc theo vệ đường. Trông chúng thật kì quặc với những chiếc lá hình vương miện mọc cân đối nhau, chúng giống như bức tranh của trẻ con hơn là những cái cây thật. Ánh đèn đường chiếu vào càng làm cho chúng trông giả tạo hơn, giống như một sân khấu vậy. Will hoàn toàn kiệt sức và có lẽ cậu sẽ đi tới miền bắc hay là nằm ngủ dưới thảm cỏ này, nhưng ngay khi cậu vừa mới đứng dậy cho tỉnh táo, cậu nhìn thấy một con mèo.

Một con mèo mướp giống hệt Moxie. Nó bước ra từ một khu vườn ở phía đường Oxford nơi Will đang đứng. Cậu bé liền đặt chiếc túi mua đồ của mình xuống và giơ tay ra, con mèo liền lại gần giụi đầu vào tay cậu giống như Moxie vẫn làm. Dĩ nhiên mọi con mèo đều cư xử như vậy nhưng những cảm xúc như thế này làm cậu cảm thấy khao khát được trở về nhà, mắt Will rơm rớm nước.

Cuối cùng con mèo cũng đi. Giờ là ban đêm, nó có nhiều chỗ để săn và cũng có nhiều chuột để bắt. Nó băng qua đường hướng về phía những bụi cây bên kia những cây trần, và dừng lại ở đấy.

Will vẫn tò mò đứng nhìn theo con mèo.

Nó đưa móng vuốt ra cào vào khoảng không ngay trước mặt, có cái gì đó mà Will không nhìn thấy. Rồi nó lùi lại, lưng uốn cong lên, xù lông, tai nó cũng dựng đứng lên. Will biết cách xử sự của loài mèo. Cậu nhìn cảnh giác hơn, nó lại gần chỗ đó lần nữa, chỉ là một bãi cỏ trống ở giữa những cây trần và bụi cây ở vệ đường, nó lại cào vào khoảng không một lần nữa.

Con mèo lại lùi lại, nhưng không xa như trước và cũng ít cảnh giác hơn. Sau một lúc ngửi ngửi, động chân vào khoảng không, đi qua đi lại, sự tò mò đã chiến thắng tính cảnh giác.

Con mèo bước tới chỗ đó và biến mất.

Will chớp mắt, cậu vẫn đứng yên, nấp gần một thân cây gần nhất, vì một chiếc xe tải đi qua khúc đường vòng chiếu ánh sáng vào cậu. Khi nó đi khỏi, cậu băng qua đường, để mắt tới nơi con mèo đã khám phá ra. Thật chẳng dễ chút nào, vì chẳng có cái gì để xác định vị trí. Nhưng khi cậu tới nơi đó, đang tìm cách nhìn gần hơn thì cậu nhìn thấy con mèo.

Và cậu nhìn thấy điều kì lạ đó là từ một vài góc nhìn. Nó giống như là ai đó đã cắt một khoảng trong không khí, khoảng hai mét từ vệ đường, một khoảng hình vuông hơi gồ ghề,

đường kính của nó thì chưa đến một mét. Nếu cùng độ cao với nó, trông nó hơi nổi lên, gần như là không nhìn thấy được, nó hoàn toàn vô hình khi nhìn từ phía đằng sau. Chỉ có thể nhìn thấy nó từ phía con đường gần nhất, nhưng thậm chí ở nơi này cũng khó có thể nhìn thấy được. Bởi tất cả những gì nhìn thấy cũng giống hệt như những thứ nằm đối diện với phía bên này, chỉ là một khoảng trống được ánh đèn đường chiếu sáng.

Nhưng Will linh cảm rằng hình như khoảng trống ở phía bên kia là một thế giới khác.

Cậu không thể có khả năng hỏi tại sao lại thế. Cậu chỉ đơn giản là biết ngay tức khắc, rõ ràng như thể cậu biết là lửa thì cháy và tử tế bao giờ cũng tốt. Cậu đang nhìn vào thứ gì đó hết sức xa lạ.

Chỉ mỗi lý do đó thôi cũng đủ làm cho cậu đứng lại và nhìn kỹ hơn. Thứ mà Will thấy làm cho đầu cậu choáng váng, tim cậu đập mạnh hơn, nhưng cậu không hề do dự. Cậu đặt chiếc túi mua đồ vào đó, rồi bò qua lỗ hổng, để từ thế giới này bước vào một thế giới khác.

Cậu thấy mình đang đứng dưới một hàng cây. Nhưng không phải là cây trần mà đó là những cây thông cao đang lớn mọc thành hàng giống những cây ở Oxford cũng mọc thành hàng dọc theo bãi cỏ. Nhưng đây là trung tâm của đại lộ lớn. Một phía của đại lộ là một dãy hàng cà phê và những cửa hàng nhỏ, tất cả đều sáng rực rỡ, tất cả đều mở cửa nhưng lại hoàn toàn im ắng và vắng lặng dưới một bầu trời đầy sao. Đêm nóng nực với mùi hương hoa và mùi mặn nồng của biển.

Will cẩn thận nhìn xung quanh. Phía trước mặt trắng đã chiếu sáng cả một vùng đồi rộng lớn xanh ngắt. Ở chỗ dốc phía chân đồi là những ngôi nhà có những mảnh vườn phì nhiêu và một công viên cây xanh có những lùm cây và ánh sáng trắng của một ngôi đền cổ.

Ngay phía bên cạnh cậu là một khoảng trống trong không gian, nhìn từ phía này cũng khó như là nhìn ở các phía khác, nhưng rõ ràng là nó ở đây. Cậu cúi xuống để nhìn vào bên trong và thấy con đường Oxford ở thế giới thật của mình. Will rùng mình quay lại. Vậy đây là thế giới nào, liệu nó có tốt hơn thế giới cậu vừa ra đi hay không. Một ý nghĩ lóe lên trong đầu, cùng lúc cậu cảm thấy mình vừa như đang mơ vừa như đang tỉnh, cậu đứng dậy và nhìn xung quanh để tìm con mèo, chính nó đã dẫn cậu tới đây.

Nó đã biến mất. Chắc chắn nó đang khám phá những con phố hẹp và những khu vườn ở phía xa quán cà phê với ánh đèn đầy gọi mời. Xốc lại cái túi rách bươm, Will chậm rãi đi tới con phố trước mặt, cậu thận trọng bước đi để phòng tất cả biến mất.

Không khí nơi này như mang cái gì đó giống như của Địa Trung Hải hay của vùng Caribê. Cậu bé chưa bao giờ được ra khỏi nước Anh vì vậy cậu không thể so sánh với bất cứ nơi nào cậu biết. Nhưng đây là nơi thích hợp để mọi người tới ăn uống, nhảy nhót và thưởng thức âm nhạc vào buổi tối. Chỉ ngoại trừ có một điều là chẳng có ai ở đây, sự im lặng bao trùm tất cả.

Nơi đầu tiên cậu đặt chân tới là một quán cà phê. Ở đây có những chiếc bàn xanh được đặt ngoài vỉa hè, có cả quầy bar bằng thiếc và cả chiếc máy pha cà phê hơi. Trên vài cái bàn vẫn có những cốc nước đang uống dở, trên một chiếc gạt tàn, một điếu thuốc đã cháy đến tận đầu lọc. Một đĩa cơm Italia đặt cạnh ổ bánh mì đã bị hỏng, cứng như bìa các tông.

Lấy một chai nước chanh từ ngăn lạnh phía trước quầy rượu, cậu suy tư một lúc trước khi bỏ một đồng xu vào khe. Ngay khi nhét tiền vào, cậu liền rút tay lại, cậu nhận ra rằng tiền ở đây không biết gọi là gì nhỉ. Tiền tệ ở đây được gọi là corona, nhưng cậu không thể nói nhiều hơn về nó.

Lấy lại tiền, cậu mở chai nước bằng cái mở chai gắn liền ở quầy thu tiền rồi thơ thẩn xuống

phố, hướng ra phía đại lộ. Cửa hàng nhỏ bán thực phẩm và bánh nằm giữa cửa hàng bán đồ trang sức và bán hoa. Những chiếc màn cửa xâu thành chuỗi mở thẳng vào nhà, nơi những cái ban công bằng kim loại được chạm trổ dày đặc hoa văn treo lơ lửng trên vỉa hè chật hẹp. Con đường này hướng tới phía dưới và trước đó rất xa, mở ra một đại lộ rộng. Ở đó, những cây thông vươn cao lên phía trên, mặt lá phía dưới chúng thật sặc sỡ dưới ánh đèn đường.

Phía bên kia đại lộ là biển.

Will thấy mình đứng trước một bến cảng, phía bên trái cảng là một con đê chắn sóng bằng đá, phía bên phải nó là khoảng đất mũi, trên đó có một ngôi nhà rộng, cột đá và ban công của nó được trang trí rất công phu được chiếu sáng giữa những khóm hoa và bụi cây. Một hay hai chiếc thuyền buồm đang thả neo. Phía trên con đê, những vì sao chiếu sáng lấp lánh một vùng biển yên tĩnh.

Lúc này mọi mệt mỏi của Will tan biến đâu hết, điều kì diệu đã làm cho cậu bị mê hoặc, cậu tỉnh táo hẳn. Dần dần, từ phía con phố nhỏ cậu chạm tay vào bức tường, một cánh cửa hay là những bông hoa trồng trên bậc cửa sổ, cậu cảm thấy chúng thật cứng và thật lạ. Giờ đây cậu bé mong muốn được chạm vào tất cả vùng đất trước mặt mình, bởi vì chỉ riêng đối với tầm nhìn của cậu thôi thì nó cũng quá rộng. Cậu đứng im, thở thật sâu, hầu như e sợ.

Nhận ra mình vẫn đang cầm chai nước mà cậu mang đi từ khi ở quán cà phê, cậu thử uống một hớp. Nó có vị giống vị chanh thông thường, mát lạnh và thật đã vì không khí lúc này quá rất nóng nực.

Cậu đi lang thang dọc phía bên phải, đi qua những khách sạn có mái hiên phía trên những lối đi sáng rực, hai bên là những cây hoa giấy cho tới khi cậu tới mảnh vườn ở phía đất mũi. Một tòa nhà giữa những lùm cây được trang trí bằng đèn pha, có lẽ là sòng bạc hoặc nhà hát opera. Có một con đường dẫn lên đó, đèn được treo trên cây trúc đào. Nhưng chẳng có dấu hiệu nào của sự sống, không có tiếng chim hót vào ban đêm, không tiếng côn trùng, chẳng có bất cứ tiếng động nào ngoại trừ tiếng bước chân của chính Will.

Tiếng động duy nhất mà cậu có thể nghe thấy chỉ là tiếng sóng vỗ nhẹ đều đều từ biển ngay phía trước những cây thông ở mép vườn vọng ra. Will đi tới phía có tiếng động đó. Thủy triều không biết đang lên hay đang xuống, một dãy những chiếc thuyền đập đầu trên bãi cát trắng mềm mại phía trên mực nước. Cứ mỗi giây lại có một con sóng nhỏ cuộn mình vỗ vào bờ biển trước khi rút về nhường chỗ cho những con sóng tiếp theo. Cách đó khoảng năm mươi mét là chỗ nước lặng để ngụp lặn.

Will ngồi bên cạnh một chiếc thuyền đập, cởi chiếc giày rế tiền đã rách nát của mình ra khỏi chân, nó đã làm cho chân cậu bị chuột rút. Cậu cởi tất để sang bên cạnh giày rồi chôn chân mình vào bãi cát. Chỉ vài giây sau, cậu trút toàn bộ quần áo còn lại trên người ra rồi bước xuống biển.

Nước ở đây là một sự kết hợp tuyệt diệu giữa mát mẻ và ấm áp. Cậu lội ra bụi nhảy cầu và ngồi lên lớp ván gỗ bị mềm đi bởi thời tiết và nhìn trở lại thành phố. Phía bên phải cậu là bến cảng, xung quanh nó là đê chắn sóng. Chỉ cách đó khoảng chừng một dặm là ngọn hải đăng được sơn hai màu đỏ trắng. Ấn sau ngọn hải đăng, những vách đá xa xăm hiện lên mờ mờ, và xa hơn nữa là những ngọn đồi Will đã nhìn thấy khi cậu vừa mới bước chân vào thế giới này.

Gần hơn trước mặt là những cột đèn trong vườn sòng bạc, những con đường trong thành phố, và khu cảng với những khách sạn, quán cà phê lẫn những cửa hiệu tỏa ánh sáng ấm áp, tất thảy đều im lặng, tất thảy đều trống trải.

Và tất thảy đều an toàn. Chẳng ai có thể theo cậu vào đây cả, những gã đột nhập vào nhà cậu

sẽ chẳng thể nào biết được, cảnh sát cũng chẳng bao giờ tìm được cậu. Cậu có cả một thế giới để trốn cơ mà.

Kể từ khi cậu chạy ra khỏi nhà buổi sáng hôm đó đến giờ thì đây là lần đầu tiên cậu cảm thấy an tâm.

Will lại thấy khát, cả đói nữa, sau rốt thì, bữa gần đây nhất cậu ăn là khi còn ở thế giới khác. Cậu lại thả mình xuống nước và bơi chầm chậm vào bờ. Will mặc quần đùi vào và mang theo tất cả quần áo cùng chiếc túi. Bỏ cái chai rỗng vào sọt rác đầu tiên nhìn thấy, cậu bé đi chân trần dọc vỉa hè, hướng về phía bến cảng.

Khi người đã khô được một chút, cậu xỏ quần bò vào và kiểm một nơi nào đó có thể tìm được thức ăn. Mấy khách sạn này thật quá lớn. Cậu nhìn vào trong khách sạn đầu tiên, nhưng nó to quá làm cho cậu chẳng cảm thấy thoải mái chút nào, và cậu lại tiếp tục lê bước xuống khu cảng cho tới khi cậu phát hiện một quán cà phê trông có vẻ là nơi thích hợp. Cậu không thể nói tại sao; nó giống hệt cả tá quán khác, với cái ban công tầng một được treo đầy lọ hoa, bàn ghế kê bên ngoài vỉa, nhưng nó lại chào mời cậu đến.

Trên tường treo một loạt ảnh của các võ sĩ quyền Anh và cả bức chân dung có chữ kí của một người chơi đàn xép đang cười rõ to. Có một căn bếp, bên cạnh đó là chiếc cửa mở dẫn ra lối cầu thang trái thảm hoa màu trắng.

Will leo lên cầu thang và mở ngay chiếc cửa đầu tiên. Đây là phòng đầu tiên. Không khí trong phòng thật nóng nực và ngột ngạt, cậu phải mở cánh cửa kính ra để không khí tràn vào phòng. Căn phòng thì nhỏ mà đồ đạc trang trí lại quá lớn so với nó. Nhưng bù lại nó rất sạch sẽ và thoải mái. Hẳn ai đã sống trong phòng này rất mến khách. Trong phòng có một giá sách nhỏ, một cuốn tạp chí để trên bàn, mấy tấm ảnh đặt trong khung.

Will đi tới các phòng khác: một phòng tắm nhỏ, một buồng ngủ có giường đôi.

Có gì đó làm cậu nổi cả da gà trước khi mở cánh cửa cuối cùng. Tim cậu tăng tốc. Cậu không chắc phải mình vừa nghe thấy tiếng nói từ bên trong không, nhưng có gì đó mách bảo cậu rằng căn phòng có người. Cậu nghĩ ngày hôm nay thật kỳ quặc làm sao. Bắt đầu bằng việc ai đó rình rập ngoài căn phòng tối om trong khi cậu ở bên trong. Còn bây giờ tình huống lại đảo ngược—

Và trong khi cậu đứng tự nhủ thầm, cánh cửa bật tung và thứ gì đó lao ra tông mạnh vào cậu như một con thú hoang dại.

Nhưng trí nhớ của cậu đã cảnh báo cậu không đứng quá gần để bị đánh ngã nhào. Will chiến đấu ác liệt: gối, đầu, đấm, và cả sức mạnh của cánh tay mình để chống lại nó, ai đó hay cái gì đó —

Một cô bé cũng trạc tuổi của cậu trông rất hung dữ, khó gần, quần áo thì rách tả tơi, còn đôi chân trần khằng khiu nữa.

Cô bé cũng nhận ra cậu là thứ gì cùng một lúc, liền vội quay đi tránh nhìn vào bộ ngực trần của cậu mà nép mình vào một góc tối giống như một con mèo ở trên vịnh. Thật ngạc nhiên, bên cạnh cô bé có một con mèo hoang to, cao khoảng đến đầu gối cậu, lông và tai dựng ngược, rằng nó nhe ra.

Cô đưa tay vuốt lưng con mèo, liếm môi, quan sát mọi cử động của cậu.

Will uể oải đứng dậy.

“Bạn là ai?”

“Lyra Lưỡi Bạc,” cô trả lời.

“Bạn sống ở đây à?”

“Không,” cô phản ứng rất dữ dội.

“Thế, đây là nơi nào, thành phố này là thành phố nào?”

“Tôi không biết.”

“Bạn tới từ nơi nào vậy?”

“Từ thế giới của tôi, chúng tôi nối liền với nhau. Thế nhân tinh của cậu đâu?”

Mắt Will mở to, cậu thấy cái gì đó không bình thường xảy ra với con mèo; nó nhảy vào lòng cô và thay đổi hình dạng. Bây giờ nó là một con chồn màu nâu đỏ với cái cổ và bụng màu kem, nó cũng nhìn Will giống hệt cách mà cô bé nhìn cậu. Ngay sau đó một việc nữa lại xảy ra, cậu nhận ra cả cô và con chồn đều sợ cậu như thể họ đang nhìn thấy ma vậy.

“Tôi không có yêu tinh nào cả,” cậu bé nói. “Tôi không hiểu cậu nói gì. À! Đây là yêu tinh của bạn?”

Cô chậm rãi đứng dậy. Con chồn uốn cong mình quanh cổ cô nhưng đôi mắt đen láy của nó không hề rời khỏi Will.

“Nhưng bạn đang sống,” cô nói, giọng rất nửa ngờ vực. “Bạn không... bạn không ở...”

“Tên tôi là Will Parry,” cậu bé nói. “Tôi không rõ ý bạn là gì về những con yêu tinh. Ở thế giới của tôi yêu tinh có nghĩa là... nó có nghĩa là ma quỷ, thứ gì đó xấu xa.”

“Ở thế giới của bạn sao? Ý bạn nói là đây không phải thế giới của bạn?”

“Không. Tôi chỉ tìm thấy... một lối vào. Giống như thế giới của bạn, tôi cho là thế. Chúng hẳn phải được nối liền nhau.”

Cô thư giãn hơn đôi chút, nhưng vẫn nhìn Will chăm chăm, còn cậu thì vẫn yên lặng như thể cô là một con mèo xa lạ mà cậu muốn làm bạn.

“Thế bạn có nhìn thấy ai khác ở thế giới này không?” cậu tiếp tục.

“Không.”

“Bạn đã ở đây bao lâu?”

“Không biết. Một vài ngày. Tôi không nhớ nổi.”

“Thế tại sao bạn lại đến đây?”

“Tôi đi tìm Bụi,” cô bé nói.

“Tìm bụi ư? Cái gì, bụi vàng ư? Loại bụi nào vậy?”

Cô nheo mắt lại và không nói gì. Cậu bèn xoay người đi xuống cầu thang.

“Tôi đói,” cậu nói. “Trong bếp có gì ăn được không?”

“Tôi không biết,” cô nói, và tiếp bước theo sau, nhưng vẫn giữ một khoảng cách nhất định với cậu.

Trong bếp, Will nhìn thấy nguyên liệu để làm món gà hầm, có gà, hành và tiêu, chúng chưa được nấu tẹo nào, và trong không khí oi bức chúng bốc mùi rất tệ. Cậu tổng tất cả vào thùng rác.

“Bạn vẫn chưa ăn gì à?” Cậu vừa nói vừa mở tủ lạnh ra.

Lyra lại gần để nhìn. “Tôi đã không biết là có thứ này ở đây,” cô nói. “Ồ! Nó lạnh kìa.”

Nhân tinh của cô lại thay đổi một lần nữa. Lần này là một con bướm lớn sắc sỡ, nó bay thật nhanh vào tủ lạnh rồi đậu trên vai Lyra. Nó chậm chậm vỗ vỗ đôi cánh. Will cảm thấy cậu không nên nhìn chăm chăm, mặc dù đầu cậu đang ngẫm nghĩ về những điều kì lạ này.

“Trước đây bạn chưa từng thấy qua tủ lạnh bao giờ à?” Will hỏi.

Phát hiện một lon coca cola trong tủ, cậu liền đưa nó cho Lyra trước khi lấy khay trứng trong tủ ra. Cô lấy cả hai tay bóp lon nước một cách thích thú.

“Rồi, bạn uống đi,” Will nói.

Cô nhìn vào lon nước và cau mày. Cô không biết làm cách nào để mở nó ra. Cậu liền mở nắp ra cho cô, bọt nước trào ra ngoài. Cô bé liếm lon nước một cách tò mò rồi mở to mắt.

“Nó uống được không?” cô hỏi, giọng nửa hi vọng, nửa e dè.

“Ờ. Rõ là trong thế giới này họ có coca. Nhìn đây, tôi sẽ uống trước để chứng minh nó không có độc.”

Cậu mở tiếp một lon nước khác. Một khi đã trông thấy Will uống, cô cũng yên tâm uống theo. Chắc hẳn cô phải khát lắm. Cô uống nhanh đến nỗi bọt nước trào cả vào mũi, cô khụt khịt rồi ợ hơi thật to, khi bị Will bắt gặp, cô quắc mắt giận dữ.

“Tôi sẽ làm món ốp lết, bạn có muốn ăn một chút không?” cậu hỏi.

“Tôi chẳng biết ốp lết là cái gì cả.”

“Chà, cứ nhìn rồi bạn sẽ thấy. Hoặc một lon đậu hầm, nếu bạn thích.”

“Tôi không biết đậu hầm.”

Cậu chỉ cho cô nơi để lon đậu. Cô nhìn vào nắp lon tìm chỗ để mở như lon coca cola.

“Không, bạn phải dùng đến cái mở hộp chứ. Ở thế giới của bạn không có cái mở hộp à?”

“Ở thế giới của tôi, người hầu làm tất cả mọi việc,” cô bé nói giọng đầy khinh bỉ.

“Hãy nhìn cái ngăn kéo ở đằng kia kìa.”

Cô mở ngăn kéo đựng đồ bếp trong khi Will đập sáu quả trứng trong tô rồi dùng thìa khuấy chúng lên.

“Đúng rồi đấy, cái có tay cầm màu đỏ ý, bạn mang nó lại đây.”

Cậu khui nắp lon và chỉ cho Lyra cách để mở.

“Bây giờ bạn mang cái xoong nhỏ trên giá lại đây và đổ đậu vào,” Will nói với cậu bé.

Cô ngửi ngửi đậu, và một lần nữa cảm xúc thích thú xen lẫn ngờ vực hiện lên từ đáy mắt cô. Vừa đổ đậu vào xoong vừa liếm ngón tay, Lyra quan sát Will rắc muối và tiêu vào trứng rồi cắt một miếng bơ từ tảng bơ lớn trong tủ lạnh bỏ vào chảo gang. Will chạy ra chỗ quầy rượu để tìm mấy que diêm. Khi trở ra, cậu thấy Lyra đang nhúng ngón tay bẩn của mình vào tô trứng rồi liếm một cách thèm thuồng. Nhân tình của cô bé lúc này trong hình dạng một con mèo, nó cũng thò móng của mình vào tô trứng, nhưng khi thấy Will lại gần, nó liền rút lại.

“Nó đã chín đâu,” Will nói, mang tô trứng đi. “Bạn dùng bữa lần cuối cùng khi nào vậy?”

“Tại nhà cha tôi ở Svalbard,” cô bé trả lời. “Nhiều ngày trước. Tôi cũng không rõ. Rồi tôi tìm thấy bánh mì cùng các thứ ở đây và ăn chúng.”

Cậu bật ga, làm tan bơ, đổ trứng vào chảo. Lyra không dời mắt khỏi Will. Cô nhìn cái cách cậu vun trứng vào giữa cũng giống hệt cách họ đã làm, cậu còn nghiêng chảo để phần trứng chưa chín chảy ra chỗ trống. Lyra vẫn quan sát cậu, cả khuôn mặt, đôi tay đang làm việc, đôi vai trần và cả đôi chân của cậu nữa.

Khi món ốp lết đã chín, cậu cuộn trứng lại và dùng xẻng nấu xẻ trứng ra làm hai phần.

“Bạn đi tìm hai cái đĩa đi,” cậu bé nói, Lyra ngoan ngoãn làm theo.

Cô bé dường như khá thích thú nhận những mệnh lệnh khi thấy được dấu hiệu chúng, vậy nên cậu bảo cô đi lau chiếc bàn ở trước quán cà phê rồi tự mình mang thức ăn cùng dao đĩa ra, và họ ngồi cạnh nhau, hơi ngượng ngịu một chút.

Cô ăn hết phần của mình trong vòng chưa đầy một phút rồi sốt ruột đu đưa cái ghế, bóc lớp vải dệt của nó ra trong khi đợi Will ăn hết phần của cậu. Nhân tình của Lyra lại thay đổi hình dạng thành một con sẻ cánh vàng đang nhấm nháp những mảnh vụn vô hình trên cái bàn cao nhất.

Will ăn thật chậm. Mặc dù đã đưa cho cô hết phần đậu của mình cậu vẫn ăn chậm hơn Lyra. Bên cạnh đang ở phía trước mặt họ, ánh đèn chiếu sáng dọc đại lộ, vô số những vì sao trên bầu trời, tất cả bao trùm sự im lặng đáng sợ như thể chẳng còn gì khác gì tồn tại vậy.

Will luôn cảnh giác với cô bé này. Trông cô thật nhỏ nhắn, mảnh dẻ nhưng lại dẻo dai, khi đánh nhau cô dữ như cọp vậy; nắm tay của cậu đã để lại một vết thâm trên má cô bé nhưng cô lờ đi. Cô có lúc thật trẻ con, như lần đầu tiên cô nếm thử coca cola, nhưng đôi khi rất cảnh giác. Cô có đôi mắt màu xanh nhạt, còn mái tóc có lẽ là màu vàng đậm nếu được gội sạch; bởi vì hiện tại cô trông nhếch nhách và có mùi như thể đã lâu rồi cô chưa được tắm táp.

“Laura? Lara?” Will hỏi.

“Lyra.”

“Lyra.... Lưỡi Bạc?”

“Phải.”

“Thế giới của bạn ở đâu? Làm sao bạn tới được đây.”

Cô nhún vai. “Tôi đã bước vào đây. Đó là một đám sương mù. Tôi đã không biết mình đi đâu. Nhưng ít nhất tôi cũng biết rằng tôi đang ra khỏi thế giới của mình. Chỉ khi đám sương mù tan hết tôi mới thấy nơi này.”

“Bạn đã nói gì về bụi ý nhỉ?”

“Bụi, ờ. Tôi dự định sẽ tìm hiểu ngọn ngành về nó. Nhưng hình như thế giới này hoàn toàn trống rỗng. Ở đây chẳng có ai để hỏi hết. Tôi đã ở đây được... tôi không biết... ba ngày, có lẽ bốn ngày. Và không một ai ở đây.”

“Nhưng tại sao bạn lại muốn tìm hiểu về bụi?”

“Bụi đặc biệt,” cô nói ngắn gọn. “Hiển nhiên không phải thứ bụi thông thường.”

Nhân tinh lại thay đổi tiếp. Chỉ trong một chớp mắt, từ con chim sẻ cánh vàng nó đã biến thành một con chuột to đen nhánh với đôi mắt đỏ. Will nhìn nhân tinh của Lyra một cách thận trọng, cái nhìn của cậu bị cô bé bắt gặp.

“Bạn có nhân tinh,” cô nói đầy quả quyết. “Bên trong bạn ấy.”

Will chẳng biết nên nói gì sặc.

Lyra tiếp tục: “Bạn có đấy. Bằng không bạn sẽ không còn là người nữa. Bạn có thể... chết một nửa rồi. Chúng tôi đã nhìn thấy có một đứa trẻ, nhân tinh của nó bị tách rời. Bạn không giống như vậy. Thậm chí bạn không biết rằng mình có nhân tinh, nhưng bạn có đấy. Lần đầu tiên nhìn thấy bạn, chúng tôi rất sợ. Giống như bạn là ma đêm hay cái gì đó. Nhưng rồi rõ là chúng tôi thấy bạn không giống thế.”

“Chúng tôi á?”

“Tôi và Pantalaimon. Chúng tôi. Nhưng còn bạn, nhân tinh của bạn không hề tách rời bạn. Nó chính là bạn. Một phần của bạn. Bạn và nó là một phần của nhau. Vậy ra ở thế giới của bạn không có ai giống như chúng tôi à? Họ đều giống bạn, với nhân tinh ẩn bên trong?”

Will nhìn hai người họ, cô bé có đôi mắt màu xanh nhạt với con nhân tinh chuột đang ngồi trên tay, và bất chợt cảm thấy cô đơn quá đỗi.

“Tôi mệt rồi. Tôi đi ngủ đây,” cậu bé nói. “Bạn sẽ ở lại thành phố này chứ?”

“Không biết. Tôi phải đi tìm thứ mà tôi đang tìm kiếm. Chắc phải có một vài Học giả ở thế giới này. Phải có ai đó biết về nó.”

“Có thể không phải là ở thế giới này. Tôi đã đến từ một nơi có tên gọi là Oxford. Tại đấy có rất nhiều học giả, nếu đó là điều bạn cần.”

“Oxford?” cô la lên. “Tôi đã đến từ nơi đó đấy!”

“Vậy là cũng có một Oxford ở thế giới của bạn sao? Bạn chưa bao giờ ở thế giới của tôi cả.”

“Ừ,” cô nói quả quyết. “Những thế giới khác. Nhưng ở thế giới của tôi cũng có một Oxford. Chúng ta đều nói tiếng Anh phải không? Đó chính là lý do tại sao có quá nhiều thứ giống nhau đến thế. Làm cách nào bạn đi qua được? Có cầu hay là cái gì à?”

“Giống kiểu cửa sổ nằm giữa không trung.”

“Chỉ cho tôi,” cô nói.

Đó là một mệnh lệnh, không phải lời đề nghị. Cậu lắc đầu.

“Không phải giờ,” cậu nói. “Tôi muốn ngủ. Dù sao thì, cũng đã nửa đêm.”

“Thế sáng mai bạn chỉ cho tôi nhé!”

“Được rồi, sẽ chỉ mà. Nhưng nói trước là tôi còn có việc riêng nữa, vì vậy bạn phải tự đi tìm học giả cho mình đấy.”

“Dễ thôi,” cô bé nói. “Tôi biết mọi thứ về các Học giả.”

Will dọn đĩa và đứng dậy.

“Tôi đã nấu ăn rồi, bây giờ đến lượt bạn rửa bát.”

Cô trông vẻ hoài nghi. “Rửa bát á?” cô mĩa mai. “Có hàng triệu cái sạch sẽ đang nằm ngoài kia! Hơn nữa tôi không phải là người hầu. Tôi sẽ không rửa.”

“Vậy tôi sẽ không chỉ cho bạn cách đi qua cái cửa không gian đó đâu.”

“Tôi sẽ tự tìm lấy.”

“Bạn sẽ chẳng tìm thấy đâu, nó đã được giấu kỹ rồi. Bạn không bao giờ tìm thấy nó. Nghe này, tôi không biết liệu chúng ta sẽ ở đây trong bao lâu. Chúng ta phải ăn, chúng ta sẽ ăn những gì có ở đây, nhưng chúng ta sẽ phải giữ chỗ này thật sạch sẽ, bởi chúng ta phải làm như vậy. Bạn đi rửa bát đi. Chúng ta phải xử sự đúng đắn đối với nơi này. Bây giờ tôi đi ngủ đây. Tôi sẽ dùng một phòng khác. Hẹn gặp lại bạn sáng mai.”

Will đi vào trong, cậu đánh răng bằng ngón tay với một ít thuốc đánh răng được lấy từ trong chiếc túi rách tả tơi của mình. Cậu ngả mình trên chiếc giường đôi rồi ngủ ngay tức khắc.

Lyra đợi đến khi chắc chắn là Will đã ngủ say, cô mới cất đĩa vào bếp. Cô tráng qua vò nước rồi dùng giẻ lau chà sát mạnh đến khi chúng sạch hẳn. Cô cũng làm tương tự như vậy đối với dao và đĩa. Nhưng không thể làm như vậy đối với cái chảo ốp lếp trứng, cô lấy một ít xà phòng ở bánh xà phòng màu vàng cho vào và rửa tỉ mỉ cho đến khi cảm thấy mọi thứ thật sạch. Cô còn lấy một chiếc giẻ khô khác để lau những thứ vừa rửa rồi cất vào chạn bát.

Vì vẫn còn khát và cả vì muốn thử mở lon nước lần nữa, cô khai một lon coca và mang lên gác. Lyra nghe ngóng bên ngoài cửa phòng Will, khi đã chắc là không có tiếng động gì, cô bé mới nhón chân đi sang phòng khác rồi lấy chiếc Chân-kế từ dưới gối ra.

Chẳng cần phải ở gần Will để hỏi về cậu nhưng dẫu sao thì cô bé vẫn muốn nhìn. Lyra xoay thật nhẹ nhàng tay nắm cửa phòng Will và bước vào.

Một luồng sáng từ phía biển chiếu thẳng vào trong phòng. Từ ánh sáng phản chiếu trên trần nhà, Lyra quan sát cậu bé đang ngủ. Cậu đang cau mày và mặt thì lấm tẩm mồ hôi. Trông cậu

thật khỏe mạnh và rắn rỏi, dĩ nhiên là không giống như vẻ rắn rỏi của người trưởng thành, bởi cậu bé đâu có nhiều tuổi hơn cô, nhưng có lẽ một ngày nào đó, cậu sẽ rất mạnh. Thật là dễ dàng biết bao khi nhân tính của cậu ta vô hình. Cô tự hỏi liệu hình dáng của nó như thế nào, có cổ định hay không. Bất kể nó ở hình dạng nào, có cổ định hay không. Bất kể nó ở hình dạng nào, nó cũng sẽ thể hiện bản chất vốn có của nó, hoang dã, lịch lãm và cả bất hạnh nữa.

Cô nhón gót đi về phía cửa sổ. Trong ánh đèn đường, Lyra cẩn thận đặt tay lên chiếc Chân-kế, thả ý nghĩ của mình vào hình thù một câu hỏi. Kim la bàn bắt đầu quay quanh mặt số, nó cứ quay rồi lại dừng liên tiếp ở một số chỗ gần như quá nhanh để có thể quan sát được.

Cô hỏi: Cậu ta là loại nào vậy? Một người bạn hay là một kẻ thù?

Chân-kế trả lời: Cậu ta là một kẻ giết người.

Khi biết được câu trả lời, Lyra cảm thấy nhẹ nhõm ngay tức khắc. Cậu ta có thể tìm thức ăn và chỉ đường cho mình tới Oxford, những khả năng đó của cậu ta thật hữu ích, nhưng có thể cậu ta vẫn không xứng đáng với sự tin cậy của mình hoặc là quá hèn nhát. Một kẻ giết người là một người bạn đồng hành đáng giá. Cô cảm thấy an toàn khi ở bên cậu cũng giống như ở cùng với Iorek Byrnison, con gấu mặc áo giáp sắt.

Lyra sập cánh cửa chớp lại để ánh sáng sớm mai khỏi rơi vào mặt Will rồi nhẹ nhàng bước ra ngoài.

Chương 2: Giữa những phù thủy

Phù thủy Serafina Pekkala đang gặp rắc rối lớn. Bà đã từng cứu Lyra và những đứa trẻ khác ra khỏi khu thực nghiệm ở Bolvangar và đã cùng cô bé bay tới Svalbard.

Trong cơn nhiễu loạn tầng khí quyển tiếp theo sau cuộc đào tẩu khỏi án lưu đày ở Svalbard của Ngài Asriel, bà cùng những người bạn mình đã bị thổi bay xa khỏi hòn đảo hàng dặm trên biển băng. Một vài người trong số họ đã cố ở lại cùng chiếc khí cầu đã bị hư hại của ông Lee Scoresby, người lái khí cầu ở Texas, nhưng chính Serafina bị quăng từ trên cao xuống đám sương mù, ngay sau đó, đám sương này cuộn lại từ lỗ hổng mà cuộc thí nghiệm của Ngài Asriel tạo nên khi xé rách bầu trời.

Ngay khi thấy mình có thể điều khiển được đường bay, việc đầu tiên bà nghĩ tới là Lyra; vì cô bé đâu có biết chút gì về cuộc chiến giữa gã vua gấu giả mạo với vị vua thật sự, Iorek Byrnison, cũng như không biết những điều sẽ xảy ra cho mình sau đó.

Bà bắt đầu tìm kiếm cô bé. Cưỡi trên nhánh thông mây của mình, bà bay qua bầu trời đầy mây màu vàng nhạt. Đồng hành với bà lúc này là con nhân tinh ngỗng trắng Kaisa. Họ quay trở về hướng đi Svalbard chếch về phía Nam một chút, lượn vòng vài giờ dưới bầu trời đang thay đổi bất thường do những ánh sáng và bóng dáng lạ lùng. Từ cảm giác râm ran bất ổn trên da, Serafina Pekkala biết được rằng nó đến từ một thế giới khác.

Sau một lúc, Kaisa nói, “Nhìn kìa! Một nhân tinh của phù thủy, bị lạc đường...”

Serafina Pekkala nhìn xuyên qua lớp sương mù và thấy một con én biển đang lượn tròn và kêu la trong những lỗ hổng của ánh sáng mờ. Họ liền vòng lại, bay phía trước con nhân tinh. Khi nhìn thấy họ lại gần, nó bay vụt lên đầy cảnh giác, nhưng khi Serafina Pekkala ra dấu

hiệu giúp đỡ, nó mới thả mình xuống cạnh họ.

Serafina hỏi: “Người ở thị tộc nào tới vậy?”

“Taymyr,” nó trả lời. “Phù thủy của tôi bị bắt... Những người đi cùng đã rời khỏi đây. Tôi bị lạc...”

“Ai đã bắt phù thủy của nhà ngươi?”

“Người đàn bà có con nhân tinh khỉ từ Bolvangar... Làm ơn hãy giúp tôi! Giúp chúng tôi! Tôi sợ quá!”

“Thị tộc của nhà ngươi có liên minh với bọn cắt nhân tinh trẻ con phải không?”

“Phải, cho đến khi chúng tôi biết được về điều bọn chúng đang làm. Sau trận chiến ở Bolvangar, chúng đánh đuổi chúng tôi đi, nhưng còn phù thủy của tôi lại bị bắt giữ làm tù binh... Chúng nhốt cô ấy ở trên chiếc tàu... Tôi phải làm gì bây giờ? Cô ấy đang gọi tôi, nhưng tôi không thể tìm thấy cô ấy! Ôi, hãy giúp tôi, giúp tôi với!”

“Yên lặng nào,” nhân tinh ngỗng Kaisa lên tiếng. “Hãy nghe ở dưới kia.”

Họ cùng lượn xuống thấp hơn, tai động lên, Serafina nhanh chóng nhận ra nhịp điệu của động cơ gas, bị đám sương làm cho nghẹt tiếng.

“Họ không thể nào định vị được một con tàu trong đám sương mù như thế này,” Kaisa nói. “Không biết họ đang làm gì nhỉ?”

“Động cơ này nhỏ hơn của chúng,” Serafina Pekkala nói, ngay khi vừa dứt lời, một tiếng động mới từ một hướng khác phát ra. Một tiếng vang trầm đục, ghê rợn đến rùng mình, giống như sinh vật biển khổng lồ nào đó đang kêu gào sâu thẳm bên dưới. Nó rống lên một vài giây rồi đột ngột ngừng hẳn.

“Còi hiệu báo sương mù của tàu,” Serafina Pekkala nói.

Họ lượn xuống thấp hơn, chỉ cao hơn mặt nước một chút và tìm kiếm lại tiếng động cơ một lần nữa. Đột nhiên họ phát hiện ra nó, nhờ việc sương mù dường như chia thành những mảng có mật độ khác nhau, và Serafina vọt lên khỏi tầm nhìn đúng lúc chiếc thuyền chậm chậm nổi bình bịch đi qua những dải băng của bầu khí quyển ẩm thấp. Chiếc tàu chậm chạp và trơn tuột như thể nước đang dâng lên.

Họ bay vòng rồi lại lên cao, con nhân tinh én biển cứ bay gần sát như là con gần mẹ vậy, nó quan sát người lái tàu đang điều chỉnh lộ trình khi cái còi báo hiệu nổ bom lần nữa. Một ngọn đèn thấp lên trên mũi tàu, nhưng toàn bộ những gì nó chiếu rọi được là đám sương cách vài thước đang trước.

Serafina nói với con nhân tinh bị lạc, “Người đã nói rằng vẫn còn một vài phù thủy giúp đỡ những người này phải không?”

“Tôi nghĩ vậy—vài kẻ phản bội từ Volgorsk, trừ khi họ cũng đã bay mất,” nó nói với bà. “Bà sẽ làm gì? Bà sẽ tìm kiếm phù thủy của tôi chứ?”

“Có. Nhưng bây giờ nhà ngươi hãy ở lại đây với Kaisa nhé.”

Để nhân tinh ở phía trên ngoài khỏi tầm nhìn, Serafina bay về phía chiếc tàu, đáp lên thành

đuôi ngay phía sau người cầm lái. Nghe tiếng con nhân tinh mòng biển của mình kêu quang quác, người lái tàu quay ra nhìn.

“Mày rảnh quá ha? Dậy bay ra đằng trước và dẫn đường cho bọn tao cập cảng mau.”

Ngay tức thì Serafina lại cất cánh. Nó đã thành công: vẫn còn một vài phù thủy đang giúp họ, và người lái tàu cũng nghĩ bà là một trong số đó. Bà vẫn nhớ bến cảng ở phía bên trái, và ánh đèn ở đó màu đỏ. Bà tìm kiếm trong đám sương mù cho đến khi bắt gặp tia sáng mờ cách đó không đầy một trăm dặm. Bà liền lao ngược lại, bay xuống phía cuối tàu để gọi trực tiếp người lái tàu. Ông ta đang lái tàu chậm dần để vòng qua. Cái thang dây được treo ngay phía trên dòng nước. Người lái tàu gọi, thế là thủy thủ ném một sợi dây xuống, một người khác vội xuống thang để buộc nó chặt vào tàu.

Serafina Pekkala bay lên phía tay vịn lan can của tàu, rút về phía đằng sau bóng tối của xuống cứu nạn. Bà không thấy bóng dáng những phù thủy khác, nhưng có lẽ là họ đang đi tuần tra ở trên trời; Kaisa sẽ biết phải làm gì.

Phía dưới, một hành khách đang rời tàu và trèo lên thang. Nhân vật này khoác trên người bộ lông thú, mũ trùm đầu bí ẩn. Nhưng khi tàu cập cảng, một con nhân tinh khỉ vàng hơi nhún nhảy trên lan can và nhìn ngó xung quanh, đôi mắt đen của nó trông thật ác. Serafina nín thở: chính là bà Coulter.

Một gã đàn ông trang phục sẫm màu vội vàng ra khỏi boong để chào bà ta, đồng thời nhìn xung quanh như thể cũng đang mong một ai đó khác.

“Ngài Boreal—” ông ta bắt đầu.

Nhưng bà Coulter ngăn lời gã ngay: “Ông ta đã đi nơi khác rồi. Thế bọn chúng đã bắt đầu cuộc tra tấn chưa?”

“Rồi, thưa bà Coulter,” gã trả lời, “nhưng—”

“Ta đã lệnh cho bọn chúng phải đợi,” bà Coulter cướp lời. “Bọn chúng dám không tuân lệnh ta à? Con tàu này cần phải quy củ hơn nữa.”

Bà ta bỏ mũ xuống. Trong ánh sáng vàng, Serafina nhìn thấy khuôn mặt của bà ta thật rõ ràng: kiêu căng, dễ nổi cáu, và đối với phù thủy, vẫn còn quá trẻ tuổi.

“Thế những đứa phù thủy khác đâu rồi?”

“Chúng đi hết rồi, thưa bà. Bay về quê hương của bọn chúng.”

“Nhưng có một phù thủy hướng dẫn con tàu vào,” bà Coulter hỏi, “con phù thủy đó đã lặn đâu mất?”

Serafina lùi lại, hiển nhiên là thủy thủ trên tàu không biết được tình hình mới nhất. Gã mục sư nhìn quanh, hoang mang, nhưng bà Coulter quá mất bình tĩnh. Bà ta lắc đầu, vội vàng cùng nhân tinh của mình đi qua cánh cửa mở đang chiếu sáng cả một khoảng không. Gã đàn ông theo sau.

Serafina nhìn quanh để kiểm tra vị trí của mình. Bà đang giấu mình sau bộ thông gió trong khu vực chật hẹp trên boong tàu nằm giữa lan can và khu vực trung tâm của tàu; và ở tầng này, đối diện đằng trước bên dưới đài chỉ huy của thuyền trưởng và ống khói, là một phòng khách lớn, nơi mà từ cửa sổ, không phải lỗ cửa sổ thành tàu, có thể nhìn ra được ba phía. Đó là chỗ

mọi người đã vào. Ánh sáng tràn đầy đặc từ ô cửa sổ vào rào chắn có màu ngọc trai đục, soi sáng mờ mờ cột buồm phía trước và cả cửa hầm chứa hàng bằng vải bạt. Mọi thứ đã ướt sũng và bắt đầu đóng băng thành cứng đờ. Không ai có thể thấy được Serafina ở chỗ này; nhưng nếu muốn quan sát thêm, bà sẽ phải ra khỏi nơi ẩn náu.

Thật quá tệ. Bà có thể trốn thoát bằng nhánh thông của mình và cũng có thể chiến đấu bằng con dao và cái cung. Bà giấu nhánh cây vào đằng sau bộ thông gió rồi men dọc theo boong tàu cho đến khi nhìn thấy chiếc cửa sổ đầu tiên. Sương mù đậm đặc khó thể mà nhìn qua, và Serafina cũng chẳng nghe thấy một tiếng động nào. Bà lại thu mình vào bóng tối.

Có một việc bà có thể làm; nhưng hơi miễn cưỡng vì việc đó rõ ràng rất nguy hiểm, nó có thể làm bà bị kiệt sức; nhưng dường như chẳng còn lựa chọn nào cả. Đó là một phép thuật bà có thể tạo ra để làm cho mình không bị phát hiện. Dĩ nhiên là không thể nào mà vô hình hoàn toàn được; đó chỉ là một phép thuật tinh thần, nó có sức mạnh vừa đủ để người đọc thần chú không bị để ý chứ không phải là vô hình. Nếu giữ được phép thuật này với cường độ chính xác thì bà có thể đi qua một phòng đông người hay là đi bộ ngay bên cạnh một đoàn khách bộ hành mà không hề bị nhìn thấy.

Vì vậy, bà tự nhắm câu thần chú, dùng hết sức tập trung vào vấn đề biến đổi để hoàn toàn làm lệch sự chú ý của người khác. Cũng phải mất vài phút bà mới tập trung được. Bà thử phép thuật bằng cách bước ra khỏi nơi ẩn nấp, đứng ở chỗ một thủy thủ trên tàu đang tới mang theo một túi đồ. Người này đi tránh sang một phía mà không hề nhìn bà lấy một lần.

Bà đã sẵn sàng. Bà đi tới cánh cửa của căn phòng hang nhất sáng choang rồi mở cửa ra, phát hiện ra nó rỗng. Bà để cánh cửa ngoài hé mở để có thể chạy trốn khi cần thiết, rồi bà nhìn thấy có một cánh cửa từ phía đằng xa dẫn xuống cầu thang đi vào lòng tàu. Bà đi xuống, thấy mình đang ở trên một hành lang hẹp đeo đầy những ống dẫn khí sơn màu trắng được soi sáng bằng ánh sáng ở vách ngăn. Ánh sáng này chiếu sáng khắp chiều dài vỏ tàu, cánh cửa ở đây mở ra hai phía.

Bà đi dọc theo hành lang, nghe ngóng cho tới khi có tiếng động. Nghe như thể một loại hội đồng nào đó đang họp.

Bà mở cửa bước vào.

Có khoảng một tá người đang ngồi quanh chiếc bàn lớn. Một hai người nhìn lên phía bà nhưng ngay sau đó họ quên ngay. Bà đứng gần cửa sổ và quan sát. Chủ tọa cuộc họp này do một ông lão trong bộ áo choàng đỏ thẫm, những người còn lại là mục sư và một người phụ nữ duy nhất hiện diện trong phòng chính là bà Coulter. Lúc này, bà ta đã bỏ áo choàng trên ghế, má bà ta ửng hồng lên do sức nóng của thân tàu.

Serafina cẩn thận nhìn quanh, bà nhìn thấy một người khác nữa ở trong phòng: một người đàn ông có khuôn mặt mỏng cùng con nhân tinh ếch, đang ngồi ở một bên bàn với những cuốn sách bọc bìa da và mấy chồng báo ố vàng. Lúc đầu, bà nghĩ ông ta có lẽ là thư kí hay văn thư cho đến khi bà nhìn thấy việc ông ta đang làm. Ông ta nhìn chăm chú vào một dụng cụ bằng vàng giống như một chiếc đồng hồ hay là la bàn gì đó, cứ mỗi phút ông ta lại dừng lại viết ra những gì tìm thấy. Rồi ông ta lại mở một cuốn sách ra, chăm chú nhìn vào phần chỉ dẫn và sách tham khảo trước khi quay trở lại với dụng cụ.

Serafina hướng lại cuộc thảo luận khi nghe thấy nhắc tới từ *phù thủy*.

“Cô ta biết điều gì đó về đứa trẻ,” một mục sư nói. “Cô ta thú nhận như vậy. Tất cả bọn phù thủy biết điều gì đó về con bé.”

“Tôi đang tự hỏi là bà Coulter biết được những gì?” Giáo hoàng nói. “Liệu có điều gì đó mà bà nên nói với chúng tôi trước đây?”

“Ông sẽ cần phải nói rõ ràng hơn thế,” Coulter lạnh lùng nói. “Ông chớ quên tôi là một phụ nữ, thừa Đức giáo chủ, cho nên đừng có quá tinh tế như là một Đức Chúa vậy. Giờ thì có sự thật nào tôi nên biết về đứa bé đây?”

Câu nói của Giáo chủ chứa đựng rất nhiều ý nghĩ nhưng rồi ông lại lặng thinh. Họ im lặng một lúc, rồi một mục sư khác nói với vẻ hầu như là biện bạch.

“Dường như có một lời tiên tri. Bà thấy đấy, bà Coulter, nó liên quan đến đứa trẻ. Tất cả các dấu hiệu đã đầy đủ. Bắt đầu là từ hoàn cảnh khi con bé được sinh ra. Bọn người Gypsy cũng biết gì đó về con bé—chúng nói về con bé bằng những biệt hiệu như là máu đầu phù thủy và ma trôi, quả thật kỳ lạ, bà thấy đấy—do đó con bé đã thành công trong việc dẫn những người Gypsy tới Bolvangar. Và còn kỳ công phết truất vua gấu Iofur Raknison đáng kinh ngạc nữa... đây không thể là một đứa trẻ bình thường. Có lẽ Fra Pavel có thể nói nhiều hơn cho chúng ta biết...”

Ông ta liếc người đàn ông đang đọc chiếc Chân-kế. Fra chớp mắt, xoa xoa hai con người rồi nhìn bà Coulter.

“Bà có thể nhận thấy rằng đây là chiếc Chân-kế duy nhất còn sót lại, một cái khác con bé đã giữ. Tất cả những cái khác đều bị giành giật và bị phá hủy theo lệnh Tổng giáo giám mục. Dụng cụ này cho tôi biết được rằng hiệu trưởng trường Jordan đã trao nó cho con bé và nó đã tự học cách đọc Chân-kế mà không cần sử dụng sách tra. Nếu mà có thể hoài nghi chiếc Chân-kế, tôi sẽ làm ngay, vì việc sử dụng món đồ này mà không có sách đơn giản là bất khả dĩ đối với tôi. Phải mất đến hàng thập kỷ miệt mài nghiên cứu để khám phá ra tất cả những kiến thức. Vậy mà chỉ trong một tuần có được Chân-kế, nó đã đọc được. Bây giờ, nó gần như đã điều khiển được. Con bé này không giống bất cứ một Học giả còn người nào mà tôi có thể hình dung.”

“Thế con bé ở đâu rồi, Fra Pavel?” Giáo hoàng hỏi.

“Ở một thế giới khác,” Fra Pavel nói. “Muộn mất rồi.”

“Ả phù thủy biết đấy!” một gã khác nói. Con nhân tinh chuột xạ của gã đang gặm lấy gặm để cây bút chì. “Tất cả đều đã đủ ngoại trừ lời chứng thực của phù thủy! Tôi có ý kiến là chúng ta nên tra tấn ả một lần nữa!”

“Điều tiên tri đó nói gì?” Coulter vô cùng giận dữ yêu cầu. “Sao các người dám giấu ta?” Rõ ràng là quyền lực của Coulter mạnh hơn họ. Con khỉ vàng nhìn trừng trừng quanh bàn họp, không một ai dám nhìn vào mặt nó.

Chỉ có mỗi giáo chủ là không ngán. Nhân tinh của ông ta, một con vẹt đuôi dài, nhấc một chân lên gãi đầu.

“Bọn phù thủy có ám chỉ thứ gì đó khác thường,” ông ta nói. “Tôi không dám tin điều tôi nghĩ về nó. Nếu nó thành sự thực, nó đã đặt chúng ta vào một trong trách vô cùng to lớn mà bất cứ người nào, bất kể đàn ông hay đàn bà cũng có thể phải đối mặt. Nhưng cho tôi hỏi lại một lần nữa, bà Coulter, bà biết gì về đứa trẻ và cha nó.”

Mặt bà Coulter trắng bệch vì giận dữ.

“Ngài dám tra khảo tôi sao?” Coulter phun ra. “Làm thế nào các ông lại dám giấu ta những điều các ông biết từ bọn phù thủy? Cuối cùng, sao các ông dám kết luận là ta đã giấu các ông

điều gì? Các ông nghĩ là ta đứng về phía con bé à? Hay là các ông nghĩ ta đứng về phía cha của nó? Chắc các ông nghĩ rằng ta nên bị tra tấn như bọn phù thủy phải không? Được thôi, bọn ta đang ở trong tay ông mà, thưa Giáo hoàng, ông chỉ việc búng ngón tay của mình là ta tan xác thôi mà. Nhưng nếu ông tra tấn ta để có câu hỏi thì ông sẽ không có một chút xíu nào đâu bởi vì ta chẳng biết tí gì về lời tiên tri, bất kể điều gì. Ta yêu cầu các ông cho ta biết những điều mà các ông biết. Con của ta, đứa con của chính ta đã được thụ thai và sinh ra trong tủ hủ, nhưng dù sao thì vẫn là con ta, và các ông đã giấu ta điều mà ta có quyền được biết!”

“Làm ơn,” một mục sư khác lo lắng lên tiếng, “bà Coulter, làm ơn, đứa phù thủy vẫn chưa nói tiếng nào mà; rồi ta sẽ biết được nhiều hơn từ bà ta. Bản thân Giáo hoàng Sturrock cũng chỉ nói rằng bà ta chỉ nói bóng gió về điều đó.”

“Người cho rằng bọn phù thủy chưa khám phá ra điều đó?” Coulter nói. “Cái gì sau đó nữa? Chúng ta ước chừng, phải không? Chúng ta run rẩy, nao núng và đoán mò?”

Fra Pavel nói: “Không, bởi đó là câu hỏi mà tôi chuẩn bị đặt ra với Chân-kế. Chúng ta sẽ thấy câu trả lời hoặc là từ bọn phù thủy hoặc là từ những quyển sách chỉ dẫn.”

“Thế sẽ mất bao lâu?”

Ông ta nhướn mày một cách mệt mỏi và nói, “Sẽ mất khá nhiều thời gian đấy. Đó là một câu hỏi hết sức phức tạp.”

“Nhưng đứa phù thủy có thể cho chúng ta biết ngay tức thì,” bà Coulter nói.

Rồi bà ta đứng nhồm dậy, hầu hết mọi người cũng đứng dậy như thể họ rất sợ bà ta. Serafina Pekkala lùi lại, cố gắng hết sức để giữ cho mình không bị phát hiện. Con khỉ vàng nghiến răng ken két, bộ lông vàng nhạt của nó dựng cả lên.

Coulter bế nó trên vai. “Hãy để chúng tôi đi và hỏi cô ta,” bà nói.

Bà ta quay lưng bước ra phía hành lang. Những người đàn ông còn lại trong phòng vội vàng chen lấn, xô đẩy cả Serafina để đi theo bà ta. Lúc này Serafina Pekkala chỉ có đủ thời gian để đứng tránh sang một bên thật nhanh, tâm trí bà hơi bấn loạn. Giáo chủ là người rời đi sau cùng.

Phải mất mấy giây Serafina mới trấn tĩnh lại được, do sự xúc động đang bắt đầu khiến bà bị lộ diện. Bà đi theo những mục sư xuống hành lang vào một căn phòng nhỏ hơn, màu trắng, trống trơn và nóng nực. Tất cả họ tụm lại xung quanh một người sắp chết ở chính giữa: một phù thủy bị trói chặt trên ghế thép, mặt cô tái xám lại vì đau và chân bị gầy xoắn lại.

Coulter bước qua người cô. Serafina chọn một chỗ đứng gần cửa ra vào bởi bà biết mình sẽ không thể vô hình được lâu; điều đó là quá sức.

“Phù thủy, hãy cho ta biết về đứa trẻ,” Coulter nói.

“Không!”

“Người sẽ phải gánh chịu đau đớn.”

“Ta đã chịu đủ rồi.”

“Ồ, sẽ còn có nhiều thử thách hơn với người đấy. Chúng ta có hàng ngàn năm kinh nghiệm trong Nhà thờ của chúng ta. Bọn ta có thể kéo dài sự chịu đựng của người tới vô tận. Hãy nói cho bọn ta về đứa trẻ.” Coulter cúi xuống bẻ một ngón tay của cô. Ngón tay dễ dàng gãy ra.

Serafina kêu lên và trong hân một giây Serafina hiện nguyên hình, có một hoặc hai mục sư đã nhìn thấy, bối rối và hoảng sợ. Nhưng ngay sau đó, bà đã tự khống chế bản thân và những mục sư lại trở về với màn tra tấn của chúng.

Coulter nói: “Nếu người không trả lời câu hỏi, ta sẽ bẻ các ngón tay khác của người, hết ngón này lại đến ngón khác. Người biết gì về đứa trẻ? Nói cho ta biết.”

“Được rồi! Làm ơn, làm ơn đừng tra tấn nữa!”

“Trả lời ngay.”

Lại một tiếng tanh tách nho nhỏ nữa phát ra, lần này, cô phù thủy tuôn ra một tràng những tiếng thốn thức. Serafina hầu như không thể kiềm chế được mình. Rồi những âm thanh rên rỉ phát ra: “Đừng, đừng! Tôi sẽ nói cho các người. Tôi cầu xin các người đấy, đừng tra tấn nữa! Đứa trẻ đã đến... những phù thủy đã biết cô bé ấy là ai trước khi các người biết... Chúng ta đã tìm ra tên của cô bé...”

“Bọn ta biết tên của nó. Ý người định nói tên nào?”

“Tên thật của cô bé, tên định mệnh!”

“Thế tên nó là gì, hãy nói cho ta biết.” Coulter nói.

“Không... Không...”

“Làm cách nào, làm cách nào các người tìm ra?”

“Đã có một bài kiểm tra... nếu cô bé có thể phân biệt một cảnh thông mây trong vô vàn những cảnh khác, cô bé sẽ là người đó, việc này xảy ra ở tòa nhà lãnh sự của chúng tôi ở Trollesund, đứa bé đã đi cùng những người Gypsy... Đứa bé với con gấu...”

Giọng nói đột ngột tắt lịm.

Coulter không kiên nhẫn nổi nữa. Bà ta tát cô thật mạnh rồi gầm gừ.

“Nhưng lời tiên tri của các người về đứa trẻ là gì?” giọng bà ta đánh lại, vang lên giận dữ. “Và cả cái tên làm sáng tỏ định mệnh của nó nữa?”

Serafina lại gần hơn, thậm chí vào giữa đám đông những mục sư đang vây chặt lấy cô phù thủy, không ai trong số họ có thể cảm nhận được sự có mặt của bà ngay cả khi bà đứng ngay gần họ, nhưng bà quá căng thẳng để giữ cho mình không bị phát hiện trong thời gian dài. Bà run run chạm vào thanh gươm nơi thắt lưng.

Cô phù thủy thốn thức. “Cô bé đã tới đây trước kia, bà ghét và e sợ nó kể từ lúc đó. Ừm, bây giờ cô bé ấy lại tới và bà lại thất bại trong việc tìm ra cô... Cô bé ở đó, tại Svalbard... cô bé ở đó với Ngài Asriel, bà đã mất cô bé rồi. Cô bé đã trốn thoát, và cô bé sẽ...”

Cô phù thủy chưa nói hết thì bị ngắt quãng.

Một con nhạn biển bay vào từ phía cửa sổ, nó hoảng loạn tột độ, đập đập đôi cánh bị gãy và đâm vào sàn nhà. Nó vùng dậy lao thẳng vào ngực người phù thủy đang bị tra tấn, nó rúc mỏ vào người cô, kêu riu rít liên hồi, rồi khóc lóc và cô phù thủy gọi nó trong đau đớn: “Yambe-Akka! Đến với ta, đến với ta!”

Không ai ngoại trừ Serafina Pekkala có thể hiểu được điều này, Yambe-Akka là vị nữ thần đến với phù thủy khi họ sắp chết.

Và Serafina đã sẵn sàng. Trong chốc lát, bà hiện nguyên hình, tiến về phía trước mỉm cười hạnh phúc, bởi vì Yambe Akka vui vẻ và vô tư lự, sự viếng thăm của bà là một món quà của niềm vui. Cô phù thủy thấy bà liền ngẩng khuôn mặt đầy máu của mình lên, và Serafina cúi xuống hôn khuôn mặt ấy và đẩy con dao vào tim cô một cách nhẹ nhàng. Con nhân tinh nhận biến lơ mơ đôi mắt ngược nhìn lên rồi biến mất.

Bây giờ Serafina phải chiến đấu để tìm lối thoát cho mình.

Những gã mục sư hoàn toàn bị sốc, không tin vào mắt mình, nhưng bà Coulter gần như hồi phục lại ngay tức khắc.

“Bắt nó lại! Đừng để nó trốn thoát!” Coulter la lên, nhưng Serafina đã ở phía cửa, mũi tên của bà đã được đặt trên cung. Bà giương cung lên và thả tên ra, chỉ trong nháy mắt, Giáo hoàng đã tắt thở, nằm vệt xuống sàn.

Phía ngoài, dọc theo hành lang, cung lại giương lên và mũi tên lại được phóng ra, một người đàn ông khác ngã xuống, một tiếng chuông chói tai vang lên lạnh lạnh khắp con tàu.

Trên cầu thang và ngoài boong tàu, bà gặp hai thủy thủ trên đường đi, bà nói với họ: “Phía dưới đó! Tù nhân đang trốn thoát! Mau xuống giúp!”

Thế cũng đã đủ để làm cho họ bị lúng túng. Họ đứng yên lưỡng lự. Chừng đó thời gian cũng đủ để cho bà trốn thật nhanh và lấy được nhanh thông mây từ nơi cất giấu đằng sau bộ thông gió.

“Bắn nó!” Coulter vừa chạy vừa gào lên ở phía sau, ngay lập tức ba phát súng trường được bắn ra, đạn va vào kim loại rồi bay lên đám sương mù. Serafina đã nhảy được lên nhanh thông mây của mình rồi giục nó lao nhanh như tên. Chỉ vài giây sau bà đã an toàn trên không khí, trong đám sương dày, một con ngỗng khổng lồ lướt đến bên cạnh bà.

“Đi đâu?” nó hỏi.

“Đi khỏi đây, Kaisa, khỏi nơi này. Ta muốn thoát khỏi mùi hôi thối của bọn người này ngay.”

Thực ra bà không biết mình phải đi đâu hay làm gì tiếp theo nhưng có một điều bà biết chắc chắn: sẽ có một mũi tên trong ống tên của bà để lại dấu vết trên cuống họng bà Coulter.

Họ bay về phương nam, xa khỏi cái thế-giới-khác đầy rắc rối lập lờ trong đám sương mù, và trong khi bay một câu hỏi đã bắt đầu định hình rõ rệt hơn trong đầu Serafina. Ngài Asriel đang làm gì?

Bởi vì mọi sự kiện đã làm đảo lộn thế giới, tất cả đều bắt nguồn từ những hành động bí ẩn của ông ta.

Rắc rối ở đây là nguồn tri thức của bà là thuộc về tự nhiên. Bà có thể săn bắt cứ con thú nào, bắt bất cứ loài cá nào, tìm ra được cả những quả mọng hiếm có nhất, bà cũng có thể đọc được những dấu hiệu trong ruột của con chồn mactet hay giải mã những câu châm ngôn trên lớp vảy của con sào hoặc dịch được những lời cảnh báo từ phấn hao nghệ tay; nhưng đây là những đứa con của tự nhiên, và bọn chúng đã kể lại bà những chân lý tự nhiên đó.

Đối với kiến thức về Ngài Asriel, bà cần phải đi tới đâu đó khác.

Tại cảng Trollesund, lãnh sự của họ, tiến sĩ Lanselius vẫn còn giữ liên lạc với thế giới con người, nghĩ đoạn Serafina Pekkala liền tăng tốc qua màn sương tới đó để xem liệu ông ta có thể nói mình được gì không. Trước khi vào nhà của ông, Serafina bay một vòng quanh cảng, nơi màn sương mù trôi dạt giống như ma trên nước đóng băng, và quan sát như một hoa tiêu đang dẫn con tàu có đăng kí của châu Phi. Có vài con tàu khác đang nhổ neo phía ngoài cảng. Bà chưa bao giờ thấy nhiều tàu đến như vậy.

Khi cái ngày ngắn ngủi nhạt dần, bà bay xuống và hạ cánh ở vườn sau nhà lãnh sự. Bà gõ nhẹ vào cửa sổ, tiến sĩ Lanselius tự mình ra mở cửa, ông đặt một ngón tay lên môi.

“Chào cô Serafina,” ông nói. “Mau vào nhà nhanh, và cứ tự nhiên nhé. Nhưng tốt hơn hết là cô đừng có ở đây lâu.” Ông mời bà ngồi vào chiếc ghế bên cạnh lò sưởi, ngó qua tầm màn nhìn ra phía cửa sổ đối diện với con đường. “Cô uống một chút rượu chứ?”

Bà nhắm nháp từng ngụm rượu Tokay vàng kim và nói với ông tiến sĩ những điều đã nhìn và nghe thấy trên con tàu.

“Cô có nghĩ là chúng hiểu được những gì cô ấy nói về đứa trẻ không?” ông hỏi.

“Tôi nghĩ là không hoàn toàn. Nhưng chúng biết được rằng con bé rất quan trọng. Còn người đàn bà đó, tôi vẫn e dè mụ, tiến sĩ Lanselius ạ. Tôi sẽ giết mụ, tôi nghĩ thế, nhưng bây giờ tôi vẫn còn ngại mụ.”

“Vâng,” ông nói, “cả tôi cũng vậy.”

Serafina lắng nghe ông nói về tin đồn lan truyền khắp thành phố. Trong mớ tin đồn này, có một vài sự thật đã bắt đầu hiện rõ.

“Họ nói rằng Tổng giáo giám mục đang tập hợp lại thành một lực lượng lớn chưa từng có và họ là một đảng tiến bộ. Cũng có những tin đồn không lấy làm dễ chịu về một vài binh sĩ, Serafina Pekkala à. Tôi vừa biết tin về Bolvangar và những việc họ đang làm ở đây, đó là việc chia cắt nhân tính ra khỏi những đứa trẻ, đó là một tội ác dã man nhất mà tôi từng biết đến. Hình như có hẳn một trung đoàn bị đổi đái như vậy. Cô có biết từ *zombi* hay không? Chúng chẳng sợ gì cả vì chúng không có não. Bây giờ ở thành phố này cũng có một số đấy. Các nhà chức trách che giấu chúng, nhưng tin tức vẫn lọt ra, làm người dân vô cùng khiếp sợ.”

“Thế còn những thị tộc phù thủy khác thì sao?” Serafina nói. “Ông đã nghe được tin tức gì từ họ?”

“Phần lớn đã trở về quê hương của họ. Tất cả phù thủy đang đợi, Serafina Pekkala ạ, với nỗi sợ hãi trong tim cho những điều sẽ xảy ra tiếp theo.”

“Thế ông có nghe được điều gì từ Nhà thờ không?”

“Họ hoàn toàn bối rối. Cô thấy đấy, họ không hề biết Ngài Asriel đang định làm gì.”

“Tôi cũng không biết,” bà nói, “tôi không thể tưởng tượng được cái gì sẽ xảy ra. Ông nghĩ là Ngài Asriel đang định làm gì vậy, thưa tiến sĩ Lanselius?”

Ông tiến sĩ nhẹ nhàng dùng ngón tay xoa lên đầu con nhân tinh rắn của mình.

“Ông ấy là một học giả,” một lúc sau ông nói tiếp, “nhưng học vẫn không phải là niềm say

mê mạnh mẽ nhất của ông. Làm chính trị cũng không nổi. Tôi đã gặp ông ấy một lần, tôi nghĩ bản năng của ông ta rất mãnh liệt và rất có uy quyền nhưng không phải là người bạo ngược. Tôi không nghĩ là ông ấy muốn thống trị... Tôi không biết, Serafina Pekkala ạ. Tôi cho rằng người hầu cận của ông ta có thể nói với cô về điều này. Người đó tên là Thorold, anh này đã từng bị giam với Ngài Asriel trong ngôi nhà ở Svalbard. Đó sẽ là một chuyến viếng thăm đáng đồng tiền cho cô nếu anh ta có thể nói với cô mọi chuyện; nhưng dĩ nhiên, anh ta có thể đã đi tới một thế giới khác cùng với ông chủ của mình.”

“Cảm ơn ông, gợi ý đó thật là hay... Tôi sẽ tới đó. Tôi sẽ đi ngay bây giờ.”

Bà nói lời tạm biệt ngài lãnh sự rồi bay vụt lên bầu trời tối đen để gặp Kaisa, nó đang đợi bà trên không.

*

* *

Chuyến đi của Serafina Pekkala tới miền Bắc trở nên khó khăn hơn do sự hỗn loạn của thế giới xung quanh bà. Tất cả người dân Bắc cực đang lâm vào trạng thái hoảng loạn, cả muông thú cũng vậy, không chỉ vì sương mù và thay đổi từ tính không theo mùa mà còn cả vì tuyết lở lẫn biến động đất đai. Như thể là chính trái đất đang từ từ thức tỉnh sau giấc mơ dài bị đóng băng.

Trong tất cả sự náo động đó, nơi tia sáng bất chợt chói lòa thần bí chiếu xuống qua khe hở trên tháp sương rồi sau đó biến đi cũng nhanh như thế, nơi những đàn bò xạ bị đuổi chạy cật lực tới miền nam rồi ngay lập tức quay ngoắt sang miền tây hay miền bắc, nơi mà đàn ngỗng trời đàn xen chẳng chịt như nút dây đang rã ra thành một mớ hỗn độn kêu oang oác nhằm thoát khỏi từ trường bằng cách đập cánh lao thẳng về hướng này, và rồi Serafina Pekkala ngồi lên lại nhánh thông mây của mình tiến về phương bắc, đến ngôi nhà ở mũi hoang Svalbard. Tại đó bà thấy người hầu cận của Ngài Asriel, Thorold, đang phải chống chọi lại với một nhóm kền kền núi.

Bà nhìn thấy chuyển động trước khi tới đủ gần để nhìn xem cái gì đang diễn ra. Một vòng xoáy những đôi cánh và những tiếng kêu *wa... wa... wa...* dữ tợn vang lên khắp sân đầy tuyết; và một bóng hình đơn lẻ trong lớp lông thú đang bắn vào giữa chúng, con nhân tinh chó gầy dơ xương đang gầm gừ, sủa inh ỏi bên cạnh ông mỗi khi những con vật bắn thủ bay xuống thấp.

Bà không biết người đàn ông này, nhưng kền kền núi luôn kẻ thù. Bà bay qua lại trên không trung và bắn những mũi tên xuống cuộc hỗn chiến. Hàng loạt những tiếng thét inh tai và những tiếng nói lấp bấp vang lên... bọn chúng tổ chức quá lỏng lẻo để có thể được gọi là một đội quân. Chúng bay vòng quanh, nhìn kẻ tình địch mới của mình rồi chạy trốn trong hỗn loạn. Khoảng hơn một phút sau, bầu trời lại yên ả trở lại. Những tiếng kêu thảm hại *wa... wa... wa...* vang lên từ những dãy núi đằng xa kia trước khi chìm dần vào im lặng.

Serafina bay xuống sân và bước xuống đồng đồ nát, máu rải rác trên tuyết. Người đàn ông bỏ mũ trùm đầu ra, ông ta vẫn ôm cây súng trường bởi đôi khi phù thủy vẫn là kẻ thù. Serafina thấy một người đàn ông lớn tuổi với cái miệng rộng, mái tóc hoa râm và đôi mắt kiên định.

“Tôi là một người bạn của Lyra,” bà nói. “Tôi hi vọng chúng ta có thể nói chuyện, nhìn này: tôi đặt cây cung của mình xuống rồi đây.”

“Cô bé đâu rồi?” ông hỏi.

“Ở một thế giới khác. Tôi lo lắng cho sự an toàn của cô bé và tôi phải biết được Ngài Asriel

đang làm gì.”

Ông ta hạ thấp cây súng xuống và nói: “Rồi, hãy vào đi. Nhìn này: Tôi đã bỏ súng xuống rồi đấy.”

Không khi đã thay đổi, họ đi vào trong nhà. Kaisa lượn quanh phía trên cao, không ngừng quan sát trong khi Thorold pha một ít cà phê và Serafina kể cho ông già nghe về những việc liên quan đến Lyra.

“Cô bé luôn là một đứa trẻ bướng bỉnh,” ông kể khi họ ngồi trên cái bàn gỗ sồi trong nền sáng đỏ của chiếc đèn dầu. “Tôi thấy nó hàng năm hoặc hơn khi ngài viếng thăm làng cũ. Tôi rất thích nó, thật đấy—cô không thể cưỡng lại được. Nhưng vị trí của nó trong kế hoạch tổng thể là gì thì tôi không biết.”

“Ngài Asriel đang dự tính điều gì thế?”

“Cô không nghĩ rằng ngài sẽ kể tôi biết đấy chứ, Serafina Pekkala? Tôi là đầy tớ của ngài, tất cả chỉ có vậy. Tôi giặt giũ quần áo, nấu ăn và giữ gìn nhà cửa ngăn nắp cho ngài. Tôi có lẽ biết được một hoặc hai thứ trong suốt những năm thấy bên ngài ấy, nhưng chỉ là tình cờ nhất nhanh được thôi. Ngài sẽ không giải bày với tôi thêm bất cứ gì trong cái kho bí mật của ngài ấy.”

“Vậy hãy kể tôi một hoặc hai thứ ông tình cờ biết được đi,” bà nhất mực khẳng khái.

Thorold là một người đàn ông có tuổi rồi, nhưng ông vẫn khỏe mạnh và sung sức, và ông cảm thấy khoái chí bởi sự chú ý của người nữ phù thủy trẻ và sắc đẹp của bà, như bất kỳ người đàn ông nào khác. Mặc dù, ông cũng rất tinh tường, và ông biết sự chú ý không thực sự hướng về ông mà là những gì ông biết; và ông là người thành thật, vì vậy ông sẽ không chế biến thêm câu chuyện của mình nhiều hơn nó vốn có.

“Tôi không thể nói cô chính xác ngài đang làm gì,” ông nói, “bởi vì tất cả những chi tiết học thuật nằm ngoài tầm với của tôi. Nhưng tôi có thể kể cho cô điều gì đang dần dần ngài ấy, dần cho ngay cả ngài cũng không biết. Tôi đã nhìn thấy điều này trong hàng trăm dấu hiệu nhỏ. Cứ chính nếu tôi sai, nhưng những tộc người phù thủy có những vị thần khác với chúng tôi, điều đó đúng chứ?”

“Phải, đó là sự thật.”

“Nhưng cô có biết gì về Chúa của chúng tôi không? Chúa của Giáo hội, người được họ gọi là Đấng quyền năng?”

“Vâng tôi có biết.”

“Ngài Asriel chưa bao giờ thấy mình thanh thản với học thuyết của Nhà thờ. Tôi đã từng nhìn thấy cơn phẫn nộ ghê gớm trên khuôn mặt ông khi họ bàn về lễ ban phước, rửa tội, cứu thế và những thứ đại loại như vậy. Nó là cái chết dành cho chúng ta, Serafina Pekkala à, nếu dám thử thách giáo hội. Nhưng trong thâm tâm Ngài Asriel luôn ấp ủ một cuộc nổi loạn trong suốt thời gian tôi phục vụ ngài ấy, điều đó thì tôi biết rõ.”

“Một cuộc nổi loạn chống lại Giáo hội ư?”

“Ừa, phần nào là thế. Có lần ngài đã có ý định thành lập một đội quân, nhưng rồi ngài lại quay lưng với dự định đó.”

“Tại sao vậy? Giáo hội quá mạnh ư?”

“Không,” người hầu già nói, “điều đó đâu có thể ngăn cản được ông chủ của tôi. Điều này có thể làm cô lấy làm lạ đấy, Serafina Pekkala ạ, nhưng tôi biết ông chủ rõ hơn bất cứ người vợ nào của ngài, thậm chí rõ hơn cả mẹ ngài. Ngài Asriel đã là ông chủ của tôi và là đối tượng nghiền ngẫm của tôi gần bốn mươi năm nay rồi. Tôi không thể nắm bắt được tầm cao trí tuệ của ngài hơn gì việc tôi có thể bay, nhưng tôi có thể thấy ngài đã tiến xa đến nơi mà thậm chí cả tôi không thể theo tới được. Không, tôi không tin là ông chủ không tiến hành một cuộc nổi loạn chống lại giáo hội không phải vì nó quá mạnh mà vì nó quá yếu, không đáng để chống lại.”

“Vậy...ông ta đang làm gì?”

“Tôi nghĩ ông chủ đang tiến hành một cuộc chiến tranh còn hơn thế nữa. Tôi cho rằng ngài đang nhằm vào một cuộc chiến chống lại thế lực cao nhất trong tất cả. Ngài ra đi tìm kiếm nơi trú ngụ của chính Đấng toàn năng, và ngài dự định sẽ tiêu diệt Người. Đó là tất cả những gì tôi nghĩ. Nói ra điều này tim tôi cũng đập dữ lắm cô ạ. Tôi hầu như không dám nghĩ về nó. Nhưng tôi không thể tập hợp lại thành một câu chuyện khác có ý nghĩa hơn về việc mà ngài đang làm.”

Serafina ngồi im lặng một lúc, mải mê với những gì ông Thorold nói.

Trước khi bà có thể nói, ông Thorold tiếp tục:

“Tất nhiên, bất cứ ai lên kế hoạch làm một thứ lớn lao như thế đều sẽ trở thành mục tiêu cho cơn thịnh nộ của Giáo hội. Đi không nói một lời. Đó là lời báng bổ khủng khiếp nhất, họ có lẽ sẽ nói thế. Họ có thể bắt ông đứng trước Tòa án tôn giáo và xử tử ngài trước khi cô kịp chớp mắt. Tôi chưa bao giờ nói về chuyện này trước đây và tôi cũng sẽ không bao giờ lặp lại nữa; tôi rất ngại khi phải nói thành lời điều này với cô nếu cô không phải là một phù thủy và nằm ngoài quyền lực của giáo hội; nhưng tất cả chỉ vậy thôi, không còn gì khác nữa. Ông chủ đang tìm Đấng toàn năng và hạ sát Người.”

“Có thể thế sao?” Serafina nói.

“Cuộc sống của Ngài Asriel tràn ngập những điều không thể. Tôi không nói được có điều chi mà ngài không thể làm. Nhưng bên trên đó, Serafina Pekkala ạ, ngài hoàn toàn điên rồ. Nếu các thiên thần còn không làm được, làm sao một người đàn ông lại dám nghĩ về điều đó chứ?”

“Thiên thần ư? Thiên thần nào?”

“Giáo hội nói đó là những tâm hồn thánh thiện. Giáo hội dạy rằng một vài thiên thần đã nổi loạn trước khi thế giới này được tạo ra, và họ bị quăng thẳng từ thiên đường xuống địa ngục. Cô thấy đấy, họ đã thất bại, đó là điểm chính. Họ không thể làm được việc đó. Họ có sức mạnh của thiên thần. Ngài Asriel chỉ là một người đàn ông có sức mạnh bình thường không có gì hơn cả. Nhưng hoài bão của ngài thì không có giới hạn. Ngài dám làm những việc mà không một người bình thường nào dám nghĩ. Hay nhìn vào những gì mà ngài đã làm được: ngài đã xé toang bầu trời, mở ra một lối dẫn vào thế giới khác. Có ai khác làm được những điều như vậy không? Ai có thể nghĩ được điều đó? Vậy nên, Serafina Pekkala ạ, một phần trong tôi cho rằng ngài bị điên và nguy hiểm. Nhưng một phần khác lại nghĩ, ngài là Ngài Asriel, không giống những người đàn ông khác. Có lẽ... nếu điều đó trở thành sự thật thì người làm được việc này chính là ông chủ chứ không phải ai khác.”

“Ông sẽ làm gì hả Thorold?”

“Tôi sẽ ở đây và đợi, tôi sẽ chăm nom ngôi nhà này cho tới khi ông chủ về và bảo tôi làm việc khác, hoặc là cho tới khi tôi chết thì thôi. Bây giờ, thưa quý cô, có lẽ tôi cũng hỏi cô những

câu hỏi tương tự.”

“Tôi sẽ phải bảo đảm rằng cô bé được an toàn,” Bà nói. “Có thể tôi sẽ phải đi qua con đường này một lần nữa. Tôi rất vui nếu biết được ông vẫn còn ở đây.”

“Tôi sẽ không đi đâu đâu.” Thorold nói.

Serafina từ chối dùng bữa với ông Thorold rồi tạm biệt ông lên đường.

Chỉ một phút sau bà đã gặp lại nhân tình của mình, nó giữ im lặng bên bà khi họ bay vút lên không trung phía trên những ngọn núi đầy sương. Lúc này bà đang rối bời, chẳng cần phải giải thích điều gì: những tảng rêu, những vùng nước đóng băng, những đàn muỗi vẫn đáng sợ nơi quê hương làm bà rùng mình, quê hương đang gọi bà quay trở về. Bà lo sợ cho họ và lo sợ cho cả chính mình vì bà cần phải thay đổi. Đây là một vấn đề mà bà có liên quan tới, đây là vấn đề con người. Chúa trời của Ngài Asriel không phải là chúa trời của bà. Liệu bà có biến thành một con người hay không? Liệu bà có mất đi dòng máu phù thủy trong người hay không?

Nếu phải làm việc đó bà sẽ không làm một mình.

“Về nhà thôi,” bà nói. “Chúng ta cần nói chuyện với các chị em Kaisa ạ. Vấn đề này quá lớn, chúng ta không thể giải quyết một mình được.”

Họ nhanh chóng xuyên qua bờ sương dày đặc hướng về phía hồ Erana và về nhà.

*

* *

Trong hang bên cạnh hồ, họ thấy có rất nhiều thị tộc khác và cả Lee Scoresby nữa. Người lái khí cầu này đã cố hết sức để giữ cho quả khí cầu được bay lên sau vụ va quệt ở Svalbard, những phù thủy đã hướng dẫn ông trở về quê hương của họ. Tại đây, ông bắt đầu sửa chữa giỏ kí cầu và cả bình ga bị hỏng.

“Tôi rất vui được gặp cô, thưa cô, cô có tin tức gì về đứa bé chưa?”

“Chưa đâu, ông Scoresby ạ. Ông sẽ tham dự cuộc họp hội đồng của chúng ta hôm nay và giúp chúng tôi thảo luận nên làm điều gì chứ?”

Người đàn ông Texas chớp mắt ngạc nhiên, vì từ trước tới giờ chưa hề có một người đàn ông nào được tham gia hội đồng phù thủy.

“Tôi rất vinh dự,” ông nói. “Có thể tôi sẽ có một hay hai gợi ý cá nhân tôi cho các bạn.”

Trong suốt ngày hôm đó rất nhiều phù thủy tới, giống như những bông tuyết đen có cánh trong một cơn bão, tràn ngập bầu trời trong bộ quần áo bằng lụa lao nhanh như tên bắn như tô điểm thêm màu sắc và tiếng sột soạt do chiếc kim trên mỗi nhánh thông mây tạo ra. Những người đàn ông đang săn bắn trong khu rừng ẩm ướt hay đang bắt cá giữa những tảng băng trôi đều nghe thấy những tiếng xao động vang vọng từ đám sương trên trời. Và nếu trời quang, họ có thể nhìn lên xem những phù thủy đang bay giống như những chấm màu sẫm trôi dạt trong một dòng chảy bí mật.

Buổi tối, những cây gỗ thông quanh hồ được thắp sáng bằng hàng trăm đồng lửa, đồng lửa to nhất được thắp ở hang chính giữa. Ở đó, sau khi ăn uống xong, họ tụ tập lại. Serafina Pekkala ngồi chính giữa, trên mái tóc sáng màu của bà là một vương miện bằng những bông hoa đỏ

thăm. Phía bên trái bà là Lee Scoresby, và phía bên phải là một vị khách: nữ hoàng phù thủy của Latvia tên là Ruta Skadi.

Cô ta mới đến đây được một giờ và Serafina rất lấy làm ngạc nhiên trước sự có mặt của cô. Serafina nghĩ rằng cô ta thật đẹp, nhưng Ruta Skadi cũng như bà Coulter vậy, với rất nhiều điều bí ẩn và không tự nhiên. Linh hồn của cô ta đã làm những việc bất hợp pháp và nó đã lộ ra. Trông cô lúc này thật sắc sảo và sôi nổi với đôi mắt to đen nhánh, người ta nói rằng Ngài Asriel đã từng là người yêu của cô. Cô ta đeo một đôi khuyên tai bằng vàng thật nặng, một vương miện trên mái tóc uốn màu đen được đeo thêm những chiếc nanh hổ trắng. Nhân tinh của Serafina đã được nhân tinh của cô ta cho biết rằng chính cô ta đã giết chết con hổ để trừng phạt bộ lạc Tartar, bộ lạc thờ cúng họ, bởi những người dân bộ lạc này đã không làm hài lòng khi cô đến thăm lãnh thổ. Không có thần hổ, người dân ở bộ lạc này sẽ bị suy sụp, sống trong sợ hãi và u buồn, họ đã cầu xin cô ta để họ được thờ cô thay vì bị loại bỏ, coi khinh; cô ta đã hỏi rằng, vậy liệu họ sẽ mang lại cho cô ta những thứ gì? Họ chẳng thể làm gì cho con hổ cả. Thật là một Ruta Skadi xinh đẹp, kiêu căng và tàn nhẫn.

Serafina không hiểu tại sao cô ta lại tới nhưng bà vẫn chào đón và chấp nhận nghi thức yêu cầu rằng cô ta nên được ngồi ở bên phải Serafina. Khi họ đã tụ tập đông đủ, Serafina bắt đầu nói:

“Các chị em! Các bạn biết tại sao chúng ta tụ họp ở đây chứ: chúng ta phải làm gì trước những sự kiện mới này. Vũ trụ đang bị tàn phá trên diện rộng, và từ thế giới này, Ngài Asriel đã mở một lối dẫn ra một thế giới khác. Liệu chúng ta có nên bận tâm với những điều này không? Hay là chỉ sống cuộc sống mà chúng ta vẫn từng sống như trước đây, chỉ quan tâm tới những việc của chúng ta mà thôi. Có một vấn đề về đứa trẻ tên là Lyra Belacqua, bây giờ được vua gấu lorek Byrnison gọi là Lyra Lưỡi bạc. Cô bé đã chọn đúng cảnh thông mây ở ngôi nhà của tiến sĩ Lanselius: cô bé chính là đứa bé luôn được mong chờ, và bây giờ cô bé đã biến mất.”

“Chúng ta có hai người khách sẽ nói với chúng ta về cảm nghĩ của họ. Đầu tiên chúng ta sẽ nghe Nữ hoàng Ruta Skadi.”

Ruta Skadi đứng dậy, đôi tay của cô ta như tỏa sáng dưới ánh lửa, đôi mắt lấp lánh đến nỗi những phù thủy ở xa nhất cũng có thể thấy được khuôn mặt sắc sảo của cô.

“Các chị em,” cô bắt đầu, “hãy để tôi nói cho các bạn điều gì đang xảy ra và người nào chúng ta cần phải chiến đấu. Vì có một cuộc chiến tranh đang tới gần. Tôi không biết ai sẽ tham gia cùng chúng ta nhưng tôi biết chúng ta phải chống lại ai. Đó là Giáo điều rắn đe, là Giáo hội. Trong suốt chiều dài lịch sử—dù nó không dài so với tuổi đời của chúng ta, nhưng đã trải qua rất nhiều, rất nhiều những thế hệ của họ—nó đã cố kìm hãm và điều khiển mọi sự thúc đẩy tự nhiên. Và khi nó không thể kiểm soát được chúng, nó loại bỏ thẳng thừng. Một vài người trong các bạn đã nhìn thấy những việc bọn chúng đã làm ở Bolvangar. Thật kinh khủng, nhưng đây chưa phải là nơi duy nhất, đó không chỉ là thực nghiệm. Các chị em, các bạn mới chỉ biết đến miền bắc; tôi thì đã tới miền nam. Ở đó cũng có những nhà thờ, hãy tin tôi, chúng cũng cắt đứt trẻ em với nhân tinh, như những kẻ ở Bolvangar đã từng làm... tuy không cùng một cách thức nhưng cũng đều dã man như nhau... chúng cắt bỏ bộ phận sinh dục của trẻ em, cả bé trai và bé gái – chúng cắt bằng dao vì vậy họ không hề cảm thấy gì. Đó là những gì giáo hội đã làm, và giáo hội nào cũng vậy: điều khiển, phá hủy, xóa sạch những cảm xúc tốt đẹp. Vì vậy nếu chiến tranh xảy ra, giáo hội sẽ là một phe và chúng ta phải ở phía kia, bất kể chúng ta là đồng minh xa lạ nào, chúng ta phải tự mình vùng lên.

“Tôi đề nghị rằng các thị tộc phù thủy nên đồng nhất và đi tới miền bắc để khám phá thế giới mới, và nhìn xem liệu chúng ta sẽ khám phá ra thứ gì ở đấy. Nếu mà không tìm thấy đứa trẻ ở thế giới của chúng ta thì có lẽ nó đã đi theo Ngài Asriel rồi. Ngài Asriel là chìa khóa cho vấn đề này, hãy tin tôi. Ông ta đã từng là người tình của tôi, và tôi rất sẵn lòng ra nhập lực

lượng của ông vì ông ta ghét giáo hội và những việc chúng đã làm. Đó là những điều mà tôi phải nói.”

Ruta Skadi nói rất sôi nổi và Serafina ngưỡng mộ sắc đẹp và quyền lực của cô ta. Khi nữ hoàng của Latvia ngồi xuống, Serafina quay sang Lee Scoresby.

“Ông Scoresby là một người bạn của đứa trẻ và cũng là một người bạn của chúng ta. Ông có thể cho chúng tôi biết cảm nghĩ của ông được không?”

Người đàn ông Texas đứng dậy, cúi người nhã nhặn. Trông ông như thể không quan tâm tới những việc lạ xảy ra nhưng thực tế thì lại khác. Con nhân tinh thổ rùng của ông thu mình ngay bên cạnh, tai nó phủ dài trên lưng, đôi mắt màu vàng của nó nhắm hờ.

“Thưa các quý bà, trước tiên tôi phải cảm ơn các bạn vì sự tốt bụng của các bạn dành cho tôi, và sự giúp đỡ cho một người lái khí cầu bị những cơn gió đến từ một thế giới khác làm cho nát tan tành. Tôi sẽ không lạm dụng lòng nhân ái của các bạn lâu.

“Khi tôi đang đi từ miền bắc tới Bolvangar với những người Gypsy, cô bé Lyra đã kể cho tôi nghe về những gì đã xảy ra ở ngôi trường của cô bé, phía sau Oxford. Ngài Asriel đã cho những học giả khác thấy được cái đầu bị cắt lìa của một người đàn ông có tên là Stanislaus Grumman, với mục đích thuyết phục họ đưa thêm tiền để tài trợ cho ông ta tới miền bắc và xem những gì đang xảy ra.

“Lúc đó cô bé rất chắc chắn về những gì mình đã nhìn thấy nên tôi không hỏi cô bé quá nhiều. Nhưng những gì cô bé nói như in sâu vào tâm trí tôi chỉ ngoại trừ việc tôi không thể tới đó sớm hơn. Tôi được biết vài thứ về tiến sĩ Grumman. Đó là một thợ săn có tuổi ở Tungusk đã kể cho tôi. Dường như ông Grumman biết chỗ của một loại vũ khí nào đó có thể bảo vệ cho bất kì ai giữ nó. Tôi không dám coi thường phép thuật mà phù thủy các bạn có thể điều khiển, nhưng vật này, bất kể nó là gì, có một sức mạnh vượt trội tất cả những gì tôi đã từng được nghe.

“Tôi nghĩ là tôi phải trì hoãn kì nghỉ hưu của mình tại Texas bởi tôi quan tâm tới đứa trẻ và tìm kiếm tiến sĩ Grumman. Các bạn thấy đấy, tôi đâu có nhìn thấy đầu của ông ta. Tôi nghĩ là Ngài Asriel chỉ bịp bợm những học giả đó mà thôi.

“Vì vậy tôi sẽ tới Nova Zembla, nơi cuối cùng mà tôi được biết rằng ông tiến sĩ hãy còn sống. Tôi không thể thấy được tương lai nhưng tôi thấy hiện tại rất rõ ràng. Tôi sẽ ở bên cạnh các bạn trong cuộc chiến này. Và đây là nhiệm vụ mà tôi sẽ đảm nhận, thưa các quý bà.” Ông kết thúc rồi quay về phía Serafina Pekkala nói: “Tôi sẽ tìm cho ra Stanislaus Grumman, tìm hiểu xem ông ta biết những gì, nếu tôi có thể tìm được vật mà ông ta biết, tôi sẽ lấy nó cho Lyra.”

Serafina nói: “Ông đã có gia đình chưa, ông Scoresby? Ông có con chưa?”

“Không cô à, tôi không có con mặc dầu tôi rất muốn được làm cha. Nhưng tôi hiểu câu hỏi của cô, cô nói đúng: con bé thật bất hạnh khi có bố mẹ như vậy, tôi có thể đùm bọc nó. Ai đó phải làm việc này và tôi rất sẵn lòng.”

“Cảm ơn ông Scoresby,” bà nói.

Bà lấy vương miện ra khỏi đầu, ngắt từ đó một bông hoa đỏ thắm, khi bà đội lên đầu những bông hoa vẫn còn tươi rói như là chỉ vừa mới được hái.

“Ông hãy cầm lấy cái này,” bà nói. “Bất cứ khi nào ông cần tới sự giúp đỡ của tôi, lúc đó ông

hãy cầm trên tay bông hoa này và gọi tôi, tôi sẽ nghe thấy ông cho dù ông ở bất cứ nơi nào.”.

Ông Scoresby thật ngạc nhiên nói: “Cảm ơn cô”. Ông nhận bông hoa rồi cẩn thận cài nó vào túi áo ngực.

“Chúng tôi sẽ triệu tập một cơn gió để giúp ông tới Nova Zembla,” Serafina Pekkala nói với ông. “Nào, các chị em, có ai có ý kiến gì không?”

Hội nghị lại tiếp tục. Phù thủy rất dân chủ, về từng quan điểm một; mỗi một phù thủy, thậm chí cả người trẻ nhất đều có quyền phát biểu nhưng chỉ có nữ hoàng của họ mới có quyền quyết định. Họ bàn bạc suốt cả đêm, những giọng nói sôi nổi về việc mở ra một cuộc chiến tranh, một vài người đề nghị nên cẩn thận, chỉ một vài phù thủy, những người thông minh nhất yêu cầu một nhiệm vụ là lần đầu tiên hợp nhất các thị tộc phù thủy lại.

Ruta Skadi đồng ý với ý kiến đó và Serafina đưa ra thông điệp ngay lập tức. Về những việc họ phải làm ngay, Serafina chọn ra hai mươi chiến binh phù thủy tốt nhất và ra lệnh cho họ chuẩn bị bay tới miền bắc cùng với bà, đến thế giới mới mà Ngài Asriel đã mở ra, để tìm kiếm Lyra.

“Thế còn cô, nữ hoàng Ruta Skadi?”

“Tôi sẽ tìm kiếm Ngài Asriel, tôi sẽ biết được những gì ông ấy làm từ chính miệng ông ta. Hình như đường ông ta đã đi cùng hướng tới miền bắc. Tôi có thể đi cùng đội quân tiên phong của các bạn có được không?”

“Cô có thể, rất hoan nghênh cô,” Serafina rất vui vì có cô ta cùng đồng hành.

Vì vậy các phù thủy cũng đồng ý.

Ngay khi cuộc họp vừa kết thúc, một phù thủy lớn tuổi lại gần Serafina Pekkala và nói: “Nữ hoàng, cô phải nghe những gì mà Jutta Kamainen nói. Cô ta rất cứng đầu nhưng điều này rất quan trọng đấy.”

Phù thủy trẻ Jutta Kamainen—trẻ so với tiêu chuẩn của phù thủy, chỉ mới hơn một trăm tuổi—cô đang rất ương ngạnh và bối rối, và con nhân tinh chim cổ đỏ của cô đang bị kích động, nó bay từ vai cô xuống tay rồi lại bay vòng lên cao trước khi đậu lại trên vai chủ mình; cô có một vẻ tự nhiên sôi nổi và đầy sức sống. Serafina không biết rõ lắm về cô.

“Nữ hoàng,” cô phù thủy trẻ nói, cô không thể giữ im lặng trước cái nhìn của Serafina, “tôi biết ông Stanislaus Grumman. Tôi đã yêu ông ta. Nhưng bây giờ tôi căm thù ông ta đến nỗi nếu tôi nhìn thấy ông ta, tôi có thể giết chết ông ta. Tôi sẽ không nói gì nếu chị tôi không bắt tôi phải nói với nữ hoàng.”

Cô ta nhìn chị mình đầy tức tối. Cô chị quay đi với cái nhìn đầy lòng trắc ẩn: cô ấy biết về tình yêu.

“Được rồi,” Serafina nói, “nếu ông ta còn sống, thì ông ta phải vẫn còn sống cho tới khi nào ông Scoresby tìm ra ông ta trước đã. Tốt hơn hết là cô nên đi cùng chúng tôi tới thế giới mới để loại trừ mối nguy hiểm còn hơn là cô giết chết ông ta. Quên ông ta đi Jutta Kamainen. Tình yêu làm chúng ta phải chịu đựng. Nhưng nhiệm vụ này của chúng ta còn lớn hơn là trả thù rất nhiều. Hãy nhớ lấy điều đó.”

“Vâng, thưa nữ hoàng,” cô phù thủy trẻ nói giọng vẫn hần học.

Nữ hoàng Serafina Pekkala cùng với hai mươi một người của bà và cả nữ hoàng xứ Latvia, Ruta Skadi chuẩn bị cho chuyến bay tới thế giới mới, nơi mà chưa một phù thủy nào đặt chân tới.

Chương 3: Thế giới trẻ thơ

Lyra tỉnh dậy rất sớm.

Cô đã có một giấc mơ thật kinh hoàng: cô đã được đưa cho chiếc bình chân không mà cô đã nhìn thấy cha mình, Ngài Asriel, mang ra cho hiệu trưởng và các học giả trường Jordan xem. Khi đang xảy ra việc đó, Lyra đang trốn trong chiếc tủ búp phê, cô thấy Ngài Asriel mở cái bình ra cho các học giả xem cái đầu đứt lìa của Stanislaus Grumman, nhà thám hiểm bị lạc đường. Nhưng trong giấc mơ của cô, chính tay Lyra đã mở chiếc bình ra, và cô không hề muốn làm điều này. Cô bé cảm thấy tay mình như bị yếu hèn đi vì khiếp sợ khi cô sắp mở nắp ra và thấy không khí như luồn vào chiếc bình lạnh ngắt. Cô bé nâng cái nắp lên, gần như ngưng thở vì sợ hãi, nhưng cô biết điều mình phải làm—cô phải thực hiện nó. Thật ngạc nhiên vì chẳng có gì bên trong cả. Cái đầu đã biến mất. Chẳng còn gì để sợ cả. Nhưng cô tỉnh dậy ngay lúc đó, vừa gào thét vừa đổ mồ hôi hột trong căn phòng ngủ nhỏ xíu nóng nực hướng mặt ra cảng, ánh trăng chiếu qua cửa sổ và rọi lên giường ngủ của ai đó khác, làm sáng bừng cả gối. Con chồn Ecmín Pantalaimon đang dí mõm vào người cô, nó kêu khe khẽ. Ô, cô quá hoảng sợ rồi! Thật là kì quặc, trong cuộc sống thực của mình cô rất hào hứng được xem cái đầu của Stanislaus Grumman, cô đã thuyết phục Ngài Asriel mở cái bình ra một lần nữa để cho cô nhìn, nhưng trong giấc mơ của cô thì thật là khủng khiếp.

Vào buổi sáng, cô hỏi Chân-kế rằng giấc mơ đó có ý nghĩa như thế nào, nhưng tất cả những gì nó trả lời chỉ là: *Đó là một giấc mơ về một cái đầu.*

Cô nghĩ đã đến lúc đánh thức cậu bé xa lạ kia dậy, nhưng cậu ngủ say quá nên cô quyết định không gọi nữa. Thay vào đó, cô đi xuống bếp thử làm món ốp lết, hai mươi phút sau, cô ngồi vào cái bàn trên vỉa hè ăn món ốp lết đen xì và đầy sạn với niềm tự hào khôn siết trong khi, con chim sẻ Pantalaimon đang mổ mảnh vỏ sò.

Cô nghe thấy có tiếng động phía đằng sau, đó chính là Will với đôi mắt nặng trĩu do ngủ nhiều.

“Tôi làm được món ốp lết rồi này,” cô nói. “Tôi sẽ làm cho bạn một ít nếu bạn muốn.”

Will nhìn vào đĩa thức ăn của Lyra và nói, “Không, tôi sẽ ăn ngũ cốc. Vẫn còn một ít sữa còn tươi nguyên trong tủ lạnh. Những người sống ở đây chắc vẫn chưa bỏ đi lâu.”

Cô quan sát cậu rắc rắc hộp ngũ cốc vào bát rồi đổ sữa vào, một điều trước đây cô chưa bao giờ thấy.

Cậu mang cái tô ra ngoài và nói: “Nếu bạn không tới từ thế giới này thì bạn tới từ thế giới nào vậy? Làm cách nào bạn tới được đây?”

“Qua một cái cầu. Cha tôi làm cái cầu ấy và... tôi theo sau cha qua cầu. Nhưng cha tôi đã đi nơi nào khác rồi, tôi không biết là ở đâu. Tôi không quan tâm. Nhưng khi tôi đi qua cầu, có rất nhiều sương, tôi nghĩ là tôi đã bị lạc. Tôi cứ đi quanh đám sương đó trong mấy ngày mà chỉ ăn mỗi quả mòng và những thứ tôi tìm thấy ở đây. Rồi một ngày khi sương đã tan, tôi thấy mình đang ở trên vách đá phía sau đằng kia...”

Cô chỉ về phía sau. Will nhìn dọc bờ biển, tới ngọn hải đăng và cậu thấy một bờ biển nổi lên hàng loạt những vách đá hiện ra mờ mờ đằng xa.

“Tôi nhìn thấy thành phố ở đây và bước tới, nhưng chẳng có ai ở đây cả. Ít nhất ở đây cũng có thức ăn và chỗ để ngủ. Chúng tôi không biết phải làm gì tiếp theo.”

“Bạn có chắc đây không phải là một phần trong thế giới của bạn không?”

“Dĩ nhiên, đây đâu phải là thế giới của tôi, tôi biết chắc chắn điều này.”

Will nhớ ra điều chắc chắn của chính cậu khi nhìn thấy mảng cỏ qua ô cửa sổ trên không trung, cậu bé gật đầu, đó không phải thế giới của cậu.

“Vậy là có ít nhất ba thế giới giao nhau,” cậu hỏi.

“Có hàng triệu hàng triệu ý chứ,” Lyra nói. “Một nhân tinh khác đã nói với tôi như vậy. Nó là nhân tinh của phù thủy. Không ai có thể đếm xem có tất cả bao nhiêu thế giới, ở trong cùng một khoảng không, nhưng trước khi cha tôi làm ra chiếc cầu, chưa từng ai có thể đi từ thế giới này sang thế giới khác.”

“Thế còn cái cửa sổ mà tôi tìm thấy thì sao?”

“Tôi không biết về nó. Có lẽ tất cả các thế giới đang chuyển dịch vào nhau.”

“Thế tại sao bạn lại đi tìm bụi?”

Cô bé nhìn cậu lãnh đạm. “Có thể tôi sẽ nói với bạn lúc khác.”

“Cũng được. Nhưng làm cách nào bạn sẽ tìm ra nó?”

“Tôi sẽ tìm một Học giả biết đến điều này.”

“Cái gì cơ, bất cứ học giả nào á?”

“Không. Một nhà thần học thực nghiệm,” cô nói. “Ở Oxford của tôi, họ là những người biết về vấn đề này. Vì lý do đó, cũng có một Oxford ở thế giới của bạn. Tôi sẽ tới trường Jordan trước bởi ở đó có những người giỏi nhất.”

“Tôi chưa bao giờ nghe nói về thần học thực nghiệm cả,” cậu bé nói.

“Họ biết tất cả về hạt sơ cấp và lực cơ bản,” cô giải thích, “và từ tính Anbaro, những thứ đại loại như vậy. Năng lượng nguyên tử.”

“Cái gì từ tính?”

“Từ tính Anbaro. Giống như là anbaric ấy. Những cái đèn đó,” cô nói, chỉ tay vào cột đèn đường trang trí, “chúng là anbaric.”

“Chúng tôi gọi đó là điện.”

“Điện á... Giống như là hợp kim vàng vậy. Đó là một loại đá, đá quý, được làm từ nhựa cây. Thỉnh thoảng có cả côn trùng trong đó.”

“Ý bạn nói là hoàng thạch,” cậu bé hỏi, rồi cả hai cùng nói, “Anbar...”

Mỗi người họ đều tìm thấy câu trả lời trên khuôn mặt người kia. Mãi về sau Will vẫn còn nhớ khoảnh khắc này.

“Chà, điện từ,” cậu tiếp tục vừa nhìn đi chỗ khác. “Thần học thực nghiệm của bạn nghe như mấy thứ chúng tôi gọi là vật lý. Bạn là cần tìm một nhà khoa học chứ không phải nhà thần học.”

“À,” cô thận trọng nói. “Tôi sẽ tìm họ.”

Buổi sáng thật quang đãng, họ ngồi cùng nhau, ánh sáng mặt trời chiếu sáng yên bình lên cảng, đáng nhẽ mỗi người phải nói gì đó tiếp theo bởi vì ai cũng đang bùng cháy với những câu hỏi; nhưng rồi họ nghe thấy có một giọng nói từ phía trước cảng đằng xa kia, hướng gần vườn sòng bạc.

Cả hai cùng giật mình nhìn về hướng có giọng nói. Đó là giọng nói của trẻ con những chẳng thấy có ai ở đấy cả.

Will khẽ nói với Lyra, “Bạn đã nói bạn ở đây được bao lâu?”

“Ba hay bốn ngày, tôi không đếm được. Tôi chưa từng nhìn thấy ai ở đây bao giờ. Đã kiếm gần như khắp nơi.”

Nhưng đúng là có. Hai đứa trẻ, một đứa con gái trạc tuổi Lyra và một đứa con trai bé hơn, đang tới từ một phía con phố, đi xuống phía dưới bến cảng. Chúng đang mang theo giỏ, cả hai đứa trẻ đều có mái tóc màu đỏ. Khi chúng cách bàn uống cà phê chỗ Will và Lyra ngồi khoảng một trăm thước thì chúng nhìn thấy cả Will và Lyra.

Pantalaimon thay đổi hình dạng từ một con chim sẻ cánh vàng biến thành một con chuột rồi chạy từ lòng của Lyra và túi áo cô bé. Nó thấy những đứa trẻ này giống hệt Will đều không nhìn thấy được nhân tinh.

Hai đứa trẻ lại gần và ngồi vào một cái bàn gần đấy.

Cô bé mới tới hỏi: “Bạn tới từ Ci'gazze à?”

Will lắc đầu.

“Từ Sant'Elia?”

“Không,” Lyra nói. “Chúng tôi tới từ đâu đó khác.”

Cô bé kia gật đầu. Đây là một câu trả lời có vẻ có lý.

“Điều gì đã xảy ra vậy?” Will hỏi. “Thế những người lớn đâu cả rồi?”

Cô bé cụp mắt xuống. “Bọn Spectre không tới thành phố của các bạn sao?”

“Không,” Will nói. “Chúng tôi vừa tới đây xong. Chúng tôi không biết gì về Spectre cả. Thành phố này tên là gì vậy?”

“Ci'gazze,” cô bé nói đầy nghi hoặc.

“Đúng đó, Ci'gazze.”

“Ci'gazze,” Lyra lặp lại. “Ci'gazze. Tại sao những người lớn lại phải ra đi?”

“Bởi vì bọn Spectre,” cô bé nói với giọng rất coi khinh. “Thế tên các bạn là gì?”

“Mình là Lyra và cậu ấy tên là Will. Thế còn các bạn?”

“Angelica. Em mình tên là Paolo.”

“Trên đồi. Có một đám sương mù dày đặc và một trận bão đã làm mọi người hoảng sợ chạy cả lên đồi. Khi sương tan, qua kính viễn vọng, những người lớn nhìn thấy cả thành phố tràn ngập Spectre, vì vậy họ không thể quay trở lại. Nhưng lũ trẻ con chúng tôi không sợ Spectre. Những đứa trẻ khác cũng đang tới đây. Chúng sẽ tới muộn hơn, chúng tôi là những đứa đến trước tiên.”

“Chúng tôi và Tullio,” Paolo nhỏ bé nói giọng đầy tự hào.

“Ai là Tullio?”

Angelica cúi lên: Paolo đáng nhẽ không nên nhắc tới anh Tullio, nhưng bí mật đã bị tiết lộ.

“Anh trai lớn của chúng tôi,” cô bé nói. “Anh ấy không đi cùng tụi mình. Anh ấy đang trốn cho tới khi anh ấy có thể... Chỉ là đang trốn thôi mà.”

“Anh ấy sẽ đi lấy—” Paolo bắt đầu, nhưng Angelica bạt tai nó thật đau, Paolo liền im bặt, đôi môi run lẩy bẩy của nó mím chặt.

“Bạn đã nói gì về thành phố này?” Will hỏi. “Nó đầy nhóc Spectre?”

“Ừ, Ci'gazze, Sant'Elia, tất cả các thành phố, Bọn Spectre ở mọi nơi mà con người ở. Bạn tới từ nơi nào vậy?”

“Winchester,” Will nói.

“Tôi chưa từng nghe nói về nơi này. Ở đó có Spectre không?”

“Không, tôi cũng không thể thấy con Spectre nào ở đây.”

“Dĩ nhiên là không rồi,” cô nhóc kêu lên. “Bạn chưa trưởng thành! Khi tụi mình trưởng thành, tụi mình sẽ thấy bọn Spectre.”

“Tôi cũng không sợ Spectre,” Paolo vừa nói vừa xoa cái cằm bụi bẩn của mình. “Giết chết bọn hủi đó đi.”

“Thế người lớn có trở về nữa không?” Lyra hỏi.

“Một ngày nào đó,” Angelica nói, “khi bọn Spectre đó biến đi nơi khác. Khi bọn Spectre tới chúng tôi thích lắm vì chúng tôi có thể chạy quanh thành phố, và làm những việc mà chúng tôi muốn.”

“Nhưng những người lớn nghĩ là bọn Spectre sẽ làm gì họ vậy?” Will hỏi.

“Bọn Spectre bắt những người lớn, trông tẻ lắm. Chúng ăn hết tâm hồn của họ. Tôi không muốn trở thành một người lớn, chắc chắn luôn. Đầu tiên, khi họ biết điều gì đang xảy ra, họ rất sợ hãi, họ khóc lóc kêu than. Rồi họ quay đi và giả vờ như nó không hề có chuyện gì, nhưng

nó vẫn xảy ra. Lúc đó đã quá muộn. Không ai còn muốn tới gần họ, rồi họ tự mình biến đổi. Người họ tái xám đi và không thể di chuyển được. Họ vẫn sống nhưng giống như thể họ đã bị ăn hết phần bên trong tâm hồn. Khi bạn nhìn vào mắt họ, bạn sẽ không nhìn thấy gì cả ngoại trừ gáy của họ cả.”

Cô bé quay sang phía cậu em, lấy ống tay áo của nó để lau sạch mũi cho nó.

“Tôi và Paolo sẽ đi kiếm một ít kem,” cô bé nói. “Các bạn có muốn cùng đi và kiếm một ít không?”

“Không,” Will nói, “chúng tôi còn có việc khác phải làm.”

“Tạm biệt,” cô bé nói, Paolo nói theo, “Giết bọn Spectre!”

Ngay khi Angelica và em trai cô vừa đi khỏi, Pantalaimon chui ra từ túi áo Lyra, cái đầu nó xù lên và mắt nó sáng rực.

Nó nói với Will, “Họ không biết về cái cửa sổ mà bạn tìm thấy.”

Đây là lần đầu tiên Will nghe thấy nó nói, cậu thấy giật mình hơn tất cả những gì cậu đã từng thấy. Lyra cười lớn trước sự ngạc nhiên của cậu.

“Nó... có phải tất cả các nhân tinh đều biết nói không?” Will hỏi.

“Dĩ nhiên là họ biết nói rồi!” Lyra nói. “Có phải bạn nghĩ nó chỉ là một *con thú cưng* thôi phải không?”

Will vò mái tóc của mình và chớp chớp mắt. Rồi cậu lắc đầu. “Không,” cậu hướng về phía Pantalaimon. “Bạn đúng, tôi nghĩ là họ không biết về cái cửa sổ đó đâu.”

“Tốt hơn hết là chúng ta phải cẩn thận về cách mà chúng ta đi qua.”

Nói chuyện với một con chuột, chỉ hơi ngạc nhiên một chút. Rồi cậu cảm thấy không có gì lạ lắm, chỉ như là nói chuyện qua điện thoại thôi mà, bởi vì mấy hôm nay cậu chỉ nói với Lyra. Con chuột thì riêng biệt hẳn, trong cách diễn đạt của nó có cái gì đó của Lyra, nhưng cũng có cái gì đó khác biệt. Thật là khó để nhận ra, khi mà có quá nhiều điều kì lạ xảy ra cùng một lúc. Will đang cố gắng liên kết các ý nghĩ của mình với nhau.

“Trước tiên, bạn phải tìm vài bộ quần áo đã,” cậu nói với Lyra, “trước khi bạn tới Oxford của tôi.”

“Tại sao?” cô bé ngang ngạnh hỏi.

“Bởi vì bạn không thể mặc như thế này mà tới và nói chuyện với những người ở thế giới của tôi, họ sẽ không để bạn lại gần đâu. Trông bạn phải như thể bạn là người của thế giới đó chứ. Bạn phải nguy trang chứ. Bạn biết đấy, nhìn này. Tôi đã làm điều này hàng năm nay rồi. Bạn sẽ phải nghe lời tôi hoặc là bạn sẽ bị bắt, nếu họ tìm ra được nơi bạn tới, và cửa sổ đó nữa, mọi thứ... Đây là một nơi ẩn náu tốt, thế giới này. Nghe này, tôi đang... tôi đang chạy trốn khỏi một vài gã. Đây là nơi ẩn náu tốt nhất mà tôi từng mơ tới và tôi không muốn người ta phát hiện ra chỗ này. Vì vậy tôi không muốn bạn phá hỏng bằng cách nhìn ra ngoài chỗ đó hay là làm như thể bạn không thuộc về nơi đó. Tôi còn có việc riêng phải làm ở Oxford, vì vậy, nếu bạn làm tôi bị lộ, tôi sẽ giết bạn.”

Cô nuốt nước miếng. Chân-kế có nói sai bao giờ đâu: cậu bé này là một kẻ giết người và nếu

cậu đã từng giết người trước đây thì cậu ta cũng có thể giết mình lắm chứ. Cô thận trọng gật đầu.

“Được rồi.”

Pantalaimon biến hình thành con vượn cáo, nó nhìn Will bằng con mắt mở to chung hửng. Khi Will trùng mắt nhìn lại, nó liền biến hình thành con chuột rồi chui tọt vào túi Lyra.

“Tốt,” cậu nói. “Trong lúc chúng ta ở đây, chúng ta phải giả vờ những đứa trẻ khác là chúng ta cũng tới từ nơi nào đó trong thế giới này. Không có những người lớn xung quanh đây cũng thật là tốt. Chúng ta có thể tới và đi mà không có ai để ý cả. Nhưng ở thế giới của tôi thì bạn phải làm như những gì tôi đã nói. Trông bạn phải sạch sẽ không thì bạn sẽ rất dễ bị để ý đấy. Chúng ta phải ngụy trang ở bất kì nơi nào mà chúng ta tới. Chúng ta phải trông như là chúng ta thuộc về nơi này, thật tự nhiên vào thì họ sẽ không để ý đâu. Vậy bạn hãy bắt đầu bằng việc gội đầu đi. Có một ít dầu gội đầu trong nhà tắm đấy. Rồi chúng ta sẽ đi tìm vài bộ quần áo khác nữa.”

“Tôi không biết gội đầu bằng cách nào,” cô nói. “Tôi chưa bao giờ tự gội đầu, ở Jordan, người quản gia làm việc này, và sau đó, tôi chẳng cần phải làm gì cả.”

“Hà, bạn phải tự tìm ra cách thôi,” Will nói. “Nhớ tắm cả người nữa đấy. Ở thế giới của tôi ai cũng sạch sẽ.”

“Hừm,” Lyra vừa nói vừa trèo lên cầu thang, qua vai cô, một cái mặt chuột thật dữ tợn nhìn chằm chằm vào cậu, nhưng Will lạnh lùng nhìn lại. Cậu muốn đi dạo trong buổi sáng yên ả đầy ánh nắng mặt trời này để khám phá thành phố, vừa lại cảm thấy run run khi nghĩ về mẹ, cậu lo lắng, cậu vẫn còn lạnh cả người mỗi khi nghĩ tới cái chết mà cậu gây ra. Nhưng tốt nhất là nên bận rộn. Vì vậy trong khi đợi Lyra, cậu bé lau sàn bếp, lau cả sàn nhà, đổ rác vào thùng rác to mà cậu nhìn thấy trên lối đi phía ngoài.

Rồi cậu lấy chiếc cặp đựng tài liệu màu xanh lá cây từ chiếc túi ra và nhìn nó như một vật thân thiết. Ngay khi chỉ cho Lyra cách đi qua cửa sổ tới Oxford của mình, mình sẽ quay trở lại và xem bên trong chiếc cặp có cái gì, sau đó, cậu đút nó vào tấm đệm trải giường mà cậu đã ngủ. Ở thế giới này, nó được an toàn.

Lyra bước ra, ướt sũng nhưng sạch sẽ, Will đi tìm cho cô vài bộ quần áo. Họ tìm thấy một tiệm bách hóa, cũng tồi tàn như những chỗ khác, còn quần áo thì đã hơi lỗi mốt dưới con mắt của Will, rồi họ cũng tìm được một cái áo thun kẻ ô vuông và một cái áo choàng không tay màu xanh lá cây có một cái túi để cho Pantalaimon chui vào. Cô từ chối mặc quần bò. Cô thậm chí còn không tin khi Will nói rằng hãy hết các cô gái đều mặc như vậy.

“Chúng là quần mà,” cô nói. “Tôi là con gái. Bạn đừng ngớ ngẩn thế.”

Will nhún vai; vấn đề chính là cái áo kẻ ô vuông chẳng có gì đáng nổi bật. Trước khi ra khỏi bách hóa, Will bỏ vài đồng xu vào ngăn kéo phía sau quầy thanh toán.

“Bạn đang làm gì thế?”

“Trả tiền. Bạn phải trả cho những thứ này. Ở thế giới của bạn không phải trả tiền cho mọi thứ à?”

“Trong thế giới này thì không! Tôi cá rằng những đứa trẻ khác cũng không trả tiền cho bất cứ thứ nào.”

“Có thể họ không, nhưng tôi thì có.”

“Nếu bạn bắt đầu cư xử giống như người lớn, Spectre sẽ bắt bạn,” cô nói, nhưng cô không biết liệu mình có thể trêu chọc cậu được không, hay là cô nên e sợ cậu đây nữa.

Ban ngày, Will có thể thấy tòa nhà ở trung tâm thành phố mới thật cổ kính làm sao và dấu vết của sự đổ nát đang đến thật gần. Những lỗ hổng trên phố không được sửa chữa còn cửa sổ thì vỡ, vôi vữa tróc hàng mảng. Nơi đó hẳn là đã rất đẹp và hùng vĩ; qua mái vòm được chạm khắc, họ có thể nhìn thấy khoảng sân trong rộng đầy cây cỏ và một tòa nhà lớn trông như là lâu đài vậy. Cứ mỗi bước đi lại vang lên những tiếng rần rắc và cánh cửa như bị lỏng dần ra khỏi tường. Nó trông như thể thay vì đập bỏ đi và xây một tòa nhà mới, những người dân Ci'gazze lại thích chấp vá nó lại một cách mập mờ.

Đến một lúc họ đi tới một cái tháp dựng đứng sừng sững trong một quảng trường nho nhỏ. Đó là công trình cổ kính nhất mà họ có thể thấy, một ngọn tháp cao bốn tầng được đục lỗ châu mai. Có cái gì đó tĩnh lặng trong ánh sáng mặt trời rực rỡ có thể làm say đắm lòng người, và cả Will lẫn Lyra đều cảm thấy bị cuốn hút đến cánh cửa khép hờ tại bậc thềm cao nhất; nhưng họ vẫn không đá động gì đến nó, và rồi họ lại tiếp tục đi, với một chút miễn cưỡng.

Lúc họ tới được đại lộ lớn nơi có những cây thông, cậu bảo cô bé tìm quán cà phê ở góc phố, cái quán có bàn bằng kim loại sơn màu xanh lá cây đặt bên ngoài vỉa hè. Cô tìm thấy nó chỉ trong vòng một phút. Ban ngày, trông nó xấu xí hơn và nhỏ hơn nhưng nó vẫn ở chỗ đó, cùng với quầy rượu có nắp bằng kẽm, máy pha cà phê hơi, một đĩa cơm Italy nấu dở đang bốc mùi thật khó chịu trong thời tiết ẩm áp.

“Đây phải không?” cô hỏi.

“Không, ở giữa phố cơ. Bạn phải chắc là không có đứa trẻ con nào ở quanh đó...”

Nhưng chỉ có mình họ. Will dẫn cô tới dải phân cách dưới những cây thông, cậu nhìn quanh để lấy những thứ mang theo.

“Tôi nghĩ nó chỉ ở đây thôi. Vì tôi có thể nhìn thấy ngọn đồi to ở phía sau và ngôi nhà màu trắng ở phía trước kia, nhìn theo lối này thì sẽ thấy một quán cà phê và...”

“Trông nó như thế nào? Tôi không thể thấy cái gì cả.”

“Bạn sẽ không nhầm đâu. Nó không giống với bất cứ thứ gì mà bạn đã từng thấy.” Will hết nhìn lên rồi lại nhìn xuống. Cái cửa ấy biến mất rồi sao? Hay là nó đã đóng lại rồi? Cậu không thể nhìn thấy nó ở đâu cả.

Rồi đột nhiên cậu nhìn thấy nó. Cậu di chuyển lên phía trên rồi lại xuống phía dưới để nhìn rõ hơn. Giống y như lúc cậu đã tìm thấy nó đêm hôm qua ở bên Oxford, chỉ có thể nhìn thấy nó từ một phía mà thôi. Khi đi về phía sau nó, nó sẽ biến mất. Và ánh sáng mặt trời trên thảm cỏ phía trên nó cũng giống như ánh sáng trên thảm cỏ ở phía này, ngoại trừ sự khác biệt không thể giải thích được.

“Đây rồi,” khi đã chắc chắn Will nói.

“À! Tôi thấy nó rồi!”

Lyra đang rất kích thích, trông cô bé lúc này sừng sốt hết như lúc Will nhìn thấy Pantalaimon nói vậy. Nhân tình của Lyra không thể ở trong túi áo cô được nữa, nó biến thành một con ong bắp cày và kêu vo vo quanh lỗ hổng đó vài lần trong khi Lyra lau mái tóc hấy còn

uớt của mình vào những cụm hoa.

“Hãy đứng hẳn về một phía,” Will bảo cô. “Nếu bạn đứng ngay trước chỗ này thì có nghĩa ở bên kia chỉ nhìn thấy một đôi chân, và điều đó sẽ gây tò mò cho họ.”

“Tiếng động đó là gì vậy?”

“Xe cộ đấy. Đó là một phần tiếng động ở phố Oxford. Chắc chắn ở đây rất nhộn nhịp. Cúi thấp xuống và nhìn nó từ phía này này. Lúc này đúng là không phù hợp cho chúng ta đi qua, thật đấy; có nhiều người vượt xa mức cho phép. Nhưng thật khó tìm ra một nơi để trú ngụ nếu ta đi qua lúc nửa đêm. Ít nhất là một khi đã đi qua thì chúng ta cũng có thể trà trộn vào dễ dàng. Bạn đi trước đi, chuồn thật nhanh rồi tránh ra xa cái cửa sổ.”

Cô cởi chiếc ba lô nhỏ xanh lam mà cô mang theo từ hồi rời khỏi quán cà phê ra và ôm vào lòng trước khi cúi mình xuống để nhìn.

“Oa!” Lyra thở hổn hển. “Đó là thế giới của bạn à? Nó không giống như một phần của Oxford. Bạn có chắc là mình đang ở Oxford không?”

“Chắc chắn đấy. Khi bạn đã đi qua, bạn sẽ nhìn thấy một con phố ngay trước mặt bạn. Hãy đi về phía bên trái và đi dọc con phố xa hơn một chút nữa, bạn sẽ tới một con phố hướng tới phía bờ bên phải. Đường đó dẫn tới trung tâm thành phố đấy. Hãy nhớ thật kĩ nơi bạn nhìn thấy ô cửa sổ, được chứ? Đây là cửa duy nhất để trở về đấy.”

“Được rồi, tôi sẽ không quên đâu.”

Ôm chiếc ba lô trên tay, cô luồn thật nhanh qua ô cửa sổ trên không rồi biến mất. Will nằm bò xuống xem cô đã đi đâu.

Kia, cô bé kia rồi, đang đứng trên bãi cỏ ở Oxford cùng với Pan vẫn đang trong hình dáng một con ong bắp cày. Cậu có thể thấy là không ai để ý tới sự xuất hiện của cô bé. Cách đó chỉ có vài bước chân, ô tô và xe tải đang chạy qua chạy lại. Trên đoạn đường giao nhau nhộn nhịp này, không một người lái xe nào có được thời gian liếc sang bên đường để nhìn một khoảng không gian kì quặc. Thậm chí nếu họ có thể nhìn thấy nó thì sự lưu thông của xe cộ cũng chắn mất ô cửa sổ khỏi những ai nhìn vào từ phía đằng xa kia.

Một tiếng phanh rít lên một tiếng quát, một tiếng nổ. Cậu quăng nhanh mình xuống để nhìn.

Lyra đang nằm trên bãi cỏ. Chiếc ô tô phanh mạnh đến nỗi một chiếc xe tải đâm sầm vào nó từ phía sau, và kiểu gì cũng hất chiếc xe tiến lên, trong khi Lyra vẫn nằm ở đó, bất động—

Will phóng như bay theo cô bé. Không ai nhìn thấy cậu tới, tất cả mọi con mắt đều dồn vào chiếc xe, vào cái thanh hãm xung xe ô tô bẹp dúm, vào phía người lái xe tải đang bước ra và cả về phía cô bé đang nằm.

“Tôi không thể tránh được! Cô bé chạy băng ra trước,” người lái ô tô, một phụ nữ trung niên nói. “Còn *anh* ở quá gần đấy,” bà ta nói tiếp, hướng về phía người lái xe tải.

“Đừng bận tâm,” ông nói. “Đứa nhỏ sao rồi?”

Người lái xe tải hỏi Will, giờ cậu đang cúi xuống bên cạnh Lyra. Will nhìn lên rồi lại nhìn quanh, nhưng chẳng ích gì; cậu phải có trách nhiệm. Ở phía bãi cỏ bên cạnh, Lyra đang ngóc đầu dậy, mắt chớp chớp thật khó khăn, cậu lại thấy con ong Pantalaimon đang bò tới bãi cỏ bên cạnh cô.

“Bạn không sao chứ?” Will hỏi. “Hãy thử cử động chân tay xem nào.”

“Con ngốc!” người đàn bà trên chiếc xe ô tô kêu lên. “Cứ chạy băng qua trước như thế. Không nhìn gì cả. Tôi còn làm gì được nữa?”

“Cháu vẫn tỉnh táo chứ, cháu yêu?” người lái xe tải hỏi.

“Vâng,” Lyra thì thầm.

“Mọi thứ vẫn hoạt động tốt?”

“Hãy thử cử động chân tay xem nào,” Will khẳng định.

Cô làm theo, không có một chiếc xương nào bị gãy cả.

“Nó ổn rồi,” Will nói. “Cháu sẽ chăm sóc nó. Nó không sao đâu.”

“Cháu biết cô bé này à?” người lái xe hỏi Will.

“Nó là em cháu,” cậu trả lời. “Ổn cả thôi. Bọn cháu ở gần góc phố này mà. Cháu sẽ đưa em về nhà.”

Bây giờ Lyra có thể ngồi dậy, rõ ràng là cô bị thương không nặng lắm. Người đàn bà hướng sự chú ý của mình trở lại chiếc xe. Những người đi đường lướt qua hai chiếc xe bất động, họ nhìn cảnh tượng nho nhỏ này một cách tò mò, giống như người ta vẫn làm thế. Will giúp Lyra đứng dậy; họ càng đi nhanh bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Người đàn bà và người lái xe tải nhận ra là cuộc cãi vã của họ phải được công ty bảo hiểm làm trọng tài. Khi đang trao địa chỉ cho nhau, người phụ nữ nhìn thấy Will đang giúp Lyra loạng choạng đứng dậy.

“Đợi đã!” bà ta gọi. “Các cháu sẽ là nhân chứng. Ta cần tên và địa chỉ của các cháu.”

“Cháu là Mark Ransom,” rồi cậu quay sang phía Lyra, “em gái cháu là Lisa. Chúng cháu sống ở số 26 phố Bourne Close.”

“Mã vùng là bao nhiêu?”

“Cháu chưa bao giờ nhớ cả,” cậu bé nói. “Bà nhìn này, cháu muốn đưa em cháu về nhà.”

“Lên cabin đi, tôi sẽ đưa các cháu đi.” người lái xe tải đề nghị.

“Không, chẳng cần đâu, đi bộ nhanh hơn chú ạ, thật đấy.”

Lyra không quá mức khập khiễng, cô bé đi cùng Will, quay lại bãi cỏ phía dưới những cây trần, và quay về góc phố nơi đầu tiên họ đến.

Hai đứa trẻ ngồi trên hàng rào thấp.

“Đau không?” Will hỏi.

“Chân tôi bị đập mạnh. Khi tôi ngã xuống thì đầu bị va đập,” cô trả lời.

Nhưng điều mà cô bé quan tâm hơn cả là thứ ở trong ba lô. Cô thọc vào bên nó, rồi rút một bọc nhỏ nặng nặng được gói bằng nhung ra và mở nó. Cặp mắt Will mở to ngạc nhiên nhìn

chiếc Chân-kế; những biểu tượng nhỏ xíu được sơn quanh bề mặt, những bàn tay bằng vàng và chiếc kim dò tìm, sự nguy nga tráng lệ của cái vỏ làm cho cậu ngật thở.

“Cái gì thế?” cậu hỏi.

“Đây là chiếc Chân-kế của tôi. Nó nói sự thật. Một vật đọc các kí hiệu. Tôi mong là nó không bị vỡ...”

Nó không hề làm sao. Thậm chí trên đôi tay run run của cô, kim của nó vẫn dao động rất ổn định. Cô cất Chân-kế đi và nói: “Tôi chưa bao giờ nhìn thấy có quá nhiều xe thồ và các thứ như vậy. Tôi chưa bao giờ tưởng ra được là chúng lại đi nhanh đến thế.”

“Ở Oxford của bạn không có ô tô và xe tải à?”

“Không nhiều lắm. Không giống những thứ đó. Tôi không quen với nó, nhưng bây giờ thì tôi ổn rồi.”

“Từ giờ hãy cẩn thận nhé. Nếu bạn đi xe buýt hay đi gần xe buýt hoặc là khi bị lạc đường hay gì đó, họ sẽ nhận ra bạn không phải là người ở thế giới này và họ bắt đầu sẽ tìm kiếm lối vào...”

Cậu bé trở nên giận dữ vượt quá mức cần thiết. Cuối cùng cậu nói, “Được rồi, nghe này. Bởi vì người họ tìm không hề có em gái, vậy nên tôi có thể nguy trang cho mình bằng cách để bạn giả vờ là em gái của tôi. Và nếu tôi đi cùng bạn tôi sẽ dẫn bạn sang đường mà không bị tông chết.”

“Được rồi.” Cô nói nhún nhường.

“Thế còn tiền? Tôi cá là bạn không có—à mà, làm cách nào bạn có tiền thế? Làm sao mà bạn có thể đi lại, ăn uống và các thứ đại loại thế?”

“Tôi có tiền đây,” cô vừa nói vừa dốc cái ví đựng toàn đồng tiền vàng ra. Will nhìn chúng một cách nghi ngờ.

“Nó là vàng à? Có phải không? Điều này sẽ làm mọi người thắc mắc đấy, cá luôn. Bạn không được an toàn đâu. Tôi sẽ cho bạn một ít tiền. Hãy cất vàng đi và đừng để ai nhìn thấy. Và nhớ—bạn là em gái của tôi, tên bạn là Lisa Ransom.”

“Lizzie. Trước đây, tôi từng giả vờ tự gọi mình là Lizzie. Tôi vẫn nhớ mà.”

“Được rồi Lizzie. Tôi là Mark. Đừng quên đó.”

Chân của cô lại đau nhức. Ở chỗ chiếc xe đâm vào, vết thương đã thành màu đỏ, sưng tấy và một vết thâm đen trên má do Will đâm vào cô đêm qua. Cô trông như là đã bị đối xử tệ bạc, điều này cũng làm Will lo lắng—không biết liệu có sĩ quan cảnh sát nào tò mò không?

Will cố gắng không nghĩ tới điều này. Họ lại cùng nhau lên đường, băng qua đèn giao thông, hai đứa trẻ chỉ ngoái lại nhìn vào ô cửa dưới những cây trần có một lần. Nhưng chúng không thể nhìn thấy nó. Nó hoàn toàn vô hình, và dòng xe cộ lại nườm nượp chạy.

Ở Summertown, sau mười phút đi bộ xuống phố Banbury, Will dừng lại trước một ngân hàng.

“Bạn làm gì vậy?” Lyra hỏi.

“Tôi phải rút ít tiền. Đáng lẽ tôi không nên làm việc này thường xuyên, nhưng phải tới tận cuối ngày làm việc, họ mới kiểm tra, tôi cũng không nên nghĩ.”

Cậu đưa tấm thẻ ngân hàng vào máy rút tiền tự động rồi gõ mã số cá nhân. Chẳng có gì sai cả, Will rút ra một trăm bảng, cái máy nhả tiền ra mà không có bất cứ một cản trở nào. Lyra há hốc mồm xem. Cậu bé đưa cho cô một tờ hai mươi bảng Anh.

“Để dùng sau này,” cậu bé bảo Lyra. “Hãy mua vài thứ và thay đồ tử tế một chút. Bây giờ thì tìm một cái xe buýt để vào thành phố đã.”

Lyra để mặc Will lo chuyện cái xe buýt, cô bé ngồi lặng im quan sát những mảnh vườn và ngôi nhà trong thành phố của cô mà lại không phải của cô. Giống như là đang ở trong giấc mơ của ai đó vậy. Hai đứa trẻ lại lên đường tới trung tâm thành phố ngay bên cạnh là một nhà thờ bằng đá, cô bé biết nơi này những đối diện đó là một cửa hàng bách hóa thật xa lạ đối với cô.

“Tất cả đã thay đổi,” cô bé nói với Will. “Giống như... Đó không phải chợ ngũ cốc à? Phía này là đường Broad còn phía kia là Balliol. Phía dưới kia là thư viện Bodley. Nhưng trường Jordan đâu rồi?”

Cô bé bắt đầu run lẩy bẩy. Có thể là do phản ứng từ lúc cô bị tai nạn nhưng cũng có thể là do cô bị sốc khi nhìn thấy một tòa nhà hoàn toàn khác ở chỗ trường Jordan, nơi cô vẫn coi là nhà mình.

“Điều đó không đúng,” cô nói thật nhỏ bởi vì Will đã bảo cô ngừng chỉ trỏ và nói quá to những thứ không đúng với thế giới của cô. “Đây là một Oxford hoàn toàn khác.”

Will đã không lường trước khi thấy Lyra mắt mở to vô vọng. Cậu đã không hiểu được suốt tuổi thơ của mình cô đã dành rất nhiều thời gian chạy trên những con đường giống y chang những con đường ở đây và cô đã tự hào vì cô đã thuộc về trường Jordan như thế nào. Những Học giả ở đây là những người thông minh nhất, co kho bạc kịch sù nhất và có vẻ đẹp tuyệt vời nhất trên tất thảy. Và bây giờ đơn giản là tất cả những thứ đó không còn ở đây và cô cũng không còn là một Lyra của Jordan nữa. Cô chỉ là một đứa bé bị lạc trong một thế giới xa lạ, chẳng thuộc về nơi nào cả.

“Chà,” cô run run nói. “Nếu nó không ở đây...”

Cô sẽ mất nhiều thời gian hơn cô tưởng, tất cả chỉ có vậy.

Chương 4: Cạm bẫy

Ngay khi Lyra vừa đi khỏi, Will tìm một trạm điện thoại và quay số của văn phòng luật sư mà cậu tìm thấy trên phong bì.

“Alô, cho cháu nói chuyện với ông Perkins ạ”.

“Làm ơn cho hỏi ai đang gọi đây?”

“Có việc liên quan đến tới ông John Parry ạ. Cháu là con trai ông ấy.”

“Cậu vui lòng chờ một chút nhé...”

Một phút trôi qua, rồi một giọng nói vang lên, “Alô, tôi là Alan Perkins đây. Tôi đang được nói chuyện với ai đây?”

“William Parry. Xin lỗi ông vì cháu đã gọi. Đó là việc về bố cháu, John Parry. Cứ ba tháng một lần ông gửi tiền từ tài khoản của bố cháu sang tài khoản của mẹ cháu.”

“Vâng...”

“Ừm, cháu muốn biết bố cháu ở đâu. Bố cháu còn sống hay đã chết?”

“Cháu bao nhiêu tuổi hả William?”

“Mười hai tuổi. Cháu muốn biết về bố cháu.”

“Ừ... Mẹ của cháu... liệu mẹ cháu... có biết cháu đang gọi điện cho tôi không?”

Will thận trọng suy nghĩ.

“Không,” cậu trả lời. “Nhưng mẹ cháu không được khỏe. Mẹ cháu không thể nói cho cháu biết nhiều về bố mà cháu thì lại rất muốn biết.”

“Ừ, tôi thấy rồi. Cháu đang ở đâu? Cháu có ở nhà không?”

“Không, Cháu... Cháu ở Oxford.”

“Một mình ư?”

“Vâng.”

“Cháu nói là mẹ của cháu không khỏe phải không?”

“Vâng.”

“Mẹ cháu đang ở bệnh viện hay sao đó?”

“Đại loại thế. Thưa ông, ông có thể cho cháu biết hay không ạ?”

“Được, tôi có thể cho cháu biết một vài điều nhưng không nhiều đâu và cũng không phải lúc này, tôi cũng không muốn làm việc này qua điện thoại. Trong vòng năm phút nữa, tôi phải đi gặp khách hàng... Cháu có thể tìm đường tới văn phòng của tôi vào hai rưỡi được không?”

“Không được đâu ạ.” Will trả lời. Là thế có thể quá mạo hiểm: có thể ông ta biết được tin là cảnh sát đang truy nã mình. Cậu bé nghĩ thật nhanh rồi tiếp tục. “Cháu phải bắt xe buýt tới Nottingham và cháu không muốn bị lỡ chuyến đi, ông có thể nói với cháu qua điện thoại được chứ? Tất cả điều cháu muốn biết là bố cháu có còn sống không, và nếu bố cháu còn sống thì cháu có thể tìm thấy bố ở đâu. Ông nói với cháu được chứ?”

“Không đơn giản như vậy đâu. Tôi không thể tiết lộ thông tin cá nhân của khách hàng trừ khi tôi chắc chắn là khách hàng của mình muốn. Dù sao đi nữa, tôi cũng muốn xem những giấy tờ chứng minh cháu là ai.”

“Vâng, cháu hiểu, nhưng ông có thể chỉ nói cho cháu biết bố cháu còn sống hay đã chết được không?”

“Ồ... Không được. Như vậy là không bảo mật. Thật đáng tiếc là tôi không thể nói với cháu vì tôi cũng không biết.”

“Cái gì cơ?”

“Số tiền đó đến từ một hợp đồng ủy thác gia đình. Ông ấy đưa chỉ dẫn cho tôi chuyển tiền cho mẹ con cậu tới khi nào ông ta bảo thôi. Từ ngày đó đến giờ tôi cũng không nghe thấy ông ấy nói gì cả. Nhưng có một điều... Tôi nghĩ rằng ông ấy đã biến mất. Đó là lý do tại sao mà tôi không thể nói cho cháu biết được.”

“Biến mất? Cứ thế mà... biến?”

“Thực ra thì đó là vấn đề của bên cảnh sát. Này cháu, tạo sao cháu không tới văn phòng của tôi và...”

“Cháu không thể. Cháu phải tới Nottingham.”

“Được rồi, hãy viết thư cho tôi hay là bảo mẹ cháu viết cho tôi, tôi sẽ cho hai mẹ con biết những điều tôi có thể nói. Nhưng cháu phải hiểu rằng tôi không thể làm được nhiều qua điện thoại.”

“Vâng, cháu cũng cho là thế. Nhưng ông có thể cho cháu biết bố cháu mất tích ở đâu được không ạ?”

“Như tôi đã nói, đó là vấn đề phía các nhà chức trách. Vào thời gian đó, có một vài bài báo liên quan đấy. Cháu có biết bố cháu là một nhà thám hiểm không?”

“Vâng, mẹ cháu có nói với cháu một vài chuyện.”

“Bố cháu đã dẫn đầu một đoàn thám hiểm và cả đoàn đã mất tích. Khoảng mười năm trước. Có thể là hơn.”

“Ở đâu ạ?”

“Ở miền Bắc xa xôi. Tôi nghĩ là Alaska. Cháu có thể tra cứu ở thư viện công cộng ấy. Tại sao cháu...”

Nhưng đúng lúc đó thì Will hết sạch tiền xu để gọi điện. Điện thoại cứ tút dài bên tai cậu. Will liền bỏ ống nghe xuống rồi nhìn quanh.

Bây giờ điều cậu muốn hơn cả là được nói chuyện với mẹ. Cậu phải tự ngăn mình không gọi điện cho bà Cooper bởi nếu cậu nghe thấy tiếng mẹ lúc này thì e rằng cậu không thể không về thăm mẹ được. Nhưng nếu làm như vậy thì cả hai mẹ con đều gặp nguy hiểm. Nhưng có thể gửi cho mẹ một tấm thiệp.

Will chọn tấm thiệp có hình phong cảnh thành phố và viết: “*GỬI MẸ THÂN YÊU, CON VẪN KHỎE VÀ AN TOÀN. CON SẼ SỚM GẶP LẠI MẸ. CON MONG MỌI THỨ ĐỀU TỐT ĐẸP. CON YÊU MẸ. WILL.*” Cậu đề địa chỉ, mua một cái tem, ôm tấm thiệp trong lòng một lúc rồi mới bỏ nó vào thùng thư.

Lúc này là giữa buổi sáng, cậu đang ở phố mua bán chính, những chiếc ô tô buýt luôn lách trong đám đông khách bộ hành. Will nhận ra mình thật lộ liễu; vì đây là ngày thường, vào giờ này những đứa trẻ tầm tuổi như cậu đáng nhẽ đang ở trường. Vậy thì cậu đi đâu?

Không cần mất nhiều thời gian để ẩn mình, Will có thể dễ dàng trốn đi vì cậu rất giỏi việc này; cậu thậm chí còn tự hào về khả năng của mình. Cái cách cậu làm cũng giống như cái cách mà Serafina Pekkala đã làm cho mình trở nên vô hình khi ở trên tàu, cậu làm cho mình không dễ bị thấy. Đó là hòa mình vào cảnh quan xung quanh.

Biết rất rõ về thế giới của mình đang sống, cậu đến một cửa hàng văn phòng phẩm, mua một cái bút bi, một xấp giấy và một cái cặp. Các trường học thường gửi học sinh đi khảo sát mua sắm hoặc một vài hoạt động như thế. Nếu trông cậu bé giống như đang tham gia một kế hoạch như vậy thì cậu sẽ không bị lạc lõng.

Will đi dọc con phố, giả vờ như mình đang ghi chép một vài số liệu, khi thấy thư viện công cộng, mắt cậu mở thật to.

*

* *

Trong lúc đó, Lyra đang tìm một nơi nào đó thật tĩnh lặng để tham khảo ý kiến chiếc Chân-kế. Ở Oxford của cô, chỉ trong năm phút đi bộ cũng có thể tìm được hàng tá chỗ. Nhưng Oxford này khác xa quá mức tưởng tượng, với những mảnh chấp vá thân thuộc đến nao lòng ngay bên cạnh những sự kỳ dị lạ lùng gần như khó hiểu: tại sao người ta lại sơn những dòng kẻ màu vàng trên đường? Những chấm trắng lốm đốm trên vỉa hè là cái gì? (Ở thế giới của Lyra, họ chưa từng được biết đến keo cao su.) Còn những cái đèn xanh đỏ ở góc phố nữa? Quả thật còn khó đọc hơn cả Chân-kế bội phần.

Đây rồi, cổng trường đại học Thánh John, nơi cô bé và Roger đã trèo lên vào buổi tối để làm pháo hoa trên những luống hoa; rồi những phiến đá cũ rất đặc biệt ở phố Catte. Chỗ đó Simon Parslow đã viết nguệch ngoạc hai chữ SP, ở đây cũng giống hệt như vậy! Ai đó trên thế giới này có tên viết tắt giống vậy cũng đã đứng vắn vơ ở đây và làm một việc không khác tạo nào.

Có thể ở thế giới này cũng có một Simon Parslow.

Và có thể cũng có một Lyra.

Sự ớn lạnh chạy dọc sống lưng Lyra, Pantalaimon trong hình dáng một con chuột chui tọt vào túi cô. Cô bé tự lắc đầu, chẳng cần tưởng tượng nhiều thì cũng có quá đủ những bí ẩn rồi.

Một khác biệt nữa ở thế giới này là có rất nhiều người đi bộ trên vỉa hè, họ ở trong và ngoài những tòa nhà, tất cả loại người, đàn bà cũng ăn mặc giống như đàn ông, cả người châu Phi, có cả một nhóm người Tartar ngoan ngoãn đi theo sau người dẫn đầu, tất cả đều ăn mặc gọn gàng và đeo một chiếc túi nhỏ màu đen. Lúc đầu mới nhìn thấy họ, cô bé rất sợ vì họ không có nhân tính, mà những người như vậy ở thế giới của cô gọi là ma trời hay còn tệ hơn thế.

Nhưng (điều này mới lạ lùng nhất), trông họ vẫn đầy sức sống. Những sinh vật này đi lại rất hoạt bát, vì dầu sao họ đều là con người, nên Lyra buộc phải thừa nhận rằng có lẽ ở đây họ là như vậy, rằng nhân tính của họ cũng giống hệt Will, cũng được giấu ở bên trong.

Sau một giờ lang thang, xem xét Oxford giả này (theo Lyra thì Oxford của cô mới là thật) cô thấy đói, cô mua cho mình một thanh sôcôla bằng đồng hai mươi bảng. Người bán hàng nhìn cô vẻ kỳ quặc, mặc dù cô nói rất rõ ràng, nhưng ông ta là người Ấn Độ và ông không nghe được giọng của cô. Còn chút tiền lẻ, cô mua một quả táo ở chợ Covered. Nó lớn hơn ở Oxford rất nhiều, cô đi tới phía công viên. Cô thấy mình đang đứng bên ngoài một tòa nhà thật lớn, một tòa nhà lớn như vậy không hề tồn tại trong Oxford thật của Lyra. Cô ngồi trên thảm cỏ phía

ngoài để ăn, thăm ngưỡng mộ tòa nhà cao.

Thì ra đó là bảo tàng. Cửa bảo tàng đang mở, bên trong có rất nhiều thú nhồi bông, xương hóa thạch và các mẫu khoáng chất giống như bảo tàng địa chất Hoàng gia mà cô đã đi thăm cùng với bà Coulter ở London. Phía sau sảnh lớn toàn bằng kim loại và kính là một lối đi dẫn vào khu vực khác của bảo tàng, trông nó có vẻ vắng vẻ, Lyra liền bước vào xem. Trong đầu cô lúc này chỉ có chiếc Chân-kế. Ở căn phòng thứ hai, cô nhìn thấy những thứ rất quen thuộc với mình: một va ly đựng đầy quần áo rét, trông giống như bộ áo lông của cô...những chiếc xe trượt tuyết, sừng hải mã được chạm khắc và cái lao để săn hải cẩu... cùng với một trăm lẻ một chiến lợi phẩm lộn xộn, di vật, dụng cụ phép thuật và những vũ khí không chỉ ở Bắc Cực, mà như cô thấy, từ nhiều nơi trên thế giới này.

Thật là kỳ lạ. Bộ da của tuần lộc giống hệt như ở thế giới của cô nhưng cách họ buộc dây vào xe trượt tuyết thì hoàn toàn khác. Có vài bức ảnh về những người đi săn ở Bắc Cực, giống hệt hai gã đã bắt Lyra đem bán cô tới Bolvangar. Nhìn này! Cũng chính là những gã đó! Thậm chí những sợi dây đã sờn, được nối lại cũng chính xác đến từng điểm một, cô cảm nhận điều này rất sâu sắc, chúng đã được buộc vào mỗi chiếc xe trượt tuyết trong hàng giờ đau đớn. Những điều bí ẩn này là gì vậy? Sau tất cả, có phải chỉ có một thế giới duy nhất, liệu thế giới nào là mơ đây?

Cô lại nhớ đến chiếc Chân-kế khi đi qua một thứ gì đó. Trong một ngăn kính có khung bằng gỗ sơn đen, có rất nhiều sọ người, một vài cái còn có lỗ; một vài cái ở phía trán, một vài cái ở bên cạnh, vài cái lại ở đỉnh đầu. Có một cái có hai lỗ ở giữa. Quá trình này, được viết nguệch ngoạc trên một tấm thiệp, được gọi là khoan. Tấm thiệp này cũng nói rằng tất cả những lỗ hổng được tạo ra trong suốt quãng đời của người đó, bởi vì xương đã liền và phát triển quanh chóp. Tuy nhiên, có những cái không có lỗ hổng; mà lỗ hổng ở đây là do đầu mũi tên bằng đồng vẫn còn trong sọ, cái chóp này rất nhọn và bị vỡ, vì vậy rất khác nhau.

Đó là những điều mà những người Tartar phương bắc đã làm. Theo những Học giả am hiểu thì chính Stanislaus Grumman đã tự tạo cho mình một lỗ hổng. Lyra nhìn quanh thật nhanh, khi không thấy ai ở gần, cô mới lấy chiếc Chân-kế ra.

Cô tập trung vào những chiếc sọ và hỏi: Những chiếc sọ này thuộc về loại người nào, tại sao họ lại có những lỗ hổng trên đầu?

Khi cô đứng tập trung trong ánh sáng đầy bụi được lọc bởi mái nhà bằng kính và xuôi xuống qua phòng trưng bày ở tầng trên, cô không hề biết mình đang bị theo dõi.

Một ông già khoảng độ sáu mươi tuổi, trông rất có uy quyền, mặc một bộ quần áo may bằng vải kẻ rất đẹp, đội cái mũ panama, đang đứng ở phòng trưng bày phía trên nhìn xuống qua những thanh chắn bằng sắt.

Mái tóc xám của ông được chải gọn gàng từ vầng trán rám nắng hơi nhăn nheo ra phía sau. Ông ta có đôi mắt đen to và hàng mi thẳng dài. Cứ mỗi phút, ông ta lại đưa lưỡi ra liếm môi. Chiếc khăn mùi xoa màu trắng trên túi áo ngực xức nước mùi nước hoa cologne giống như mùi những cây trồng trong ngôi nhà quá nóng đến nỗi rễ của nó bị rửa ra vậy.

Ông ta đã theo dõi Lyra được vài phút. Khi cô di chuyển ở phía dưới thì ông này cũng di chuyển theo phía bên trên. Khi cô đứng im trước những chiếc sọ, ông ta quan sát cô thật gần, để ý tất cả trên người cô: mái tóc bồm sồm, vết thâm trên má cô, bộ quần áo mới, chiếc cổ trần uốn cong trên chiếc Chân-kế, đôi chân không giày dép của cô.

Ông ta rút khăn tay trên ngực áo ra lau trán rồi lại lấy lau cầu thang.

Lyra đang mãi mê tìm hiểu những điều kì lạ. Không thể tưởng tượng được, những chiếc sọ này quá lâu rồi. Tấm thiệp trong ngăn tủ chỉ viết ngắn gọn THỜI KÌ ĐỒ ĐỒNG, nhưng theo Chân-kế thì cái đầu đó đã có cách đây 33 254 năm, ông ta là một phù thủy và lỗ hổng đó được tạo ra để cho những vị thần đi vào đầu ông. Và rồi chiếc Chân-kế, thông thường nó thỉnh thoảng vẫn trả lời những câu hỏi mà Lyra không hỏi, nó góp ý với Lyra là có nhiều Bụi ở chiếc đầu bị khoan hơn là những cái đầu có mũi tên.

Cái đó có ý nghĩa gì vậy nè trời? Lyra ra khỏi trạng thái tĩnh lặng mà cô dành cho Chân-kế, trở lại với thực tại, cô thấy mình không còn đứng một mình nữa. Ở gần bên cạnh, một người đàn ông lớn tuổi trong bộ quần áo màu xám, ông sức nước hoa rất thơm. Ông làm cô nhớ đến một ai đó nhưng cô vẫn chưa nghĩ ra được.

Biết được cô bé đang nhìn mình, ông quay ra mỉm cười.

“Cháu đang nhìn vào những cái sọ bị khoan à?” ông già hỏi. “Những người này làm những việc mới kì quặc làm sao.”

“Ừm,” cô bé không biểu lộ gì.

“Cháu có biết, có những người vẫn làm như vậy không?”

“Có,” cô bé trả lời.

“Hippi, cháu biết đấy, những người như vậy. Dĩ nhiên là cháu còn quá nhỏ để biết tới người Hippi. Họ nói rằng làm cách này còn hiệu quả hơn là dùng thuốc đấy.”

Lyra cất Chân-kế vào ba lô của mình rồi tự hỏi làm cách nào mình có thể ra khỏi nơi này: cô vẫn chưa hỏi nó câu hỏi chính, còn ông lão này đang bắt chuyện với mình. Ông ta có vẻ tốt, và tất nhiên nụ cười của ông trông rất tử tế. Ông ta lại gần hơn. Tay ông ta chạm nhẹ vào Lyra khi ông dựa lưng vào ngăn kính.

“Chúng làm cháu ngạc nhiên phải không? Không thuốc gây mê, không sát trùng, chỉ bằng những dụng cụ bằng đá. Chúng chắc hẳn rất cứng phải không? Ta không nghĩ là mình đã từng nhìn thấy cháu ở đây. Ta đến đây rất thường xuyên. Tên cháu là gì?”

“Lizzie,” cô trả lời rất thoải mái.

“Lizzie. Chào cháu, Lizzie. Ta là Charles. Ở Oxford, cháu có đi học không?”

Cô không biết chắc phải trả lời như thế nào.

“Không,” Lyra nói.

“Cháu chỉ ghé thăm thôi à? Cháu đã chọn một nơi thật tuyệt vời để ghé thăm đấy. Cháu đặc biệt quan tâm tới gì nào?”

Đã lâu rồi cô chưa gặp ai khiến cô cảm thấy bối rối hơn là người đàn ông này. Một đằng thì ông ta rất tử tế, thân thiện, ăn mặc rất sạch sẽ và sáng sủa, nhưng đằng khác Pantalaimon ở trong túi cô lúc này đang tìm cách thu hút sự chú ý của Lyra và xin cô hãy cẩn thận, bởi vì nó cũng gần nhớ ra một việc gì đó. Từ một nơi nào đó, cô nhận thấy có mùi, mùi phân, mùi thối rửa. Cô nhớ lại tòa cung điện của Raknison, không khí thắm đượm mùi nước hoa nhưng sàn nhà đầy rác rưởi.

“Điều cháu quan tâm ư?” cô nói. “Ồ, tất cả mọi thứ. Khi cháu đi qua đây, cháu thấy những cái

sợ này và chúng làm cháu quan tâm tức thì. Cháu nghĩ là không một ai muốn được như vậy. Thật kinh khủng.”

“Ừ, ta cũng chẳng thích tự làm mình như thế, nhưng ta cam đoan là nó vẫn có đấy. Ta có thể dẫn cháu tới gặp người đã làm việc này,” trông ông ta thân thiện và tốt bụng đến nỗi suýt nữa thì cô liêu lỉnh. Nhưng khi thấy cái lưỡi nhỏ lấm chấm đen liếm ướt át trông như là rắn cô bé liền lắc đầu.

“Cháu phải đi. Cảm ơn vì lời mời của ông nhưng tốt hơn hết là cháu không nên đi. Dù sao đi nữa, cháu phải đi giờ đây vì cháu sắp gặp một người. Bạn cháu,” cô bé nói thêm. “Người cháu đang ở cùng.”

“Được, tất nhiên rồi,” ông ta nói đầy tử tế. “Hà, nói chuyện với cháu thật là thích. Tạm biệt Lizzie.”

“Tạm biệt,” cô bé chào.

“À, vớ lại, đây là tên và địa chỉ của ta,” ông ta đưa cho Lyra một tấm danh thiếp. “Đề phòng trường hợp cháu đổi ý muốn biết nhiều hơn nữa về những thứ như thế.”

“Cảm ơn ông ạ,” cô ồm tòn, rồi để tấm thiếp vào sau ba lô trước khi ra khỏi bảo tàng. Lúc đi ra, cô cảm thấy mình như đang bị ông ta nhìn theo suốt.

Khi đã ra khỏi bảo tàng, cô liền quay lại công viên, nơi ô biết có một cái sân giành cho môn cricket và những môn thể thao khác, rồi cô tìm một khoảng yên tĩnh dưới những tán cây và lại thử Chân-kế một lần nữa.

Lần này cô hỏi về nơi có thể tìm ra một Học giả biết về Bụi. Câu trả lời nhận được thật đơn giản: nó chỉ về hướng căn phòng trong tòa nhà cao tầng phía trước mặt. Thực ra, câu trả lời quá thẳng thắn và quá bất ngờ làm Lyra cho rằng Chân-kế có nhiều điều muốn nói nữa: bây giờ cô bé nhận ra là nó có mang cảm xúc, giống như con người, và cô biết rằng nó muốn nói nữa với cô.

Giờ thì nó nói thật. Những điều nó cho biết là: *Hãy quan tâm hơn tới cậu bé. Điều quan trọng là giúp cậu tìm ra bố. Nhớ lấy trong đầu điều này.*

Cô bé chớp mắt. Cô thật sự hoảng hốt. Will đã hiện ra từ hư không để giúp cô; chắc chắn hiển nhiên như vậy. Cái ý nghĩ mình đã đi cả quãng đường tới đây chỉ để giúp cậu ta làm cô hết hơi.

Nhưng Chân-kế vẫn chưa nói xong. Cái kim lại tiếp tục xoay, và cô bé đọc: *Đừng nói dối Học giả.*

Lyra bọc tấm vải nhung quanh Chân-kế rồi cất vào trong ba lô. Rồi cô đứng dậy nhìn quanh để tìm chỗ ra tòa nhà mà học giả đó đang ở và đi về hướng đó, trong lòng ngổn ngang bất an và ngờ vực.

*

* *

Will dễ dàng tìm ra thư viện. Người giữ thư viện đã được thuyết phục rằng cậu bé đang làm bài nghiên cứu địa lý, cho nên đã giúp cậu tìm một đồng phụ trương của tờ *Times* vào năm cậu được sinh ra, cũng là năm mà bố cậu bị mất tích. Dĩ nhiên, có vài mục về John Parry, có liên

quan tới một cuộc thám hiểm khảo cổ học.

Cậu phát hiện có những cuộn vi phim để riêng từng tháng. Will lần lượt đưa chúng vào máy chiếu để tìm hiểu câu chuyện và đọc với sự tập trung cao độ. Câu chuyện đầu tiên kể về chuyến đi của đoàn thám hiểm tới phía Bắc Alaska. Đoàn thám hiểm này được Viện Khảo Cổ thuộc trường Đại học Oxford tài trợ. Đoàn thám hiểm sẽ khảo sát khu vực mà họ mong rằng sẽ tìm thấy dấu tích của người cổ xưa sinh sống. Đi cùng đoàn thám hiểm là ông John Parry, một sĩ quan Hoàng gia và là một nhà thám hiểm chuyên nghiệp.

Câu chuyện thứ hai để xếp vào sáu tháng sau. Nó chỉ nói ngắn gọn rằng đoàn thám hiểm đã tới Trạm Khảo Sát Cực Bắc vùng Bắc Mỹ tại Noatak, Alaska.

Câu chuyện thứ ba tiếp đó hai tháng. Người ta nói rằng không có tín hiệu trả lời từ Trạm Khảo Sát và John Parry cùng đoàn thám hiểm được coi như là đã mất tích.

Có hàng loạt những tín ngắn sau đó, miêu tả rằng những đội tìm kiếm đã vô vọng khi tìm kiếm họ, những chuyến bay lượn kiếm qua biển Bering, phản ứng của Viện Khảo Cổ và phỏng vấn người thân...

Tim cậu đập thình thịch vì có một bức ảnh của mẹ cậu đang bế một đứa trẻ, chính là Will.

Bài báo đã viết về câu chuyện một người vợ đắm nước mắt đang đau đớn chờ tin tức của chồng, Will thấy hơi thất vọng về sự thật. Có một đoạn báo ngắn viết rằng John Parry đã có một sự nghiệp thành đạt khi ở trong Hải quân Hoàng Gia, rồi ông từ bỏ công việc này để chú tâm vào việc tổ chức khảo cổ và thám hiểm khoa học. Toàn bộ là thế.

Ở phần phụ lục chẳng thấy đề cập đến gì nữa cả, Will đứng dậy, bước ra khỏi tấm màn ngăn đọc vi phim. Phải có thông tin ở đâu đó nữa, nhưng mình phải đi đâu tiếp theo đây? Và nếu bố đã mất quá nhiều thời gian để tìm kiếm thì bố phải để lại dấu vết chứ...

Cậu trả lại những cuộn phim cho người giữ thư viện rồi hỏi: “Bác có địa chỉ của Viện Khảo Cổ học không ạ?”

“Bác có thể tìm... Mà cháu học ở trường nào thế?”

“Trường Thánh Peter ạ,” Will trả lời.

“Trường đó không ở Oxford phải không?”

“Không, nó ở Hampshire cơ ạ. Lớp của cháu đang thực hiện một cuộc du ngoạn về lĩnh vực cư trú. Kiểu như nghiên cứu môi trường về khả năng.”

“À, bác biết rồi. Cái cháu muốn là gì ấy nhỉ? ... Khảo cổ? ... Đây rồi.”

Will chép địa chỉ và số điện thoại, để an toàn cậu thừa nhận là mình không biết đường ở Oxford, cậu đã hỏi đường đi. Nó cách không xa lắm. Cậu bé cảm ơn bác rồi lại lên đường.

*

* *

Phía trong tòa nhà, Lyra thấy một chiếc bàn rộng ở chân cầu thang, với một người gác đăng sau nó.

“Cháu đi đâu thế?” ông ấy hỏi.

Trông giống như được trở về nhà vậy. Cô cũng cảm thấy Pan trong túi cũng đang thích thú.

“Cháu phải gửi lời nhắn đến một người trên tầng hai.”

“Là ai cơ?”

“Tiến sĩ Lister,” cô trả lời.

“Tiến sĩ Lister ở tầng ba. Nếu cháu muốn gửi gì cho ông tiến sĩ thì cứ để ở đây, tôi sẽ cho ông ấy biết sau.”

“Vâng, nhưng đây là một điều mà ông ấy cần phải biết ngay lập tức. Ông ấy đang chờ đợi nó. Nó không phải là một *món đồ* thực sự, mà là điều cháu phải nói với ông ấy.”

Người gác cửa quan sát cô thật kỹ, ông ta không thể đỡ được nét ngoan ngoãn dịu dàng ngây thơ mà cô bé có thể dựng nên khi mình muốn; và cuối cùng ông ta cũng gật đầu rồi trở lại với tờ báo của ông.

Chân-kế không nói cho Lyra biết tên người đó. Cô đọc được tên tiến sĩ Lister trên một ngăn ở trên tường phía sau ông gác cổng, bởi vì nếu giả vờ biết ai đó, họ sẽ dễ dàng cho đi hơn. Bằng cách nào đó, Lyra biết rõ thế giới của Will hơn là cậu.

Ở tầng hai, cô nhìn thấy một hành lang, nơi có một cánh cửa mở vào phòng thuyết trình, một cánh cửa khác dẫn tới một phòng nhỏ hơn có hai Học giả đang thảo luận gì đó trên tấm bảng đen. Những căn phòng này, tường hành lang tất cả đều phẳng và nhẵn nhụi, mà theo Lyra tất cả những điều đó thuộc về những người nghèo chứ không thuộc về những bậc trí giả thông thái uyên thâm ở Oxford; còn cả bức tường gạch được sơn nhẵn nhụi và những cánh cửa gỗ nặng trĩu, lan can bằng thép sáng bóng lại rất đắt tiền. Đó là một sự khác biệt nữa ở thế giới này.

Cô nhanh chóng tìm ra cánh cửa mà Chân-kế đã nói. Tấm biển gắn trên tường ghi “ĐƠN VI NGHIÊN CỨU VẬT CHẤT TỐI,” dưới đó ai đã viết nguệch ngoạc lên chữ R.I.P, một dòng chữ khác nữa bằng bút chì ghi GIÁM ĐỐC: LAZARUS.

Lyra hết ý kiến. Cô gõ cửa, và một giọng phụ nữ vang lên, “Vào đi.”

Đó là một căn phòng nhỏ chật đầy những đồng giấy tờ và sách vở trông như sắp đổ vậy, một cái bảng trắng treo trên tường đầy những dòng chữ và phương trình. Đằng sau cánh cửa, có một họa tiết như của người Trung Hoa. Từ cánh cửa ra vào này có thể nhìn sang một phòng khác, nơi có một loại máy anbraic phức tạp nào đó đang đứng sững trong yên lặng.

Về phần cô, Lyra hơi ngạc nhiên khi thấy Học giả mà mình tìm kiếm là một phụ nữ nhưng Chân-kế cũng không nói đó không phải là đàn ông. Người phụ nữ đang ngồi bên chiếc máy có màn hình bằng kính nhỏ đang hiện ra những số liệu, phía trước nó là những chữ cái La tinh được đặt thành một khối trên cái khay màu trắng ngà. Cô ta gõ một cái vậy là màn hình trở nên trống trơn.

“Cháu là ai?” cô ta hỏi.

Lyra đóng cánh cửa phía sau lại, nhớ như in những gì Chân-kế đã nói, cô cố gắng hết sức không cư xử giống như thông thường cô hay giả đò, và kể lại sự thật.

“Cháu là Lyra Lưỡi Bạc,” cô bé trả lời. “Thế cô tên là gì vậy?”

Người phụ nữ chớp mắt. Có lẽ cô ấy đã gần bốn mươi tuổi, Lyra đoán như vậy vì trông cô hơi già hơn bà Coulter một chút. Cô có mái tóc đen cắt ngắn và đôi má ửng đỏ. Cô mặc một cái áo choàng màu trắng ra bên ngoài chiếc áo vải màu xanh da trời mà rất nhiều người tại thế giới này mặc.

Cô đưa tay ra vuốt vuốt mái tóc rồi nói: “Chà, cháu là điều thứ hai không được mong đợi xảy ra ngày hôm nay. Cô là tiến sĩ Mary Malone. Cháu muốn gì nào?”

“Cháu muốn cô nói với cháu về Bụi,” Lyra vừa nói vừa nhìn quanh xem có ai không. “Cháu biết là cô biết về nó. Cháu có thể chứng minh. Cô phải nói cho cháu.”

“Bụi ư? Cháu đang nói cái gì vậy?”

“Có thể cô không gọi như vậy. Đó là những hạt sơ cấp. Ở thế giới của cháu, các học giả gọi đó là hạt Rusakov, nhưng thông thường họ gọi đó là Bụi. Chúng không dễ gì xuất hiện đâu, nhưng rồi chúng hiện hữu và bám quanh con người. Dầu không nhằm vào trẻ con nhiều mà đa phần là vào người lớn. Và có gì đó cháu chỉ vừa khám phá ra ngày hôm nay—cháu đã ở trong bảo tàng dưới phố. Ở đó có những cái sọ có lỗ như những gì những người Tartar đã làm, những cái sọ đó có nhiều Bụi hơn là những cái sọ không có những cái lỗ loại như vậy. Thời kỳ Đồ Đồng là khi nào hả cô?”

Người phụ nữ nhìn cô bé có đôi mắt mở to.

“Thời kỳ Đồ Đồng à? Trời đất, cô không rõ nữa, chắc khoảng năm nghìn năm trước.”

“À, ừm, vậy thì, họ đã sai khi viết lên tấm nhãn ở đó rồi. Cái sọ có hai lỗ trên đầu đã được ba mươi ba nghìn năm tuổi.”

Lyra dừng lại bởi vì lúc này nhìn tiến sĩ Malone trông như sắp ngất. Màu hồng trên má cô đã hoàn toàn biến mất, một tay cô ôm chặt lấy ngực tay còn lại nắm chặt tay ghế, mồm cô há ra.

Lyra đứng đó vừa bối rối vừa kiên trì đợi cô tiến sĩ bình tâm lại.

“Cháu là ai?” Cuối cùng cô cũng lên tiếng.

“Lyra Lưỡi—”

“Không, nơi cháu tới cơ, Cháu là thứ gì vậy? Làm cách nào cháu biết được những điều như thế?”

Một mồi, Lyra thở dài. Cô đã hoàn toàn quên mất những Học giả có thể vòng vo đến nhường nào. Thật khó để nói cho họ biết sự thật khi mà một lời nói dối có thể làm cho họ hiểu hơn dễ dàng rất nhiều.

“Cháu tới từ một thế giới khác,” cô bé bắt đầu. “Và trong thế giới đó cũng có một Oxford như thế này, chỉ hơi khác, cháu đã tới từ nơi đó. Và—”

“Từ từ, đợi, đợi đã. Cháu từ đâu tới cơ?”

“Đâu đó khác,” Lyra thận trọng hơn. “Không phải nơi này.”

“Ờ, đâu đó khác,” người phụ nữ nói. “Cô hiểu. Ừm, cô nghĩ là mình hiểu rồi.”

“Và cháu phải tìm hiểu về Bụi,” Lyra giải thích. “Bởi vì những người ở Giáo hội của chúng cháu rất sợ Bụi vì họ nghĩ nó là nguồn gốc tội lỗi. Vì vậy nó rất quan trọng. Cha cháu... Không,” Lyra nói thật sôi nổi thậm chí cô còn dậm chân, “cháu *không* có ý đó. Cháu đã sai hết rồi.”

Tiến sĩ Malone nhìn vẻ cau có chán chường của Lyra, bàn tay nắm chặt và vết bầm trên má cô và cả đôi chân đang dậm nữa, cô nói, “Ôi trời, cô bé, bình tĩnh đã nào.”

Lyra dừng lại và chà chà mắt. Mắt của cô đỏ ngầu vì mệt mồi.

“Tại sao cô phải nghe cháu nói chứ?” cô tiến sĩ tiếp tục. “Cô hần diên mất rồi. Thực tế đây là nơi duy nhất có thể trả lời được câu hỏi của cháu, và họ đang sắp sửa đóng cửa văn phòng của bọn cô... Điều cháu đang nói về Bụi của cháu, nghe giống như những thứ bọn cô vừa khảo sát

được, rồi những gì cháu nói về cái sọ ở bảo tàng đã mở cho cô một hướng mới, bởi vì... ôi không, nó thật quá sức. Cô mệt lắm rồi, cô muốn nghe cháu nói, tin cô đi nhưng không phải bây giờ, làm ơn. Có phải cô đã nói rằng họ sắp đóng cửa văn phòng này? Cô có một tuần để đề xuất tới Ủy ban dự trữ, nhưng chẳng có hi vọng gì đâu...”

Cô lại ngáp thật to.

“Thế còn điều không mong đợi thứ nhất, trong ngày hôm nay của cô là gì vậy?” Lyra hỏi.

“À, ừ. Ai đó đã trả lời đơn xin cấp tiền của chúng tôi rằng ông ta rút lại sự ủng hộ của mình. Với lại, cô cũng không cho rằng *chuyện đó* không được mong đợi.”

Cô lại ngáp.

“Cô sẽ pha một ít cà phê. Nếu không cô sẽ ngủ mất. Cháu có muốn uống một ít không?”

Cô đổ nước vào ấm điện, đổ cà phê hòa tan vào hai cái ly lớn trong khi Lyra nhìn vào họa tiết Trung Hoa mặt sau cánh cửa.

“Kia là cái gì hả cô?”

“Của Trung Quốc. Các biểu tượng trong Kinh Dịch. Cháu có biết nó là cái gì không? Thế giới của cháu có thứ đó không?”

Lyra nhìn vào đôi mắt hẹp của cô tiến sĩ để đề phòng mình bị chế nhạo. Cô nói: “Có những thứ giống nhưng lại có những thứ lại khác hoàn toàn, là vậy đó. Cháu cũng không biết tất cả về thế giới của cháu. Có thể ở đó cũng có mấy thứ Kinh Dịch này luôn.”

“Cô xin lỗi,” Tiến sĩ Malone nói. “Ừ có thể họ cũng có.”

“Vật chất tối là gì hả cô? Đó có phải thứ ghi trên bảng hiệu phải không cô?”

Tiến sĩ Malone ngồi xuống lại. Cô dùng mắt cá chân mình kéo ghế cho Lyra.

Cô nói, “Vật chất tối là những gì đội nghiên cứu của bọn cô đang tìm kiếm. Không ai biết nó là cái gì. Trong vũ trụ có rất nhiều thứ mà chúng ta không thể thấy, nhiều hơn rất nhiều chúng ta có thể thấy. Chúng ta có thể nhìn thấy những vì sao, dải ngân hà, và những vật tỏa sáng, nhưng vì tất cả chúng đều được móc dính vào nhau chứ không bay rải rác, cho nên cần rất nhiều thứ đó—cháu thấy đấy, để làm trọng lực có tác dụng. Nhưng không ai có thể dò được nó. Vì vậy có hàng loạt dự án nghiên cứu đang cố tìm ra xem nó là cái gì. Và nơi đây là một trong số đó.”

Lyra hoàn toàn tập trung vào lời cô tiến sĩ nói. Cuối cùng, người phụ nữ này cũng nói chuyện nghiêm chỉnh.

“Thế cô nghĩ đó là cái gì?”

“Những thứ mà *chúng tôi* nghĩ là—” khi cô Malone bắt đầu thì ấm nước reo, cô vừa đứng dậy pha cà phê vừa tiếp tục. “Chúng tôi nghĩ đó là một loại hạt sơ cấp. Một vài thứ hoàn toàn khác biệt so với những thứ khác đã được khám phá. Nhưng thật khó để nhận biết được chúng... Cháu học ở đâu? Cháu có học môn vật lý không?”

Lyra thấy Pantalaimon cấu vào tay mình để cảnh báo rằng mình phải nói ra sự thật. Chân-kế đã nói với cô là phải nói thật nhưng cô biết rằng điều gì sẽ xảy ra nếu nói toàn bộ sự thật. Cô

phải cư xử thận trọng để vừa đủ tránh những lời nói dối rõ ràng.

“Vâng,” Lyra nói, “cháu biết một ít. Nhưng không phải là về vật chất tối.”

“Bọn cô đang cố gắng khám phá ra những thứ hầu như không thể nhận biết được giữa những tiếng động của toàn bộ các loại hạt khác khi va vào nhau. Thông thường họ đặt máy dò khoảng một trăm mét dưới lòng đất, nhưng những gì bọn cô vừa làm thay vào đó là thành lập một trường điện từ xung quanh máy dò có thể làm ngăn chặn những thứ mà bọn cô không cần và cho phép đi vào những thứ bọn cô muốn. Rồi bọn cô khuếch tán tín hiệu và đưa vào máy tính.”

Cô đưa cho Lyra một cốc cà phê to, không có sữa và đường, nhưng cô cũng tìm ra được một hai cái bánh quy vị gừng trong ngăn kéo, và Lyra cầm lấy một cái ăn ngẫu nhiên.

“Rồi bọn cô tìm thấy một hạt phù hợp,” tiến sĩ Malone tiếp tục. “Bọn cô nghĩ là nó phù hợp. Nhưng mà quái lạ thật... Tại sao cô lại nói cho cháu những chuyện như thế này nhỉ? Cô không nên. Đây không phải là vấn đề được công khai. Chiều nay cô hơi điên mất rồi.”

“Ây...” cô tiếp tục và ngáp một cái dài đến nỗi Lyra nghĩ là nó không bao giờ chấm dứt, “các hạt của bọn cô lạ lắm, hơi ma quái và không hề có khiếm khuyết. Bọn cô gọi đó là những hạt bóng, Bóng tối ấy. Cháu có biết cái gì gần như nốc ao cô ra khỏi chiếc ghế này không? Khi cháu nhắc tới những cái sọ trong bảo tàng. Bởi vì một người trong đội của bọn cô là một nhà khảo cổ nghiệp dư. Một ngày anh ta tìm ra một vài thứ mà bọn cô không thể tin. Nhưng bọn cô cũng không thể lờ đi bởi vì chúng phù hợp với những thứ điên rồ nhất về ba mớ Bóng tối này. Cháu biết là cái gì không? Chúng có ý thức. Chính thế. Bóng tối là những hạt ý thức. Cháu đã bao giờ nghe thấy những thứ nào ngu ngốc như thế này chưa? Không ngạc nhiên gì khi bọn cô không thể được tái viện trợ.”

Cô nhắm nháp ly cà phê. Lyra uống từng lời của cô như một bông hoa khát nước vậy.

Tiến sĩ lại tiếp tục. “Ừ, chúng biết ta ở đây. Chúng đáp lại ta. Đây mới là phần điên rồ nhất: cháu không thể nhìn thấy chúng trừ khi cháu thực sự mong đợi. Trừ khi cháu đặt tâm trí của mình ở một trạng thái kiên định. Cùng một lúc cháu vừa phải tự tin lại vừa phải thoải mái. Cháu phải có năng lực—câu trích dẫn đâu rồi...”

Cô đưa tay về phía chồng giấy lộn xộn trên ghế và tìm thấy một mẫu giấy nhỏ ai đó đã viết bằng mực xanh rồi đọc:

“Năng lực đạt được sự không chắc chắn, bí ẩn, nghi ngờ mà không có bất kì kích thích nào đằng sau nguyên nhân và sự thật...” Cháu phải để tâm trí mình vào trạng thái đó. Dù sao, đó cũng là từ tập thơ Keats. Cô đã tìm thấy hôm nọ. Vậy là hãy để đầu óc của cháu về tình trạng đúng đắn của nó và nhìn vào Hang...”

“Hang?” Lyra hỏi lại.

“Cô xin lỗi. Là máy vi tính. Bọn cô vẫn gọi nó là Hang. Bóng tối trên tường của Hang, cháu biết đấy, từ Plato. Đó lại là nhà khảo cổ của bọn cô. Anh ta thông minh toàn diện. Nhưng anh ta đã đi tới Geneva để phỏng vấn xin việc và cô không hi vọng là anh ta sẽ quay lại ngay... Cô nói tới đâu rồi nhỉ? À, cái Hang, đúng rồi. Một khi cháu liên kết với nó, nếu cháu nghĩ, Bóng tối sẽ đáp lại. Không nghi ngờ gì. Bóng tối sẽ lũ lượt kéo tới ý nghĩ của cháu giống như là chim vậy...”

“Thế còn về những cái sọ thì sao?”

“Cô đang sắp nói tới chuyện đó đây. Oliver Payne—anh ta, đồng nghiệp của cô—một ngày

nọ đang lãng phí thì giờ cho vài cuộc thử nghiệm vớ vẩn với cái Hang. Và nó thật mới kỳ quặc. Nó không có chút ý nghĩa nào mà một nhà vật lý có thể mong đợi. Anh ta lấy một mẫu ngà voi, chỉ là một cục nhỏ thôi và không có Bóng tối nào trong đó. Nó không phản ứng. Nhưng một mẫu ngà khắc hình chữ thập thì lại có. Tấm ván gỗ to thì không có nhưng một cây thước gỗ thì có. Và một tượng gỗ được chạm trổ thì lại có nhiều hơn... Cô đang nói tới những hạt chùy sơ cấp, vì Chúa. Những mảnh ghép bé nhỏ vụn vặt khớp vừa với mọi thứ. *Chúng nhận biết những vật đó là gì.* Bất cứ thứ gì đi kèm với tài nghệ và ý nghĩ của con người đều được Bóng tối vây phủ...

“Và rồi Oliver— tiến sĩ Payne—có được một vài cái đầu hóa thạch từ một người bạn ở viện bảo tàng, đã thử kiểm tra xem tác động của nó đã tồn tại được bao lâu về trước rồi. Lát cắt đã cho thấy rằng khoảng ba mươi hay bốn mươi nghìn năm trước. Trước đó, không Bóng tối. Sau đó, có rất nhiều. Còn về thời gian, hình như từ khi người hiện đại lần đầu tiên xuất hiện. Ý của cô là, cháu biết đấy, tổ tiên xa xôi của bọn cô, họ không khác biệt so với bọn cô...”

“Đó là Bụi,” Lyra hăng hái nói. “Chính là nó.”

“Nhưng cháu thấy đấy, không thể nói những điều đại loại như vậy trong một đơn xin trợ cấp nếu không muốn bị cắt mất. Nó không có ý nghĩa gì cả. Nó không thể tồn tại. Bất khả, và nếu nó không phải bất khả, thì nó cũng không phù hợp, và nếu nó không phải là cả hai thứ đó, thì nó rối rắm.”

“Cháu muốn xem cái Hang,” Lyra nói. Cô bé đứng dậy.

Tiến sĩ Malone luồn tay qua tóc, mắt thì chớp chớp thật nhanh để đỡ mỏi mắt.

“Ồ, tại sao lại không nhỉ,” cô nói. “Từ ngày mai có thể bọn cô sẽ không còn cái Hang này nữa. Cháu hãy thử vào đi.”

Cô dẫn Lyra vào một căn phòng khác. Nó rộng hơn và đầy những dụng cụ điện.

“Đây, nó đằng kia,” cô vừa nói vừa chỉ vào một màn hình màu xám trống trơn, “đấy là nơi để máy dò, phía sau tất cả đám dây nhợ đó. Để nhìn Bóng tối cháu phải nổi vào mình vài cái điện cực. Giống như là đo sóng não bộ ấy.”

“Cháu muốn thử nó,” Lyra nói.

“Cháu sẽ không thấy gì đâu. Dù sao thì, cô cũng mệt rồi. Nó quá phức tạp.”

“Làm ơn đi cô! Cháu biết cháu đang làm gì mà!”

“Thật sao? Cô mong sao được thế. Không, vì Chúa. Đây là một thí nghiệm khoa học vừa đắt tiền vừa khó khăn. Cháu không thể sạc điện cho nó và mong có một cú phát đi như cái bàn pinball được... Cháu tới từ *nơi* nào vậy? Chẳng phải cháu nên ở trường ư? Làm thế nào cháu tìm được đường tới đây?”

Cô lại dụi mắt lần nữa như thể cô vừa ngủ dậy.

Lyra run rẩy. *Nói sự thật*, cô bé nghĩ. “Cháu tìm thấy đường vào đây bằng cái này,” cô bé lấy Chân-kế ra.

“Đó là thứ khỉ ho gì vậy? Một cái la bàn?”

Lyra để cô tiến sĩ cầm nó. Mắt cô tiến sĩ mở to khi cô thấy sức nặng của Chân-kế.

“Chúa phước lành, nó làm bằng vàng, chỗ quái nào—”

“Cháu nghĩ là nó cũng làm được điều như Hang của cô. Đó là những gì cháu muốn tìm ra. Nếu cháu có thể trả lời chính xác một câu hỏi,” Lyra nói một cách liều lĩnh, “việc gì đó cô biết câu trả lời nhưng cháu thì không, thì cháu sẽ được thử cái Hang này cô nhé?”

“Cái gì, giờ chúng ta chuyển sang dự đoán tương lai hay sao? Thứ này là gì vậy?”

“Làm ơn đi cô! Chỉ cần đưa cháu một câu hỏi.”

Tiến sĩ Malone nhún vai. “Được thôi, nói cho cô... nói cho cô biết cô đã làm gì trước khi cô đảm nhận công việc này.”

Lyra hồ hởi lấy Chân-kế từ tay cô tiến sĩ rồi xoay bánh răng dây cốt. Cô bé có thể cảm thấy tâm trí mình đang hướng về những bức ảnh chính xác thậm chí những cái kim còn đang tìm kiếm vào chúng, cô bé cảm giác được chiếc kim dài đang giật giật đáp lại. Khi nó bắt đầu đung đưa quanh mặt la bàn, cô bé dõi mắt theo nó, tính toán, dẫn dắt lại các chuỗi dài ngữ nghĩa tới mức độ sự thật đang nằm trên đó.

Rồi cô bé chớp mắt, thở dài, ra khỏi trạng thái mơ mộng của mình.

“Cô đã là một nữ tu sĩ. Cháu không phải đoán bừa. Nữ tu sĩ thì phải sống trong tu viện mãi mãi. Nhưng cô đã mất niềm tin vào Chúa trời và họ để cho cô ra đi. Việc này chẳng giống như thế giới của cháu, không một lấy tẹo.”

Tiến sĩ Malone ngồi vật xuống chiếc ghế cạnh máy tính, nhìn chăm chăm.

Lyra nói. “Đúng rồi phải không cô?”

“Phải. Và cháu đã biết được điều đó từ...”

“Từ cái Chân-kế của cháu. Nó hoạt động là nhờ Bụi, cháu nghĩ vậy. Cháu đi cả quãng đường tới đây chỉ để tìm hiểu thêm về Bụi, và nó đã nói với cháu tới gặp cô. Cháu nhận ra vật chất tối của cô cũng chính là điều cháu đang tìm hiểu. *Bây giờ*, cháu có thể thử cái Hang được chưa ạ?”

Tiến sĩ Malone lắc đầu, nhưng cô không nói là không, chỉ là cô vừa mới thoát ra khỏi tình trạng ngơ ngác. Cô xòe rộng đôi tay. “Rất tốt,” cô nói. “Cô nghĩ là cô đang mơ. Có lẽ cô nên tiếp tục.”

Cô đu đưa mình quanh chiếc ghế và ấn một vài nút tạo nên những tiếng kêu o o và tiếng kêu của quạt làm mát trong máy tính; trong những tiếng động đó, Lyra như bị ngột ngạt, cô thở hổn hển. Bởi tiếng động này giống hết tiếng động khiếp sợ mà cô đã nghe thấy trong phòng ngủ sang trọng ở Bolvangar, nơi chiếc máy chém bằng bạc suýt nữa thì chém chết cô và Pantalaimon. Thấy Pantalaimon đang run run trong túi mình, cô bé vỗ vỗ nó để trấn an.

Nhưng tiến sĩ Malone không để ý; cô ấy đang quá bận điều chỉnh những cái nút điều khiển và gõ những ký tự vào một trong những cái khay trắng ngà khác. Màn hình đổi màu, một vài chữ và số nhỏ nhỏ hiện ra.

“Bây giờ cháu ngồi xuống,” cô đưa ghế cho Lyra rồi mở một cái lọ nhỏ, “cô cần bôi một ít chất keo vào da cháu để tiếp xúc với điện, nó dễ rửa lắm. Bây giờ, hãy giữ yên lặng nhé.”

Tiến sĩ Malone lấy ra sáu sợi dây, mỗi đầu dây là những miếng mút mỏng và gắn chúng vào những chỗ khác nhau trên đầu Lyra. Cô bé ngồi bất động, hơi thở thật mạnh, tim cô bé đập

thành thịch.

“Được rồi, cháu đã được kết nối xong,” Tiến sĩ Malone nói. “Căn phòng này tràn ngập Bóng tối. Vũ trụ này đầy Bóng tối. Nhưng đây là cách duy nhất chúng ta có thể thấy được chúng, khi cháu làm cho đầu óc mình trống rỗng và nhìn vào màn hình. Bắt đầu nhé.”

Lyra nhìn vào. Màn hình tối đen và trống rỗng. Cô thấy hình ảnh của mình phản chiếu mờ mờ, nhưng chỉ có như vậy. Vì là một thí nghiệm khoa học nên cô giả vờ mình đang đọc chiếc Chân-kế và tưởng tượng mình đang hỏi nó câu hỏi: Người phụ nữ này biết gì về Bụi? *Cô ta* đang hỏi câu hỏi gì vậy?

Cô thầm tưởng tượng mình di chuyển kim Chân-kế quanh mặt của nó, như là cô vẫn làm. Thật ngạc nhiên, cô bị mất tập trung, ánh sáng lung linh tắt lịm. Cô không để ý tới tiếng rì rầm kích động đã làm cho tiến sĩ Malone đứng lên: cô cau mày ngồi xuống rồi lại tập trung lại.

Lần này phản ứng tới ngay tức thì. Một dòng ánh sáng nhảy múa, tất cả thế giới như một tấm màn che sáng mờ mờ của bình minh, rơi sáng cả màn hình. Chúng liên kết lại thành những mô hình được lưu giữ trong chốc lát chỉ rồi để bị tách ra và tái nhập lại, nhưng ở những hình dạng khác nhau, hay màu sắc khác nhau, chúng vòng quanh, lắc lư, chúng phun ra, bắn ra như mưa ánh hào quang rồi đột nhiên lệch lối, giống như một đàn chim đang đổi hướng lên bầu trời. Khi Lyra quan sát cô thấy cảm giác y hệt, sự run rẩy khi hiểu biết gần kề, điều mà cô vẫn còn nhớ kể từ hồi mới bắt đầu đọc Chân-kế.

Cô bé hỏi câu hỏi khác: *Đây là Bụi à?* Có phải cùng những thứ này đã làm ra những mô hình và dịch chuyển kim Chân-kế?

Câu trả lời hiện ra trong vòng ánh sáng cuộn xoáy dữ hơn. Cô đoán nó có ý nghĩa là có. Rồi một ý nghĩa khác đến với cô, cô quay sang nói với tiến sĩ Malone, đang há hốc miệng đưa tay lên đầu.

“Sao?” cô bé hỏi.

Màn hình nhạt dần. Tiến sĩ Malone chớp mắt.

“Có chuyện gì thế cô?” Lyra hỏi lại.

“Ôi—cháu vừa mới trình diễn một màn thật tuyệt mà cô chưa từng thấy, chỉ thế thôi. Cháu đang làm gì thế? Cháu đang nghĩ gì à?”

“Cháu nghĩ là cô có thể làm cho nó sáng rõ hơn là như thế này.”

“Rõ hơn á. Đây là rõ nhất rồi đấy.”

“Nhưng điều đó có ý nghĩa gì? Cô có đọc được nó không?”

“À,” tiến sĩ Malone nói, “cháu không thể *đọc* nó theo kiểu đọc một mẫu tin; nó không hoạt động như thế. Điều đang xảy ra là Bóng tối đã đáp lại sự chú ý mà cháu đã bỏ ra ấy. Nó quá đủ cho một cuộc cách mạng; chúng thật sự phản hồi lại với ý thức của chúng ta, cháu thấy rồi đấy.”

“Không,” Lyra giải thích, “ý của cháu là những màu sắc và hình dáng ở đó. Chúng có thể làm được những việc khác, những Bóng tối đó. Chúng có thể tạo nên bất cứ hình dạng nào mà cô muốn. Chúng có thể tạo nên những bức tranh nếu cô muốn vậy. Cô nhìn này.”

Cô bé quay trở lại và tập trung một lần nữa, nhưng lần này cô tự giả vờ màn hình là chiếc Chân-kế có ba mươi sáu kí tự nằm quanh mặt. Cô đã quá quen với nó đến nỗi các ngón tay của cô tự động xoay trên đùi khi cô di chuyển những cái kim tưởng tượng chỉ vào ngón nền (cho sự hiểu biết), ký tự an-pha và ô-mê-ga (cho ngôn ngữ), và con kiến (cho sự cần cù), và đưa ra câu hỏi: Những người này sẽ làm gì để hiểu được ngôn ngữ của Bóng tối?

Màn hình đáp lại như thể nó đang tự suy nghĩ, và từ cái mờ bồng bong những đường nét và ánh sáng, một chuỗi hình ảnh được hình thành rõ rệt một cách hoàn hảo: la bàn, rồi lại an-pha và ô-mê-ga, ánh chớp và thiên thần. Mỗi hình ảnh nhá lên trong một khoảng thời gian khác nhau, và rồi chuyển sang bộ ba khác: lạc đà, vườn, mặt trăng.

Lyra thấy ý nghĩa của chúng thật rõ ràng, cô bé thoát khỏi trạng thái đó để giải thích. Lần này, khi cô bé nhìn quanh, cô nhìn thấy tiến sĩ Malone đang ngồi trên ghế, mặt trắng bệch, nắm lấy mép bàn.

“Điều nó nói,” Lyra nói, “nó nói bằng ngôn ngữ của cháu, ngôn ngữ hình ảnh. Giống như Chân-kế. Nhưng nó cũng nói rằng nó cũng có thể dùng ngôn ngữ thông thường, những từ ngữ, nếu cô sắp xếp nó như thế. Cô có thể chỉnh lại điều này và nó sẽ đưa ra màn hình những từ ngữ. Nhưng cô sẽ phải cần rất nhiều trí tưởng tượng tỉ mỉ với những con số—đó là la bàn, cô thấy rồi đó. Còn ánh chớp có ý nghĩa là anbraic—ý cháu là điện năng, nhiều hơn thế. Và thiên thần—đó là toàn bộ lời nhắn. Có những điều mà nó muốn nói. Nhưng khi nó tiếp tục tới vòng thứ hai... Nó có ý nghĩa là Châu Á, vùng xa xôi nhất ở miền Đông nhưng cũng không hẳn. Cháu không biết đó là đất nước nào—có thể là Trung Quốc. Ở tại nước đó họ có một cách để trò chuyện với Bụi, ý cháu là Bóng tối, giống như cô có ở đây và cháu có với... có với những bức tranh, chỉ là họ sử dụng những que gậy. Cháu nghĩ điều đó ám chỉ bức tranh treo trên cửa kia, nhưng cháu không thật sự hiểu nó. Khi lần đầu tiên cháu thấy nó, cháu nghĩ là nó có cái gì đó rất quan trọng, chỉ là cháu không biết đó là cái gì. Cháu nghĩ là có rất nhiều cách để trò chuyện với Bóng tối.”

Tiến sĩ Malone gần như nín thở.

“Kính Dịch,” cô tiến sĩ nói. “Đúng, đó là của người Trung Hoa, một kiểu tiên tri—dự đoán tương lai, thật vậy... Và đúng, họ dùng những que đũa. Nó chỉ được treo ở đây để trang trí thôi,” cô nói như thể muốn trấn an Lyra rằng cô cũng không thật sự tin tưởng vào điều đó. “Cháu đang nói với cô rằng khi người ta tham khảo Kính Dịch, thì tức là họ đang liên lạc với hạt Bóng tối? Với vật chất tối?”

“Vâng,” Lyra nói. “Như cháu đã nói, có nhiều cách lắm. Trước đây cháu không nhận ra điều này. Cháu đã nghĩ rằng chỉ có duy nhất một con đường.”

“Những hình ảnh trên màn hình...” Tiến sĩ Malone bắt đầu.

Lyra thấy một ý nghĩ nhá lên trong góc tâm trí mình, và cô quay lại với màn hình. Cô khó mà bắt đầu dựng nên được câu hỏi khi càng ngày càng có nhiều hình ảnh sáng lên, nối tiếp nhau thật nhanh đến nỗi tiến sĩ Malone không thể theo dõi chúng; nhưng Lyra thì biết rất rõ, quay lại bảo cô.

“Nó nói rằng *cô cũng* rất quan trọng,” cô bé nói với tiến sĩ. “Nó nói là cô có việc quan trọng phải làm. Cháu không biết là cái gì nhưng nó sẽ không nói nếu đó không phải là sự thật. Vì vậy, có lẽ cô phải bắt nó sử dụng từ ngữ để cô có thể hiểu được điều nó nói thôi.”

Tiến sĩ Malone im lặng. Rồi cô nói, “Được rồi, mà cháu từ *nơi nào* đến vậy?”

Lyra há hốc mồm. Cô bé nhận ra là tiến sĩ Malone, đến lúc này đã thoát được ra khỏi sự kiệt

sức và nỗi tuyệt vọng, sẽ không bao giờ tự nhiên cho một đứa trẻ xa lạ chẳng biết đến từ nơi nào xem công việc của cô, và rằng cô ấy đang bắt đầu hối tiếc vì điều đó. Nhưng Lyra phải nói sự thật.

“Cháu tới từ một thế giới khác,” cô bé nói. “Đó là sự thật, cháu đã đi xuyên qua đây. Cháu... cháu phải chạy trốn, bởi những người ở thế giới của cháu đang săn đuổi cháu để giết chết cháu. Và chiếc Chân-kế này tới từ... từ cùng một nơi. Ông hiệu trưởng trường Jordan đã đưa nó cho cháu. Ở Oxford của cháu có một ngôi trường Jordan, nhưng ở đây thì không có, cháu đã xem qua rồi. Cháu đã tự mình tìm ra cách đọc Chân-kế. Cháu đã tìm ra cách tự làm cho đầu óc mình trống rỗng và cháu chỉ việc nhìn điều những bức tranh biểu thị thẳng ra cho cháu. Như là những gì cô nói về... nghi ngờ, bí ẩn và điều đó. Do đó, khi nhìn vào Hạng, cháu cũng làm tương tự và nó cũng hoạt động tương tự, vì vậy Bụi của cháu và Bóng tối của cô cùng là một. Thế nên...”

Tiến sĩ Malone tỉnh hẳn. Lyra nhặt chiếc Chân-kế của cô lên, gói nó vào tấm vải nhung, giống như một người mẹ bảo vệ con của mình vậy, trước khi bỏ nó vào trong ba lô.

“Thế nên cách nào đi nữa, cô có thể tạo màn hình đó, nó có thể nói với cô bằng từ ngữ, nếu cô muốn. Sau đó cô có thể nói chuyện với Bóng tối như là cháu nói chuyện được với Chân-kế. Nhưng điều cháu biết được là, tại sao mọi người trên thế giới của cháu lại ghét nó nhỉ? Bụi, ý của cháu là Bóng tối. Vật chất tối. Họ muốn phá hủy nó. Họ nghĩ rằng nó là tội lỗi. Nhưng cháu nghĩ những gì họ làm mới là tội lỗi. Cháu đã thấy họ làm điều đó. Thế nó là cái gì, Bóng tối ấy? Nó tốt hay xấu xa, hay là gì nữa?”

Tiến sĩ Malone chà chà mặt, làm cho hai bên má cô lại đỏ ửng.

“Mọi thứ về nó đều rối tung rối mù cả,” cô tiến sĩ nói. “Cháu có biết đề cập tới tốt đẹp hay xấu xa trong một phòng thí nghiệm khoa học khó xử đến thế nào không? Cháu biết không hả? Một trong những lý do mà cô trở thành nhà khoa học chính là không phải nghĩ đến những thứ đại loại như thế.”

“Cô *phải* nghĩ về điều đó,” Lyra nói rất nghiêm khắc. “Cô không thể khám phá ra Bụi, Bóng tối, bất kể thứ gì mà không nghĩ về nó rằng nó tốt hay xấu hay tương tự thế. Và nó nói là cô phải làm, cô nhớ đấy. Cô không thể cự tuyệt được. Khi nào thì họ đóng cửa trung tâm này?”

“Quý hỗ trợ quyết định là cuối tuần này... Sao vậy?”

“Bởi vì cô phải làm ngay tối nay,” Lyra nói. “Cô có thể chỉnh lại thông số để nó đưa từ ngữ ra ngoài màn hình thay vì những hình ảnh như cháu đã làm. Cô có thể làm điều này dễ dàng. Sau đó cô có thể cho họ thấy và họ sẽ tiếp tục tài trợ tiền cho cô để cô tiếp tục. Cô có thể tìm hiểu thêm tất cả về Bụi, hay là về Bóng tối và hãy nói với cháu. Cô thấy đấy,” cô bé tiếp tục, giống như một nữ công tước đang phản ánh lại điều không hài lòng về người hầu gái, “chiếc Chân-kế sẽ không nói chính xác những gì mà cháu muốn biết. Nhưng cô có thể tìm ra hộ cháu. Hoặc giả cháu có thể thực hiện cái món Kinh Dịch đó, với những cái gậy. Nhưng làm việc với hình ảnh dễ dàng hơn. Dù gì thì cháu vẫn nghĩ thế. Cháu tháo cái này ra giờ đây,” cô bé thêm vào rồi kéo những điện cực trên đầu mình ra.

Tiến sĩ Malone đưa cho cô bé một tờ giấy ăn để lau keo lỏng, rồi quấn dây nhợ lại.

“Cháu chuẩn bị đi à?” cô nói. “Ừm, cháu đã cho cô một giờ thật lạ lùng, thật sự đấy.”

“Cô sẽ làm cho nó ra từ ngữ chứ?” Lyra vừa nói vừa xốc lại ba lô.

“Nó sẽ hữu ích rất nhiều như là hoàn thành đơn xin trợ cấp, cô dám nói như vậy,” tiến sĩ

Malone nói. “Khoan, nghe này. Cô muốn cháu quay lại đây vào ngày mai. Được không? Cũng khoảng thời gian này. Cô muốn cháu chỉ cho những người khác biết nữa.”

Lyra cụp mắt xuống. Liệu đây có phải là một cái bẫy hay không?

“Được ạ. Nhưng cô hãy nhớ những thứ mà cháu muốn biết.”

“Được. Tất nhiên rồi. Cháu sẽ tới chứ?”

“Vâng ạ.” Lyra đáp. “Nếu cháu nói là cháu tới thì cháu sẽ giữ lời. Cháu có thể giúp cô, cháu mong là như vậy.”

Rồi cô bé rời đi. Người gác cổng đang ngồi trên ghế, ngẩng lên nhìn thật nhanh rồi lại trở lại với tờ báo của ông.

*

* *

”Cuộc khai quật Nuniatak,” nhà khảo cổ học vừa nói vừa xoay chiếc ghế. “Cháu là người thứ hai trong tháng hỏi ta về điều này đấy.”

“Thế người thứ nhất là ai ạ?” Will hỏi, ngay lập tức cảnh giác.

“Ta nghĩ là một nhà báo. Ta không chắc lắm.”

“Tại sao ông ấy lại muốn biết về điều này ạ?” cậu bé hỏi.

“Liên quan tới một người đàn ông đã mất tích trên con tàu đó. Đó là lúc cao trào của cuộc chiến tranh lạnh khi đoàn thám hiểm biến mất. Chiến tranh giữa các vì sao. Có lẽ cháu còn quá nhỏ để biết chuyện. Người Mỹ và người Nga đã xây dựng rất nhiều trạm radar, tất cả đều qua Bắc cực... À mà, ta có thể làm gì cho cháu nào?”

Will cố gắng giữ cho mình thật bình tĩnh. “Thực ra cháu đang thử tìm hiểu thêm về đoàn thám hiểm. Cho một dự án của trường về con người tiền sử. Cháu đã đọc thấy rằng đoàn thám hiểm đã biến mất, cháu tò mò.”

“Cháu thấy đấy, cháu không phải là người duy nhất. Lúc đó ta phải làm cả một lượng công việc đồ sộ. Ta đã tra cứu nó cho ông nhà báo. Đó là một cuộc khảo sát sơ bộ chứ không phải là một cuộc khai quật hoàn toàn. Cháu không thể làm một cuộc khảo sát cho đến khi cháu biết được rằng có đáng dành thời gian vào việc đó hay không, vì vậy nhóm khảo cổ này đã tìm ra một loạt vị trí và đã làm một báo cáo. Cứ hàng nửa tá một. Thỉnh thoảng, ở những cuộc thám hiểm như thế này cháu có thể hợp sức với những người ở ngành khác—cháu biết đấy, địa chất hay bất cứ ngành nào—để giảm chi phí. Họ nhìn vào những thứ của họ và ta nhìn vào những thứ của ta. Trong trường hợp này, đội của họ có một nhà vật lý. Ta nghĩ rằng anh ta đang tìm những hạt khí quyển bậc cao. Cực quang, cháu biết đấy, ánh sáng phương Bắc. Hình như anh ta có vài quả khí cầu và trạm phát radio.

“Có một người đàn ông khác nữa. Một cựu hải quân, một nhà thám hiểm dày dạn kinh nghiệm. Họ đi lên những vùng khá hoang sơ và gấu Bắc cực luôn là mối nguy hiểm ở Cực Bắc. Nhà khảo cổ học có thể xử lý được với nhiều thứ, nhưng chúng tôi không được huấn luyện để bắn, và nếu có ai đó có thể nã đạn, định hướng, dựng trại và làm tất cả những việc để tồn tại thì sẽ rất hữu ích.

“Nhưng rồi tất cả họ đều biến mất. Họ liên lạc với trạm khảo sát địa phương bằng radio, nhưng một ngày nọ tín hiệu đã không truyền đến, và họ không còn nghe được gì thêm. Có một trận bão tuyết đã xảy ra nhưng không có gì bất thường. Đội tìm kiếm đoàn thám hiểm đã tìm thấy trại cuối cùng của họ, ít nhiều còn nguyên vẹn, mặc dầu lương thực của họ đã bị gấu ăn hết. Nhưng không có dấu hiệu của bất cứ người nào. Tà e rằng đó là tất cả những gì mà ta có thể nói cho cháu biết.”

“Vâng,” Will nói. “Cảm ơn bác. Ừm... nhà báo đó,” dừng lại ở phía cửa, Will tiếp tục, “bác nói rằng ông ta quan tâm tới một trong những người đó. Ai vậy bác?”

“Một nhà thám hiểm. Một người có tên là Parry.”

“Trông ông ấy như thế nào hả bác? Ý cháu muốn hỏi nhà báo cơ?”

“Cháu muốn biết điều đó làm gì?”

“Bởi vì...” Will không thể tìm ra được một lý do thích đáng. Đáng nhẽ cậu không nên hỏi. “Không vì lý do gì. Cháu chỉ hỏi thôi.”

“Như ta còn nhớ thì ông ta là một người đàn ông to lớn có mái tóc mày vàng. Một mái tóc rất sáng.”

“Được rồi, cảm ơn bác,” Will nói và quay đi.

Người đàn ông nhìn cậu bé đi khỏi, không nói gì cả, ông chỉ hơi cau mày. Khi Will nhìn thấy ông ta với tới điện thoại cậu liền nhanh chóng rời khỏi tòa nhà.

*

* *

Cậu thấy mình đang run bần bật. Nhà báo đó, như người ta đã gọi, là một trong những gã đã tới nhà của mình: một gã to lớn có mái tóc màu sáng, trông giống như là không có lông mi hay lông mày vậy. Gã ta cũng không phải là người mà Will đã đẩy xuống cầu thang, gã ta chính là người đã xuất hiện ở cửa nhà cậu và cửa phòng ngủ của Will khi cậu chạy xuống và nhảy qua cái xác.

Nhưng hẳn ta không phải là nhà báo.

Có một bảo tàng lớn gần đó. Will vào bảo tàng, tay cậu bé vẫn giữ bìa kẹp hồ sơ như thể cậu đang nghiên cứu vậy, rồi cậu ngồi trong một phòng trưng bày treo đầy tranh. Cả người cậu run rẩy, cậu cảm thấy mình như bị ồm, vì tất cả những điều vừa rồi nhắc rằng cậu đã giết chết ai đó, cậu là một kẻ giết người. Cậu đã giấu kín điều này, nhưng giờ đây nó lại trỗi dậy. Cậu đã cướp mất cuộc sống của một người đàn ông.

Cậu ngồi bất động trong vòng nửa tiếng và đó là nửa tiếng tồi tệ nhất mà cậu trải qua. Mọi người vẫn tới và đi, nhìn vào những bức tranh, nói rất khẽ, họ lơ Will đi; một nhân viên bảo tàng đứng ở phía cửa trong vài phút, chấp tay đằng sau lưng nhưng rồi ông ta cũng đi; Will vật lộn với nỗi khiếp sợ của mình về những gì cậu đã làm, không hề cử động lấy một múi cơ.

Dần dần, cậu cũng cảm thấy mình bình tĩnh hơn. Cậu đã bảo vệ mẹ. Họ đã làm cho mẹ sợ hãi, làm cho bà ở trong tâm trạng rất xấu. Họ đã hành hạ mẹ. Cậu có quyền bảo vệ ngôi nhà mình. Bố chắc cũng muốn Will làm điều đó. Will đã làm vì nó là một điều tốt, để những gã đàn ông khỏi lấy mất cái cặp da màu xanh lá cây. Cậu làm việc này còn là để tìm ra bố; chẳng lẽ Will

không có quyền làm thế ư? Tất cả những trò chơi tuổi thơ đã trở lại với Will, hai bố con giải cứu lẫn nhau khỏi những con thác hay là chiến đấu với hải tặc. Bây giờ nó đã thành sự thật. “Con sẽ đi tìm bố,” cậu thầm nói. “Hãy giúp con, con sẽ đi tìm bố và chúng ta sẽ cùng chăm sóc mẹ, mọi thứ rồi cũng sẽ qua...”

Và sau rốt, bây giờ, cậu cũng có nơi để ẩn náu thật an toàn và không ai có thể tìm ra cậu cả. Tất cả những giấy tờ trông cặp (cậu vẫn chưa có thời gian để đọc) vẫn được an toàn dưới tấm đệm ở Cittagazze.

Cuối cùng, Will để ý rằng mọi người đi lại có chủ đích hơn, và đều cùng về một hướng. Họ đang ra khỏi bảo tàng, bởi vì nhân viên ở đây đang nói với họ rằng họ sẽ đóng cửa bảo tàng trong vòng mười phút nữa. Will thu dọn đồ đạc và ra khỏi bảo tàng. Cậu tìm đường tới phố High, nơi có văn phòng của ông luật sư, cậu tự hỏi liệu mình có nên đi tới đó hay không mặc cho những gì cậu đã nói trước đây. Nghe ông ta có vẻ khá thân thiện...

Nhưng ngay khi cậu quyết định băng qua phố vào văn phòng, cậu đột nhiên dừng lại.

Một người đàn ông cao lớn có cặp lông mày nhật đang xuống ô tô.

Will nép về một phía, nhìn về phía cửa sổ cửa hàng nữ trang ngay bên cạnh. Cậu nhìn thấy một người đàn ông đang nhìn ra xung quanh, thắt lại cà vạt và đi vào văn phòng luật sư. Ngay khi gã này đi vào, Will liền tránh ra xa, tìm cậu lại đập thành thịch. Chẳng có nơi nào an toàn cả. Cậu trôi giạt theo hướng thư viện trường đại học và đợi Lyra.

Chương 5: Bức thư

“Will,” Lyra gọi.

Cô bé gọi thật khẽ nhưng vẫn làm Will giật mình. Lyra đã ngồi trên chiếc ghế băng ngay cạnh Will mà Will không hề hay biết.

“Bạn từ đâu ra vậy?”

“Tôi đã tìm thấy Học giả của tôi! Cô ấy là tiến sĩ Malone. Cô ấy có một cái máy có thể nhìn thấy Bụi và cô ấy sẽ làm cho nó có thể nói—”

“Tôi đã không thấy bạn tới.”

“Bạn có nhìn đâu, chắc là bạn đang nghĩ ngợi điều gì đó. May mà tôi đã tìm ra bạn. Nhìn này, thật dễ dàng lừa người ta. Xem đây.”

Hai cảnh sát đang đi lại phía họ, một nam và một nữ, mặc đồng phục mùa hè, áo sơ mi màu trắng, họ mang theo cả bộ đàm và cúi nhìn hai đứa trẻ với con mắt thật tò mò. Trước khi hai cảnh sát đi đến chỗ Will và Lyra ngồi, Lyra chạy chân trần tới phía họ bắt chuyện.

“Hãy chỉ cho cháu viện bảo tàng ở đâu ạ? Cháu và anh trai cháu hẹn gặp lại bố mẹ cháu ở đó nhưng chúng cháu bị lạc.”

Người cảnh sát nhìn Will, và Will, dằn lại cơn tức, nhún vai như thể muốn nói, “Phải đó, chúng cháu đang bị lạc và chẳng có gì hài hước.”

Chú cảnh sát mỉm cười. Cô cảnh sát lại nói:

“Bảo tàng nào vậy? Có phải bảo tàng Ashmolean?”

“Vâng, chính nó đấy ạ,” rồi khi cô cảnh sát chỉ đường cho Lyra tới bảo tàng, cô bé giả vờ lắng nghe thật chăm chú.

Will đứng dậy và nói, “Cảm ơn cô chú,” rồi cả hai đứa trẻ cùng bước đi. Chúng không hề quay lại, nhưng những người cảnh sát không để ý đến chúng nữa.

“Thấy không?” cô bé nói. “Nếu họ đang nhìn bạn, tôi sẽ không làm cho họ để ý đến bạn nữa. Bởi vì họ sẽ không để ý tới ai đi cùng một cô em gái. Tốt hơn hết là từ giờ tôi sẽ đi cùng bạn,” khi đã đi qua góc phố, cô bé gắt gỏng tiếp tục. “Chỉ có một mình thì bạn sẽ không an toàn đâu.”

Will chẳng nói gì. Cậu vẫn còn lo lắng. Họ đi bộ về hướng toà nhà hình tròn có treo mái vòm lớn đặt ở một góc. Bao quanh nó là một toà nhà của trường trung học xây bằng những viên đá màu mật ong, một nhà thờ và những cây có tán lá rộng phía trên tường của khu vườn. Vào buổi chiều, mặt trời chiếu những tia sáng ấm áp, không khí như đậm mùi nắng và có màu vàng như màu rượu mạnh. Tất cả lá cây đều đứng im, thậm chí, trong một góc nhỏ tiếng ồn ào của xe cộ cũng lắng dần.

Cuối cùng cô bé cũng nhận ra tâm sự của Will, cô bé hỏi, “Có việc gì thế?”

“Nếu bạn nói với người ta bạn chỉ thu hút sự chú ý của người ta mà thôi,” Will nói bằng giọng căm căn. “Bạn nên im lặng và ngồi im, họ sẽ đi qua bạn. Tôi đã làm như thế suốt từ bé đến giờ rồi. Tôi biết phải làm như thế nào. Cách của bạn, bạn chỉ... làm cho bạn bị lộ mà thôi. Bạn không nên làm như thế. Bạn không nên đùa giỡn vậy. Bạn chẳng nghiêm túc được chút nào cả.”

“Bạn nghĩ vậy ư?” cô bé nói, lóe lên tia giận dữ. “Bạn nghĩ tôi không biết cách nói dối và cách trốn hay sao? Tôi là kẻ nói dối giỏi nhất từ trước tới nay đấy. Nhưng tôi không nói dối bạn và tôi sẽ không bao giờ nói dối bạn, tôi thề đấy. Bạn đang gặp nguy hiểm, và nếu vừa rồi tôi không hành động thì bạn đã bị bắt rồi. Bạn không cảm thấy là họ đang nhìn mình hay sao? Bạn chẳng cần thận gì cả. Nếu bạn muốn biết ý kiến của tôi thì, chính bạn, mới là người không nghiêm túc gì hết ấy.”

“Nếu không phải tôi nghiêm túc, thì lý do gì mà tôi cứ phải đi lòng vòng loanh quanh đợi bạn trong khi có thể đi được hàng dặm rồi? Hay là trốn đi đâu đó, an toàn ở thành phố khác? Tôi có việc riêng phải làm nhưng tôi phải đợi ở đây để tôi có thể giúp bạn. Đừng nói với tôi rằng tôi không nghiêm túc.”

“Bạn cần phải vượt qua nó,” cô bé nói, phát cáu lên. Không một ai được phép nói với cô như vậy. Cô là một nhà quý tộc. Cô là Lyra. “Nhất định phải thế, bằng không bạn sẽ không tìm ra bất cứ điều gì về bố bạn đâu. Bạn hãy làm việc đó cho chính bạn chứ không phải cho mình.”

Hai đứa trẻ tranh cãi hăng tiết nhưng với giọng khe khẽ vì sự yên lặng ở góc phố này và vì sợ những người qua lại gần đây nghe thấy. Tuy nhiên, khi nghe cô nói xong, Will ngừng lại. Cậu phải dựa vào tường của ngôi trường bên cạnh. Mặt cậu tái nhợt.

“Bạn biết gì về bố tôi?” cậu bé hỏi rất khẽ khàng.

Cô bé trả lời cùng tông giọng. “Tôi không biết được mọi thứ. Tất cả những gì tôi biết là bạn đang tìm bố. Đó là tất cả những gì tôi đã hỏi.”

“Hỏi ai cơ?”

“Dĩ nhiên là Chân-kế rồi.”

Phải mất một lúc cậu nhớ ra thứ cô đang ám chỉ. Trông cậu thật giận dữ và ngờ vực đến nỗi cô bé phải lấy chiếc Chân-kế ra khỏi ba lô và nói, “Được rồi, tôi sẽ cho bạn thấy.”

Lyra ngồi xuống bờ đá quanh thảm cỏ ở góc phố và cúi đầu xuống một dụng cụ bằng vàng, cô bé bắt đầu xoay những cái kim, ngón tay của Lyra di chuyển gần như quá nhanh nên khó mà thấy được, và nó ngưng lại một vài giây trong khi cái kim mảnh khảnh quay quanh mặt la bàn, sau đó lại gõ nhẹ để dừng lại vài chỗ. Rồi cô bé đổi vị trí kim với tốc độ tương tự. Will thận trọng nhìn quanh nhưng không có ai có thể dòm ngó ở gần đó; một nhóm khách du lịch đang nhìn lên toà nhà có mái vòm, một người bán kem đi dọc theo vỉa hè, nhưng tất cả họ đang chú ý đến những nơi khác.

Lyra chớp mắt thờ dài như thể cô đang phải đi bộ khi vừa mới ngủ dậy vậy.

“Mẹ cậu bị ốm,” cô nói khẽ. “Nhưng bà được an toàn. Có một bà lão đang chăm sóc mẹ cậu. Bạn đã lấy vài bức thư đi và bỏ trốn. Có một người đàn ông nữa, tôi nghĩ đó là kẻ trộm, bạn đã giết chết hắn ta. Bạn đang tìm kiếm bố mình và ...”

“Được rồi, bạn im đi.” Will nói. “Đủ rồi đấy. Bạn không có quyền nhìn vào cuộc đời tôi như thế chứ. Đừng bao giờ lặp lại việc đó nữa. Như thế chẳng khác gì do thám.”

“Tôi biết khi nào thì không nên hỏi nữa,” cô bé nói. “Nhìn này, Chân-kế gần như là con người vậy. Tôi phần nào biết được khi nào nên bỏ qua và khi nào có những thứ mà nó không muốn cho tôi biết. Khi không thấy bạn ngày hôm qua, tôi phải hỏi nó rằng bạn là ai và có phải tôi không an toàn hay không. Tôi phải làm điều đó. Và nó nói rằng...” Cô bé thậm chí còn hạ thấp giọng xuống. “Nó nói rằng bạn là kẻ giết người, và tôi nghĩ bạn là người tốt, là người mà tôi có thể tin tưởng. Nhưng tôi đã không hỏi nó thêm cho đến tận bây giờ. Tôi hứa là tôi sẽ không làm như vậy nữa. Nếu tôi không làm gì cả ngoại trừ việc dòm ngó người khác, nó sẽ không hoạt động nữa. Tôi biết điều này rõ như tôi biết Oxford của tôi vậy.”

“Bạn có thể hỏi tôi thay vì hỏi thứ đó. Nó có nói là bố tôi còn sống hay đã chết không?”

“Không, bởi vì tôi không hỏi.”

“Được,” cuối cùng cậu bé nói, “tôi cho rằng chúng ta phải tin tưởng lẫn nhau.”

“Hoàn toàn đúng. Tôi tin bạn.”

Will nghiêm nghị gật đầu. Cậu đã quá mệt và ở thế giới này thì khó mà hi vọng có thể được ngủ một giấc dù chỉ là mong manh nhất. Lyra không thật sự nhận thức được, nhưng có thứ gì đó trong thái độ của cậu làm cô nghĩ: cậu ta đang sợ, nhưng cậu ấy làm chủ nỗi sợ hãi của mình, giống như Iorek Byrnison đã nói chúng ta phải làm; giống như mình đã làm gần căn nhà chứa cá cạnh hồ băng.

“Và Will,” cô thêm vào, “Tôi sẽ không trao bạn cho ai đâu. Tôi xin hứa.”

“Tốt.”

“Trước đây tôi đã phản bội một người. Đó là điều tồi tệ nhất mà tôi đã làm. Dĩ nhiên là tôi nghĩ rằng tôi đang cứu sống cậu ta, tôi chỉ đưa cậu ta tới đúng nơi nguy hiểm nhất có thể. Tôi

ghét mình vì điều này, vì tôi quá ngu ngốc. Vì vậy tôi đã cố gắng hết sức để không bất cần hay quên và phản bội bạn.”

Cậu bé chẳng nói gì. Cậu hết cụp mắt vào rồi lại chớp chớp mắt để giữ cho mình tỉnh táo.

“Tội mình không thể trở lại cái cửa sổ cho đến khi trời tối hơn. Hơn nữa, tội mình không thể đi qua vào ban ngày, không thể liếc nhìn để ai đó nhìn thấy. Giờ phải đợi thêm mấy tiếng nữa...”

“Mình đói.” Lyra kêu.

Will an ủi cô: “Tớ biết rồi! Tội mình có thể tới rạp chiếu phim.”

“Rạp gì cơ?”

“Tớ sẽ chỉ cho cậu. Chúng ta có thể ăn một ít ở đây.”

Có một rạp chiếu phim gần trung tâm thành phố chỉ cần đi bộ mười phút là tới. Will trả tiền vào cửa cho cả hai rồi mua xúc xích, bắp rang bơ và cả coca cola nữa, họ mang thức ăn vào trong và ngồi xuống vừa kịp lúc bộ phim bắt đầu.

Lyra như bị mê hoặc. Cô đã được xem dự án biểu đồ ảnh nhưng chẳng có gì ở thế giới của cô sẵn sàng cho rạp chiếu phim. Cô ăn ngẫu nhiên xúc xích và bắp rang bơ, hớp từng ngụm coca cola, thờ hồn hển rồi cười sung sướng trước những nhân vật trên màn hình. Thật may mắn, khán giả ở đây thật ồn ào, toàn trẻ con, vì thế sự phấn khích của cô không bị để ý. Will nhắm mắt và ngủ ngay lập tức.

Cậu tỉnh dậy khi nghe tiếng động của những hàng ghế và tiếng người bước đi, trong ánh sáng, cậu chớp chớp mắt. Nhìn đồng hồ, bây giờ đã là tám giờ mười lăm. Lyra miễn cưỡng đi ra.

“Đó là điều tuyệt vời nhất mà tôi từng được xem từ trước tới giờ,” cô bé nói. “Tôi không biết tại sao ở thế giới của tôi lại không chế tạo ra được nó nhỉ. Chúng tôi có những thứ còn tốt hơn các bạn, nhưng cái này lại tốt hơn những gì chúng tôi có.”

Will thậm chí còn không nhớ nổi bộ phim đó như thế nào nữa. Ở ngoài đường vẫn tấp nập và vẫn có ánh đèn.

“Bạn có muốn xem bộ phim khác nữa không?”

“Có chứ!”

Hai đứa trẻ lại tới rạp chiếu phim khác, cách góc phố đó khoảng mười thước và lại xem phim. Lyra ngồi co cả hai chân lên ghế, cô bé ôm đầu gối, Will cố gắng để đầu óc mình trống rỗng. Lúc trở ra thì đã gần mười một giờ—tốt hơn nhiều rồi.

Lyra lại cảm thấy đói, họ lại mua bánh hăm-bơ-gơ từ một quầy bán hàng lưu động và vừa đi vừa ăn, một việc mới mẻ khác đối với cô.

“Ở chỗ của mình người ta luôn ngồi ăn. Mình chưa bao giờ nhìn thấy ai vừa đi vừa ăn cả,” cô bé nói với Will. “Nơi này có quá nhiều cách khác biệt. Thứ nhất là giao thông. Mình không thích nó. Tuy vậy, mình lại thích rạp chiếu phim và hăm-bơ-gơ. Cực thích luôn ấy. Và cô Học giả đó, tiến sĩ Malone, cô ấy đang xây dựng cơ chế để nó sử dụng từ ngữ. Mình vừa mới biết cô ấy. Mai mình sẽ quay lại để nhìn xem cô ấy tiến triển tới đâu rồi. Mình cá là mình có thể giúp cô ấy. Có thể mình sẽ làm cho các học giả đưa tiền cho cô ấy nếu cô ấy muốn. Bạn có biết cha mình đã

làm như thế nào không? Ngài Asriel? Ông ấy đã chơi họ một ván..."

Khi họ đi tới phố Banbury cô bé nói với Will về cái đêm cô bé trốn trong tủ quần áo, nhìn thấy Ngài Asriel chỉ cho những học giả trường Jordan thấy cái đầu bị cắt lìa của Stanislaus Grumman đựng trong một cái phích. Vì Will là một khán giả chăm chú, cô tiếp tục kể với cậu phần còn lại của câu chuyện từ khi cô trốn thoát khỏi căn phòng của bà Coulter tới khoảnh khắc kinh khủng khi cô nhận ra mình đã dẫn Roger tới cái chết của cậu trên vách núi băng ở Svalbard. Will chỉ nghe mà không bình luận gì cả, nhưng rất tập trung và cả cảm thông nữa. Cô còn kể tới chuyến đi bằng khinh khí cầu, về con gấu mặc áo giáp sắt và những phù thủy, về đạo quân báo thù Giáo hội, dường như giống tất cả những mẫu nhỏ trong giấc mơ kì quái của cậu về một thành phố trên biển xinh đẹp, trống trải và an toàn: nhưng nó không thể là sự thật, đơn giản là thế.

Cuối cùng hai đứa trẻ cũng đến được đoạn đường vòng và những cây trần. Lúc này, có rất ít xe cộ đi lại, cứ khoảng một phút lại có một chiếc ô tô. Và cửa sổ kia rồi. Will thấy mình mỉm cười. Thế là ổn rồi. "Đợi khi nào không có cái ô tô nào đã," cậu bé nói. "Bây giờ tôi sẽ đi xuyên qua nó."

Một lúc sau, Will đang đứng trên bãi cỏ dưới những cây thông, chỉ một hay hai giây sau, Lyra cũng đi theo sau.

Họ cảm thấy như được về nhà vậy. Buổi tối ấm cúng, mùi hương hoa và mùi biển, sự im lặng như nhấn người họ vào mặt nước êm ả.

Lyra vươn vai và ngáp, Will thấy gánh nặng được cất khỏi vai. Cậu đã mang nó cả ngày rồi và cậu đã không nhận thấy nó gần như sắp đè bẹp cậu xuống đất. Nhưng bây giờ, cậu cảm thấy vui vẻ và thoải mái trước sự yên bình này.

Lyra lôi tuột tay cậu đi. Ngay sau đó Will nhận ra điều gì đã làm cô bé cư xử như vậy.

Ở nơi nào đó trong con phố nhỏ phía trước quán cà phê, có cái gì đó đang gào thét.

Will đi về phía có tiếng la, Lyra theo sau cậu. Trong ánh trăng, cậu lao mình xuống ngõ hẻm. Sau một vài chỗ quanh co, họ tới một góc phố phía trước tháp đá mà họ đã nhìn thấy tối hôm đó.

Khoảng hai mươi đứa trẻ hoặc hơn đang quay mặt vào trong nửa vòng tròn ở phía chân tháp, một vài đứa cầm gậy, vài đứa khác thì đang ném đá vào thứ gì đó mà chúng đã bẫy vào chân tường. Thoạt đầu, Lyra nghĩ đó là một đứa trẻ khác. Nhưng từ phía trong nửa vòng tròn một tiếng kêu không phải là của con người vang lên. Những đứa trẻ khác cũng la hét, trong nỗi căm hờn và sợ hãi.

Will nhảy bổ vào lũ trẻ và ẩy lưng một đứa. Đó là một thằng bé trạc tuổi cậu, nó mặc một cái áo thun. Khi nó quay ra, Lyra thấy một đường viền bao quanh đồng tử của nó, và sau đó những đứa trẻ khác cũng nhận thấy điều gì đang xảy ra, chúng dừng lại để quan sát. Cả Angelica và cậu em trai cũng ở trong đám trẻ này, tay cầm đá, trong ánh trăng, tất cả lũ trẻ đều có ánh mắt thật dữ dội.

Chúng lặng im. Chỉ còn tiếng kêu vẫn vang lên, cả Will và Lyra đều nhận ra nó là cái gì: một con mèo hoang, rón rén bên chân tháp, tai của nó bị rách còn đuôi thì cong lại. Đó là con mèo mà Will đã nhìn thấy ở đại lộ Sunderland, con mèo giống hệt Moxie, con mèo đã dẫn cậu đến ô cửa sổ.

Ngay khi nhìn thấy con mèo, Will liền đẩy mạnh đứa con trai mà cậu vẫn còn đang giữ bên

mình sang bên cạnh. Thằng này ngã xuống đất rồi lại đứng dậy ngay, trông nó rất giận dữ, nhưng những đứa trẻ khác đã giữ nó lại. Will quỳ xuống bên cạnh con mèo.

Cậu bế nó lên. Nó rúc vào ngực cậu, cậu ôm con mèo rồi đứng dậy đối mặt với bọn trẻ. Trong một giây lát yên ắng, Lyra nghĩ rằng cuối cùng thì nhân tính của cậu cũng xuất hiện.

“Chúng mày hành hạ con mèo này để làm gì vậy?” cậu hỏi nhưng bọn trẻ không thể trả lời. Trước sự giận dữ của Will, bọn chúng đứng im run rẩy, tay nắm chặt gậy và đá, chúng không thể nói điều gì.

Nhưng rồi Angelica nói rất rõ ràng: “Mày không phải người ở đây! Mày không phải người của Ci'gazze! Mày không biết gì về bọn Spectre, mày cũng không biết gì về mèo cả. Mày không giống như chúng tao!”

Thằng bé mặc áo thun mà Will đã đẩy ngã đang muốn lao vào đánh nhau, nhưng nếu không vì con mèo trên tay Will thì nó đã cho cậu nếm đủ nắm đấm, răng và cả chân của nó nữa. Will cũng sẵn sàng nhảy bổ vào cuộc chiến: lúc này lòng căm giận giữa Will và thằng bé đó chỉ có thể giải quyết bằng một cuộc ẩu đả. Nhưng thằng bé lại sợ con mèo.

“Mày ở đâu tới?” nó nói bằng giọng khinh bỉ.

“Tao từ đâu tới cũng chẳng sao. Nếu mày sợ con mèo như vậy, tao sẽ lấy nó khỏi chúng mày. Nếu nó là điểm gở đối với chúng mày thì nó sẽ là vận may đối với bọn tao. Giờ thì tránh ra.”

Trong một lúc Will đã nghĩ rằng lòng căm thù của bọn trẻ này có thể vượt qua nỗi sợ hãi, cậu đã chuẩn bị đặt con mèo xuống để chiến đấu. Nhưng đột nhiên có tiếng gầm vang từ phía sau lũ trẻ, tất cả bọn chúng quay ra nhìn thấy Lyra đang đứng, một tay bám vào vai con báo hoa thật lớn, răng nó nhe ra sáng bóng. Thậm chí cả Will, khi đã nhận ra đó là Pantalaimon vẫn còn cảm thấy sợ. Nó có hiệu quả rất lớn đối với lũ trẻ, chúng quay lưng bỏ chạy. Chỉ một thoáng sau, góc phố đã lại vắng lặng.

Trước khi đi khỏi chỗ này, Lyra quay lại nhìn toà tháp. Pantalaimon gầm gừ giục cô bé đi nhanh nhưng lúc đó cô bé thoáng trông thấy có ai đó ở trên cao đang nhìn xuống, không phải là một đứa trẻ mà là một thanh niên tóc xoắn.

Nửa giờ sau, Will và Lyra đã có mặt trong căn phòng trên quán cà phê. Will kiểm một hộp sữa đặc, con mèo đói nghiêng liếm sữa rồi mới liếm láp vết thương của mình. Pantalaimon đã biến hình thành mèo, lúc đầu con mèo dựng đứng lông lên nghi ngờ, nhưng rồi nó nhận ra lúc trước Pantalaimon là con gì, nó biết Pantalaimon không phải là một con mèo thật sự và cũng không phải là một mối đe dọa, nó bắt đầu lờ Pantalaimon đi.

Lyra nhìn Will chăm sóc con mèo như bị thôi miên. Con vật duy nhất mà cô từng lại gần ở thế giới của cô (ngoại trừ những con gấu mặc áo sắt) là những con thú dùng để làm việc; mèo để bắt chuột ở trường Jordan chứ không phải mèo nuôi làm cảnh.

“Tớ nghĩ là đuôi của nó bị rách rồi,” Will nói. “Tớ chẳng biết làm gì với nó cả. Có thể nó sẽ tự lành. Tớ sẽ bôi chút mật ong vào tai của nó. Tớ đã được đọc ở đâu đó, nó sẽ khử trùng...”

Ghê quá, nhưng ít nhất điều đó cũng giữ cho nó tiếp tục liếm và vết thương sẽ dần sạch hơn.

“Bạn có chắc đó là con mèo mà bạn đã nhìn thấy chứ?” Cô bé hỏi.

“Chắc mà. Nếu tất cả tội nó căm thù mèo đến thế thì trên thế giới này chắc cũng chẳng còn lại mấy con. Có lẽ nó không tìm được đường về.”

“Bọn đó điên cả rồi,” Lyra nói. “Chúng có thể đã giết chết con mèo này. Mình chưa bao giờ nhìn thấy trẻ con cư xử như thế cả.”

“Còn tớ thì rồi,” Will đáp.

Nhưng cậu lại sa sầm nét mặt; cậu không muốn nói về điều đó và Lyra biết tốt hơn cô không nên hỏi. Ngay cả hỏi Chân-kế cũng không nên.

Cô đã mệt lữ, cho nên chẳng mấy chốc cô đã lên giường và thiếp đi ngay lập tức.

Một lúc sau, khi con mèo cuộn mình nằm ngủ, Will lấy một tách cà phê và lôi cái cặp da màu xanh lá cây, cậu ngồi trên lan can. Ánh sáng chiếu vào qua cửa sổ cũng đủ để cho cậu đọc, bây giờ Will rất muốn xem giấy tờ trong cặp.

Có rất nhiều giấy tờ. Cậu nghĩ rằng đó là những bức thư, được viết trên giấy viết thư và mực màu đen. Đây là những vết tích do tay một người mà cậu vô cùng mong muốn tìm ra đã để lại; cậu lật qua lật lại những bức thư, đặt chúng trước mặt mình, cố gắng để thật gần để cảm thấy mùi mồ hôi của bố. Rồi cậu bắt đầu đọc.

Fairbanks, Alaska

Thứ tư ngày 19 tháng Sáu năm 1985

Em yêu của anh—người pha trộn giữa tính hiệu quả và sự hỗn độn—tất cả mọi thứ đã ở đây ngoại trừ nhà vật lý, một gã đàn ông tốt bụng tên Nelson, đã không thu xếp để mang theo khí cầu chết tiệt của gã lên núi—làm cho bọn anh chỉ còn nước ngồi chơi trong khi gã lần mò tìm kiếm phương tiện di chuyển. Nhưng điều đó có nghĩa là anh có cơ hội được nói chuyện với một anh bạn già mà anh đã gặp, một người đào mìn có tên Jake Petersen. Anh đã theo gã tới một quán rượu bắn thủ và trong tiếng TV đang phát trận bóng chày, anh đã hỏi gã về những điều dị thường. Gã này đã không nói ở đây—bảo anh hãy tới phòng của gã. Với sự giúp đỡ của một chai Jack Daniel, gã ta đã nói rất lâu—tuy không tận mắt nhìn thấy, nhưng gã đã gặp một người Eskimo đã từng nhìn thấy nó, và thằng cha này nói rằng có một cánh cửa dẫn tới thế giới linh hồn. Họ đã biết nó hàng thế kỷ; mở đầu là một thầy phù thủy đã tự mình đi qua đó và mang trở lại một lời tiên tri về một thứ gì đó—dấu cho cái thứ gì đó đã không bao giờ quay trở lại. Tuy nhiên, Jake già có một tấm bản đồ của khu vực này, khi người kia nói với gã ta nơi có vật đó gã đã đánh dấu lại. (Phòng khi có lúc cần: nó ở 69°02'11" vĩ Bắc, 157°12'19" kinh Đông, trên đỉnh dãy Lookout cách một hay hai dặm về phía bắc sông Colville). Sau đó, bọn anh chuyển sang những huyền thoại vùng Cực Bắc—con tàu Na-uy, đã trôi dạt không người trong sáu mươi năm, đại loại thế. Những nhà khảo cổ học là một đội ngũ rất đứng đắn, hăng say với công việc, cũng mất bình tĩnh với Nelson và khí cầu của anh ta. Không ai trong số họ được biết về những điều dị thường đó, và hãy tin anh, anh sẽ giữ cho nó như vậy. Gửi em và con, tình yêu triệu mền nhất của anh. Johnny.

Umiat, Alaska

Thứ bảy ngày 22 tháng Sáu năm 1985

Em yêu—như những gì anh đã gọi, một gã đàn ông vui tính—nhà vật lý Nelson không phải loại như vậy, và nếu anh không nhầm thì hẳn đang thực sự tự mình đi tìm hiểu điều dị

thường. Tình trạng mắc kẹt ở Fairbanks là do một tay hắc thu xếp, em tin nổi không? Biết rằng những người còn lại trong đội đã không hề muốn phải chờ đợi bất cứ điều gì ngoại trừ một lý do miễn bàn cãi như là không có phương tiện, cá nhân hắc đã đi trước và huỷ bỏ tất cả những phương tiện đã được đặt. Anh tình cờ biết được việc này khi anh nghe trộm hắc đang nói chuyện qua đài phát thanh với ai đó—miêu tả điều dị thường, thật đấy, ngoại trừ việc hắc không biết về địa điểm. Sau đó anh mua cho hắc một ít rượu và chơi trò người lính chân thật, một tay Bắc cực già, theo hướng “có nhiều thứ hơn trên thiên đường và trái đất”. Giả đồ khiêu khích hắc bằng sự giới hạn của khoa học—tôi cá là anh không giải thích được Bàn Chân Lớn v.v...—quan sát hắc sát rạt. Rồi anh phun câu chuyện dị thường vào hắc—truyền thuyết của người Eskimo về một cánh cửa mở ra thế giới tinh thần—vô hình—một nơi nào đó gần đỉnh Lookout, em có tin nổi không, đó là nơi bọn anh đang hướng tới, tưởng tượng thử mà xem. Em biết đấy, hắc giật nảy lên. Hắc biết chính xác những gì anh muốn nói. Anh giả vờ không để ý và tiếp tục về vấn đề phép thuật, anh nói với hắc về chuyện con báo Zaire. Vì vậy anh hi vọng hắc nhìn xuống anh như thể anh là một tên lính dằn dôn mê tín. Nhưng anh đã đúng, Elaine, hắc đang tìm kiếm nó. Câu hỏi là, liệu anh có nên nói với hắc hay không? Phải tìm ra trò chơi của hắc là gì. Yêu em và con – Johnny.

Colville Bar, Alaska

Ngày 24 tháng Sáu năm 1985

Em yêu—anh sẽ không có cơ hội để gửi một lá thư khác trong thời gian tới—đây là ngôi làng cuối cùng trước khi bọn anh lên đồi—dãy Brooks. Những nhà khảo cổ đang hăm hở tiến lên đó. Một thằng cha đã được thuyết phục rằng anh ta sẽ tìm ra những chứng cứ của loài người từ xa xưa, sớm hơn bất kỳ ai có thể ngờ được. Anh đã nói là nó sớm như thế nào, và đó là lý do mà anh ta bị thuyết phục. Anh ta nói với anh về những vết chạm khắc trên ngà của con kỳ lân biển anh ta đã phát hiện trong lần đào bới trước—xác định bằng đồng vị các-bon 14 tính ra một thời đại không thể tin được, nằm ngoài hắc phạm vi những kết luận trước; thực tế là rất bất thường. Liệu có lạ không khi họ từ một thế giới khác đi qua vật lạ thường của anh—nói về điều này, gã vật lý Nelson hiện giờ đã là tay bạn thân nhất của anh—trêu đùa anh suốt, đưa ra những lời bóng gió hàm ý rằng hắc biết là anh biết rằng hắc biết v.v... Và anh giả vờ làm Thiếu tá Parry ngây ngốc, một anh chàng phương phi đang trong một cơn khủng hoảng, có điều không đến nỗi trầm trọng lắm, ở giữa hai tai. Nhưng anh biến thứ hắc đang theo đuổi. Có một điều, mặc dù hắc ta là một viên sĩ chân chính nhưng nguồn tài trợ của hắc ta lại đến từ Bộ Quốc Phòng—anh biết mã số tài chính mà họ đang dùng. Và vì cái gọi là khí cầu thời tiết của hắc chẳng ra cái loại gì cả. Anh đã dòm vào sọt—một máy phát xạ mà anh chưa từng nhìn thấy. Một hành động nguy hiểm, em yêu ạ. Anh sẽ dán vào kế hoạch của anh: đưa những nhà khảo cổ này tới địa điểm của họ và biến đi vài ngày để tìm kiếm vật lạ thường. Nếu anh đụng trúng Nelson đang lang thang trên dãy Lookout, anh sẽ tùy cơ ứng biến.

Sau đó, một điều may mắn thật sự đã đến. Anh gặp bạn của Jake Petersen, người Eskimo, Matt Kigalik. Jake đã nói với anh nơi có thể tìm thấy anh ta nhưng anh không dám hi vọng anh ta ở đó. Anh ta nói với anh là người Xô Viết cũng đang tìm kiếm vật lạ thường đó—hồi đầu năm, anh ta tình cờ gặp một tay đang leo lên đỉnh núi và anh ta đã theo dõi gã mấy ngày mà không bị phát hiện ra, bởi vì anh ta dự đoán trước được việc gã đang làm, và anh ta đã đúng, người đàn ông đó hoá ra là người Nga, một gián điệp. Anh ta không nói gì với anh nữa; anh hiểu được áp lực đã làm anh ta không nói ra. Nhưng anh ta đã miêu tả nó cho anh. Nó giống như một miếng vá trên không trung, kiểu như cửa sổ. Nhìn vào đó em sẽ thấy một thế giới mới. Không dễ dàng gì khi tìm ra nó vì một phần của thế giới kia nhìn giống như thế giới này vậy – đá, rêu mốc và tương tự như thế. Nó ở phía bắc của một con sông nhỏ, khoảng năm mươi bước hướng về phía đông của tảng đá cao có hình dạng một con gấu đang đứng và vị trí mà Jake chỉ cho anh đã không hoàn toàn đúng – nó gần 12" hơn 11.

Hãy chúc anh may mắn, em yêu. Anh sẽ mang lời tiên tri từ thế giới tinh thần về. Anh mãi mãi yêu em—hôn con trai cho anh nhé—Johnny.

Will thấy đầu mình đang vang lên.

Bố đã miêu tả chính xác những gì cậu tìm thấy phía dưới những cây trần. Bố phải đi tìm một cái cửa sổ—và thậm chí bố còn dùng đúng từ đó cho nó! Vậy là mình đã tìm được dấu vết của bố rồi. Và sự hiểu biết này cũng là thử những gã đàn ông đó đang tìm kiếm... Vì vậy nó cũng rất nguy hiểm.

Khi lá thư này viết ra thì Will mới lên một. Sáu năm sau, vào một buổi sáng, trong siêu thị, cậu nhận ra rằng mẹ của mình đang gặp nguy hiểm và cậu phải bảo vệ mẹ, những năm tháng qua đi, nhận thức của cậu cũng lớn hơn và cậu bé nhận ra nguy hiểm ở trong chính tâm thức mẹ, và cậu phải bảo vệ mẹ nhiều hơn.

Và rồi, thật tàn nhẫn, khi tiết lộ rằng sau rốt không phải tất cả nguy hiểm đều ở trong đầu mẹ. Thật sự có ai đó bám theo bà. Bám theo những lá thư này, thông tin này.

Nó có ý nghĩa như thế nào thì cậu cũng không biết. Nhưng cậu cảm thấy mình thật hạnh phúc vì mình cũng có điều quan trọng được sẻ chia với bố; rằng John Parry và con trai ông, Will, mỗi người riêng rẽ đã khám phá ra vật dị thường này. Khi gặp nhau hai bố con có thể nói về nó, và bố hẳn sẽ rất vui vì Will đã nối tiếp bước chân của ông.

Đêm thật yên tĩnh còn biển thì phẳng lặng. Will gói những bức thư lại và cậu chìm vào giấc ngủ.

Chương 6: Người bay phát sáng

“Grumman ư?” Người thương nhân có bộ râu đen nói. “Từ Viện Hàn lâm Berlin á? Tôi không để ý lắm. Cách đây năm năm tôi gặp ông ta ở phía bắc cuối đất Urals. Tôi nghĩ là ông ta đã chết rồi.”

Sam Cansino, một ông già bí hiểm và cũng là người Texas giống như Lee Scoresby, đang ngồi một bên quầy rượu đầy khói phun ra sau ly rượu vodka lạnh ngắt. Ông đẩy nhẹ đĩa cá dầm và bánh mì đen về phía Lee. Lee gật đầu với Sam ý nói hãy nói thêm nữa cho mình nghe.

“Ông ta đi vào cái bẫy nơi mà thằng khờ Yakovlev đã nằm lại,” người thương nhân lại tiếp tục. “Ông ta cắt chân mình để hở xương ra. Thay vì sử dụng những loại thuốc thông thường, ông ta khẳng khẳng dùng thứ mà bọn gấu đã dùng—nhựa rêu—một loại địa y, nó không hoàn toàn là rêu. Dù sao thì, ông ta nằm trên chiếc xe trượt tuyết, kêu rống lên vì đau và đưa ra những chỉ dẫn cho người của ông ta—họ đang định hướng bằng các vì sao. Họ phải đo thật đúng nếu không thì lại bị ông ta mắng nhiếc. Lưỡi ông ta như có ngạnh vậy. Một người đàn ông thông minh, bền bỉ, quyền lực và tò mò về mọi thứ. Thoạt đầu anh có nghĩ ông ta là người Tartar không?”

“Tôi không biết,” Lee Scoresby vừa nói vừa đổ thêm rượu vào cốc của Sam. Nhân tình Hester của ông thu mình trên khuỷu tay đặt trên bàn của ông, mắt nó vẫn khép hờ như thường,

đôi tai trải dài ra sau lưng.

Lee đã tới nơi vào buổi chiều hôm đó, tới gần Nova Zembla nhờ cơn gió mà các phù thủy đã triệu tập giúp, sau khi đã thu xếp dụng cụ của mình ông đi thẳng tới khách sạn Samirsky, gần trạm đóng gói cá. Đây là nơi những người Bắc Cực sống lang thang dừng lại để trao đổi tin tức hay kiếm việc hoặc nhắn tin cho ai đó. Hồi trước Lee Scoresby cũng đã từng ở đây vài ngày để đợi một cơn gió nhẹ, vậy nên không có gì khác thường trong cách cư xử của ông hiện giờ cả.

Với những thay đổi to lớn mà họ có thể cảm nhận được ở thế giới xung quanh mình, mọi người tụ tập và bàn tán là điều rất tự nhiên. Cứ mỗi ngày lại càng nhiều tin tức mới: vào thời gian này trong năm, con sông Yenisei đã hết đóng băng, một phần của đại dương đã cạn phơi bày ra những kết cấu lạ của đá dưới đáy biển, một con mực ống dài ba mươi mét rưỡi đã bắt được ba người đánh cá ra khỏi thuyền của họ và xé xác họ ra...

Sương mù vẫn tiếp tục xoay tròn từ phía bắc, dày đặc và lạnh, thỉnh thoảng lại được thấm dẫm bởi thứ ánh sáng lạ lùng nhất, hình dáng của nó có thể lơ mờ trông thấy, nghe những giọng nói thần bí quẩn quanh.

Tất cả hợp lại khiến cho thời điểm này thật không tốt để đi làm và đó chính là lý do tại sao quán rượu của khách sạn Samirsky lại đông nghẹt như thế này.

“Anh nói rằng Grumman?” một người đàn ông ngồi dọc phía quầy rượu hỏi - người trong bộ quần áo săn hải cẩu, có con nhân tinh là chuột Bắc Cực đang ngó ra từ túi của anh ta vẻ rất nghi ngờ. “Ông ta là người Tartar đấy. Tôi đã ở đấy khi ông ta gia nhập bộ lạc. Tôi thấy ông ta có cái đầu bị khoan. Ông ta còn có tên khác nữa, một tên của người Tartar, tôi sẽ nhớ ra ngay thôi mà.”

“Chà, vậy đi,” Lee Scoresby nói. “Để tôi mua cho anh một ít đồ uống nữa nhé, bạn của tôi. Tôi đang thu thập tin tức về người đàn ông đó. Ông ta đã gia nhập bộ lạc như thế nào thế?”

“Bộ lạc Yenisei Pakhtar. Ở chân dãy Semyonov. Gần một nhánh của Yenisei và, tôi quên mất nó được gọi là gì rồi, một con sông chảy từ trên đồi xuống. Ở đó có một tảng đá to cỡ một ngôi nhà.”

“À, rõ rồi,” Lee nói. “Tôi nhớ ra nó rồi. Tôi đã bay qua đó. Anh nói là Grumman có cái đầu bị khoan à? Tại sao vậy?”

“Ông ta là một pháp sư, tôi nghĩ là bộ lạc này nhận ra ông ấy là một pháp sư trước khi họ nhận ông ta vào bộ lạc. Họ có làm vài công việc như là khoan lỗ trên đầu. Nó được tiến hành trong hai đêm và một ngày. Họ dùng cái dùi hình cung, giống như kiểu que mồi lửa ấy.”

“À, cái đó còn tùy vào cách mà những người của ông ta tuân lệnh của ông ta nữa.” Sam Casino nói. “Họ là những gã hung dữ nhất tôi từng thấy đấy, nhưng họ chỉ đi quanh là làm những việc theo mệnh lệnh của ông ta như những đứa trẻ hay lo lắng vậy. Tôi nghĩ là do lời nguyện của ông ta. Nếu họ nghĩ ông ta là một pháp sư thì sẽ có thể ý thức rõ hơn. Nhưng anh biết đấy, nỗi tò mò của con người mạnh mẽ như là hàm sói vậy, ông ta sẽ không bỏ qua đâu. Ông ta bắt tôi phải kể từng mẩu thông tin dù là nhỏ nhất về những vùng đất gần đó, cả về thói quen của chồn gu-lô và cả cáo nữa. Ông ta bị đau do cái bẫy chết tiệt của Yakovlev; cái chân vẫn hở xương, ông ta đã viết ra những tác dụng của nhựa rêu, do nhiệt độ, quan sát vết sẹo hình thành, ông ta viết ra tất cả những thứ chết tiệt đó... Một người kỳ lạ. Có một phù thủy muốn được làm người tình của ông ta, nhưng ông ta đã khiến cô ấy thất vọng.”

“Thật vậy sao?” Lee hỏi, ông nghĩ ngay về Serafina Pekkala xinh đẹp.

“Ông ta không nên làm như vậy,” người săn hải cẩu nói. “Nếu một phù thủy đề nghị anh yêu cô ấy thì anh nên nhận lời. Nếu không, những việc xảy ra đối với anh sẽ hoàn toàn là lỗi của anh. Giống như là lựa chọn: sung sướng hay bị nguyên rủa. Và anh không có quyền không chọn cả hai.”

“Chắc ông ta có lý do,” Lee nói.

“Nếu ông ta có chút ý thức nào, ắt hẳn nó tốt lắm đấy.”

“Ông ta thật cứng đầu,” Sam Casino nói.

“Có thể ông ấy chung thủy với 1 người phụ nữ khác,” Lee đoán. “Tôi lại nghe được điều khác về ông ta; nghe nói ông ta biết được nơi chứa vật có phép thuật, tôi không biết được liệu nó là cái gì nhưng nó có thể bảo vệ bất cứ ai có nó. Các anh đã bao giờ nghe câu chuyện đó chưa?”

“Tôi cũng được nghe rồi,” người săn hải cẩu nói. “Ông ta không có nó, nhưng ông ta biết được vị trí của nó. Có một người đã thử làm cho ông ta nói ra, nhưng Grumman đã giết gã.”

“Nhân tinh của ông ta hiện giờ,” Sam Casino nói. “Tò mò thật, nó là một con đại bàng nhưng lại có cái đầu và ngực màu trắng, một loài mà tôi chưa từng gặp, và tôi không biết nó được gọi là gì nữa.”

“Nó là con hải âu,” người phục vụ quán rượu nói “Các anh đang nói về Stan Grumman phải không? Nhân tinh của ông ta là một con hải âu. Một loài đại bàng biển.”

“Điều gì xảy ra với ông ta?” Lee Scoresby hỏi.

“Ông ta bị kẹt trong cuộc chiến ở Skraeling phía trên Beringland. Lần cuối cùng tôi nghe nói là ông ta bị bắn,” người săn hải cẩu nói “Bị giết công khai.”

“Tôi được nghe rằng họ xử tử ông ta.” Lee Scoresby nói.

“Không các anh sai rồi,” người phục vụ nói, “tôi biết bởi vì tôi được nghe từ một người Inuit, người này cũng đã ở đó với ông ta. Hình như nhổ trại đầu đó tại Sakhalin và ở đó có tuyết lở. Gã Inuit đã nhìn thấy mọi việc.”

“Điều mà tôi không hiểu là,” Lee Scoresby vừa nói vừa mời mọi người rượu, “người đàn ông đó đang cái làm gì vậy. Ông ta đang tìm dầu mỏ, có lẽ? Hay ông ta là một sĩ quan quân đội? Hay nhà học thuật gì gì đó? Anh đã nói điều gì đó về việc đo lường, Sam. Nó là cái gì vậy?”

“Họ đo độ sáng của các vì sao, cực quang nữa. Ông ta có niềm đam mê cực quang mãnh liệt. Tôi nghĩ sở thích của ông ta là về những phế tích. Những thứ cổ xưa.”

“Tôi biết người có thể nói cho anh biết nữa đấy,” người săn hải cẩu nói “Phía trên núi có một đài quan sát, nó thuộc về Viện Hàn lâm Moscow. Họ có thể nói cho anh đấy. Tôi biết là ông ta đã lên đó mấy lần.”

“Thế anh tìm ông ta để làm gì hả Lee?” Sam Casino hỏi.

“Ông ta nợ tiền của tôi,” Lee Scoresby trả lời.

Sự giải thích này có vẻ thỏa đáng nên không ai tò mò nữa. Cuộc trò chuyện đã đổi hướng sang những câu chuyện của tất cả mọi người về thảm họa thay đổi đang diễn ra xung quanh họ, điều mà không ai có thể nhìn thấy.

“Anh bạn đánh cá,” người săn hải cẩu nói, “người ta bảo anh có thể chèo thuyền thẳng sang thế giới mới.”

“Có một thế giới mới sao?” Lee hỏi.

“Khi đám sương chết tiệt kia tan ra là lúc chúng ta có thể nhìn thấy nó,” người săn hải cẩu nói có vẻ rất tự tin. “Lần đầu tiên nó xảy ra, tôi đang ở bên ngoài chiếc xuống cai-ac và nhìn về phía bắc, chỉ tình cờ thôi. Tôi không bao giờ quên được những gì tôi đã thấy. Thay vì mặt đất uốn cong theo đường chân trời, nó lại tiến thẳng tới chân trời. Tôi có thể nhìn mãi, và như những gì tôi đã thấy là cũng có đấy, có cả dải đất ven bờ, núi, cảng, cây xanh, những cánh đồng trồng ngũ cốc ở trên trời. Tôi kể với các anh, bạn của tôi ạ, những thứ đó đáng giá năm mươi năm lao động cực nhọc mới có thể nhìn thấy được một cảnh như vậy. Tôi có thể chèo xuống lên trời mà không hề ngoái nhìn lại; nhưng rồi đám sương mù này lại tới...”

“Tôi chưa bao giờ thấy đám sương nào như thế này cả,” Sam Casino càu nhàu. “Tính ra nó đã bao phủ một tháng trời rồi, có lẽ hơn. Nhưng thật không may cho anh nếu anh muốn lấy lại tiền từ Stanislaus Grumman, Lee à; ông ta chết rồi.”

“À, tôi nhớ ra tên Tartar của ông ta rồi!” người săn hải cẩu nói. “Tôi mới nhớ ra họ đã gọi ông ta như thế nào khi đang khoan vào đầu của ông ta. Nghe như là Jopari vậy.”

“Jopari á? Tôi chưa bao giờ nghe thấy cái tên nào kiểu như thế này,” Lee nói “Có thể là Niponese, tôi cho là như vậy. Nếu tôi muốn lấy lại tiền của mình từ ông ta có lẽ tôi phải đuổi theo người thừa kế của ông ta. Nhưng có lẽ Viện Hàn lâm Berlin có thể thanh toán món nợ. Tôi sẽ đi hỏi ở người trong đài quan sát để xem họ có địa chỉ không.”

Đài quan sát ở phía bắc, Lee phải thuê một chiếc xe tuyết có chó kéo và một người lái. Thật chẳng dễ chút nào khi chẳng ai muốn liêu lĩnh thực hiện cuộc hành trình trong đám sương mù cả, nhưng Lee đã tỏ ra hết sức thuyết phục, hay đúng hơn tiền của ông đã tỏ ra; và cuối cùng một người Tartar có tuổi từ vùng Ob đã đồng ý đưa anh ta đến đó, sau một hồi mặc cả dài dằng dặc.

Người đánh xe này không tin vào la bàn, ông ta còn thấy nó không thể được việc, ông ta định vị bằng những dấu hiệu khác, con nhân tinh cáo Bắc Cực ngồi giữa xe kéo có thể ngửi được đường. Lee mang theo la bàn mọi nơi, nhưng ông ta đã nhận ra rằng từ trường trái đất đã bị nhiễu loạn như mọi thứ khác.

Ông đánh xe nói khi họ dừng lại để pha cà phê, “Điều này đã xảy ra hồi trước, chuyện này này.”

“Cái gì, Bầu trời mở ra ư? Từng xảy ra trước đây rồi?”

“Hàng nghìn thế hệ trước. Những người ở chỗ tôi đã nhớ như vậy. Trước đây rất lâu, hàng nghìn thế hệ trước.”

“Họ nói gì về điều này?”

“Bầu trời hạ thấp xuống và mở ra, những linh hồn đi từ thế giới này sang thế giới khác. Tất cả mặt đất chuyển động. Băng tan rồi lại đông lại. Sau một thời gian những linh hồn đóng cái lỗ lại, phong ấn nó. Nhưng những phù thủy nói rằng bầu trời rất mỏng ở đẳng đó, phía sau ánh sáng phương bắc.”

“Điều gì đã xảy ra hả ông Umaq?”

“Điều y hệt trước đây. Giống hệt. Nhưng có một rắc rối lớn, một cuộc chiến tranh lớn. Chiến tranh tinh thần.”

Ông đánh xe không nói gì nữa, họ lại tiếp tục đi, họ đi chậm chậm qua những chỗ mấp mô và qua những tảng đá lộ thiên mờ mờ, cho đến tận khi người đánh xe nói:

“Đài quan sát ở đằng kia. Anh đi bộ lên nhé. Đường quá gồ ghề để kéo xe trượt. Nếu anh muốn trở lại, tôi sẽ đợi ở đây.”

“Vâng, tôi muốn trở về khi đã xong việc, ông Umaq ạ. Ông cứ tự nhóm lửa cho mình, bạn tôi, ngồi xuống nghỉ ngơi một lát. Khoảng ba hay bốn tiếng nữa tôi sẽ quay lại.”

Lee Scoresby lại đi tiếp, Hester rúc vào túi ngực ông, sau khoảng nửa tiếng leo qua những vách núi, ông thấy một toà nhà hình khối đột nhiên ở phía trước ông như thể có một bàn tay khổng lồ đặt nó ở đây. Nhưng nó chỉ là do đám sương mù đang dâng lên trong chốc lát, sau đó một chút nó lại thành tấm màn chắn. Ông nhìn thấy mái vòm của đài quan sát, và cả một đài quan sát nhỏ hơn có cửa ra nhỏ, ở giữa là những toà nhà hành chính và bếp. Không có ánh sáng vì tất cả những ô cửa sổ đều được sơn màu đen cố định để tránh ánh sáng làm hư kính thiên văn của họ.

Sau khi tới nơi được vài phút, Lee bắt chuyện với một nhóm những nhà thiên văn học đang hồ hởi muốn biết tin tức mà ông có thể đem lại cho họ. Ở đó có một vài nhà khoa học tự nhiên trông nản chí như là nhà phi hành gia ở trong đám mây vậy. Ông đã nói cho họ biết về mọi thứ mà ông biết và một khi chủ đề được đưa ra, ông mới hỏi về Stanislaus Grumman. Hàng tuần qua, những nhà thiên văn học này đã không có khách tới thăm, và giờ họ rất nhiệt tình được trò chuyện.

“Grumman ư? Vâng, tôi sẽ nói cho anh biết một vài điều về ông ta,” ông giám đốc nói. “Ông ta là người Anh, bất chấp cái tên của ông ta. Tôi nhớ là—”

“Chắc chắn không phải,” phụ tá của ông ta lên tiếng. “Ông ta là thành viên Viện Hàn lâm Đức. Tôi đã gặp ông ta ở Berlin. Tôi chắc chắn ông ta là người Đức.”

“Không, tôi nghĩ ông ta là người Anh. Giọng nói của ông ta rất chuẩn,” người giám đốc quả quyết. “Nhưng tôi đồng ý rằng ông ta là thành viên của Viện Hàn lâm Đức. Ông ta là một nhà địa lý...”

“Không, không, ông sai rồi,” một người khác lên tiếng. “Ông ta có thăm dò đất nhưng không phải là một nhà địa lý. Tôi đã nói chuyện rất lâu với ông ta. Tôi cho rằng ông có thể gọi ông ta là một nhà khảo cổ học cổ đại.”

Năm người đang ngồi quanh chiếc bàn trong một căn phòng được dùng như phòng chung, cả để ở, ăn tối, quây rượu và cả phòng sáng tạo. Hai người trong số đó là người Moscow, một là người Ba Lan, một người Yoruba và một người Skraeling. Lee Scoresby nhận thấy rằng những người này rất vui khi có khách tới thăm chỉ bởi vì ông đã mang lại cơ hội cho họ được nói chuyện. Người Ba Lan vừa nói xong, và rồi anh người Yoruba ngắt lời:

“Ý anh là gì? Một nhà khảo cổ học cổ đại á? Một nhà khảo cổ học dĩ nhiên nghiên cứu những thứ cổ xưa rồi; sao anh lại còn đặt thêm từ khác có ý ‘cổ’ vào phía sau chi vậy?”

“Lĩnh vực mà ông ta nghiên cứu có niên đại xa hơn tất cả những gì mà được biết. Ông ta tìm

kiểm những thứ còn sót lại của nền văn minh từ hai hay ba mươi nghìn năm trước,” anh người Ba Lan đáp lại.

“Vô nghĩa!” ông giám đốc nói. “Hoàn toàn vô nghĩa. Lão đó đã mê hoặc anh rồi. Văn minh từ ba mươi nghìn năm trước ư? Ha! Thế chứng cứ đâu?”

“Dưới những lớp băng ấy,” người Ba Lan đáp. “Chính ở đó. Theo Grumman, trong những khoảng thời gian khác nhau trong quá khứ, từ trường của trái đất thay đổi đáng kể, và trục của trái đất dĩ nhiên cũng di chuyển theo, những vùng khí hậu ôn hoà đã trở thành những dải băng.”

Người Yoruba hỏi ngay: “Bằng cách nào?”

“Ông ta có lý thuyết phức tạp lắm. Điểm chính là, mọi chứng cứ về nền văn minh cổ xưa đó có thể là đã có rất lâu tính từ khi họ bị chôn vùi dưới lớp băng. Ông ta đề nghị được đo sự hình thành bất thường của những khối đá.”

“Ha! Tất cả đó sao?” Ông giám đốc nói.

“Tôi chỉ thuật lại thôi, tôi không chống lại ông ta.”

“Thế các anh đã biết ông Grumman bao lâu rồi?” Lee Scoresby hỏi.

“Để tôi xem nào,” ông giám đốc lên tiếng. “Tôi gặp ông ta lần đầu tiên là bảy năm trước.”

“Ông ta tự đặt cho mình một cái tên chỉ trước đó một hay hai năm nay thôi. Nghiên cứu của ông ta toàn về sự thay đổi cực từ,” người Yoruba thêm vào. “Nhưng ông ta giống như đến từ hư vô, ý tôi là không ai biết ông ta hồi còn sinh viên hay đã từng nhìn thấy công việc trước kia của ông ta...”

Họ nói chuyện một lúc, cùng nhớ lại và đưa ra những câu gợi ý như là điều gì đã làm ông ta trở thành một Grumman, mặc dù hầu hết tất cả bọn họ đều nghĩ rằng ông ta đã chết. Khi anh người Ba Lan đi pha cà phê, con nhân tinh thổ rùng của Lee đã nói thật khề với ông:

“Lee, hãy kiểm tra gã Skraeling.”

Gã này nói rất ít, Lee đã từng nghĩ rằng anh ta vốn lảm lì, nhưng do lời nhắc nhở của Hester, Lee tình cờ liếc nhìn sang con nhân tinh của anh ta trong khi mọi người đang tạm nghỉ cuộc trò chuyện. Đó là một con cú trắng, đôi mắt màu da cam của nó đang nhìn ông chăm chăm. Chà, đúng là những con cú trông tưởng như thế, và chúng đúng là có nhìn chăm chăm; nhưng Hester đã đúng, thái độ thù địch và nghi ngờ hiện rõ trên con nhân tinh dầu khuôn mặt người đàn ông thì chẳng biểu lộ chút cảm xúc gì.

Và rồi Lee nhìn thất điều khác nữa—gã người Skraeling đang đeo một chiếc nhẫn có khắc biểu tượng của giáo hội trên đó. Đột nhiên, ông hiểu ra lý do vì sao người đàn ông này im lặng. Mọi tổ chức nghiên cứu học thuật, như ông đã từng được nghe, phải bao gồm cả một kẻ đại diện cho Tổng giáo giám mục, đóng vai trò một người giám sát và bung bít thông tin về bất cứ khám phá dị giáo nào.

Khi nhận ra điều này và nhớ lại những gì Lyra đã kể cho mình, Lee hỏi: “Hãy cho tôi biết, các anh có tình cờ nghe thấy Grumman đã từng hỏi về Bụi không?”

Sự im lặng bao trùm căn phòng ngột ngạt, tất cả sự chú ý đều dồn cả vào gã người Skraeling mặc dù không ai trực tiếp nhìn gã cả. Lee biết rằng Hester vẫn bí mật theo dõi, đôi mắt nó vẫn

nhắm hờ và tai trái dài về phía sau, nó giữ dáng vẻ vui tươi vô tư khi nhìn trực diện.

Cuối cùng, ông lại gần gã Skraeling và nói: “Xin lỗi. Có phải tôi đã hỏi điều gì mà không được phép biết phải không?”

Gã Skraeling hỏi ông, “Ông đã nghe thấy người ta đề cập đến vật này ở đâu hả, ông Lee Scoresby?”

“Từ một hành khách đã bay qua biển cùng với tôi trước kia,” Lee nói bằng quơ. “Họ không bao giờ nói đó là cái gì, nhưng cái cách mà nó được nhắc đến có vẻ giống giống mấy loại mà ông Grumman có thể đang tìm hiểu. Tôi nghĩ đó là một thứ thuộc về bầu trời, giống như cực quang. Nhưng nó làm tôi bối rối, vì là một người lái khí cầu nên tôi biết bầu trời khá rõ, và tôi chưa từng đi qua vật này. Nhân tiện nó là cái gì thế?”

“Như anh đã nói, đó chỉ là hiện tượng của bầu trời thôi mà. Nó không có ý nghĩa đáng kể nào cả.”

Đột nhiên Lee quyết định ra khỏi nơi này, vì ông chẳng được biết gì nhiều hơn và cũng chẳng muốn Umaq phải đợi lâu. Ông tạm biệt những nhà thiên văn học, tới đường ranh giới dày sương của họ rồi bắt đầu đi xuống con đường cũ, con nhân tinh của ông đi theo ngay sau cùng ông cũng đang dò đường, mắt nó sát mặt đất.

Khi chỉ còn độ mười phút đi bộ là đến con đường mòn thì bỗng có cái gì đó trong đám sương mù bay vọt qua đầu ông, lao vào Hester. Đó chính là con nhân tinh của gã Skraeling, một con nhân tinh cú.

Nhưng Hester nhận ra nó đang lao tới, nó rạp mình xuống kịp thời và móng vuốt của con cú trượt khỏi người nó. Hester có thể chiến đấu vì móng vuốt của nó rất sắc, nó lại dũng cảm và bền bỉ. Lee biết rằng chính gã Skraeling đang ở gần đây, ông lấy súng lục từ thắt lưng ra.

“Phía sau đấy, Lee,” Hester nói, và ông xoay vòng, lặn người xuống khi một mũi tên vút qua vai ông.

Ông nã súng ngay lập tức. Gã Skraeling ngã sõng soài, gằm gù khi viên đạn xuyên vào chân gã. Một lát sau, con nhân tinh cú bay vòng lại thật nhẹ, nó sà vụng về xuống bên cạnh gã vì choáng, nửa người nó nằm trong tuyết, chật vật để gấp đôi cánh lại.

Lee Scoresby lên cọt và chĩa súng lục vào đầu gã.

“Được đấy, thằng chết tiệt. Mà làm việc này để làm gì vậy? Mà không thấy là tất cả chúng ta đều đang cùng gặp vấn đề khi những điều đó xảy ra với bầu trời à?”

“Quá muộn rồi,” gã Skraeling nói.

“Quá muộn cái gì?”

“Quá muộn để dừng lại. Tao vừa gửi đi một con chim đưa tin. Tổng giáo giám mục sẽ biết được sự soi mói của mày và họ sẽ rất vui khi được biết về Grumman—”

“Điều gì về ông ta?”

“Thật sự có người đang tìm kiếm hắn. Nó khẳng định những gì bọn tao đã nghĩ. Rằng những kẻ khác cũng biết về Bụi. Mày là kẻ thù của Giáo hội, Lee Scoresby. Mày sẽ biết tay họ. Vì những câu hỏi như rắn độc đang gặm nhấm trái tim họ...”

Con cú rúc lên một hồi yếu ớt, nó cứ chập chờn đập đôi cánh. Đôi mắt màu cam của nó nhưng mờ đi vì vết thương. Có những vết máu trên tuyết xung quanh chỗ gã Skrealing; thậm chí trong màn sương mờ mờ Lee có thể nhận ra rằng gã này đang sắp chết.

“Chắc là viên đạn của ta đã xuyên vào động mạch. Hãy để ta lấy tay áo cầm máu.”

“Không!” gã Skrealing nói vẻ cực cay nghiệt. “tao muốn được chết, tao muốn là kẻ tử vì đạo! Mày không thể cướp đi mất điều đó ở tao.”

“Thế thì chết đi nếu mày muốn. Hãy nói với tao một điều thôi—”

Nhưng Lee không có cơ hội để hỏi nốt câu hỏi vì con cú đã biến mất chỉ sau một hồi run rẩy. Linh hồn của gã Skrealing đã ra đi. Lee đã từng nhìn thấy một bức tranh trong đó có một vị thánh trong nhà thờ đang bị những kẻ sát nhân tấn công. Khi chúng đánh vị thánh này bằng dùi cui, nhân tính của vị thánh lại được những thiên sứ sinh ra có sức mạnh hơn và đưa ra một hành thông, biểu tượng của một người tử vì đạo. Khuôn mặt của gã Skrealing này có hình cây thông, giống y như trong bức tranh về vị thánh: sự sung sướng như bừng dậy trong lãng quên. Lee bỏ mặc gã lại.

Hester tặc lưỡi. “Nên nhớ rằng hắn đã gửi thông điệp đi rồi, hãy lấy chiếc nhẫn của hắn.”

“Làm quái gì kia? Chúng ta đâu có phải kẻ cắp, phải không?”

“Không, chúng ta là những kẻ phản đạo,” nó nói. “Không phải do sự lựa chọn của chúng ta mà là do sự hiểm độc của hắn. Một khi nhà thờ biết được về điều đó, dẫu thế nào thì chúng ta cũng xong. Hãy tận dụng bất cứ điều gì có thể. Đi nào, hãy lấy và cất cái nhẫn đi, có thể chúng ta sẽ phải dùng đến nó.”

Lee thấy có lý, và lấy đi chiếc nhẫn từ ngón tay người đã chết. Nhìn kỹ vào khung cảnh u ám, ông phát giác con đường này được làm gờ lên do cái dốc phía dưới tối om và toàn đá. Ông lăn cái xác của gã Skrealing vào đó. Nó rơi rất lâu rồi mới thấy va chạm. Lee chưa bao giờ yêu thích bạo lực, ông ghét chém giết, mặc dù ông đã làm điều này ba lần trước đây.

“Không cần phải nghĩ chuyện vô bổ,” Hester nói. “Hắn không cho chúng ta một cơ hội và chúng ta không bắn để giết chết hắn. Chết tiệt, Lee, hắn muốn chết mà. Những kẻ này thật là điên.”

“Có lẽ thế,” ông vừa nói vừa cất khẩu súng lục đi.

Tới cuối đường, họ nhìn thấy Umaq bên cạnh là những con chó đã được đóng yên, sẵn sàng lên đường.

“Hãy nói với tôi Umaq, ông đã từng nghe về Grumman rồi phải không?” Lee nói khi họ bắt đầu quay lại bến đóng gói cá.

“Chắc chắn rồi. Mọi người đều biết tiến sĩ Grumman.”

“Thế ông có biết tên Tartar của ông ta không?”

“Không phải là Tartar. Ý anh là cái tên Jonpari có phải không? Không phải Tartar đâu.”

“Điều gì đã xảy ra với ông ta vậy. Ông ấy chết rồi à?”

“Anh hỏi như vậy thì tôi phải nói rằng tôi không biết. Anh sẽ không bao giờ biết sự thật từ tôi đâu.”

“Tôi biết rồi. Vậy thì tôi phải hỏi ai?”

“Tốt nhất là anh hỏi bộ lạc của ông ta. Đến Yenisei và hỏi họ.”

“Bộ lạc của ông ta...Ý ông nói là những người đã kết nạt ông ta à? Ai đã khoan cái sọ của ông ta vậy?”

“Anh hỏi họ ấy. Có thể ông ta chưa chết, có thể ông ta vẫn còn sống. Có thể ông ta không sống mà cũng chẳng chết.”

“Không sống mà cũng chẳng chết có nghĩa là như thế nào?”

“Trong thế giới tinh thần. Có thể ông ấy ở trong thế giới tinh thần. Tôi đã nói quá nhiều mất rồi. Từ bây giờ tôi sẽ không nói nữa đâu.”

Và ông ta đã không nói thật.

Nhưng khi tới nơi, Lee đi thẳng tới bến cảng để tìm con tàu mà có thể chở mình đến cửa sông Yenisei.

Cùng lúc đó, những phù thủy cũng đang trong hành trình tìm kiếm. Nữ hoàng phù thủy xứ Latvia, Ruta Skadi bay cùng đoàn phù thủy Serafina Pekkala trong mấy ngày đêm, xuyên qua những đám sương và gió lốc, bay qua những vùng bị phá hủy do lũ lụt và lở đất. Một điều hiển nhiên là họ đang ở trong một thế giới mà không ai trong số họ đã từng được biết đến, những con gió lạ, mùi hương trong không khí, những con chim to lớn bay xuống và bắn ra hàng loạt mũi tên. Khi họ tìm nơi nào đó để hạ cánh xuống, họ nhận thấy cây ở đây thật là lạ.

Dù vậy, vẫn có vài loại cây có thể ăn được và có những con thỏ dùng để làm một bữa ăn ngon, cả nước cũng không thiếu. Đây đã có thể là một vùng đất tốt để ở nhưng không thể do những hình thù bóng ma đi lờn vờn giống như là sương trên bãi cỏ, tụ tập gần con suối và nằm dưới nước. Khi có ánh sáng ban ngày, chúng hầu như không ở đó, chỉ nhìn thấy chúng như là trôi dạt trong không khí, biến mất nhip nhàng như những tấm màn trong suốt phản chiếu trong gương. Những phù thủy này chưa bao giờ nhìn thấy bất cứ thứ gì như thế và ngay lập tức, họ cảm thấy ngờ vực.

“Cô có nghĩ là chúng đang sống không Serafina Pekkala?” Ruta Skadi hỏi khi họ bay vòng quanh một nhóm người đứng bất động bên vệ đường trong rừng.

“Còn sống hay đã chết, thì trông chúng cũng thật đáng sợ,” Serafina trả lời. “Tôi đã cảm thấy điều này từ khi tới đây. Và trừ khi tôi biết được loại vũ khí nào có thể tác động được chúng, tôi sẽ không muốn lại sát chúng hơn.”

Dường như những con Spectre gắn liền với mặt đất, chúng không có khả năng bay, thật may cho các phù thủy. Chiều muộn hôm đó, họ đã được chứng kiến những gì mà chúng có thể làm.

Nó xảy ra tại một ngã ba sông, nơi một con phố đầy bụi đi qua một cái cầu đá thấp, cạnh chỗ những cái cây. Ánh sáng của một buổi chiều xiên nghiêng trên bãi cỏ làm cho nó có một màu xanh nổi bật được rắc bụi vàng trong không khí. Trong ánh nắng rực rỡ đó, những phù thủy nhìn thấy một nhóm người lang thang đang tiến về phía cái cầu, một số người đi bộ còn số khác ngồi trên xe ngựa kéo, có hai người cưỡi ngựa. Họ không nhìn thấy những phù thủy vì họ đâu có lý do gì để nhìn lên trời, nhưng đây là những người đầu tiên mà những phù thủy nhìn

thấy ở thế giới này. Khi Serafina định bay xuống để nói chuyện với họ đột nhiên có một tiếng hét vang lên.

Tiếng hét đó từ một người đang cưỡi con ngựa dẫn đầu. Anh ta chỉ vào những cái cây, khi nhìn xuống họ thấy một dòng hình thù những con Spectre lũ lượt đổ ra bãi cỏ, dường như nó chảy về phía những người này, những con mồi của chúng, mà không thể cản được.

Đoàn người chạy toán loạn. Serafina bị sốc khi thấy người cưỡi ngựa dẫn đầu quay lại và phi nước đại mà không ở lại giúp bạn của mình, người thứ hai cũng làm y như vậy, chạy thật nhanh sang một hướng khác.

“Các chị em, hạ thấp xuống và quan sát,” Serafina hạ lệnh. “Nhưng không được can thiệp cho đến khi nào tôi ra lệnh.”

Họ thấy trong đoàn người này có cả trẻ em, một số đưa ngời trên xe, một số khác đi bộ bên cạnh, và những con Spectre không hứng thú với lũ trẻ, chúng chỉ cần những người lớn. Một người phụ nữ luống tuổi ngời trên xe, giữ hai đứa trẻ trong lòng, Ruta Skadi rất tức giận trước sự hèn nhát của bà ta: bởi vì bà ta đang cố trốn phía sau lũ trẻ, khi nhưng những con Spectre tới gần, bà ta đẩy hai đứa trẻ về phía chúng như thể đưa lũ trẻ ra để cứu vớt cuộc đời mình.

Hai đứa trẻ này nhảy ra khỏi lòng người phụ nữ và nhảy xuống xe, giống như những đứa trẻ khác, chúng chạy toán loạn hoảng sợ, hoặc là đứng bám vào nhau rồi khóc thét khi những con Spectre tấn công những người lớn. Người phụ nữ trên xe bị bao bọc bởi một lớp sáng dịu trong suốt đang di chuyển rất bận rộn, nó ăn con mồi như thể tự bồi bổ mình, cảnh tượng kinh khủng đến nỗi Ruta Skadi cảm thấy phát ốm. Số phận tương tự cũng rơi vào mỗi người lớn trong đoàn trừ hai người đã bỏ chạy trên lưng ngựa kia.

Bị thôi miên lẫn choáng váng, Serafina Pekkala bay xuống gần hơn. Có một ông bố và một đứa con đang cố lội qua dòng sông để chạy trốn, nhưng bọn Spectre đã đuổi kịp họ, đứa bé bám vào lưng bố, khóc thét, nhưng rồi người đàn ông này bước chậm dần và khi nước tới thắt lưng thì vô vọng, ông bị chúng bắt.

Điều gì đang xảy ra với anh ta vậy? Serafina chỉ bay trên mặt nước có mấy phút, nhìn chăm chăm về kinh tởm. Bà đã được nghe những người lữ hành ở thế giới bà nói về truyền thuyết ma cà rồng, bà liền nghĩ về những thứ mà Spectre đang ngốn ngấu, những thứ mà con người có được, đó là tâm hồn, có lẽ là nhân tính của họ. Vì rõ ràng ở thế giới này, hiển nhiên là nhân tính được giấu ở bên trong chứ không ở bên ngoài. Cánh tay bế đứa trẻ của ông lỏng dần, đứa bé rơi tòm xuống nước, nó tuyệt vọng bám vào tay bố, la khóc và thở hổn hển, nhưng ông bố quay đầu thật chậm và nhìn xuống đứa trẻ một cách hoàn toàn vô cảm ngay cả khi nó đang chìm dần.

Đã quá đủ cho Serafina, bà nhào xuống, nhắc đứa trẻ lên khỏi mặt nước, khi thấy thế, Ruta Skadi thét lên: “Cẩn thận! Phía sau cô—”

Trong một thoáng Serafina cảm thấy có cái gì đó gớm ghiếc và hình thù không rõ ràng bên cạnh trái tim mình. Bà giơ tay cho Ruta Skadi kéo mình ra khỏi chỗ nguy hiểm. Họ bay lên cao hơn. Đứa trẻ gào thét, với những móng tay sắc nhọn của mình, nó bám chặt vào eo bà. Serafina cảm thấy Spectre đang ở phía sau, như là sương mù trôi dạt xoáy tít trên mặt nước, đuổi theo con mồi bị mất của mình. Ruta Skadi bắn một mũi tên vào tim nó nhưng chẳng có tác dụng gì cả.

Khi không còn nhìn thấy nguy hiểm từ phía những con Spectre, Serafina đặt đứa trẻ xuống bờ sông rồi họ lại bay vút lên không trung. Đoàn người lang thang ít ỏi này giờ đã dừng lại; những con ngựa gặm cỏ hay lắc cái đầu đuổi ruồi, những đứa trẻ thì gào thét, chộp lấy tay đứa

khác và nhìn về phía xa, những người lớn thì vẫn bất động. Mắt họ mở to, họ vẫn đứng đó, sự bất động góm ghiếc như phủ quanh họ. Cuối cùng bọn Spectre cũng trôi đi sau khi đã no nê. Serafina bay xuống và hạ cánh trước mắt một người phụ nữ đang ngồi trên bãi cỏ, một người phụ nữ trông khỏe mạnh và rắn rỏi với đôi má đỏ và mái tóc bóng loáng.

“Cô à?” Serafina hỏi. Nhưng không có sự đáp lại. “Cô có nghe thấy tôi nói không? Cô có thấy tôi không?”

Bà lắc vai người phụ nữ này với hi vọng chị sẽ nhìn lên. Chị ta toàn bộ vẫn không để ý, đôi mắt trống rỗng, khi Serafina cúi cổ tay, chị ta chỉ chậm chạp nhìn xuống rồi lại quay đi.

Những phù thủy đi giữa những chiếc xe kéo thừa thớt, họ nhìn những nạn nhân đã bị hút mất hết linh hồn. Trong lúc đó, những đứa trẻ cụp lại trên một ngọn đồi nhỏ, nhìn chằm chằm vào những phù thủy, thì thầm trong hãi sợ.

“Người đàn ông cưỡi ngựa đang nhìn đấy,” một phù thủy lên tiếng.

Cô chỉ ra một con đường dẫn tới một cái hang ở trên đồi. Người này đã chuồn vội khi gặp bọn Spectre, giờ ông ta kìm cương ngựa, quay lại để nhìn xem cái gì đang diễn ra.

“Chúng ta sẽ nói chuyện với anh ta,” Serafina nói rồi bật mạnh lên không khí.

Bất chấp cách cư xử của mình khi đối mặt với bọn Spectre, anh ta vốn không phải kẻ hèn nhát. Khi nhìn thấy những phù thủy lại gần, anh ta lấy súng sẵn trên lưng xuống, thúc ngựa đi lên phía bãi cỏ nơi anh ta có thể xoay chuyển, đối mặt với họ và bắn họ thuận tiện; nhưng Serafina chậm rãi đáp xuống và bỏ cây cung của mình ra rồi đặt nó xuống khoảng đất trước mặt.

Dù cho ở đây họ có những cử chỉ như vậy hay không, ý nghĩa của nó thật không thể nhầm lẫn được. Người đàn ông này hạ thấp súng từ vai xuống bụng. Anh ta nhìn Serafina, nhìn những phù thủy khác và nhìn cả nhân tình của bọn họ đang bay vòng tròn trên trời. Những người phụ nữ trẻ trung, dữ tợn, họ mặc những mảnh lụa màu đen và cưỡi trên những nhành thông bay trên bầu trời... chẳng có gì giống như thế giới của anh cả nhưng anh ta vẫn thận trọng đối mặt với họ. Serafina, tới gần hơn, bà nhìn thấy nỗi buồn trên gương mặt người đàn ông khỏe mạnh này. Thật khó bỏ qua hình ảnh anh ta quất ngựa chạy đi trong khi những người đồng hành của anh bị giết.

“Bà là ai?”

“Tên tôi là Serafina Pekkala. Tôi là nữ hoàng phù thủy của hồ Enara, ở một thế giới khác. Thế tên anh là gì?”

“Joachim Lorenz. Bà nói là phù thủy à? Vậy các bà có dính líu tới quỷ dữ chẳng?”

“Nếu chúng tôi đúng là như vậy thì chúng tôi có phải kẻ thù của anh không?”

Anh ta nghĩ một lúc rồi đặt khẩu súng xuống thấp hơn. “Trước đây thì có lẽ,” anh ta nói. “Thời gian đã thay đổi. Tại sao các bà lại tới đây?”

“Bởi vì thời gian đã thay đổi. Những sinh vật đã tấn công nhóm của anh là gì vậy?”

“À, lũ Spectre...” anh ta nhún vai nói với vẻ hơi ngạc nhiên. “Các bà không biết Spectre à?”

“Tôi chưa bao giờ nhìn thấy chúng ở thế giới của chúng tôi cả. Chúng tôi thấy anh chạy trốn

và chúng tôi không biết phải nghĩ như thế nào nữa. Bây giờ chúng tôi đã hiểu.”

“Không có gì có thể chống lại chúng đâu,” Joachim Lorenz nói. “Chỉ có trẻ con là không bị động tới. Cứ mỗi đoàn lũ hành thì lại có một người đàn ông và một người đàn bà cưỡi ngựa, đó là luật, và họ phải làm những gì chúng tôi đã làm không thì những đứa trẻ sẽ không có ai để chăm sóc. Nhưng bây giờ thì thật tồi tệ, cả thành phố tràn ngập Spectre. Nơi nào cũng có khoảng một tá Spectre hoặc hơn.”

Ruta Skadi nhìn quanh. Cô thấy một người cưỡi ngựa đang quay trở lại phía chiếc xe ngựa, cô lại gần xem và thật sự đó là một người phụ nữ. Những đứa trẻ chạy cả tới để gặp cô ta.

“Nhưng hãy nói với tôi các bà đang tìm kiếm cái gì vậy?” Joachim Lorenz tiếp tục. “Bà chưa trả lời tôi. Các bà không thể đến đây mà không có mục đích gì. Hãy trả lời tôi đi.”

“Chúng tôi đang tìm kiếm một đứa trẻ, một bé gái đến từ thế giới của chúng tôi. Tên của cô bé là Lyra Belacqua hay còn gọi là Lyra Lưỡi Bạc. Nhưng cô bé đang ở đâu đó trên cả cái thế giới này thì chúng tôi không thể đoán ra. Anh không nhìn thấy một đứa trẻ nào đi một mình à?”

“Không. Nhưng tôi thấy các thiên thần mấy đêm trước đang hướng về phía Cực.”

“Thiên thần?”

“Một đoàn quân bay trên không, họ đang tỏa sáng và được trang bị vũ khí. Trong những năm vừa qua thì họ không được biết đến nhiều lắm mặc dù vào thời đại của ông tôi họ thường xuyên bay qua thế giới này hay là ông tôi vẫn nói như vậy.”

Anh ta tối sầm mắt rồi nhìn xuống phía những chiếc xe ngựa nằm rải rác và những người lũ hành bất động. Người phụ nữ tháo dỡ chúng xuống đang an ủi vài đứa trẻ.

Serafina nhìn theo anh ta và nói, “Chúng tôi sẽ cắm trại cùng anh tối nay và canh phòng bọn Spectre, anh sẽ nói cho chúng tôi nhiều hơn nữa về thế giới này chứ, và cả những thiên thần mà anh đã nhìn thấy nữa?”

“Dĩ nhiên. Theo tôi.”

Những phù thủy giúp họ di chuyển những cái xe ngựa dọc theo con phố, qua cầu, tránh xa khỏi những cái cây mà Spectre đã ra từ đó. Những người lớn bị tấn công thì phải ở lại. Thật là đau đớn khi nhìn thấy những đứa trẻ nhỏ trèo lên lưng mẹ nhưng mẹ nó không thể đáp lại bằng sự âu yếm, có đứa lại kéo tay áo bố nhưng bố nó chẳng nói gì, chẳng nhìn vào cái gì, chẳng có gì trong mắt họ. Những đứa nhỏ hơn thì không hiểu nổi tại sao phải rời xa bố mẹ. Những đứa lớn hơn hẳn, một vài đứa đã bị mất bố mẹ, chúng đã từng chứng kiến cảnh này, chúng chỉ lặng thinh u buồn. Serafina bế đứa bé đã bị ngã xuống nước lên, nó vẫn đang khóc lóc nhoài qua vai bà đòi bố nhưng nó vẫn chỉ nhìn thấy một sinh vật lãnh đạm đứng đó. Serafina có thể thấy được nước mắt của đứa bé rơi trên đôi vai trần của mình.

Người phụ nữ mặc một chiếc quần túm bằng vải bạt và cưỡi ngựa giống như đàn ông, cô ta không nói gì với những phù thủy cả. Khuôn mặt cô ta thật lạnh lùng. Cô tiến đến phía bọn trẻ, nói với chúng bằng một giọng nghiêm túc sâu lắng, cố lờ đi nước mắt của bọn trẻ. Ánh chiều tràn ngập sắc vàng làm cho từng thứ trở lên rõ ràng hơn nhưng chẳng có gì rực sáng cả, và khuôn mặt của đàn ông, đàn bà và cả những đứa trẻ dường như trở nên bất diệt, mạnh mẽ và đẹp dễ.

Khi than đã rực hồng trong đồng lửa được quây quanh bằng đá, ngọn đồi như yên ả hơn dưới ánh trăng, Lorenz kể với Serafina lịch sử thế giới của anh ta.

Anh ta giải thích, trước đây nó cũng đã từng là một thế giới hạnh phúc. Những thành phố rộng rãi và lịch thiệp, ruộng vườn màu mỡ. Những con thuyền buôn chất hàng nặng trĩu đi tới đi lui trên đại dương xanh. Những người đánh cá kéo lên những mẻ lưới đầy cá tuyết, cá ngừ, cá voi lẫn cá đuối, rừng còn được làm chỗ vui chơi và không có đứa trẻ nào phải chịu đói cả. Trong những hội đồng và quảng trường của các thành phố lớn, những vị đại sứ hòa mình vào những người bán thuốc lá, với những nhà hát kịch ứng tác từ Bergamo, những thương gia thịnh vượng. Buổi tối những người yêu nhau đeo mặt nạ, gặp nhau dưới những hàng cây hoa hồng hay những khu vườn có ánh sáng nhân tạo, không khí như được pha thêm mùi hoa nhài và tiếng nhạc rộn ràng của đàn mandarine.

Những phù thủy mở to mắt lắng nghe câu chuyện của anh ta về một thế giới quá giống với thế giới của họ nhưng cũng thật quá đối khác.

“Nhưng rồi mọi thứ tệ đi,” anh ta nói. “Từ ba trăm năm trước một số người nhận ra Hội Torre degli Angeli của các nhà hiền triết, Tháp Thiên thần, trong thành phố chúng tôi ở đã rời đi, và họ chính là những người đáng bị trách móc. Những người khác thì nói đó là sự trừng phạt giành cho chúng tôi vì mắc phải một vài tội lỗi lớn, mặc dù tôi chưa từng được nghe bất cứ sự tán thành nào về việc định tội. Nhưng đột nhiên, bọn Spectre xuất hiện, không biết ở đâu ra và chúng tôi bị ám kể từ đó. Các bạn vừa nhìn thấy những gì chúng làm. Bây giờ các bạn thử tưởng tượng xem sống trong một thế giới có Spectre sẽ như thế nào. Làm sao mà chúng tôi có thể thịnh vượng nổi, khi mà chúng tôi không thể tin tưởng về bất cứ thứ gì tiếp diễn như thế này? Bất cứ lúc nào, một người cha, người mẹ có thể bị cướp đi, gia đình tan nát, một thương gia đã bị lấy đi linh hồn thì việc kinh doanh của anh ta cũng sẽ thất bại, tất cả thư ký, nhân viên của anh ta đều bị mất việc. Làm thế nào để những người yêu nhau có thể tin vào lời thề của họ? Tất cả niềm tin và đức hạnh trên thế giới này đều bị sụp đổ khi mà bọn chúng tới.”

“Những nhà hiền triết đó là ai?” Serafina hỏi. “Và cái tháp mà anh nói đến nằm ở đâu?”

“Ở thành phố mà chúng tôi đã bỏ đi—Cittagazze. Thành phố của những kẻ ba hoa. Bà biết tại sao nó bị gọi như vậy không? Vì những kẻ ba hoa thì ăn trộm, và đó là tất cả những gì mà chúng tôi có thể làm bây giờ. Chúng tôi chẳng tạo ra cái gì cả, đã hàng trăm năm rồi, chúng tôi có xây được cái gì đâu, tất cả những gì chúng tôi có thể làm là ăn cắp từ thế giới khác. Ô, phải, chúng tôi biết về những thế giới khác. Những nhà hiền triết từ Torre degli Angeli đã khám phá ra tất cả những gì chúng tôi cần biết về chuyện đó. Họ có một câu thần chú, nếu bà đọc nó ra, nó sẽ cho phép bà đi qua một cánh cửa không phải ở đây và bà sẽ thấy mình đang ở một thế giới khác. Một số người nói đó không phải là câu thần chú mà là chìa khóa để mở mặc dù không có một ổ khóa nào. Ai biết nhỉ? Bất kể nó là cái gì nó cũng đã để cho bọn Spectre tràn vào. Những nhà hiền triết vẫn sử dụng nó, tôi biết. Họ đã đi sang thế giới khác, ăn cắp từ thế giới đó và mang về đây những thứ họ tìm thấy. Vàng và đá quý, dĩ nhiên, nhưng có cả những thứ khác nữa, những ý tưởng, những bao ngũ cốc, bút chì. Đó là nguồn gốc của tất cả của cải của chúng tôi,” anh ta nói thật cay đắng, “đó là cái Hội trộm cắp.”

“Thế tại sao Spectre lại không làm hại trẻ con?” Ruta Skadi hỏi.

“Đó là một điều bí ẩn lớn nhất. Về ngày thơ của bọn trẻ có sức mạnh đẩy lùi được sự lãnh đạm của bọn Spectre. Nhưng còn hơn thế. Đơn giản là trẻ con không nhìn thấy chúng, mặc dù chúng tôi cũng không hiểu tại sao. Nhưng những đứa bé mồ côi do Spectre gây ra rất nhiều. Các bà có thể hình dung—những đứa trẻ bị cướp mất bố mẹ; chúng tụ tập thành một nhóm, lang thang trên khắp đất nước, thỉnh thoảng chúng còn thuê mướn nhau ra ngoài tới chỗ người lớn để tìm thức ăn và đồ tiếp tế trong vùng Spectre hoành hành, và thỉnh thoảng thì chúng chỉ đơn giản lượn lờ và bới móc.

“Đó là thế giới của chúng tôi. Ờ, chúng tôi cố gắng xoay xở để sống với lời nguyện này.

Chúng là lũ kí sinh chính hiệu: chúng không giết chết thân xác vật chủ mặc dù đã hút hầu như cạn kiệt sinh mạng của họ. Nhưng vẫn có một sự cân bằng nhất định... cho đến gần đây, lúc xuất hiện cơn bão khủng khiếp. Quả đúng là một cơn bão kinh hoàng! Nó nghe như là toàn thể thế giới đang bị vỡ ra, bẻ vụn thành từng phần; chưa hề có một cơn bão nào như vậy trong trí nhớ của con người.

“Rồi có một đám sương mù kéo dài trong vài ngày, nó bao phủ từng phần của thế giới mà tôi biết, không ai có thể đi lại; khi đám sương tan thì thành phố này ngập tràn Spectre, một trăm nghìn con. Vì vậy chúng tôi chạy trốn lên đồi và ra biển, nhưng bất kể chúng tôi đi đâu cũng không thoát khỏi bọn chúng. Như những gì các bà đã tận mắt mục kích.

Bây giờ tới lượt bà. Nói cho tôi biết về thế giới của bà, tại sao các bà lại bỏ nơi đó tới đây.”

Serafina nói với anh ta tất cả sự thật mà bà biết. Anh ta là một người chân thật và không phải nói dối anh ta bất cứ điều gì. Anh ta lắng nghe, lắc đầu khi ngạc nhiên, rồi khi bà nói xong, anh ta mới nói:

“Tôi đã kể với bà rằng sức mạnh mà người ta nói những triết gia của chúng tôi có là mở ra một canh cửa tới thế giới khác. Một số người nghĩ là hiếm khi họ để cánh cửa mở, chỉ vì tính hay quên, tôi sẽ không ngạc nhiên nếu những người lũ hành từ thế giới khác dần dần sẽ tìm đến nơi này. Sau rốt thì, chúng tôi biết rằng những thiên thần cũng đã đi qua đây.”

“Thiên thần?” Serafina hỏi. “Khi nãy anh đã nhắc tới họ. Họ thật mới mẻ với chúng tôi. Anh có thể giải thích được không?”

“Bà muốn biết về thiên thần à?” Joachim Lorenz nói. “Tốt thôi. Họ tự đặt tên mình là bene elim, tôi nghe bảo thế. Cũng có người gọi họ là Thần canh giữ. Họ không phải dạng thể xác như chúng ta, mà là một kiểu linh hồn. Hoặc có lẽ thể xác của họ ở mức tinh tế hơn chúng ta, tôi cũng không biết nữa; nhưng họ không giống như chúng ta. Họ mang thông điệp từ bầu trời, đó là những gì họ gọi. Thỉnh thoảng chúng tôi có nhìn thấy họ đi qua thế giới này tới một thế giới khác, tỏa sáng như những con đom đóm ở trên cao.

Nếu màn đêm tĩnh lặng thì bà thậm chí còn nghe được cả tiếng vỗ cánh của họ ấy chứ. Họ có những mối quan tâm khác hẳn chúng ta, mặc dù vào những thời xa xưa họ đã từng hạ xuống và đi lại cùng những người đàn ông và phụ nữ, cũng có cả con với chúng ta, vài người nói thế.

“Và khi đám sương mù kéo đến, sau trận bão lớn, tôi bị đe dọa bởi lũ Spectre trên ngọn đồi phía sau thành phố Sant’Elia, trên đường trở về nhà. Tôi trú ở trong lều của người linh mục bên suối cạnh cây phong, suốt đêm đó, tôi nghe thấy tiếng gọi mình từ trên đám sương, kêu la, giận dữ và cả tiếng vỗ cánh nữa, gần như chưa bao giờ tôi được thấy; gần rạng sáng có tiếng vũ khí va chạm, có cả tiếng những mũi tên, tiếng những thanh gươm va vào nhau lạnh canh. Tôi không dám ra nhìn mặc dù rất tò mò. Vì tôi sợ. Tôi đã chết cứng trong khiếp hãi, nếu bà muốn biết. Khi bầu trời sáng chừng hơn nó đã từng trong suốt thời gian sương mù, tôi đánh bạo ra ngoài và nhìn thấy một dáng hình to lớn đang bị thương nằm cạnh suối. Tôi cảm thấy như thể mình không có quyền được nhìn thấy những điều thần thánh. Cho nên tôi đã ngoảnh đi và khi tôi quay đầu lại thì hình thù đó đã biến mất.”

“Đó là lần đầu tôi đến gần các thiên thần nhất. Nhưng như những gì tôi đã nói với các bà, chúng tôi nhìn thấy họ một đêm khác, ở trên cao giữa những vì sao đang hướng về Cực, giống như hạm đội hùng mạnh nhổ neo giông buồm... Điều gì đó đang xảy ra và ở dưới này, chúng tôi không biết như thế nào. Có thể có một cuộc chiến tranh đang xảy ra. Hàng nghìn năm trước, từ những thời đại xa xưa, có một cuộc chiến tranh xảy ra trên thiên đường, nhưng tôi không biết kết quả như thế nào. Nhưng sức tàn phá của nó thì thật là lớn, và hậu quả cho chúng tôi là... Tôi không tưởng tượng nổi.”

“Dù vậy,” Anh ta vừa khơi lửa vừa tiếp tục, “kết cục có lẽ sẽ khả quan hơn là những gì tôi lo ngại. Có thể một cuộc chiến tranh trên thiên đường sẽ quét hết bọn Spectre trở về cái hố mà chúng đã từ đó ra. Đó quả thật là một phúc lành, chao ôi! Chúng tôi sẽ được sống trong thanh bình và hạnh phúc đến nhường nào, không còn phải sợ hãi nữa!”

Dẫu cho Joarchim trông có thể là bất cứ thứ trừ hi vọng khi anh ta nhìn đắm đắm vào đồng lửa. Ánh lửa đu đưa trên khuôn mặt anh ta, nhưng nó không làm cho tâm trạng của anh ta khá lên mấy, trông anh ta thật buồn và khắc nghiệt.

Ruta Skadi nói, “Còn Cực nữa, thưa anh. Anh nói là thiên thần đang hướng tới Cực. Tại sao họ lại làm như vậy, anh biết không? Có phải thiên đường nằm ở đó?”

“Tôi không thể nói được. Tôi không phải là người có ăn học, cô có thể thấy rõ mà. Nhưng họ nói rằng phía Bắc ở thế giới của tôi là nơi ở của những tâm hồn. Nếu những thiên thần tập hợp lại, thì đó là nơi họ sẽ đi, và nếu họ định mở đợt tấn công trên thiên đường thì tôi dám nói rằng đó chính là nơi họ xây pháo đài và xông phá vòng vây.”

Khi anh ngẩng lên, những phù thủy dõi theo ánh mắt anh ta. Những ngôi sao ở thế giới này cũng giống như ở thế giới của họ: dải ngân hà tỏa sáng dưới vòm trời và vô số những ngôi sao sáng được rắc trên màn trời đen, như hòa với ánh trăng...

“Thưa anh,” Serafina nói. “Anh đã từng nghe về Bụi chưa?”

“Bụi á? Tôi đoán rằng cô có ý hỏi những thứ khác chứ không phải là bụi trên đường. Không, tôi chưa nghe bao giờ. Nhưng nhìn kìa! Một đoàn thiên thần...”

Anh ta chỉ vào chùm sao Ophiucus. Chắc chắn, có cái gì đó đang di chuyển qua, những đám màu sáng nhỏ xíu. Chúng không trôi lơ lửng; chúng đang bay có chủ đích như những đàn ngỗng hoặc thiên nga.

Ruta Skadi đứng dậy.

“Các chị em, đã đến lúc tôi phải chia tay các bạn. Tôi sẽ đi nói chuyện với những thiên thần đó, bất kể họ là ai. Nếu họ đi về hướng Ngài Asriel thì tôi sẽ đi cùng họ. Nếu không, tôi sẽ tự tìm thấy ông ta. Cảm ơn vì các bạn đã đi cùng tôi. Chúc thượng lộ bình an.”

Họ hôn tạm biệt, Ruta Skadi lấy nhanh thông mây và bay lên không khí. Con nhân tinh Sergi cũng bay bên cạnh cô.

“Chúng ta sẽ tăng tốc chứ?” nó hỏi.

“Tăng hết mức như những vật bay phát sáng phía Ophiucus. Họ bay nhanh lắm đấy, Sergi, chúng ta phải bắt kịp họ”.

Rồi cô cùng nhân tinh của mình vọt lên, nhanh như tia lửa vậy. Không khí quất vào những nhánh nhỏ trên nhánh thông và làm mái tóc đen của cô phất phới về phía sau. Cô không hề ngoái lại nhìn đồng lửa nơi có những đứa trẻ đang ngủ, nơi có những người bạn phù thủy đã đồng hành với mình. Phần đó trong chuyến hành trình của cô đã kết thúc, và, hơn nữa, những sinh vật phát sáng trên đầu cô nhìn từ xa rất nhỏ, nếu cô không dán mắt vào đó thì rất dễ nhầm với những vì sao trên trời.

Cứ như thế cô bay, không để mất dấu của những thiên thần, dần dần, khi cô lại gần hơn, thì cũng nhìn thấy họ rõ hơn.

Họ tỏa sáng không phải vì họ đang cháy mà giống như thể, bất kể họ ở đâu và bất kể đêm tối như thế nào, ánh sáng mặt trời vẫn đều tỏa sáng trên người họ. Trông họ giống con người nhưng có cánh và họ cao lớn hơn rất nhiều; vì họ đều không mặc quần áo nên cô phù thủy có thể nhận ra có ba người đàn ông và hai người đàn bà. Đôi cánh của họ lộ ra từ phía xương vai, lưng và ngực học cơ bắp cuộn cuộn. Ruta Skadi giữ khoảng cách đằng sau họ một quãng, quan sát và ước chừng sức mạnh của họ để đề phòng trường hợp cô phải chiến đấu chống lại họ. Họ không có vũ khí nhưng với sức mạnh của họ, họ có thể bay rất nhanh và có thể bỏ xa cô nếu có một cuộc đuổi bắt.

Lên sẵn cung, đề phòng bất trắc, cô phóng nhanh lên cạnh họ và gọi: “Hỡi những thiên thần! Hãy dừng lại và nghe tôi nói! Tôi là phù thủy Ruta Skadi và tôi muốn nói chuyện với các bạn!”

Họ quay lại. Những đôi cánh lớn vỗ vỗ hướng vào trong để bay chậm dần, người họ đu đưa xuống phía dưới cho đến khi họ đứng thẳng trên không khí, đôi cánh đập đập để giữ thăng bằng. Họ vây quanh cô, năm thân hình chiếu sáng trong màn đêm, họ sáng rực lên.

Cô phù thủy nhìn quanh, vẫn ngồi trên nhánh thông, tim cô đập mạnh trước những người lạ lùng này, nhân tính của cô cũng vỗ cánh ngồi gần cô.

Mỗi thiên thần rõ ràng là một cá thể riêng biệt, dẫu họ có vẻ rất giống nhau hơn bất kể người nào mà cô đã từng gặp. Họ cùng nhau tỏa sáng, bay nhanh như tên, thông minh và cảm giác tất cả những thứ đó đồng thời được quét lên người họ vậy. Họ không mặc quần áo nhưng cô lại cảm thấy mình như thể mới là người không mặc gì trước những con mắt của họ, những ánh mắt thật sắc và sâu.

Khi đã hết xấu hổ, cô quay lại đáp lại cái nhìn của họ, đầu ngẩng cao.

“VẬY, các bạn là thiên thần,” cô nói, “hay Người canh giữ, hay là bene elim. Các bạn đang đi đâu thế?”

“Chúng tôi đi theo một tiếng gọi,” một thiên thần nói. Cô không chắc là vị nào nói nữa.

“Tiếng gọi của ai?”

“Của một người.”

“Ngài Asriel?”

“Có thể.”

“Tại sao các bạn lại đi theo tiếng gọi của ông ấy?”

“Bởi vì chúng tôi thích thế,” một giọng nói đáp lại.

“VẬY thì bất kể ông ấy ở đâu, các bạn cũng có thể dẫn tôi tới chỗ của ông ấy,” cô ra lệnh cho họ.

Ruta Skadi đã bốn trăm mười sáu tuổi, với tất cả tự tôn và tri thức của một nữ hoàng phù thủy trưởng thành. Cô thông minh hơn bất cứ người sống ngắn ngủi nào, nhưng cô không hề có một ý nghĩ dù là nhỏ nhất nào về việc trông cô giống như một đứa trẻ ra sao bên cạnh những giống loài cổ xưa này. Cô cũng không biết nhận thức của họ trải rộng như những sợi tơ mảnh đến những vùng xa xôi hẻo lánh nhất trên vũ trụ, những vùng mà cô thậm chí chưa bao giờ mơ tới; hoặc biết rằng cô nhìn thấy họ dưới hình dạng người chỉ bởi vì mắt cô muốn vậy. Nếu cô

nhận thức được hình dạng thật sự của họ, thì họ sẽ có vẻ giống như tòa kiến trúc hơn là cơ thể, như những cấu trúc khổng lồ do trí tuệ và cảm xúc tạo lên.

Nhưng họ không mong đợi gì hơn: cô ta còn quá trẻ.

Ngay lập tức họ vỗ cánh bay dần lên cao, cô cũng lao vút lên cùng với họ, lướt trên những tiếng cánh vỗ lao xao trên không để thưởng thức tốc độ và sức mạnh như được thêm vào chuyển bay của cô.

Họ bay suốt đêm. Những vì sao trên đầu họ nhạt dần và biến mất khi ánh rạng đông bắt đầu hiện lên. Khi ánh sáng mặt trời xuất hiện, thế giới như bừng sáng, họ bay qua bầu trời xanh trong không khí trong lành, ngọt ngào và ẩm ướt.

Ban ngày những thiên thần ít bị nhìn thấy hơn mặc dầu dáng vẻ lạ lùng của họ là rất rõ ràng. Ánh sáng mà Ruta Skadi nhìn thấy không phải là ánh sáng mặt trời đã bắt đầu chiếu lên đỉnh núi mà là ánh sáng từ nơi nào đó.

Tràn đầy sinh lực, họ vẫn tiếp tục bay và cô cũng bay theo không biết mệt mỏi. Cô thấy vui sướng cực độ khi biết mình có thể ra lệnh cho những hình dạng bất tử này. Cô thấy niềm vui tràn ngập máu thịt của cô, trên nhành thông trầy xước mà cô cảm nhận được trên da mình, cả cơn đói lúc này và sự hiện diện của con nhân tình đáng yêu của cô; dưới mặt đất kia là tất cả sinh vật, từ cây cối đến muông thú; cô vui thích vì giống như họ, và vì biết rằng khi cô chết, da thịt cô sẽ nuôi dưỡng những cuộc sống khác như chúng đã từng nuôi dưỡng cô. Một niềm vui nữa là cô sẽ được gặp Asriel.

Một đêm nữa trôi qua, những thiên thần vẫn tiếp tục bay... Tầng khí đã thay đổi, không tốt hơn mà cũng không xấu hơn, Ruta Skadi biết rằng họ đã bay qua thế giới này đến một thế giới khác. Cô không thể đoán được điều gì sẽ xảy ra.

“Thiên thần à!” cô gọi khi cảm thấy sự thay đổi trong không khí. “Làm cách nào mà chúng ta đã rời khỏi thế giới mà tôi đã tìm ra các bạn? Đường biên giới ở đâu thế?”

“Có nhiều chỗ không thể nhìn thấy được trong không khí,” tiếng trả lời vọng tới. “Những cái cổng vào một thế giới khác. Chúng tôi có thể nhìn thấy chúng, nhưng cô thì không.”

Ruta Skadi không nhìn thấy những cái cổng, nhưng cô cũng không cần, phù thủy có thể định hướng tốt hơn là chim muông. Ngay khi những thiên thần nói, cô để ý tới ba đỉnh núi lởm chởm răng cưa ở phía dưới và cố nhớ chính xác hình dáng đó. Từ bây giờ, cô có thể tìm lại nó nếu cần, mặc cho những thiên thần này muốn nghĩ gì.

Họ bay cao hơn, đột nhiên, cô nghe thấy có giọng nói: “Ngài Asriel đang ở thế giới này, ông ấy đang xây một pháo đài...”

Họ bay chậm dần, rồi bay vòng quanh như những con đại bàng trên không trung. Ruta Skadi nhìn theo hướng một thiên thần đang chỉ. Những ánh sáng đầu tiên của một ngày đang le lói ở phía đông mặc dù những vì sao vẫn sáng lấp lánh trên bầu trời đen như nhung. Ánh sáng ngày một rõ hơn; một ngọn núi hùng vĩ nhô lên ở phía sau với những tảng đá đen có đỉnh nhọn hoắt, những phiến đá mỏng xen lẫn những đỉnh núi lởm chởm răng cưa cứ chồng đồng vào nhau như sau một thảm họa vũ trụ vậy. Nhưng ở đỉnh núi cao nhất, nơi đầu tiên đón nhận những tia nắng đầu tiên của mặt trời rạng rỡ lại đứng sừng sững một pháo đài có tường bao quanh làm bằng đá bazan, cao bằng một nửa ngọn đồi, chỉ có thể đo được nó bằng cách tính thời gian bay mà thôi.

Khi trời vẫn còn tối, dưới pháo đài khổng lồ là những ánh lửa bập bùng từ những lò luyện

kim, Ruta Skadi có thể nghe được cả những tiếng quai búa cách đó vài dặm và tiếng của những cối xay gió lớn. Từ mọi hướng, hướng nào cô cũng thấy những đôi cánh của các thiên thần đang bay tới, không chỉ có mỗi thiên thần mà còn có cả những chiếc máy nữa, những chiếc máy có cánh bằng thép đang lướt nhanh như những con chim hải âu lớn, những khoang kính nhỏ phía dưới lập lờ như cánh rỗng, những tiếng kêu o o của khí cầu zepolin giống những con ong nghệ khổng lồ—tất cả đang hướng tới pháo đài mà Ngài Asriel đang xây ở trên dãy núi ngay rìa thế giới.

“Ngài Asriel ở đó sao?”

“Đúng, ông ấy ở đó,” những thiên thần đáp.

“Vậy ta hãy bay đến gặp ông ấy. Các bạn hãy làm người hộ giá cho tôi.”

Họ tuân lệnh, rải rộng đôi cánh bay về phía pháo đài có viền vàng, với cô phù thủy háo hức bay đằng trước.

Chương 7: Chiếc Rolls-Royce

Lyra dậy sớm, cô thấy buổi sáng thật yên tĩnh và ấm áp như thể thành phố này chưa từng có mùa nào khác ngoài mùa hè yên ả này. Cô ra khỏi giường, xuống cầu thang, nghe thấy giọng những đứa trẻ con nô đùa dưới nước, cô ra ngoài xem chúng đang làm gì.

Ba đứa con trai và một đứa con gái đang té nước trên bến cảng tràn ngập ánh nắng, trên hai chiếc thuyền đập, chúng đua với nhau. Khi nhìn thấy Lyra, chúng chạy chậm lại nhưng rồi lại tiếp tục cuộc đua ngay. Thuyền thắng cuộc đâm thật mạnh vào đích đến nổi một đứa trẻ rơi tòm xuống nước, nó cố trèo lên chiếc thuyền khác và lật ngược nó lại rồi chúng lại té nước vào nhau như thể nỗi sợ hãi ngày hôm qua chưa hề xảy ra. Trông chúng nhỏ hơn những đứa Lyra đã nhìn thấy ở tháp, cô nghĩ lan man một lúc rồi cũng ra vui đùa cùng bọn trẻ, Pantalaimon biến thành con cá nhỏ màu bạc lấp lánh bên cạnh cô. Cô chưa bao giờ thấy mình khó nói chuyện với những đứa trẻ khác, vì vậy chỉ một lát sau, chúng đã tụ tập quanh cô bé, cùng ngồi trên những tảng đá bên hồ nước, ánh nắng mặt trời làm áo của cả lũ khô rất nhanh. Pantalaimon tội nghiệp lại phải bò vào túi áo của Lyra, nó biến thành con ếch ngồi trong túi áo bông ấm.

“Các bạn làm gì với con mèo thế?”

“Các bạn thật sự mang điềm gở đi chứ?”

“Các bạn từ đâu tới?”

“Bạn của bạn, cậu ta không sợ Spectre sao?”

“Will chẳng sợ cái gì cả. Mình cũng vậy. Các bạn sợ mèo à?” Lyra hỏi.

“Bạn không biết gì về mèo ư?” đứa lớn nhất hỏi vẻ hoài nghi. “Có ma quỷ trong lũ mèo. Bạn phải giết chết bất cứ con nào nhìn thấy. Chúng cắn bạn và sẽ mang ma quỷ vào người bạn. Mà bạn đã làm gì với con báo to lớn đó thế?”

Lyra nhận ra thằng bé đang nói đến Pantalaimon trong hình dạng báo lúc đó và cô lắc đầu

về vô tội.

“Mấy bạn ắt là đang mơ đấy,” cô nói. “Có đủ loại thứ trông khác đi dưới ánh trăng. Nhưng cả mình lẫn Will đều không biết nhiều về Spectre vì ở nơi của tụi mình không hề có chúng.”

“Nếu các bạn không nhìn thấy chúng thì các bạn an toàn,” một thằng bé nói, “nhưng nếu nhìn thấy chúng thì chúng có thể bắt bạn đi đấy. Bố tôi đã nói như vậy, sau đó chúng bắt bố đi. Đó là lúc bố gặp bọn chúng.”

“Bọn chúng đang ở đây, xung quanh chúng ta lúc này à?”

“Ừ,” đứa con gái vừa nói vừa đưa một tay ra và quờ quờ vào không khí rồi reo lên: “Tôi bắt được một con rồi!”

“Chúng không thể làm đau bạn được. Vì vậy chúng ta cũng không thể làm đau chúng.” Một đứa con trai nói.

“Luôn có Spectre ở thế giới này à?” Lyra hỏi.

“Ừa,” một đứa con trai nói, nhưng một đứa khác nói lại. “Không, chúng đến đây từ lâu rồi, từ hàng trăm năm trước.”

“Chúng tới là do Hội,” đứa thứ ba nói.

“Cái gì cơ?” Lyra hỏi lại.

“Không hề!” đứa con gái nói. “Bà tôi nói rằng chúng tới là vì người dân ở đây rất xấu xa và Chúa gửi chúng đến để trừng trị chúng ta.”

“Bà bạn chẳng biết gì cả,” một đứa con trai nói. “Bà bạn chẳng ra sao cả.”

“Hội là cái gì vậy?” Lyra tiếp tục hỏi.

“Bạn biết đấy Torre deli Angelia,” một đứa con trai nói. “Tháp đá, chính thế, chúng thuộc về Hội, và ở đó có một chỗ bí mật. Hội là những người đàn ông biết tất cả mọi thứ. Triết học, thuật giả kim, họ biết tất cả mọi thứ. Và họ chính là những người đã để cho bọn Spectre vào.”

“Đó không phải là sự thật, chúng tới từ những vì sao.” Một đứa khác cãi lại.

“Những người đàn ông đó đã hàng trăm tuổi, họ đã làm một số kim loại tách rời ra. Họ làm cho nó trở thành vàng. Họ cắt nó cho tới khi nó trở thành những mẫu nhỏ nhất có thể. Nhỏ đến nỗi bạn không thể nhìn thấy nó. Nhưng họ đã cắt được, phía trong những miếng nhỏ nhất có những con Spectre bị nhốt, xoắn và gấp lại thật chặt đến độ không có khoảng trống trong đó. Nhưng một lần họ cắt nó ra. Thật bực bực. Chúng chui ra và xuất hiện ở đây từ đó. Đó là những gì bố tôi nói.”

“Những người đó bây giờ còn ở trong tháp nữa không?” Lyra hỏi.

“Không! Họ cũng như những người khác, đã chạy trốn hết rồi.” Đứa con gái nói.

“Chẳng có ai ở trong tháp cả. Chỗ đó bị ám rồi. Đó là lý do mà con mèo chui ra từ đó. Và không có bất kì một đứa trẻ nào muốn vào đó. Thật đáng sợ.”

“Những người trong Hội chẳng ngăn bước vào đó đâu,” đứa khác nói.

“Họ có phép thuật đặc biệt hay thứ gì đó. Họ rất tham lam. Họ sống trên sự nghèo khổ của con người,” đứa con gái nói. “Người nghèo làm tất cả mọi việc và những người trong Hội chỉ sống ở đó thôi, chẳng vì cái gì cả.”

“Nhưng bây giờ không còn ai ở trong tháp nữa?” Lyra hỏi. “Không còn người lớn?”

“Không có lấy một người lớn tại thành phố này!”

“Họ không dám, là vậy đó.”

Nhưng Lyra đã nhìn thấy một người thanh niên trên đó. Cô tin vào điều đó. Có điều gì đó trong cách nói chuyện của bọn trẻ; cũng là một người chuyên nói dối, cô có thể nhận ra những kẻ lường gạt ngay khi gặp chúng, và bọn trẻ đang giấu cô điều gì đó.

Đột nhiên Lyra nhớ ra: điều mà cậu bé Paolo đã nhắc đến rằng cậu và chị gái Angelica có một người anh lớn Tullio cũng đang ở trong thành phố này, và khi đó Angelica đã bắt cậu bé phải im lặng... Liệu người thanh niên đó có phải anh chúng hay không?

Cô bé để những đứa trẻ tự cứu thuyền và đập thuyền quay lại bờ biển, cô vào nhà pha một ít cà phê và để xem liệu Will đã dậy chưa. Nhưng cậu vẫn đang ngủ còn con mèo cuộn tròn dưới chân cậu. Lyra đã rất nóng lòng muốn gặp lại học giả của mình; vì vậy cô viết cho Will mấy chữ, để trên sàn nhà rồi lấy cái ba lô và đi tới chỗ có ô cửa sổ.

Con đường cô đang đi dẫn tới một góc nhỏ mà cô và Will đã tới tối qua. Nhưng bây giờ nó thật trống trải. Ánh nắng mặt trời soi sáng tháp cổ và rọi sáng những nét chạm trổ ở phía bên cạnh lối cửa ra vào: hình một nhân vật giống như con người nhưng có đôi cánh gấp lại, những hình này đã bị ăn mòn do thời gian nhưng sự tĩnh mịch của nó lại biểu hiện sức mạnh của trí thông minh và lòng trắc ẩn.

“Thiên thần,” Pantalaimon trong hình dạng một con dế đậu trên vai Lyra nói.

“Có thể là Spectre,” Lyra hoài nghi.

“Không! Bọn trẻ kia đã nói rằng có gì đó *angeli* mà,” Pantalaimon khẳng định. “Cá đó là thiên thần.”

“Chúng ta vào chứ?”

Họ nhìn lên cánh cửa bằng gỗ sồi to lớn bản lề có màu mè cầu kỳ. Sáu bậc thềm bên trên đã bị mòn vẹt, và bản thân cánh cửa thì mở hé hé. Chẳng có gì có thể làm Lyra chùn bước ngoài trừ chính nỗi sợ hãi của cô.

Cô nhón bước từng bước một và nhìn qua cánh cửa mở. Tất cả những gì cô thấy là một đại sảnh lát đá tối màu; nhưng Pantalaimon đang đậu trên vai cô thoáng thấy lo âu giống như khi họ bị chơi xỏ cái sọ trong hầm mộ ở trường Jordan, nhưng bây giờ cô đã thông minh hơn. Đây là một nơi thật tồi tệ. Cô chạy ra khỏi nơi đó và hướng về đại lộ có những cây thông đang ngập tràn ánh nắng. Khi đã chắc chắn là không có ai để ý, cô đi thẳng qua ô cửa sổ tới Oxford của Will.

*

* *

Bốn mươi phút sau, cô đã lại ở trong tòa nhà, đang tranh cãi với người gác cổng, nhưng lúc này Lyra đã có được quân át chủ bài.

“Ông chỉ cần hỏi tiến sĩ Malone,” Lyra nói rất ngọt ngào. “Đó là toàn bộ việc ông phải làm, gọi cô ấy. Cô ấy sẽ nói cho ông biết.”

Người gác cổng quay sang chiếc điện thoại, Lyra quan sát với vẻ rất thông cảm khi ông bấm số điện thoại nói chuyện. Họ đã không cho ông ấy một chỗ ngồi chu đáo, ở trong Oxford thật thì có cả một cái quầy to bằng gỗ trông giống như là một cửa hàng vậy.

“Được rồi,” người gác cổng nói khi ông quay lại. “Cô ấy bảo cháu lên đi. Và cháu làm ơn đừng đi đâu cả.”

“Không, cháu sẽ không đi đâu đâu.” Lyra nói rất nghiêm trọng, một đứa bé gái ngoan đang làm những gì mà cô tiến sĩ bảo.

Khi đã đi đến bậc thang cuối cùng Lyra thật sửng sốt bởi cô vừa đi qua một cánh cửa có biểu tượng người phụ nữ ở trên, thì nó mở ra và tiến sĩ Malone lặng lẽ ra hiệu cho cô bé đi vào.

Lyra bước vào, bối rối. Đây không phải là phòng thí nghiệm mà là một phòng vệ sinh, và cô tiến sĩ đang có vẻ bần khoản.

Cô nói, “Lyra, có những người khác đang trong phòng thí nghiệm—sĩ quan cảnh sát hay đại loại thế. Họ biết cháu đã tới gặp cô ngày hôm qua—cô không biết họ đang truy tìm thứ gì, nhưng cô không thích nó. Có chuyện rồi sao?”

“Làm sao họ biết là cháu tới gặp cô nhỉ?”

“Cô không biết! Họ không biết tên cháu, nhưng cô biết họ ám chỉ ai—”

“À. Được thôi, cháu có thể nói dối họ mà. Cũng dễ.”

“Nhưng điều gì đang xảy ra vậy?”

Một giọng nữ vang lên từ phía hành lang bên ngoài: “Tiến sĩ Malone? Cô đã gặp đứa bé chưa?”

“Vâng,” tiến sĩ Malone đáp. “Tôi vừa mới chỉ cho cháu phòng vệ sinh ở đâu...”

Lyra nghĩ cô tiến sĩ chẳng cần phải lo lắng quá như vậy nhưng có lẽ cô ấy chưa quen với nguy hiểm.

Người phụ nữ ở hành lang có vẻ trẻ và ăn mặc rất sáng sủa, khi Lyra đi ra cô ta cố gắng nở một nụ cười với cô bé nhưng đôi mắt vẫn lưu lại vẻ nghiêm khắc và nghi ngờ.

“Chào cháu,” cô ta nói. “Cháu là Lyra, có phải không?”

“Vâng, thế tên cô là gì ạ?”

“Tôi là Sergeant Clifford. Cháu vào đi.”

Lyra nghĩ người phụ nữ này có vẻ trơ tráo, cô ta cư xử như thể đó chính là phòng thí nghiệm của mình vậy, nhưng cô vẫn gật đầu ngoan ngoãn. Đó cũng là lúc đột nhiên cô thấy mình chột nhối lên vì hối tiếc. Cô biết đáng nhẽ mình không nên ở đây, cô đã biết Chân-kế muốn mình

làm cái gì và chắc chắn là không phải điều này. Cô hoài nghi đứng trước lối ra vào.

Trong phòng, những người đàn ông to lớn với cặp lông mày màu trắng đã đứng sẵn ở đó. Lyra biết những Học giả thì trông như thế nào và không ai trong số hai người này là Học giả cả.

“Vào đi, Lyra,” Sergeant Clifford nói. “Ồn thôi mà, đây là thanh tra viên Walters.”

“Chào cháu Lyra,” người đàn ông nói. “Tôi đã được cô Malone đây kể cho nghe tất cả về cháu. Tôi rất vui được gặp cháu và hỏi cháu một vài câu nếu có thể.”

“Loại câu hỏi gì ạ?” Lyra hỏi lại.

“Không có gì khó khăn lắm đâu,” ông ta vừa nói vừa mỉm cười. “Hãy vào và ngồi xuống đây Lyra.”

Ông ta đẩy một cái ghế về phía cô bé. Lyra thận trọng ngồi xuống, cô nghe thấy tiếng cánh cửa tự đóng sập lại. Tiến sĩ Malone đang đứng gần đó. Pantalaimon trong hình dạng một con dế ở trong túi áo ngực của cô bé đang rất băn khoăn: Lyra có thể thấy nó dựa vào ngực cô và hi vọng sự run rẩy của nó sẽ không bị ai phát hiện. Cô bé nghĩ cách để cho con nhân tình bình tĩnh lại.

“Cháu từ đâu tới hả Lyra?” Thanh tra Walters hỏi.

Nếu cô bé nói là Oxford thì họ sẽ dễ dàng kiểm tra. Nhưng cô bé không thể nói rằng mình đến từ một thế giới khác được, những người này quá nguy hiểm; trong một lúc họ muốn biết quá nhiều thứ. Cô bé nghĩ ngay đến cái tên duy nhất mà cô biết ở thế giới này: nơi mà Will đã từ đó tới.

“Winchester,” cô bé nói.

“Cháu vừa mới đánh nhau phải không hả Lyra?” người thanh tra viên hỏi. “Làm sao mà cháu lại bị thâm tím thế kia? Có một vết thâm trên má cháu và một vết khác ở chân—có phải ai đó đã làm cháu bị ngã phải không?”

“Không,” Lyra nói.

“Cháu có tới trường chứ, Lyra?”

“Vâng, thỉnh thoảng,” cô bé thêm vào.

“Hôm nay cháu không phải đến trường sao?”

Cô bé không nói gì. Mỗi lúc cô lại cảm thấy chẳng dễ dàng chút nào. Cô nhìn về phía tiến sĩ Malone, khuôn mặt cô ấy đang rất buồn rầu.

“Cháu chỉ tới để gặp tiến sĩ Malone thôi,” Lyra nói.

“Cháu đang ở Oxford phải không, Lyra? Cháu đang ở đâu?”

“Cháu ở với người ta,” cô bé trả lời. “Bạn bè thôi.”

“Địa chỉ của họ?”

“Cháu không biết chính xác nó gọi là gì. Cháu có thể tìm ra nó dễ dàng, nhưng cháu không

nhớ tên của con phố.”

“Những người cháu ở cùng là ai?”

“Bà bè của bố cháu,” Lyra nói.

“À tôi biết rồi. Cháu tìm thấy tiến sĩ Malone bằng cách nào?”

“Bố cháu là một nhà vật lý nên bố cháu biết cô ấy.”

Mọi thứ đang diễn tiến dễ dàng hơn nhiều, cô nghĩ. Cô bắt đầu thư giãn và nói dối thậm chí còn trôi chảy hơn.

“Cô Malone đã chỉ cho cháu thấy cô ấy đang làm gì phải không?”

“Ừm, máy móc với cái màn hình... Vâng, tất cả cái đó.”

“Cháu quan tâm đến mấy thứ đó à? Khoa học và các thứ đại loại?”

“Vâng, đặc biệt là vật lý ạ.”

Những câu hỏi kiểu như thế này xứng đáng bị một cái nhìn chăm chăm. Ông ta không bối rối. Con mắt xanh xám của ông ta nhìn người phụ nữ trẻ thật nhanh rồi lại nhìn Lyra.

“Cháu có ngạc nhiên trước những việc mà tiến sĩ Malone đã chỉ cho cháu không?”

“Có, một phần nào đó, nhưng cháu biết mình cần cái gì.”

“Vì bố cháu à?”

“Vâng, bố cháu cũng đang làm những công việc tương tự.”

“Chắc chắn rồi. Cháu có hiểu nó không?”

“Một ít thôi ạ.”

“Bố của cháu cũng đang nghiên cứu vật chất tối à?”

“Vâng.”

“Ông ấy đã đi xa được như tiến sĩ Malone chưa?”

“Không phải cách đó. Bố cháu có thể làm một số thứ tốt hơn, nhưng máy móc có chữ hiện ra trên màn hình thì bố cháu chưa hề có.”

“Thế Will cũng ở cùng những người bạn của cháu chứ?”

“Vâng, cậu ấy—”

Cô bé dừng lại. Ngay lúc đó, cô nhận ra mình đã phạm phải một lỗi lầm khủng khiếp.

Họ cũng vậy, họ chạy ra cửa để chặn cô bé lại nhưng tiến sĩ Malone đã đứng trước cửa, viên trung sĩ chạy tới và bị ngã, làm cản trở lối đi của lão thanh tra. Vậy là Lyra có thêm thời gian để chạy ra, rồi đóng sầm cửa trước mặt lão thanh tra đang ở phía sau, cô nghiêng người chạy

xuống cầu thang.

Hai người đàn ông mặc áo choàng trắng hiện ra trước cửa, cô đâm sầm vào họ và đột nhiên Pantalaimon biến thành một con quạ, nó rúc ầm lên và vỗ cánh làm cho họ sững sờ ngã nhào về phía sau. Cô thoát ra nhảy xuống những bậc thang cuối cùng, nhảy bổ vào người gác cổng đang đặt ống nghe điện thoại xuống, ông ta kéo lê phía sau quây và gọi với ra: “Ơ! Đứng lại! Con bé này!”

Nhưng cái nắp cửa rơi đè lên ông đã cản trở ông, và cô phải xoay cánh cửa trước khi ông ta có thể chạy ra bắt cô.

Phía sau cô, cầu thang máy đang mở và một người đàn ông có mái tóc xám đang chạy ra thật nhanh và thật khỏe...

Cánh cửa vẫn không nhúc nhích! Pantalaimon nấp trong người cô: họ đã đi sai đường.

Cô hét lên và xoay người một vòng, quăng mạnh trọng lượng ít ỏi toàn thân của cô vào tấm kính nặng nề, mong mỗi nó sẽ xoay ra, và cuối cùng nó bật mở đúng lúc tránh cú chụp của ông gác cổng, chặn mất đường chạy của người đàn ông tóc xám, vậy nên Lyra có thể vù nhanh ra và chạy biến trước khi họ qua được cửa.

Cô chạy qua phố, mặc cho những chiếc ô tô, phanh xe, tiếng bánh xe rít lên; qua lỗ hổng giữa hai tòa nhà cao, rồi lại một con phố khác, ô tô đi tới từ cả hai phía. Nhưng đầu cô có nhanh nhẹn, lắt léo, thì người đàn ông có mái tóc xám vẫn luôn bám sát sau cô—ồ, ông ta đáng gờm thật!

Trong vườn, qua hàng rào, qua mấy bụi cây, chim én Pantalaimon bay là là trên đầu, chỉ cho cô đường để đi; khi thấy tiếng chân người đàn ông đó chạy ngay phía sau, cô thu mình xuống, núp sau kho than dưới hầm tàu, cô không nghe thấy tiếng ông ta thở hổn hển. Ông ta thật nhanh và khỏe. Pantalaimon nói “Quay lại ngay! Trở lại con đường—”

Cô bò ra khỏi chỗ ẩn nấp của mình chạy băng qua bãi cỏ, qua cổng dẫn vào vườn, cô chạy lại chỗ con đường Banbury, lại lườn lách, lại những tiếng phanh xe rít lên; và rồi cô chạy lên khu vườn Norham, con đường yên lặng với những hàng cây và ngôi nhà cao kiểu Victoria gần công viên.

Cô dừng lại để thở. Có một hàng rào cao phía trước một khu vườn, phía chân hàng rào có một bức tường thấp, cô nấp vào phía dưới cây thủy tạ.

“Cô ấy đã giúp tụi mình!” Pantalaimon nói. “Tiến sĩ Malone đang cản đường họ. Cô ấy đứng về phía tụi mình chứ không phải bọn họ.”

“Pan à, lẽ ra mình không nên nói về Will—mình đáng lý phải cẩn thận hơn—”

“Không nên tới luôn ấy,” nó nghiêm trang nói.

“Mình biết. Cả chuyện đó nữa...”

Nhưng cô bé thậm chí còn không có thời gian để thở bởi vì Pantalaimon đang vỗ cánh trên vai cô và nói: “Coi chừng—phía sau—” rồi ngay lập tức nó biến thành một con dế và chui tọt vào túi Lyra.

Cô đứng dậy sẵn sàng chạy, rồi đột nhiên cô thấy một chiếc ô tô đen màu xanh to đang đậu trên vỉa hè bên cạnh mình. Cô cũng đang sẵn sàng chạy về hướng đó, nhưng cánh cửa sau của ô

tô mở ra và một khuôn mặt quen quen mà cô nhận ra ló ra ngoài.

“Lizzie,” ông lão ở viện bảo tàng gọi. “Thật vui vì được gặp lại cháu. Ta có đưa cháu một chuyến đâu đó không?”

Ông ta mở cửa xe ra và ngồi xích vào trong để lấy chỗ cho cô bé. Qua lớp vải bằng cotton mỏng, Pantalaimon cắn vào ngực cô, nhưng cô vẫn bước lên ngay tắp lự, giữ chặt lấy chiếc ba lô, và ông lão vòng qua người cô để đóng cửa xe lại.

“Trông cháu như thể rất vội,” ông ta nói. “Cháu muốn đi đâu bây giờ?”

“Tới Summertown,” cô nói, “làm ơn đi ạ.”

Người lái xe đội một chiếc mũ lưỡi trai. Tất cả những điều có thể nói về chiếc xe là êm ái, mềm mại và rất khỏe, mùi nước hoa cô-lô-nhơ của người đàn ông đó tỏa ra nồng nặc. Từ chỗ này, chiếc xe lăn bánh mà không gây bất cứ một tiếng động nào.

“Thế cháu tới đó để làm gì hả Lizzie?” ông lão hỏi. “Cháu đã biết thêm điều gì về những chiếc sọ à?”

“Vâng,” cô bé vừa nói vừa ngoái lại nhìn qua ô cửa sổ. Không nhìn thấy dấu vết nào của người đàn ông đó đang đuổi theo mình cả. Mình đã trốn thoát. Ông ta sẽ không bao giờ tìm thấy mình và bây giờ mình đang an toàn trong một chiếc xe của một người đàn ông giàu có như thế này. Cô cảm thấy có chút chiến thắng trong lòng.

“Ta cũng làm một số điều tra,” ông ta nói. “Một nhà nhân chủng học, bạn của ta vừa kể rằng anh ta có một vài thứ trong bộ sưu tập của mình, giống như là đang triển lãm. Một vài trong số đó có tuổi rất cao. Ở Neanderthal, cháu biết đấy.”

“Vâng, cháu cũng được nghe bảo thế,” Lyra nói mà không hề biết ông ta đang nói gì.

“Thế còn bạn của cháu thì sao?”

“Bạn nào cơ ạ?” Lyra cảnh giác. Liệu mình đã nói với ông ta về Will chưa nhỉ?

“Người bạn mà cháu ở cùng ấy.”

“Vâng cô ấy rất khỏe, cảm ơn bác.”

“Cô ấy làm gì? Cô ấy là một nhà khảo cổ à?”

“À... cô ấy là một nhà vật lý. Cô ấy nghiên cứu vật chất tối,” Lyra nói mà hoàn toàn không kiểm soát được. Cô cảm thấy có điều gì đó lo lắng trong lòng; ông lão này khá quen thuộc theo một cách lạ lẫm xa xăm nào đó, và cô vẫn không nhớ ra được.

“Vật chất tối à? Thật thú vị! Bác đã nhìn thấy một vài điều trên tờ Times sáng nay. Vũ trụ này đang đầy những thứ huyền bí mà không ai biết nó là cái gì. Bạn của cháu đang lần theo nó, có phải không?”

“Vâng, cô ấy biết rất nhiều về điều đó.”

“Cháu sẽ làm gì sau này hả Lizzie? Cháu cũng sẽ theo ngành vật lý học luôn chứ?”

“Có thể. Còn tùy thuộc...”

Người tài xế khẽ ho và lái xe chậm lại.

“Ồ... dừng xe gần cái cửa hàng kia ạ... cháu có thể đi bộ tới đó.” Lyra nói. “Cháu cảm ơn.”

“Hãy rẽ trái tới Nam Parade, ông có thể đỗ xe xuống phía bên phải được không hả Alan,” ông ta nói với tài xế của mình.

“Vâng thưa ông.” người tài xế đáp lại.

Một phút sau, chiếc ô tô đậu phía bên ngoài thư viện. Ông lão giữ cánh cửa mở bên phía ông ngồi, Lyra phải trèo qua đầu gối ông mới ra ngoài được. Chiếc xe rất rộng nhưng có gì đó thật bất tiện và cô không muốn động vào người ông ta mặc dù ông ta có vẻ tốt.

“Đừng quên cái ba lô,” ông ta vừa nói vừa trao nó cho cô bé.

“Cảm ơn bác.” Lyra nói.

“Bác hi vọng được gặp lại cháu, Lizzie ạ. Hãy gửi lời hỏi thăm của bác tới bạn cháu.”

“Tạm biệt bác.” Lyra vẫn còn nấn ná trên vỉa hè cho đến khi chiếc xe đã rẽ vào góc phố và biến mất rồi mới đi về phía những cây thông. Cô bé lại nghĩ về người đàn ông có mái tóc nhạt màu và cô muốn hỏi Chân-kế.

*

* *

Will đang đọc lại những bức thư của bố. Cậu ngồi trên sân thượng, vừa lắng nghe những đứa trẻ đang ngụp lặn phía bên cảng vừa đọc những chữ viết tay trên tờ giấy viết thư mỏng, cậu cố gắng mừng tượng ra bố từ nét chữ, và nhìn đi nhìn lại vào những chỗ nhắc đến mình.

Nghe thấy tiếng bước chân Lyra dưới đường, cậu liền cất hết thư vào túi và đứng dậy, hầu như vừa kịp lúc cô bé đã ở trước mặt cậu, mắt mở to, còn Pantalaimon thì nhe răng ra như một con mèo hoang đang quá tức giận đến mức không thể giấu nổi. Cô bé này hiếm khi khóc mà bây giờ cũng nổi xung lên, ngực cô thốn thức, răng nghiến chặt, cô chạy vụt vào, nắm lấy tay Will và khóc, “Giết chết lão! Giết lão đi! Mình muốn lão phải chết! Ước gì Iorek ở đây! Ôi, Will, mình đã làm sai rồi, mình xin lỗi bạn...”

“Cái gì? Có việc gì vậy?”

“Lão già đó—lão ta chẳng là gì ngoài một tên trộm thấp hèn cả. Lão ta đã ăn trộm *nó*, Will! Lão trộm mất chiếc Chân-kế của mình rồi! Lão già chết tiệt trong bộ quần áo đắt tiền và gã người hầu lái xe đó. Ôi, sáng nay mình đã làm hỏng mọi thứ—ôi, mình—”

Cô bé thốn thức và thật xúc động đến nỗi Will thấy tim mình như bị vỡ ra, tim cô bé lúc này cũng đang muốn vỡ ra, cô ngã xuống đất, la hét và rùng mình, Pantalaimon biến thành một con sói tru lên những hồi cay đắng.

Lũ trẻ con đang ở dưới nước cũng ngẩng cả lên xem có chuyện gì đang xảy ra. Will ngồi bên cạnh cô và lắc lắc vai cô.

“Dừng lại! Không khóc nữa! Hãy kể cho tớ lại từ đầu nào. Lão già đó là ai? Chuyện gì đã xảy ra?”

“Bạn sẽ rất giận đấy. Mình *đã hứa* là mình sẽ không phản bội bạn, mình đã hứa như vậy, và rồi...” Cô bé thốn thức còn Pantalaimon biến thành một con chó vụng về có đôi tai cụp xuống và cái đuôi ngoe nguẩy, nó vụng về mình tỏ vẻ rất nhục nhĩ; Will hiểu rằng Lyra đã làm việc gì đó mà cô bé rất xấu hổ không muốn nói với cậu, cậu bèn nói chuyện với con nhân tinh.

“Điều gì *đã xảy ra*? Hãy nói cho tôi biết đi,” cậu hỏi.

Pantalaimon nói, “Chúng tôi tới gặp nhà Học giả, nhưng ở đó còn có cả những người khác—một người đàn ông và một phụ nữ—họ lừa chúng tôi. Họ hỏi rất nhiều câu hỏi và khi họ hỏi về bạn trước khi chúng tôi kịp dừng lại rằng chúng tôi biết bạn, sau đó chúng tôi bỏ chạy—”

Lyra dấu mặt vào bàn tay, gục mặt xuống vĩa hè, Pantalaimon xúc động, cứ nhấp nháy qua hết hình dạng này đến hình dạng khác: chó, chim, mèo, chồn ermine màu trắng.

“Người đàn ông đó trông như thế nào?” Will hỏi.

“To lớn,” giọng cô bé như nghẹt lại. “Khỏe mạnh và có đôi mắt màu xanh xám.”

“Thế ông ta có nhìn thấy bạn đi qua ô cửa sổ đó không?”

“Không, nhưng...”

“Thế là ông ta không biết chúng ta ở đâu.”

“Nhưng Chân-kế!” cô bé la lên, rồi buồn rầu ngồi xuống, khuôn mặt khổ sở trông như chiếc mặt nạ Hy Lạp vậy.

“Ừ, hãy nói về điều đó đi,” Will nói.

Xen lẫn những tiếng khóc thốn thức và tiếng nghiến răng kèn kẹt, cô kể lại những gì đã xảy ra: người đàn ông đã nhìn thấy cô sử dụng chiếc Chân-kế ở trong viện bảo tàng như thế nào ngày hôm trước và ông ta đã dừng xe lại như thế nào, cô nhảy vào xe và trốn thoát khỏi người đàn ông có mái tóc màu xám, cái xe ô tô đã đậu ở bên đường như thế nào, cô phải leo qua ông ta để ra ngoài như thế nào và ông ta đã nhanh nhẹn lấy chiếc Chân-kế của cô và trao chiếc ba lô cho cô...

Will có thể thấy Lyra đã thất vọng như thế nào, nhưng không hiểu tại sao cô lại cảm thấy tội lỗi đến như vậy. Rồi cô nói:

“Will, mình đã làm những việc thật tồi tệ. Vì Chân-kế đã nói với mình là đừng việc tìm kiếm Bụi đi và mình phải giúp bạn. Mình phải giúp bạn tìm được bố. Mình có thể, mình có thể đưa bạn tới bất cứ nơi nào bố bạn đang ở, nếu mình có nó. Nhưng mình đã không nghe. Mình chỉ làm theo những gì mình muốn và mình không nên...”

Cậu bé đã từng thấy cô dùng chiếc Chân-kế và nó có thể nói cho cô biết sự thật. Cậu quay lưng đi. Cô bé nắm chặt tay cậu, nhưng Will dứt tay ra và đi tới phía hồ nước. Những đứa trẻ đang chơi trên bến cảng. Lyra chạy theo Will, nói theo: “Mình xin lỗi bạn, Will à.”

“Xin lỗi để làm gì? Tớ có quan tâm cậu có xin lỗi hay không. Cậu đã làm việc đó.”

“Nhưng Will à, chúng ta phải giúp đỡ lẫn nhau, bạn và mình, bởi vì chẳng còn ai khác!”

“Tớ không biết làm cách nào cả.”

“Mình cũng không, nhưng...”

Cô bé bỏ dở câu nói, mắt cô đột nhiên sáng lên. Cô quay lại, lục trong ba lô của mình, bỏ những thứ linh tinh lên vỉa hè và lục cuống cả lên.

“Mình biết lão ta là ai rồi! Đây là nơi lão ta sống! Nhìn này!” cô nói, tay cầm một tấm danh thiếp mỏng màu trắng. “Lão ta đã đưa nó cho mình khi ở trong viện bảo tàng! Chúng ta sẽ đến đó và lấy lại!”

Will nhìn vào tấm danh thiếp và đọc:

NGÀI CHARLES LATROM, CBE

DINH THỰ LIMFIELD

OLD HEADINGTON

OXFORD

“Ông ta là một quý ngài,” Will nói. “Một hiệp sĩ có nghĩa là mọi người sẽ tin vào ông ta chứ không phải là tin vào cậu và tớ. Thế cậu muốn tớ phải làm gì đây? Gặp cảnh sát? Cảnh sát đang bám theo tớ! Hôm qua thì không nhưng giờ thì có đấy. Và nếu cậu đi, giờ họ đã biết cậu là ai, và họ biết là cậu biết tớ, như vậy cũng được việc chút nào.”

“Chúng ta có thể ăn trộm nó. Chúng ta có thể vào ngôi nhà đó và ăn trộm. Tôi biết Headington ở đâu rồi, cũng có một phố Headington ở Oxford của tôi. Không xa đâu. Chúng ta có thể đi bộ tới đó trong vòng một giờ, dễ mà.”

“Bạn thật ngớ ngẩn.”

“Iorek Byrnison có thể đi thẳng tới đó và xé toạc đầu của lão ta ra, tôi ước gì có anh ấy ở đây. Anh ấy—”

Nhưng rồi cô im bật, Will đang nhìn cô và cô cảm thấy run sợ. Cũng giống như cô run sợ khi con gấu mặc áo giáp nhìn cô. Nhưng trong mắt của Will có cái gì đó không giống như mắt của Iorek.

“Trong đời tôi chưa từng được nghe đến điều nào ngớ ngẩn đến như vậy. Bạn nghĩ là chúng ta có thể vào nhà ông ta, bò vào và lấy trộm nó đi sao? Bạn phải nghĩ chứ. Bạn phải sử dụng não của mình chứ? Ông ta có tất cả hệ thống chuông báo động và những thứ như vậy vì ông ta rất giàu, phải có chuông, những loại khóa đặc biệt và ánh sáng hồng ngoại, tất cả đều tự động—”

“Tôi chưa bao giờ nghe tới những thứ đó,” Lyra nói. “Ở thế giới của chúng tôi không có những thứ đó đâu. Will à, tôi không biết chúng.”

“Được rồi, hãy nghĩ về điều này: ông ta có cả một ngôi nhà để giấu nó, thế một tên trộm sẽ phải mất bao nhiêu thời gian để lục tìm từng ngăn kéo, từng ngăn tủ? Những gã tới nhà tôi đã phải mất hàng giờ để tìm quanh nhưng không bao giờ chúng thấy được thứ chúng đang tìm kiếm. Tôi cá là ông ta có cả một căn nhà lớn hơn ngôi nhà của chúng ta ở đây rất nhiều. An toàn nữa, chắc mềm là thế. Và thậm chí nếu chúng ta có vào được nhà thì chúng ta cũng không bao giờ kịp tìm nó trước khi cảnh sát tới đâu.”

Cô bé gục đầu xuống. Đó là sự thật.

“Thế chúng ta làm gì bây giờ?” cô bé hỏi.

Will không trả lời. Nhưng chắc chắn là *chúng ta* rồi. Bây giờ cậu đã bị trói buộc vào với cô, bất kể cậu có thích hay không.

Cậu đi về phía bờ hồ, trở lại sân thượng rồi quay lại phía bờ hồ. Cậu vỗ vỗ hai bàn tay vào nhau tìm câu trả lời, nhưng vẫn chưa có câu trả lời, cậu lắc lắc cái đầu giận dữ.

“Cứ... tới đó,” cậu nói. “Tới đó gặp ông ta. Nếu nhờ Học giả kia giúp thì không hay một tẹo nào, thậm chí cả khi cô ấy không ở cùng phe với cảnh sát. Cô ấy sẽ tin họ hơn là tin vào chúng ta. Ít nhất là chúng ta cũng vào nhà ông ta, chúng ta sẽ nhìn xem phòng chính ở đâu. Bước đầu thế đã.”

Không nói lời nào nữa, cậu bé đi vào trong và cất những bức thư vào dưới gối trong phòng ngủ. Nếu cậu có bị bắt thì họ cũng không bao giờ có được những bức thư này.

Lyra ngồi đợi trên bậc thang, Pantalaimon biến thành con sẻ đậu trên vai cô bé. Trông cô đã khá hơn.

“Chúng ta sẽ tới lấy lại được nó,” cô nói. “Mình có thể cảm nhận được điều này.”

Will chẳng nói gì. Họ đi về phía chiếc cửa sổ.

*

* *

Mất khoảng một tiếng rưỡi để đi bộ đến Headington. Lyra dẫn đường, cô tránh lối đi vào trung tâm, còn Will thì nhìn quanh và không nói gì cả. Đối với Lyra bây giờ còn khó khăn hơn rất nhiều so với khi ở Bắc Cực, trên đường tới Bolvangar vì lúc đó cô có những người Gypsy và Iorek Byrnison đi cùng, mặc dù vùng tiếp giáp Bắc Cực thì đầy rẫy những hiểm nguy, nhưng cô còn biết trước được hiểm nguy. Ở đây, một thành phố vừa là của mình nhưng lại không phải của mình, nguy hiểm có thể trông rất thân thiện và sự giả tạo thì lại rất ngọt ngào; và ngay cả nếu họ không giết cô hay chia cắt cô ra khỏi Pantalaimon, thì họ cũng đã trộm đi vật dẫn đường duy nhất của cô. Không có Chân-kế, cô chỉ là... một đứa bé gái, bị lạc.

Dinh thự Limefield là một ngôi nhà sơn màu vàng mật ong, một nửa trước của ngôi nhà phủ đầy cây eo Virginia. Một khu vườn được chăm sóc cẩn thận, một bụi cây ở một bên nhà và sỏi cát chứa vàng rắc đầy cửa chính. Chiếc Rolls Royce đậu bên trái ga-ra đôi. Mọi thứ Will nhìn thấy toát lên sự giàu có và quyền lực, nó được bố trí theo kiểu cách ưu việt hơn mà giới thượng lưu Anh quốc coi đó là điều hiển nhiên. Có điều gì đó về ngôi nhà này khiến rằng Will nghiến chặt lại, cậu không biết tại sao nhưng đột nhiên cậu nhớ ra một dịp khi cậu hãy còn rất nhỏ. Mẹ đã dẫn cậu tới một ngôi nhà chẳng khác nơi này tẹo nào; họ mặc những bộ quần áo và cậu phải cư xử khéo léo nhất, một ông lão và một bà lão đã làm cho mẹ cậu phải khóc, đến khi đã ra khỏi nhà, mẹ cậu vẫn còn khóc ròng....

Lyra thấy cậu thở gấp, cô bé xiết chặt cổ tay Will, cô đủ khôn ngoan để không hỏi tại sao; có điều gì đó đã gây ra cho cậu, không phải với cô. Liên sau đó cậu hít một hơi thật sâu.

“Ừm,” Will nói, “có lẽ phải thử xem.”

Cậu đi về phía đường xe chạy, Lyra đi theo ngay phía sau. Họ cảm thấy thật trống trải.

Cánh cửa có một dây chuông cũ kỹ giống y như ở thế giới của Lyra. Will không tìm ra nó cho đến khi cô bé chỉ cho cậu. Khi giật dây, một hồi chuông vang lên chói tay từ phía trong nhà.

Người ra mở cửa chính là lão tài xế hôm nọ chỉ khác là hôm nay lão ta không đội mũ. Lão ta nhìn Will trước rồi mới nhìn sang Lyra và biểu hiện của gã đã thay đổi đôi chút.

“Chúng cháu muốn gặp ngài Charles Latrom,” Will nói.

Hàm của cậu nhô ra giống như tối hôm qua cậu đã làm khi đối mặt với lũ trẻ ném đá cạnh tháp tối qua. Gã người hầu gật đầu.

“Đợi ở đây,” gã nói. “Tôi sẽ nói với ngài Charles.”

Gã đóng cửa lại. Đó là một cánh cửa bằng gỗ sồi cứng có hai khóa thật to một cái trên then còn một cái dưới cùng, Will nghĩ rằng không một tên trộm nào lại đi đường cửa chính của ngôi nhà này cả. Có một chuông báo động gắn ngay trước ngôi nhà, ở mỗi góc nhà lại có một đèn chiếu lớn; họ sẽ không bao giờ có thể lại gần nó, miễn bàn tới chuyện đột nhập vào.

Có tiếng bước chân vững chãi đi ra phía cửa, cánh cửa mở ra, Will nhìn lên khuôn mặt người đàn ông đã có quá nhiều mà còn muốn được nhiều hơn kia, và cậu bị bối rối bởi cái vẻ hào nhoáng, bình tĩnh, mạnh mẽ của lão ta, thay vì phải e dè hay xấu hổ.

Cảm giác Lyra ở bên cạnh mình đang mất bình tĩnh và cáu giận, Will nói thật nhanh, “Xin lỗi ông, nhưng Lyra nghĩ rằng khi cô bé đi nhờ xe của ông sáng nay, cô ấy đã vô tình để quên một vài thứ.”

“Lyra? Ta không biết Lyra nào cả. Quả là một cái tên khác thường. Ta chỉ biết một cô bé có tên là Lizzie. Thế cháu là ai?”

Tự nguyện rửa mình vì đã quên bég, cậu bé nói, “Cháu là anh trai cô bé, Mark.”

“Ta thấy rồi. Xin chào cháu, Lizzie, hay Lyra. Các cháu tốt hơn vào nhà đi đã.”

Ông ta đứng sang bên, cả Will và Lyra đều không mong muốn điều này, hai đứa trẻ bước vào vẻ rất ngập ngừng. Đại sảnh tối mờ mờ, có mùi sáp ong và cả mùi hoa nữa. Tất cả bề mặt đều được đánh bóng và sạch sẽ, những ngăn bằng gỗ gụ dựa vào tường chứa đầy đồ sứ. Will thấy người hầu của ông ta đang đứng ở ngoài sân như sẵn sàng đợi lệnh.

“Hãy vào phòng làm việc của ta,” Charles nói và ông giữ cho cánh cửa mở ra.

Ông ta thật tao nhã, lịch sự thậm chí còn hiếu khách, nhưng có gì đó trong cách cư xử của ông ta làm cho Will cảnh giác. Phòng làm việc của ông ta thật rộng rãi thoải mái, có cả chỗ hút thuốc lá, ghế bành bằng da, ở đây có rất nhiều giá sách, tranh ảnh, những chiến lợi phẩm thu được. Có khoảng ba hay bốn chiếc ngăn có kính đàng trước đựng những dụng cụ khoa học độc nhất – kính hiển vi bằng đồng thau, kính viễn vọng bọc da xanh lá, kính lục phân, la bàn; thật rõ ràng là tại sao ông ta lại muốn chiếc Chân-kế.

“Ngồi xuống đi,” ngài Charles nói rồi chỉ vào cái ghế sofa. Lão ta ngồi vào chiếc ghế đàng sau bàn làm việc và tiếp tục: “Thế các cháu đã nói gì nhỉ?”

“Ông đã ăn cắp—” Lyra bắt đầu nói về rất nóng nảy, nhưng khi Will nhìn cô, cô im bặt.

“Lyra nghĩ rằng cô ấy đã để quên thứ gì đó trong ô tô của ông,” Will nói lại lần nữa. “Chúng cháu tới để lấy lại nó.”

“Có phải các cháu nói vật này?” ông ta lấy ra một bọc vải nhung từ ngăn kéo trong bàn ra. Lyra đứng dậy. Nhưng lão ta cứ lơ cô bé đi và mở tấm vải trùm ra, chiếc Chân-kế nằm gọn trên tay lão.

“Phải!” Lyra bật ra, cô vồ lấy nó.

Nhưng lão ta đã kịp thu tay về. Cái bàn quá rộng nên cô không thể với tới được; trước khi cô có thể làm được việc gì, lão ta đã nhanh gọn đặt chiếc Chân-kế vào trong ngăn kéo, khóa nó lại và bỏ chìa khóa vào túi áo gi lê.

“Nhưng nó không phải là của cháu Lizzie ạ, à Lyra chứ, đó là tên cháu mà.”

“Của tôi! Đó là Chân-kế của tôi!”

Lão ta lắc đầu, và buồn bã như thể nếu lão tiếp cận cô bé một lần nữa thì đó sẽ là nỗi buồn cho lão, nhưng lão làm việc này là để tốt cho chính cô. “Tôi nghĩ là ở đây ít nhất cũng có sự nghi ngờ về vấn đề này,” lão nói.

“Nhưng nó là của cô ấy!” Will nói. “Thật đấy! Cô ấy đã chỉ cho cháu! Cháu biết nó là của cô ấy!”

“Cháu thấy đấy, ta nghĩ là cháu phải chứng minh điều này, còn ta, ta không phải chứng minh điều gì cả bởi vì nó thuộc về ta. Nó được thừa nhận là của ta, như mọi vật khác trong bộ sưu tập của ta. Ta phải nói rằng, Lyra, ta rất ngạc nhiên khi biết cháu thật dối trá—”

“Tôi không dối trá!” Lyra hét lên.

“Nhưng cháu đúng là vậy. Cháu đã nói tên cháu là Lizzie. Bây giờ ta biết không phải như vậy. Thẳng thắn mà nói, cháu không có hi vọng nào để thuyết phục mọi người rằng một vật đáng giá như vậy lại là của cháu. Ta sẽ cho cháu biết thế nào. Hãy gọi cảnh sát.”

Lão ta quay ra gọi gã người hầu.

“Không, đợi đã—” Will nói ngay trước khi ngài Charles có thể nói, nhưng Lyra đã chạy lại chỗ cái bàn, và Pantalaimon không biết từ đâu đã ở trên cánh tay cô bé, nó nhe cái răng của con mèo hoang ra và rít lên với lão già. Ngài Charles đáng kính chớp mắt trước sự xuất hiện đột ngột của con nhân tinh, nhưng hầu như lão chẳng ngăn chút nào.

“Ông thậm chí còn không biết mình đã ăn trộm cái gì đâu,” Lyra nổi điên. “Ông đã thấy tôi dùng nó, ông nghĩ là ông phải ăn trộm nó và ông đã ăn trộm. Nhưng ông—ông—ông còn tệ hơn cả mẹ của tôi. Chỉ ít bà ấy cũng biết nó rất quan trọng! ông chỉ để nó trong ngăn kéo và chẳng làm gì với nó cả! Ông phải chết! Nếu tôi có thể, tôi sẽ làm cho ai đó giết chết ông. Ông không đáng được sống trên đời này. Ông—”

Cô không thể thốt lên thêm. Tất cả những gì cô có thể làm bây giờ là phun đầy vào mặt lão những lời giận dữ, vậy nên cô đã làm vậy, với tất cả sức lực của cô.

Will vẫn ngồi đó quan sát, nhìn xung quanh, ghi nhớ lại vị trí mọi đồ đạc.

“Cô chưa bao giờ biết tự kiềm chế mình à?” lão nói. “Đi ra và ngồi xuống kia, đồ con ngốc bẩn thỉu.”

Lyra cảm thấy nước mắt mình rơi lã chã, cả người cô run bật lên, cô ngã vật xuống ghế sô

pha. Pantalaimon dựng đôi tai dày của nó lên, đứng ngay cạnh vạt áo của Lyra, mắt nó nhìn chăm chăm vào lão già.

Will ngồi im lặng bối rối. Ngài Charles có thể ném chúng ra khỏi nhà ngay ấy chứ. Nhưng không biết lão ta đang làm trò gì?

Cậu thấy có điều gì đó thật kì lạ mà cứ cậu nghĩ là mình đã tưởng tượng ra điều đó. Từ cổ ống tay áo màu trắng của ông ta, một con rắn màu xanh thò đầu ra. Cái lưỡi màu đen của nó liếm qua liếm lại, cái đầu có đôi mắt đen viền vàng của nó hết nhìn Lyra lại nhìn Will. Lyra đã quá tức giận để nhìn còn Will thì chỉ kịp nhìn một thoáng trước khi nó chui tọt vào cổ ống tay áo của lão ta, nhưng nó khiến mắt cậu mở to vì sốc.

Tới chiếc ghế bên cửa sổ, ông ta bình tĩnh ngồi xuống, xếp lại li áo đã bị nhàu.

“Ta nghĩ các cháu tốt hơn hết là phải nghe lời ta thay vì cư xử vô lễ như vậy. Các cháu không có sự lựa chọn nào nữa đâu. Vật đó là sở hữu của ta và nó sẽ vẫn ở đây. Ta muốn nó. Ta là một nhà sưu tầm. Các cháu có thể giận dữ, có thể dậm chân, có thể hét tùm thịch nhưng các cháu phải thuyết phục bất cứ ai tin vào các cháu, ta sẽ có hàng loạt giấy tờ để chứng minh là ta đã mua nó. Ta có thể làm điều đó quá dễ. Thế là các cháu không bao giờ lấy lại nó được.”

Cả đứa trẻ và lão đều im lặng. Lão ta vẫn chưa nói xong. Hơi thở chậm chậm của Lyra cho thấy rằng cô bé đang rất bối rối, cắn phồng thật im lặng.

“Tuy nhiên,” lão lại tiếp tục, “có một thứ mà ta còn muốn có hơn. Và ta lại không thể tự mình lấy được. Vì vậy, ta đã chuẩn bị thương lượng với các cháu. Các cháu đem về vật mà ta muốn và ta sẽ trả lại chiếc—cháu gọi nó là gì nhỉ?”

“Chân-kế,” Lyra nói bằng giọng khàn khàn.

“Chân-kế. Thật thú vị làm sao. Chân, sự thật—những biểu tượng này—ừm, ta đã hiểu.”

“Vật mà ông muốn là cái gì vậy?” Will nói. “Nó ở đâu?”

“Ở một nơi nào đó mà ta không thể đến được, nhưng các cháu thì có thể. Ta biết rất rõ các cháu đã tìm thấy được lối ra vào ở nơi nào đó. Ta cho rằng nó không xa Summertown, nơi ta đã thả Lizzie xuống sáng nay. Qua cánh cửa đó là một thế giới khác, một thế giới không có người lớn ở. Xa lắm không? Chà, cháu thấy đấy, người đàn ông đã tạo ra cánh cửa đó có một con dao. Ông ta hiện đang giấu nó trong một thế giới khác và ông ta cực kỳ lo sợ. Ông ta có lý do đấy. Nếu đúng như theo ta nghĩ thì ông ta đang ở trong một tòa tháp bằng đá, ở đó trên cánh cửa có trạm khắc hình những thiên thần. Đó chính là Hội Torre deli Angeli.

“Đó là nơi các cháu phải đi và ta không quan tâm các cháu tìm nó bằng cách nào, nhưng ta muốn con dao đó. Mang nó về cho ta và các cháu sẽ có Chân-kế. Ta sẽ rất buồn khi mất nó, nhưng ta là người biết giữ lời. Đó là những gì các cháu phải làm: mang con dao về cho ta.”

(còn tiếp)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>